

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

Quyển 1/2

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/05/2000 và thay đổi lần thứ 51 ngày 31/12/2024)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: ...24.../GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 23 tháng 01 năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày 23 / 01 / 2025 tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Địa chỉ: Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 6255 5660

Fax: +84 28 3810 9463

Website: www.masanconsumer.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3914 3588

Fax: +84 28 3914 3209

Website: www.vietcap.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Bà Đỗ Thị Hoàng Yến

Chức vụ: Người phụ trách quản trị và thư ký công ty

Số điện thoại: +84 90 999 1023

TP. Hồ Chí Minh, tháng 01, năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/05/2000 và thay đổi lần thứ 51 ngày 31/12/2024)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	326.811.643 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	3.268.116.430.000 (bằng chữ: Ba nghìn hai trăm sáu mươi tám tỷ một trăm mười sáu triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3914 3588 Fax: +84 28 3914 3209

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Sunwah, Số 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3821 9266

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	4
1.	Tổ chức phát hành	4
2.	Tổ chức tư vấn.....	4
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1.	Rủi ro kinh tế.....	5
2.	Rủi ro về luật pháp.....	10
3.	Rủi ro do đặc thù ngành.....	10
4.	Rủi ro của đợt chào bán.....	14
5.	Rủi ro pha loãng	14
6.	Rủi ro quản trị công ty.....	16
7.	Rủi ro khác.....	17
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT.....	18
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	19
1.	Giới thiệu về tổ chức phát hành.....	19
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	21
3.	Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	24
4.	Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	25
5.	Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối tại ngày 31/12/2024	28
6.	Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty.....	40
7.	Thông tin khác về khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác trong năm 2022, 2023, 2024	46
8.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	46
9.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	47
10.	Hoạt động kinh doanh.....	47
11.	Chính sách đối với người lao động.....	94
12.	Chính sách cổ tức.....	96
13.	Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	97
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	98
15.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	98
16.	Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	99
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	100
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh.....	100
2.	Tình hình tài chính.....	103
3.	Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty.....	113

4.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	114
VI.	THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	116
1.	Thông tin về cổ đông sáng lập.....	116
2.	Thông tin về cổ đông lớn.....	116
3.	Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng.....	119
VII.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	145
1.	Loại cổ phiếu.....	145
2.	Mệnh giá cổ phiếu.....	145
3.	Tổng số lượng cổ phiếu chào bán.....	145
4.	Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá.....	145
5.	Giá chào bán.....	145
6.	Phương pháp tính giá.....	145
7.	Phương thức phân phối.....	145
8.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	146
9.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	146
10.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	147
11.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	147
12.	Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	148
13.	Các loại thuế có liên quan đến cổ phiếu chào bán.....	148
14.	Thông tin về các cam kết.....	149
VIII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	150
IX.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	151
X.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN.....	158
1.	Tổ chức tư vấn.....	158
2.	Tổ chức kiểm toán.....	158
XI.	CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	159
XII.	PHỤ LỤC.....	159

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Ông Danny Le	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Trương Công Thắng	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Việt Thăng	Chức vụ: Giám đốc Tài chính
Bà Phan Thị Thúy Hoa	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà Nguyễn Thu Hiền	Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Đại diện theo pháp luật: Ông Tô Hải Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 07/2024/HĐ-IB.Vietcap ngày 14 tháng 10 năm 2024 với Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan cung cấp.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

CTCP Hàng tiêu dùng Masan được thành lập với mục tiêu trở thành một trong những công ty hàng tiêu dùng lớn nhất Việt Nam, sản xuất kinh doanh các sản phẩm thuộc nhóm hàng thực phẩm tiện lợi như mì ăn liền, gia vị, đồ uống, v.v. Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

1. Rủi ro kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

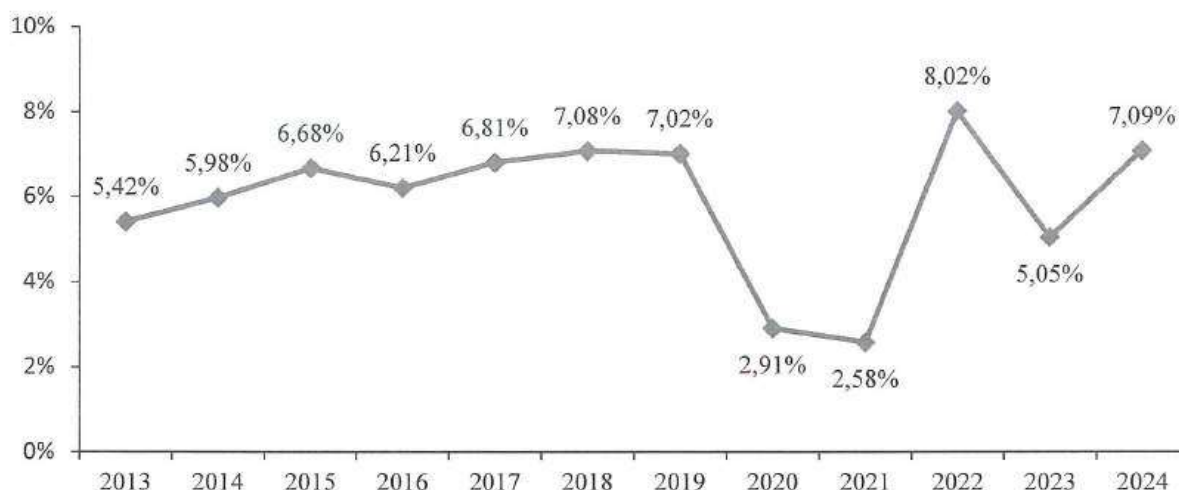
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình.

Từ sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Từ đó đến nay, Việt Nam đã tham gia và đàm phán những Hiệp định đa phương và song phương với các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới, điển hình là hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực giữa 10 nước ASEAN và 06 nước đối tác (RCEP), các Hiệp định thương mại tự do (FTA), v.v. Những Hiệp định này sẽ là cơ hội để Việt Nam hội nhập và nền kinh tế ngày càng tăng trưởng.

Tuy nhiên, tác động của dịch COVID-19 trên toàn thế giới kéo dài trong hai năm 2020, 2021 đã gây tắc nghẽn trong chuỗi giá trị toàn cầu và là thách thức không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các quốc gia. Nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng tổng sản lượng quốc nội (GDP) của Việt Nam từ đó cũng đã chịu ảnh hưởng đáng kể. Cụ thể, theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP năm 2020 tăng 2,91% và năm 2021 chỉ tăng 2,58%.

Hình 1: Tăng trưởng GDP hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2013 – 2024



Nguồn: Tổng cục thống kê

Việt Nam đã quyết liệt thực hiện lộ trình thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19, đẩy nhanh tốc độ tiêm vaccine phòng COVID-19 và là một trong những nước có tỷ lệ bao phủ vaccine cao trên thế giới. Do vậy, kinh tế Việt Nam đã phục hồi nhanh chóng trong năm 2022. Theo dự báo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam sẽ cao hơn hẳn so với các quốc gia khác trong khu vực.

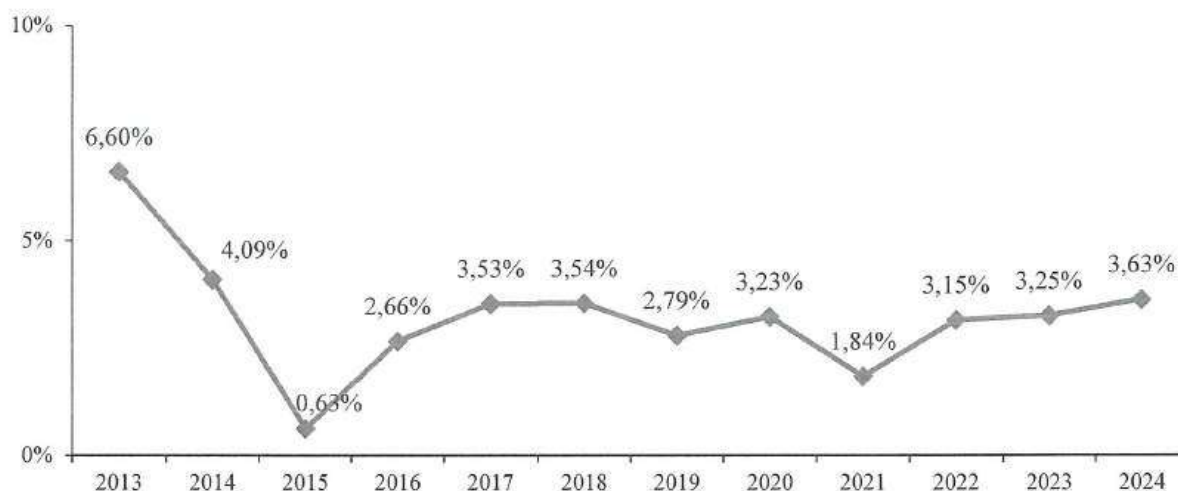
GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước, trong đó GDP Quý 4 năm 2024 tăng 7,55% so với cùng kỳ năm trước. Trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động khó lường, đây được xem là mức tăng trưởng tích cực. Các chỉ tiêu thống kê của Tổng cục thống kê cũng cho thấy tình hình kinh tế vĩ mô trong nước tiếp tục ổn định, cung cầu hàng hóa thiết yếu được bảo đảm, hoạt động mua sắm hàng hóa, tiêu dùng nội địa duy trì tăng trưởng; xuất khẩu hàng hóa tiếp tục đạt mức tăng cao; ngành du lịch phục hồi mạnh mẽ. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục là trụ đỡ vững chắc của nền kinh tế với mức tăng trưởng ổn định, bảo đảm tiêu dùng trong nước và đáp ứng nhu cầu của khu vực và thế giới.

1.2. Rủi ro lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động đến tất cả chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong khi giá hàng hóa lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường.

Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2013 – 2024



Nguồn: Tổng cục thống kê

Theo số liệu công bố của Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng cả nước (CPI) bình quân năm 2023 tăng 3,25%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Có được kết quả như vậy là do trong năm nhiều giải pháp được tích cực triển khai như: Giảm mật bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế giá trị gia tăng với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ từ 10% xuống 8% từ ngày 01/07/2023; giảm thuế môi trường với nhiên liệu bay; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất, hỗ trợ doanh nghiệp; gia hạn visa cho khách du lịch; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản; công tác an sinh xã hội được quan tâm thực hiện. Theo đó, thị trường các mặt hàng thiết yếu không có biến động bất thường, nguồn cung được bảo đảm. Ngoài ra, giá một số mặt hàng giảm theo giá thế giới cũng đã góp phần giúp giảm áp lực lạm phát như giá xăng dầu bình quân năm 2023 giảm 11,02% so với năm 2022, giá gas giảm 6,94%. Vì vậy, năm 2023 Việt Nam đã thành công trong kiểm soát lạm phát.

Trong năm 2024, thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng bởi các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội của các quốc gia. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, xung đột quân sự Nga – Ukraine và tại dải Gaza kéo dài, bất ổn leo thang trên Biển Đỏ. Kinh tế thế giới tiếp tục trải qua giai đoạn khó khăn, tăng trưởng chậm, triển vọng phát triển trong ngắn hạn và trung hạn còn nhiều thách thức, lãi suất ngân hàng của các nước vẫn ở mức khá cao. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh tác động nặng nề, đặc biệt tình trạng nắng nóng, hạn hán vì hiện tượng El Nino dẫn đến nguy cơ mất an ninh lương thực tiềm ẩn tại một số quốc gia và khu vực. Lạm phát toàn cầu đang có biểu hiện đi ngang sau một thời gian giảm nhanh nhưng trước bức tranh kinh tế khó đoán định khiến xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn vẫn chưa rõ rệt. Trong nước, Chính phủ, Thủ tướng đã chủ động triển khai nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát. Theo đó, giá hàng hóa và dịch vụ trên thị trường không có biến động bất thường và lạm phát được duy trì trong tầm kiểm soát, bình quân năm 2024, CPI tăng

3,63% so với năm 2023, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Ngoài ra, Cục Dự trữ liên bang Hoa Kỳ (FED) đã giảm lãi suất 0,25 điểm phần trăm xuống còn 4,25% đến 4,50%/năm, chính sách nới lỏng tiền tệ này có thể vô hình chung ảnh hưởng đến tình hình kinh tế ở các nước khu vực trong đó có Việt Nam.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức ổn định trong một vài năm trở lại đây, không thể đảm bảo rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai. Nếu lạm phát của Việt Nam tăng cao đáng kể thì chi phí của Công ty, bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí trả lương người lao động, chi phí nhiên liệu, chi phí vận chuyển, chi phí xây dựng, chi phí bảo trì, chi phí tài chính và chi phí quản lý khác dự kiến sẽ tăng. Nếu Công ty không thể chuyển các chi phí và phí tổn gia tăng này vào giá bán cho khách hàng, thì các chi phí đó sẽ có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Hơn nữa, tỷ lệ lạm phát và mức lãi suất cho vay cao cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam, môi trường kinh doanh và niềm tin của người tiêu dùng nói chung, do đó ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, không thể đảm bảo được rằng Nhà nước Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện các chính sách chống lạm phát, bao gồm cả việc cấm tăng hoặc hạn chế tăng giá cả của một số mặt hàng và sản phẩm do Nhà nước kiểm soát.

1.3. Rủi ro lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất có ý nghĩa quan trọng tác động tăng trưởng kinh tế mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên để hoạch định chiến lược đầu tư phù hợp. Đa số doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng sẽ khiến cho chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm tăng lên, khiến lợi nhuận và khả năng cạnh tranh suy giảm, dẫn đến thua lỗ và thậm chí phá sản. Khi đó, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng cắt giảm và thu hẹp quy mô hoạt động. Vì vậy, cắt giảm lãi suất sẽ là động lực cho doanh nghiệp giảm chi phí và giá thành, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Hơn thế, lãi suất thấp là động lực cho các doanh nghiệp mở rộng đầu tư và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, kích thích tăng trưởng kinh tế vĩ mô.

Trong năm 2022, với diễn biến lạm phát đang có chiều hướng gia tăng và các Ngân hàng trung ương các nước trên thế giới đều đồng loạt tăng lãi suất cơ bản. Sau hai lần tăng lãi suất trong năm 2022 thì bước sang năm 2023, bước ngoặt chính sách đã xuất hiện trong chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Trong năm 2023, NHNN đã điều chỉnh giảm các mức lãi suất bốn lần với mức giảm từ 0,5% đến 2,0%/năm, trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao; đồng thời có nhiều văn bản chỉ đạo, trực tiếp làm việc với các tổ chức tín dụng đề nghị tiết giảm chi phí, giảm lãi suất huy động để giảm mặt bằng lãi suất cho vay. Cụ thể: (1) Giảm 1,5%/năm lãi suất tái cấp vốn và lãi suất chiết khấu, giảm 2,0%/năm lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với TCTD;

(2) Giảm 0,5% đến 1,25%/năm lãi suất tối đa tiền gửi bằng đồng Việt Nam kỳ hạn dưới 6 tháng; (3) Giảm 1,5%/năm mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế. NHNN đã điều chỉnh giảm lãi suất bốn lần vào các ngày 15/03/2023, 03/04/2023, 25/05/2023 và 19/06/2023.

Trong năm 2024, NHNN tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp để góp phần hỗ trợ nền kinh tế. Việc giảm lãi suất huy động sẽ giảm gánh nặng lãi vay và qua đó tác động tích cực đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.4. Rủi ro về tỷ giá

Từ đầu năm 2022 đến nay, Cục Dự trữ liên bang Hoa Kỳ (FED) và nhiều Ngân hàng Trung ương lớn trên thế giới đã đẩy mạnh lộ trình thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng nhanh lãi suất điều hành, xung đột Nga - Ukraine làm chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục gián đoạn, giá xăng dầu và hàng hóa tăng cao, lạm phát tại nhiều nền kinh tế vượt mức kiểm soát gây biến động lớn trên thị trường quốc tế và trong nước.

Để chủ động thích ứng trước diễn biến khó lường của thị trường quốc tế và định hướng tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất của FED và các Ngân hàng Trung ương trên thế giới, ngày 17/10/2022, NHNN Việt Nam ban hành Quyết định số 1747/QĐ-NHNN quy định về tỷ giá giao ngay giữa đồng Việt Nam với các ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép. Theo đó, biên độ tỷ giá giao ngay giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) được điều chỉnh từ +/- 3% lên +/- 5%.

Trong năm 2023, FED và các Ngân hàng Trung ương trên thế giới cho thấy một số tín hiệu về việc ngừng tăng lãi suất. NHNN đã mua được lượng lớn ngoại tệ với hơn 6 tỷ USD để bổ sung dự trữ ngoại hối. Việc gia tăng dự trữ ngoại hối giúp cho NHNN có nhiều dư địa trong điều hành chính sách linh hoạt và ổn định tỷ giá, nâng cao giá trị tiền đồng, đặc biệt là trong bối cảnh thị trường biến động mạnh.

Bên cạnh đó, NHNN cũng tiếp tục thực hiện phát hành tín phiếu nhằm điều tiết lượng tiền VND dư thừa, góp phần giảm bớt mức chênh lệch lãi suất âm giữa VND và USD, hạn chế áp lực gia tăng lên tỷ giá. Từ ngày 19/04/2024, NHNN thực hiện bán ngoại tệ cho các tổ chức tín dụng để hỗ trợ thanh khoản cho thị trường nhằm phục vụ các nhu cầu ngoại tệ, bình ổn tâm lý thị trường.

Trong năm 2024, tỷ giá USD/VND có xu hướng tăng chủ yếu do: (i) thị trường kỳ vọng FED trì hoãn hạ lãi suất điều hành, đồng USD thế giới tăng và duy trì ở mức cao; (ii) chênh lệch lãi suất giữa VND và USD trên thị trường liên ngân hàng tiếp tục duy trì âm (lãi suất VND thấp hơn USD); (iii) nhu cầu ngoại tệ đầu năm tương đối lớn phục vụ nhập khẩu nguyên vật liệu.

Hiện nay, hầu hết hoạt động kinh doanh chính của Công ty được giao dịch bằng đồng nội tệ (Việt Nam đồng). Theo dự báo, việc FED giảm lãi suất trong tháng 12 năm 2024 vừa qua sẽ dẫn đến việc giảm giá trị của đồng USD so với đồng VND, nên tỷ giá USD/VND sẽ hạ nhiệt trong Quý 1 năm 2025, ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2025.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là một công ty cổ phần, trở thành công ty đại chúng, và đang giao dịch trên UPCoM nên CTCP Hàng tiêu dùng Masan bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật An toàn thực phẩm, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty.

Hiện nay, hệ thống pháp luật của nước ta vẫn đang tiếp tục phát triển, nhiều văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành và nhiều văn bản pháp luật được sửa đổi, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh, đồng bộ và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh hàng tiêu dùng, chủ yếu bao gồm thực phẩm và đồ uống nên sẽ phải chịu sự điều chỉnh của các luật và quy định liên quan đến an toàn thực phẩm, các tiêu chuẩn và quy chuẩn ngành. Các luật và quy định này nhằm đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người tiêu dùng.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

3. Rủi ro do đặc thù ngành

3.1. Rủi ro về thị trường

Công ty luôn chú trọng theo dõi sự biến động về nhu cầu mua hàng hóa, dịch vụ và những thay đổi dài hạn trong hành vi tiêu dùng hàng ngày. Trong những giai đoạn kinh tế nội địa gặp nhiều khó khăn, nhu cầu tiêu dùng của người dân có thể suy giảm và ảnh hưởng tiêu cực lên doanh số bán hàng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng cần liên tục phát triển các sản phẩm mới phù hợp với những thay đổi trong thị hiếu tiêu dùng nội địa.

3.2. Rủi ro về cạnh tranh

Việt Nam có ngành công nghiệp thực phẩm và nước giải khát mang tính cạnh tranh cao và ngày càng gia tăng với sự tham gia của nhiều công ty trong và ngoài nước. CTCP Hàng tiêu dùng Masan với các thương hiệu mạnh như Vinacafé, Omachi, Kokomi, CHIN-SU, Tam Thái Tử, Nam Ngư, nước tăng lực WakeUp 247, NET, Vĩnh Hảo, Quang Hanh, v.v. cạnh tranh chủ yếu trên cơ sở giá trị thương hiệu, giá cả, chất lượng sản phẩm, mạng lưới phân phối và kết hợp sản phẩm.

Mặc dù Công ty cạnh tranh chủ yếu với các nhà sản xuất trong nước nhưng với sự tham gia của công ty đối thủ cạnh tranh quốc tế trên thị trường Việt Nam cũng làm tăng sự cạnh tranh trong thị

trường thực phẩm và đồ uống cơ bản tại Việt Nam. Cạnh tranh thường khiến cho các bên tham gia thị trường phải tăng cường nghiên cứu và phát triển, chi phí quảng cáo và hoạt động khuyến mại hoặc tham gia vào các hành vi bán phá giá.

Công ty có thể phải đầu tư nhiều hơn vào hoạt động nghiên cứu và phát triển, tăng cường hoạt động xúc tiến và tiếp thị và hạ giá bán của các sản phẩm để duy trì hoặc đạt được thị phần. Các chi phí hoặc giảm giá như vậy có thể làm giảm lợi nhuận và ảnh hưởng xấu đến kết quả hoạt động của Công ty. Do vậy, CTCP Hàng tiêu dùng Masan đặt mục tiêu đáp ứng nhu cầu ngày càng thay đổi của người tiêu dùng khi người tiêu dùng bắt đầu đặt ra các yêu cầu khắt khe hơn về chất lượng cũng như sự đa dạng của sản phẩm, tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu thị trường và gia tăng sức cạnh tranh.

3.3. *Rủi ro về nguồn nhân lực*

Tính chất của ngành sản xuất là cần lực lượng lớn lao động lành nghề. Sự biến động về nguồn cung ứng lao động sẽ tạo ra rủi ro về thiếu hụt nhân lực.

Công ty luôn chuẩn bị sẵn sàng giảm thiểu rủi ro về nguồn nhân lực bằng cách chăm sóc tốt điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, thường xuyên chăm lo đào tạo nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ nhân viên. Tuyển dụng, phát triển, bồi dưỡng và đào tạo các cấp quản lý.

Các cán bộ quản lý cấp cao của Công ty thường xuyên được đào tạo hoặc tự đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao năng lực quản lý. Đặc điểm của nguồn nhân lực này là ít biến động. Do đó rủi ro về thất thoát nguồn nhân lực quản lý cấp cao là thấp.

3.4. *Rủi ro về nguyên liệu đầu vào*

Hoạt động sản xuất và kinh doanh thực phẩm và đồ uống của Công ty đòi hỏi nguồn nguyên liệu đầy đủ và ổn định. Do đó, Công ty chịu rủi ro về biến động giá nguyên liệu và các rủi ro khác.

Khối lượng sản xuất của và chi phí sản xuất của Công ty phụ thuộc vào khả năng duy trì nguồn cung ổn định và đầy đủ nguyên liệu (ví dụ như dầu ăn, cá, đậu tương, nước mắm nguyên liệu, ớt, bột mì, đường, cà phê và ngũ cốc) và vật liệu đóng gói cho các sản phẩm với mức giá có thể chấp nhận được. Nguyên liệu được Công ty mua ở Việt Nam và nhập khẩu từ nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua các thương nhân khác. Công ty không đảm bảo rằng tình trạng thiếu hụt nguyên liệu sẽ không xảy ra.

Bên cạnh đó, Công ty có thể bị ảnh hưởng bất lợi bởi biến động về giá của nguyên vật liệu. Giá nguyên liệu có thể biến động do ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như điều kiện thời tiết, môi trường, biến động giá cả hàng hóa, tiền tệ và những thay đổi trong chính sách của Nhà nước liên quan tới lĩnh vực nông nghiệp. Công ty dự đoán giá nguyên vật liệu sẽ tiếp tục biến động và có thể dẫn đến sự gia tăng không lường trước được về chi phí sản xuất và đóng gói. Nếu Công ty không thể quản lý các chi phí này cũng như tăng giá bán các sản phẩm lên tương ứng thì hoạt động chính, kết quả kinh doanh cũng như triển vọng của Công ty sẽ bị ảnh hưởng bất lợi và đáng kể.

Để giảm thiểu ảnh hưởng các rủi ro về nguyên vật liệu, Công ty luôn theo dõi tình hình biến động giá cả trên thị trường trong nước và thế giới để có kế hoạch kinh doanh phù hợp. Công ty cũng không phụ thuộc vào một nhà cung cấp nào mà sử dụng nhiều nhà cung cấp khác nhau để tránh rủi ro tập trung. Với vị thế là doanh nghiệp dẫn đầu trong nhiều ngành hàng tiêu dùng lớn, phục vụ nhu cầu hàng ngày, Công ty có thể tối ưu giá bán để giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng bất lợi đến biên lợi nhuận.

3.5. Rủi ro liên quan đến mạng lưới phân phối

Công ty dựa rất nhiều vào quan hệ với mạng lưới các nhà phân phối để tiêu thụ sản phẩm. Trong trường hợp các công ty đối thủ của Công ty chào mời các điều kiện thuận lợi hơn hoặc các ưu đãi lớn hơn cho các nhà phân phối, các nhà phân phối này có thể lựa chọn chấm dứt các hợp đồng phân phối với Công ty. Trong trường hợp quan hệ của Công ty với số lượng lớn các nhà phân phối bị xấu đi do các hành động của các công ty đối thủ, tình hình kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của Công ty sẽ bị ảnh hưởng. Tuy việc có sự cạnh tranh trong mạng lưới phân phối là rủi ro chung của tất cả các công ty cùng ngành, Công ty vẫn luôn tích cực mở rộng mạng lưới phân phối để tăng sức cạnh tranh và giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh từ việc cạnh tranh thị phần.

3.6. Rủi ro về các vấn đề an toàn thực phẩm và các trách nhiệm tiềm tàng với các sản phẩm

Nhiễm bẩn là một rủi ro vốn có trong ngành thực phẩm và đồ uống. Nhằm hạn chế rủi ro nhiễm bẩn, Công ty thường xuyên thực hiện kiểm tra tại nhà máy sản xuất và kiểm tra nguyên vật liệu. Công ty có thể gặp rủi ro bị khiếu nại liên quan đến tình trạng nhiễm bẩn sản phẩm và có thể phải thu hồi sản phẩm hoặc rút khỏi thị trường. Công ty không thể đảm bảo sẽ không phải đối mặt với các khiếu nại hoặc kiện tụng về sự an toàn và chất lượng của các sản phẩm.

Hơn nữa, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể do việc công bố các phát hiện mang tính tiêu cực của ngành, các báo cáo nghiên cứu hoặc quan ngại về sức khỏe liên quan đến sản phẩm của Công ty hoặc một dòng sản phẩm thực phẩm, đồ uống dù rằng ở Việt Nam hay ở nước ngoài. Những công bố tiêu cực sẽ làm ảnh hưởng đến nhu cầu hoặc tâm lý của khách hàng và dẫn đến tụt giảm doanh số dài hạn.

Hoạt động kinh doanh thực phẩm và đồ uống của Công ty phụ thuộc vào việc bán một số sản phẩm chủ lực và bất kỳ sự giảm sút về sản lượng tiêu thụ của các mặt hàng này sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công ty.

Hiện tại, doanh thu từ hoạt động kinh doanh thực phẩm và đồ uống của CTCP Hàng tiêu dùng Masan phần lớn đến từ ngành hàng gia vị, thực phẩm tiện lợi, các sản phẩm đồ uống, cà phê và hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình. Bất kỳ yếu tố nào ảnh hưởng bất lợi đến việc tiêu thụ của các sản phẩm này sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công ty một cách riêng rẽ hoặc toàn bộ. Doanh thu của các mặt hàng trên có thể bị ảnh hưởng bất lợi bởi nhiều yếu tố, bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc tăng hoặc phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, những thay đổi về mặt pháp lý, sự gián đoạn về nguồn nguyên liệu, hoạt động sản xuất hoặc phân phối, hoạt động tiếp thị không hiệu quả hoặc hành động phá giá

từ một hoặc nhiều đối thủ cạnh tranh và sự thay đổi thị hiếu của các khách hàng. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng đầu tư nghiên cứu sản phẩm mới, tìm kiếm nhu cầu mới để cung cấp cho thị trường và duy trì sản lượng bán hàng cũng như doanh thu.

3.7. Rủi ro không duy trì hình ảnh thương hiệu tích cực có thể tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh, kết quả tài chính và hình ảnh thương hiệu của Công ty

Thành công của Công ty phụ thuộc vào việc các sản phẩm mà Công ty sản xuất và phân phối có hình ảnh thương hiệu tích cực với khách hàng và người tiêu dùng, trong đó phải kể đến thương hiệu như Vinacafé, Omachi, Kokomi, CHIN-SU, Tam Thái Tử, Nam Ngur, WakeUp 247, NET, Vĩnh Hảo, Quang Hanh, v.v. đã trở nên quen thuộc trong mỗi bữa ăn gia đình của người Việt. Ngoài ra, các vấn đề về chất lượng sản phẩm, trên thực tế hoặc theo hình dung, hoặc cáo buộc về sản phẩm lỗi hoặc nhiễm bẩn, thậm chí ngay cả khi sai hoặc không có cơ sở, có thể làm xấu đi hình ảnh của các thương hiệu bị ảnh hưởng và có thể làm cho các khách hàng và người tiêu dùng chọn sản phẩm khác. Công ty có thể phải chịu trách nhiệm nếu việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty gây thương tích hoặc bệnh tật.

Do vậy, bên cạnh các biện pháp quản lý sản phẩm, Công ty cũng có các chính sách về sản phẩm, thu hồi sản phẩm và chính sách đổi lại sản phẩm đạt chất lượng cho khách hàng nếu sản phẩm bị lỗi, hư hỏng hoặc bị gắn nhãn hiệu sai, v.v.

3.8. Rủi ro về nhận diện thương hiệu và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

Nhận diện thương hiệu là hết sức quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của Công ty và bất kỳ sự thất bại nào trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công ty.

Thành công của Công ty phụ thuộc một phần vào khả năng của Công ty trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, như nhãn hiệu hàng hóa cho các thương hiệu, bao gồm cả Vinacafé, Omachi, Kokomi, CHIN-SU, Tam Thái Tử, Nam Ngur, WakeUp 247, NET, Vĩnh Hảo, Quang Hanh, v.v. Công ty đã đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm của Công ty, Công ty sẽ tiếp tục việc gia hạn nhãn hiệu hàng hóa đối với các chứng nhận đã hết hạn và thực hiện đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm mới. Công ty không thể đảm bảo rằng bất kỳ hồ sơ đăng ký nhãn hiệu nào đã nộp hoặc sẽ nộp sẽ thành công hoặc bất kỳ nhãn hiệu hiện tại hoặc tương lai nào sẽ được gia hạn khi hết hạn, hoặc sẽ không được công nhận, làm mất hiệu lực hoặc bị lừa gạt bởi các đối thủ cạnh tranh. Bất kỳ sự thất bại nào của Công ty trong việc bảo vệ nhãn hiệu hàng hóa chống lại sự xâm phạm hoặc lạm dụng từ phía đối thủ cạnh tranh sẽ làm suy yếu vị thế cạnh tranh và uy tín sản phẩm, qua đó ảnh hưởng tiêu cực đến Công ty. Trong trường hợp các bên thứ ba làm giả sản phẩm của Công ty một cách bất hợp pháp, Công ty có thể đối mặt với những khó khăn đáng kể và chịu chi phí trong việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam. Nếu không thể bảo vệ hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ, danh tiếng của thương hiệu và hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của Công ty có thể bị ảnh hưởng.

Để giảm thiểu rủi ro, Công ty chủ động trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, cơ quan quản lý Nhà nước để tiếp tục đăng ký, gia hạn nhãn hiệu hàng hóa để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm của Công ty.

3.9. Rủi ro không thành công trong việc phát triển sản phẩm mới

Sản phẩm hàng tiêu dùng của Công ty có được sự đón nhận từ phía người tiêu dùng hay không phụ thuộc rất nhiều vào khả năng của Công ty trong việc nắm bắt được khẩu vị, nhu cầu và sự thay đổi thị hiếu của người tiêu dùng. Công ty không đảm bảo rằng tất cả các sản phẩm mới của Công ty sẽ được người tiêu dùng đón nhận. Nếu sản phẩm mới thất bại, Công ty không thể bù đắp được chi phí nghiên cứu và phát triển, chi phí tiếp thị và qua đó ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của Công ty.

Do đó, trước khi tung ra sản phẩm mới, Công ty tiến hành nghiên cứu thị trường thật kỹ và đánh giá thị hiếu của người tiêu dùng đối với sản phẩm đó một cách toàn diện để giảm thiểu rủi ro trong việc dự đoán, tìm ra và phát triển các sản phẩm mới và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, các yếu tố vĩ mô, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như sự hấp dẫn của cổ phần Công ty. Bên cạnh đó, đợt chào bán của Công ty cũng không có đơn vị bảo lãnh phát hành. Do vậy, có thể xảy ra rủi ro các cổ đông không thực hiện quyền mua, dẫn đến Công ty không huy động đủ vốn như dự kiến để triển khai theo phương án đã được ĐHCĐ thông qua. Tuy nhiên, rủi ro từ đợt chào bán này được đánh giá là khá thấp vì đối tượng được nhận quyền mua là cổ đông hiện hữu của Công ty, là những người hiểu rõ định hướng phát triển, tình hình kinh doanh, cũng như năng lực Ban lãnh đạo Công ty. Đồng thời, cổ phiếu phát hành thêm được chào bán với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Đây là yếu tố tích cực góp phần thành công của đợt chào bán.

Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT sẽ tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư có nhu cầu và năng lực tài chính để mua số cổ phần không phân phối hết với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Đồng thời, HĐQT cũng chủ động tìm kiếm thêm nguồn tài trợ khác để bảo đảm huy động vốn đủ phục vụ kế hoạch kinh doanh của Công ty hoặc sẽ cân nhắc điều chỉnh cơ cấu vốn (sử dụng nguồn vốn vay và vốn huy động hợp pháp khác) để thực hiện kế hoạch đầu tư. Tuy nhiên, phương án này sẽ làm tăng chi phí tài chính và giảm lợi nhuận kinh doanh của Công ty.

5. Rủi ro pha loãng

Pha loãng cổ phiếu là kết quả của việc phát hành thêm cổ phiếu phổ thông của một doanh nghiệp. Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra ảnh hưởng như sau:

- Tỷ lệ phần trăm sở hữu hay quyền biểu quyết của các cổ đông hiện hữu có thể giảm xuống nếu các cổ đông hiện hữu không tham gia mua cổ phần phát hành thêm trong khi vốn điều lệ Công ty sẽ tăng lên sau đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng với sự tham gia của các cổ đông khác.

- Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phần mới chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay trong năm 2024. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại.
- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại. Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

5.1. *Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu sau khi phát hành thêm*

Giá cổ phần MCH sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật khi thực hiện phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu trong trường hợp giá giao dịch tại ngày thực hiện quyền lớn hơn giá chào bán. Giá pha loãng khi có cổ phần mới phát hành được xác định theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I_R}$$

– Trong đó:

P: là giá thị trường của cổ phần sau khi bị pha loãng

P_{t-1}: là giá thị trường của cổ phần trước khi bị pha loãng

I_R: tỷ lệ vốn tăng

P_R: là giá cổ phần sẽ bán cho người nắm quyền mua cổ phần trong đợt phát hành mới

– Tham khảo:

P_{t-1}: Giá sử, giá cổ phiếu MCH trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 200.000 đồng/cổ phiếu

P_R: Giá cổ phần sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phần trong đợt phát hành mới là 10.000 đồng/cổ phiếu

I_R: tỷ lệ vốn tăng khi chào bán và phát hành cho cổ đông hiện hữu là 45,1% (tỷ lệ 1.000:451)

P: Giá tham chiếu cổ phiếu MCH trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn là:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I_R} = \frac{200.000 + (45,1\% \times 10.000)}{1 + 45,1\%} = 140.944 \text{ đồng/cổ phần}$$

5.2. *Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu*

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{(lãi) cơ bản} \\ \text{trên cổ phiếu} \\ \text{(EPS)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông} \\ \text{sở hữu cổ phiếu phổ thông} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số trích quỹ khen thưởng,} \\ \text{phúc lợi (nếu có)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu} \\ \text{hành trong kỳ} \end{array}}$$

EPS theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm 2023 của Công ty là 9.888 đồng/cổ phiếu và theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 là 10.769 đồng/cổ phiếu. Sau khi hoàn thành đợt chào bán, EPS sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phần mới chưa thể tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu sẽ được hạn chế nếu Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.

5.3. *Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)*

BVPS = (Nguồn VCSH hợp nhất – Lợi ích cổ đông không kiểm soát – Giá trị cổ phần ưu đãi theo mệnh giá – Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình) / (Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ - Số lượng cổ phần ưu đãi)

Tại thời điểm 31/12/2023, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty là 34.912 đồng/cổ phiếu và tại thời điểm 31/12/2024 là 13.781 đồng/cổ phiếu.

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại.

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

5.4. *Rủi ro pha loãng về tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết*

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của Cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối không thực hiện, hoặc chuyển nhượng quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

6. *Rủi ro quản trị công ty*

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, việc lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng quan trọng trong chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Tùy vào tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp mà khung quản trị rủi ro cần được xây dựng phù hợp với chiến lược của doanh nghiệp. Do vậy doanh nghiệp cần quan tâm từ những vấn đề cơ bản nhất để có thể tìm ra giải pháp hữu hiệu, giảm thiểu tối đa rủi ro cho doanh nghiệp.

Rủi ro quản trị công ty là một rủi ro tiềm ẩn, khó dự báo trước nhưng lại có thể ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Rủi ro quản trị có thể xuất phát từ nguyên nhân chủ

quan (sai sót của cấp quản lý do năng lực) và khách quan (biến động thị trường, thay đổi văn bản luật) gây tác động trực tiếp tới công tác quản trị tài chính, năng suất lao động, v.v. Do vậy, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng cần phải có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các rủi ro này để đảm bảo hiệu quả trong hoạt động quản trị.

Đối với CTCP Hàng tiêu dùng Masan, để hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro này, Công ty luôn chuẩn bị các kế hoạch rà soát chính sách, quy trình nội bộ, v.v. để đảm bảo mọi quyết định, hoạt động của các cấp quản lý luôn chính xác, đạt được mục tiêu chung của Công ty. Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty còn hợp tác với đơn vị tư vấn có uy tín để có được sự hỗ trợ tốt nhất trong việc cập nhật đầy đủ sự thay đổi của các văn bản luật, giúp Ban lãnh đạo đưa ra quyết định chính xác, đảm bảo lợi ích của Công ty.

CTCP Hàng tiêu dùng Masan được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2000 và được đăng ký giao dịch UPCoM từ năm 2017. Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty còn được Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT giám sát chặt chẽ. Do đó các hoạt động điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng.

Đối với đợt chào bán cổ phiếu này, Ban quản trị Công ty đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào sự khả thi của phương án đối với sự phát triển của Công ty. Vì vậy, có thể thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như hoả hoạn, thiên tai, dịch họa, v.v. sẽ dẫn đến tổn thất hoặc thiệt hại đáng kể cho các nhà máy và có thể làm gián đoạn hoạt động sản xuất. Điều này sẽ dẫn đến sự chậm trễ trong việc cung cấp sản phẩm cho các khách hàng. Sự chậm trễ này sẽ ảnh hưởng đến danh tiếng của Công ty, gây ra tổn thất về mặt kinh doanh và ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh và hiệu quả tài chính.

Công ty luôn tham gia mua và tái tục các hợp đồng bảo hiểm tài sản, gián đoạn kinh doanh, cháy nổ và vận chuyển hàng hoá. Tuy nhiên, Công ty không thể đảm bảo rằng các hợp đồng bảo hiểm này là đủ để bù đắp cho các chi phí thay thế máy móc và sửa chữa các cơ sở sản xuất của Công ty.


[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

▪ BB	Biên bản
▪ BCTC	Báo cáo tài chính
▪ BTGD	Ban Tổng Giám đốc
▪ CBCNV	Cán bộ công nhân viên
▪ Chính phủ	Chính phủ nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam
▪ GCNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
▪ GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
▪ CNTT	Công nghệ thông tin
▪ Công ty/ Masan Consumer/ MCH/ Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
▪ CTCP	Công ty cổ phần
▪ DTT	Doanh thu thuần
▪ ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
▪ Điều lệ	Điều lệ của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
▪ ĐVT	Đơn vị tính
▪ HĐKD	Hoạt động kinh doanh
▪ HĐLĐ	Hợp đồng lao động
▪ HĐQT	Hội đồng quản trị
▪ HĐTV	Hội đồng thành viên
▪ HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
▪ KH&ĐT	Kế hoạch & Đầu tư
▪ MasanConsumerHoldings	Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
▪ SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
▪ SXKD	Sản xuất kinh doanh
▪ TGĐ	Tổng Giám đốc
▪ Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
▪ TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
▪ Tổ chức tư vấn/ Vietcap	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
▪ UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
▪ UBND	Ủy ban nhân dân
▪ NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
▪ UBKT	Ủy ban Kiểm Toán
▪ UPCoM	Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết
▪ VCSH	Vốn chủ sở hữu
▪ VDL	Vốn điều lệ
▪ VSDC	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Giới thiệu về tổ chức phát hành

Tên đầy đủ	: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
Tên tiếng Anh	: MASAN CONSUMER CORPORATION
Tên viết tắt	: MASAN CONSUMER CORP.
Biểu tượng của Công ty	: 
Giấy chứng nhận ĐKDN	: Số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/05/2000 và thay đổi lần thứ 51 ngày 31/12/2024
Trụ sở chính	: Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	: +84 28 6255 5660
Fax	: +84 28 3810 9463
Website	: www.masanconsumer.com
Vốn điều lệ	: 7.355.531.790.000 đồng (<i>Bảy nghìn ba trăm năm mươi lăm tỷ, năm trăm ba mươi một triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng</i>)
Vốn điều lệ thực góp	: 7.355.531.790.000 đồng (<i>Bảy nghìn ba trăm năm mươi lăm tỷ, năm trăm ba mươi một triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng</i>)
Ngành nghề kinh doanh chính	: Bán buôn thực phẩm
Người đại diện theo pháp luật	: Ông Trương Công Thắng (Tổng giám đốc) Ông Danny Le (Chủ tịch HĐQT)
Mã cổ phiếu	: MCH
Sàn đăng ký giao dịch	: UPCoM
Năm trở thành công ty đại chúng:	2008
Thời điểm bắt đầu đăng ký giao dịch	05/01/2017
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là bán buôn thực phẩm, với các ngành nghề đăng ký kinh doanh bao gồm:	

Bảng 1: Ngành nghề đăng ký kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Mua bán lương thực, thực phẩm, thực phẩm công nghệ (thực hiện theo đúng Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh); (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4632 (Chính)
2	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm	1074
3	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm	1075
4	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm (trừ hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm)	1010
5	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm	1030
6	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm	1020
7	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm. Sản xuất gia vị (không sản xuất tại trụ sở chính)	1079
8	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm	1080
9	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất hương liệu, sản xuất hoá chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm (trừ sản xuất hoá chất cơ bản) (không hoạt động tại trụ sở)	2029
10	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4649
11	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn đồ dùng gia đình và đồ dùng chăm sóc cá nhân. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Bán buôn các loại vật tư, hóa chất ngành tẩy rửa (trừ hóa chất độc hại mạnh và doanh nghiệp chỉ	4690

STT	Tên ngành	Mã ngành
	được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động); Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phụ tùng, nguyên liệu, bách hóa, kim khí điện máy, máy điện toán, máy văn phòng, nông-lâm-thủy hải sản, cao su, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ (thực hiện theo đúng Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh); (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	
12	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì nhựa (trừ Sản Xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)	2220
13	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất đồ uống không cồn (không sản xuất tại trụ sở)	1104
14	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
15	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh); (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4669

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Năm	Cột mốc quan trọng
1996	Ngày 1/4/1996: Masan đã thành lập một Công ty tại Nga để nhập khẩu và kinh doanh sản phẩm thực phẩm ở thị trường Đông Âu. Ngày 20/6/1996: Thành lập Công ty Cổ phần Công nghiệp - Kỹ nghệ - Thương mại Việt Tiến, chuyên sản xuất thực phẩm chế biến và các sản phẩm ngành gia vị.
2000	Ngày 31/5/2000: Thành lập Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Minh Việt, chuyên hoạt động trong lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu.

Năm	Cột mốc quan trọng
2003	Ngày 1/8/2003: Công ty Cổ phần Công nghiệp - Kỹ nghệ - Thương mại Việt Tiến sáp nhập vào Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Minh Việt, sau đó Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Ma San (Công ty), với tổng vốn điều lệ là 28.500.000.000 đồng.
2008	Ngày 11/12/2008: Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San.
2009	Ngày 1/7/2009: Công ty bổ sung ngành nghề kinh doanh: Sản xuất Gia vị (không sản xuất tại trụ sở chính) và sản xuất hương liệu (trừ sản xuất hóa chất cơ bản). Ngày 22/12/2009: Công ty thay đổi trụ sở đến Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, Số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
2011	Ngày 09/3/2011: Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San. Ngày 15/4/2011: Công ty phát hành cổ phiếu phổ thông cho KKR tương đương 10% vốn điều lệ sau phát hành. Ngày 17/10/2011 và ngày 4/11/2011: Công ty mua 50,25% cổ phần Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa.
2012	Tháng 12/2012: Công ty mua thêm 2,95% cổ phần của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa, nâng tổng số cổ phần nắm giữ lên 53,20%.
2013	Ngày 1/2/2013: Công ty mua thành công 24,9% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo. Ngày 6/2/2013: Công ty phát hành thêm cho cổ đông chiến lược KKR, nâng tổng số cổ phiếu sở hữu của KKR lên 18,04%. Ngày 27/3/2013: Công ty mua 38,61% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo, nâng tổng số cổ phần nắm giữ lên 63,51%.
2014	Ngày 30/12/2014: Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan - công ty con của Công ty chào mua thành công 32,84% cổ phần Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex.
2015	Ngày 14/1/2015: Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan - công ty con của Công ty mua 99,99% cổ phần Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn. Ngày 10/6/2015: Công ty thay đổi tên thành “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan”. Ngày 25/12/2015: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage - công ty con của Công ty hoàn tất mua 65% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh.
2016	Ngày 6/1/2016: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage - Công ty con của Công ty hoàn tất việc mua thêm 20,29% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo, nâng tổng số cổ phần sở hữu tại Vĩnh Hảo lên 84,23%. Ngày 22/2/2016: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage cũng nâng sở hữu cổ phần tại Vinacafé Biên Hòa lên 60,16%.

Năm	Cột mốc quan trọng
	<p>Ngày 28/4/2016: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage mua thêm 4,32% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo, nâng tổng số cổ phần sở hữu tại Vĩnh Hảo lên 88,56%.</p> <p>Ngày 23/5/2016: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa mua 85% cổ phần Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN - một công ty hoạt động trong ngành hàng cà phê.</p> <p>Ngày 21/6/2016: Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan thành lập công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Nam Ngư Phú Quốc tại Phú Quốc.</p> <p>Ngày 8/7/2016: một công ty con của Công ty là Masan Consumer (Thailand) Limited được thành lập tại Thái Lan.</p> <p>Tháng 10/2016: Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty Cổ phần Masan PQ lên 99,99%.</p> <p>Đầu tháng 12/2016: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Vinacafé Biên Hòa lên 68,46% thông qua việc chào mua công khai.</p>
2018	<p>Ngày 5/2/2018: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage nâng tiếp tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Vinacafé Biên Hòa lên 98,49% thông qua việc chào mua công khai.</p> <p>Năm 2018, Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Sài Gòn (“SNF”) đã ký hợp tác chiến lược với Công ty Jinju Ham (“Jinju Ham”) - một công ty sản xuất thịt chế biến có thương hiệu hàng đầu Hàn Quốc. Jinju Ham đã mua 25% cổ phần của SNF thông qua đợt chào bán cổ phiếu sơ cấp và SNF sẽ được đổi tên thành “Masan Jinju”.</p>
2019	<p>Tháng 12/2019, Masan HPC, một công ty thành viên thuộc ngành hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình đã chào mua tối đa 60% cổ phần của Công ty cổ phần Bột giặt Net (“NETCO”) với giá 48.000 đồng/cổ phiếu. Kết quả của việc chào mua này là Masan HPC đã sở hữu 52,25% cổ phiếu NET vào đầu năm 2020. Giao dịch này nhất quán với chiến lược 5 năm của Masan nhằm mở rộng danh mục sản phẩm để phục vụ thị trường gần 100 triệu dân.</p>
2022	<p>Tháng 9/2022: Công ty đã thực hiện tái cấu trúc và chuyển giao việc sở hữu Công ty Cổ phần Masan Jinju lên Công ty TNHH MasanConsumerHoldings.</p> <p>Tháng 2/2022: Công ty Cổ phần Café De Nam hoàn tất việc sáp nhập vào Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo. Đồng thời, Công ty đã thành lập thêm Công ty TNHH Masan HG 2 nhằm mở rộng hệ thống sản xuất và phân phối ở miền Tây Nam Bộ.</p>
2023	<p>Ngày 21/9/2023: Công ty thay đổi trụ sở chính đến 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.</p>

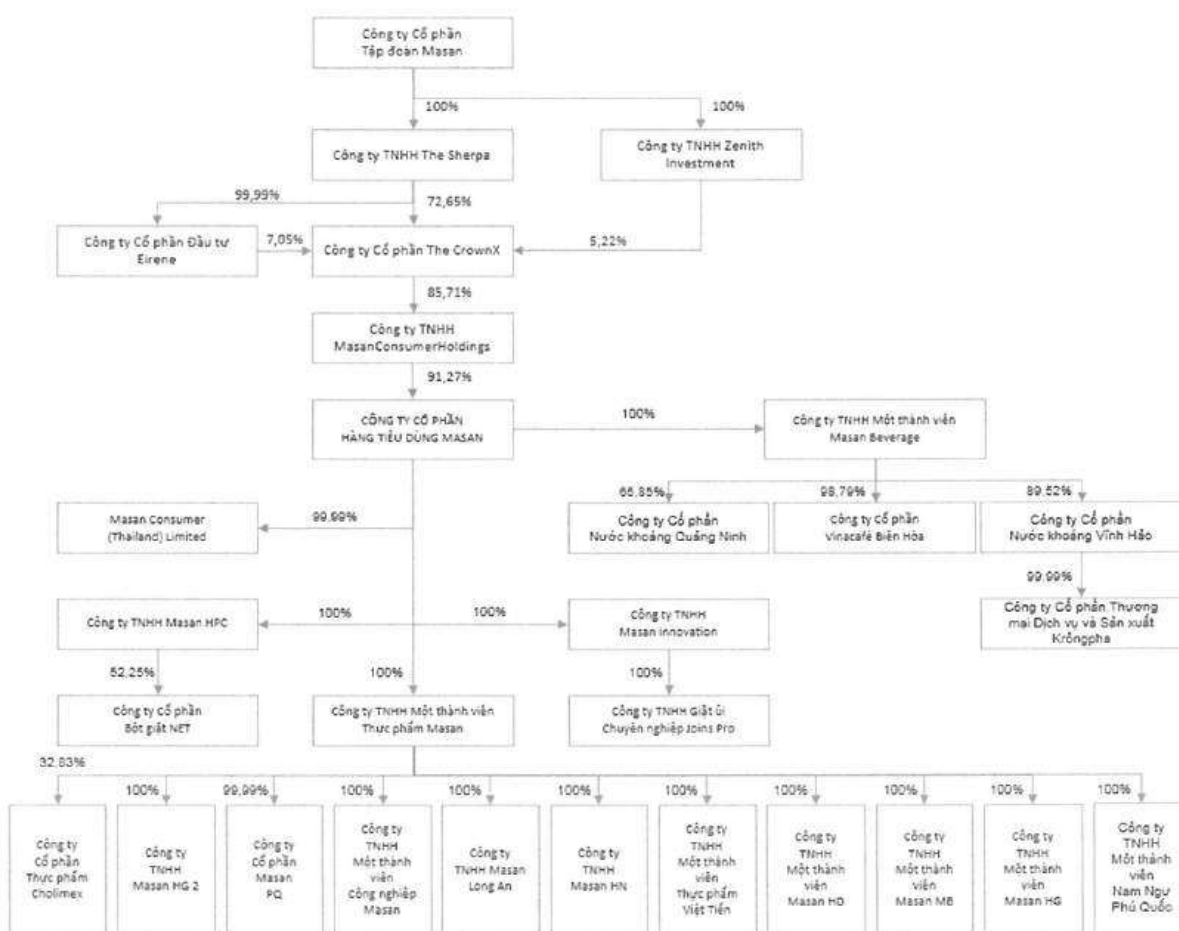
Năm	Cột mốc quan trọng
2024	Ngày 25/4/2024: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua việc niêm yết toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty (tại thời điểm đăng ký niêm yết) trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Cơ cấu của CTCP Hàng tiêu dùng Masan và công ty con được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Tại thời điểm hiện tại, CTCP Hàng tiêu dùng Masan có 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 16 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết. CTCP Hàng tiêu dùng Masan có 1 công ty mẹ trực tiếp là Công ty TNHH MasanConsumerHoldings.

Cơ cấu tổ chức của CTCP Hàng tiêu dùng Masan ở thời điểm 31/12/2024, cụ thể như sơ đồ bên dưới:

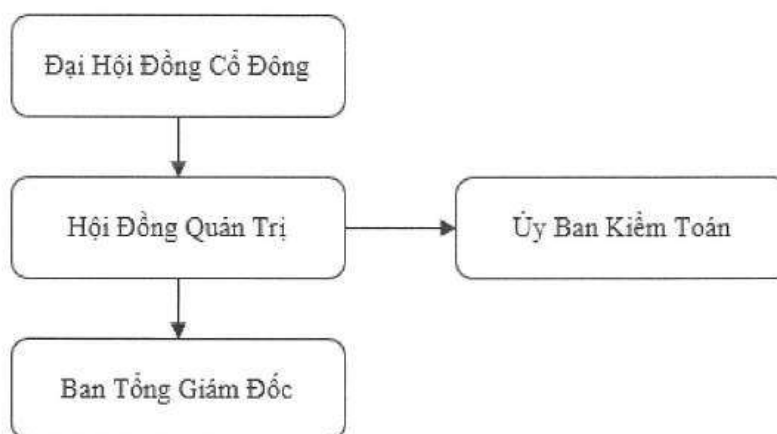


Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

Ghi chú: Tỷ lệ tại công ty liên kết là Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex trong sơ đồ là tỷ lệ lợi ích của CTCP Hàng tiêu dùng Masan.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

CTCP Hàng tiêu dùng Masan được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Tính đến ngày lập Bản Cáo Bạch này, cơ cấu quản lý của Công ty như sau:



Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

4.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông

Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tuy nhiên HĐQT có thể quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4.2. Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết. HĐQT có thể thông qua một nghị

quyết để ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ra quyết định hoặc thực hiện một hoặc một số quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo Điều lệ Công ty quy định.

HĐQT của CTCP Hàng tiêu dùng Masan hiện nay bao gồm 06 thành viên. Các thành viên HĐQT của Công ty được ĐHĐCĐ của Công ty bầu và miễn nhiệm. HĐQT của Công ty chịu trách nhiệm giám sát và chỉ đạo hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty. HĐQT của Công ty có thẩm quyền bổ nhiệm các nhân sự quản lý chủ chốt cũng như có trách nhiệm giám sát các nhân sự quản lý đó của Công ty. Chủ tịch HĐQT được HĐQT của Công ty bầu và miễn nhiệm. Nếu xét thấy cần thiết, theo đề xuất của Chủ tịch HĐQT, HĐQT có thể bầu một hoặc một số Phó Chủ tịch từ các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc của Công ty.

Danh sách thành viên HĐQT gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Danny Le	Chủ tịch HĐQT
2	Trương Công Thắng	Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Thiều Quang	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT
6	Nguyễn Thu Hiền	Thành viên HĐQT

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

4.3. Ủy Ban Kiểm Toán

Ủy Ban Kiểm Toán là cơ quan chuyên môn thuộc HĐQT, có từ 02 thành viên trở lên. Hiện Ủy Ban Kiểm Toán của CTCP Hàng tiêu dùng Masan đang có 02 thành viên.

Ủy Ban Kiểm Toán có các quyền và nghĩa vụ theo điều lệ Công ty, chủ yếu là các quyền, nghĩa vụ sau:

- Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.
- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.
- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty.
- Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để HĐQT thông qua trước khi trình lên ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt.
- Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán.

- Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
- Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên HĐQT khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy Ban Kiểm Toán.
- Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy Ban Kiểm Toán.
- Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
- Xây dựng và trình HĐQT các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với HĐQT các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
- Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến HĐQT khi phát hiện thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.
- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy Ban Kiểm Toán và trình HĐQT thông qua.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Danh sách thành viên Ủy Ban Kiểm Toán gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thu Hiền	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
2	Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên Ủy ban Kiểm toán

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

4.4. Ban Tổng Giám Đốc, Giám đốc tài chính và Kế Toán Trưởng

Ban Tổng Giám Đốc của Công Ty được HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng Giám Đốc và các nhân sự quản lý cao cấp khác có nhiệm vụ hoạch định chiến lược phát triển, giám sát và phân bổ công việc cho đội ngũ nhân viên của Công ty, kiểm soát tình hình tài chính và kế toán, quản lý vốn và kiểm soát nội bộ của Công ty. Ban Tổng Giám Đốc của CTCP Hàng tiêu dùng Masan hiện đang có 03 thành viên, 01 Giám đốc tài chính và 01 Kế toán trưởng.

Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 1% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty;

- Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT và ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ Công ty;
- Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng mà Công ty là một bên tham gia, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; và
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Danh sách Ban Tổng Giám Đốc, Giám đốc tài chính và Kế Toán Trưởng gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Hoàng Yến	Phó Tổng Giám đốc
3	Phạm Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
4	Huỳnh Việt Thăng	Giám đốc tài chính
5	Phan Thị Thúy Hoa	Kế toán trưởng

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

- 5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối tại ngày 31/12/2024**

5.1. Công ty mẹ của Công ty

CTCP Hàng tiêu dùng Masan có Công ty mẹ là Công ty TNHH MasanConsumerHoldings, thông tin cụ thể như sau:

STT	Công ty mẹ
1	Công ty TNHH MasanConsumerHoldings (“MasanConsumerHoldings”) <ul style="list-style-type: none">▪ Ngày thành lập: 06/08/2009▪ GCN ĐKDN: Số 0309269038 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/08/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30/10/2024

STT	Công ty mẹ												
	<ul style="list-style-type: none"> Địa chỉ: Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Tư vấn quản lý đầu tư Vốn điều lệ đăng ký: 602.700.000.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của MasanConsumerHoldings tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>92,29%</td> <td>93,69%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>92,29%</td> <td>93,69%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>91,27%</td> <td>92,65%</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại MasanConsumerHoldings trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	92,29%	93,69%	31/12/2023	92,29%	93,69%	31/12/2024	91,27%	92,65%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	92,29%	93,69%											
31/12/2023	92,29%	93,69%											
31/12/2024	91,27%	92,65%											

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

5.2. Công ty con trực tiếp của Công ty

CTCP Hàng tiêu dùng Masan có 05 công ty con trực tiếp, thông tin cụ thể như sau:

STT	Công ty con trực tiếp												
1	<p>Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Masan (“Masan Food”)</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 29/03/2011 GCN ĐKDN: Số 0310730197 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/03/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 30/12/2024 Địa chỉ: Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh và phân phối Vốn điều lệ đăng ký: 3.998.500.000.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại Masan Food: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Masan Food tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	100,00%	100,00%	31/12/2023	100,00%	100,00%	31/12/2024	100,00%	100,00%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	100,00%	100,00%											
31/12/2023	100,00%	100,00%											
31/12/2024	100,00%	100,00%											

STT	Công ty con trực tiếp												
2	<p>Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Beverage (“Masan Beverage”)</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 28/05/2014 GCN ĐKDN: Số 0312797567 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28/05/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 11/09/2024 Địa chỉ: Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh và phân phối Vốn điều lệ đăng ký: 4.315.000.000.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại Masan Beverage: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Masan Beverage tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	100,00%	100,00%	31/12/2023	100,00%	100,00%	31/12/2024	100,00%	100,00%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	100,00%	100,00%											
31/12/2023	100,00%	100,00%											
31/12/2024	100,00%	100,00%											
3	<p>Masan Consumer (Thailand) Limited</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 08/07/2016 GCN ĐKDN: Số 010555910555 do Phòng Phát Triển Doanh nghiệp của nước Thái Lan cấp ngày 08/07/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 21/02/2019. Địa chỉ: Số 83, Lầu 4, Đường Amnuay Songkhram, Tiểu khu Tanon Nakornchaisri, Quận Dusit, Bangkok, Thái Lan. Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh và phân phối Vốn điều lệ đăng ký: 100.000.005 THB Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại Masan Consumer (Thailand) Limited: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>99,99%</td> <td>99,99%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>99,99%</td> <td>99,99%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>99,99%</td> <td>99,99%</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Masan Consumer (Thailand) Limited tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	99,99%	99,99%	31/12/2023	99,99%	99,99%	31/12/2024	99,99%	99,99%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	99,99%	99,99%											
31/12/2023	99,99%	99,99%											
31/12/2024	99,99%	99,99%											

STT	Công ty con trực tiếp												
4	<p>Công ty TNHH Masan HPC (“Masan HPC”)</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 20/12/2019 GCN ĐKDN: Số 0316076125 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/12/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 12/09/2024. Địa chỉ: Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh và phân phối Vốn điều lệ đăng ký: 605.000.000.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại Masan HPC: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Masan HPC tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	100,00%	100,00%	31/12/2023	100,00%	100,00%	31/12/2024	100,00%	100,00%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	100,00%	100,00%											
31/12/2023	100,00%	100,00%											
31/12/2024	100,00%	100,00%											
5	<p>Công ty TNHH Masan Innovation (“Masan Innovation”)</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 09/12/2019 GCN ĐKDN: Số 0316630008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09/12/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 25/09/2024 Địa chỉ: Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh và phân phối Vốn điều lệ đăng ký: 60.000.000.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại Masan Innovation: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Masan Innovation tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	100,00%	100,00%	31/12/2023	100,00%	100,00%	31/12/2024	100,00%	100,00%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	100,00%	100,00%											
31/12/2023	100,00%	100,00%											
31/12/2024	100,00%	100,00%											

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

5.3. Công ty con gián tiếp của Công ty

CTCP Hàng tiêu dùng Masan có 16 công ty con gián tiếp, thông tin cụ thể như sau:

STT	Công ty con gián tiếp												
1	<p>Công ty TNHH Một Thành Viên Công Nghiệp Masan (“Công nghiệp Masan”)</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 10/06/2002 GCN ĐKDN: Số 3700424923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 10/06/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 20/04/2023 Địa chỉ: Lô 06, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì Vốn điều lệ đăng ký: 800.000.000.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại Công nghiệp Masan: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công nghiệp Masan tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	100,00%	100,00%	31/12/2023	100,00%	100,00%	31/12/2024	100,00%	100,00%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	100,00%	100,00%											
31/12/2023	100,00%	100,00%											
31/12/2024	100,00%	100,00%											
2	<p>Công ty TNHH Một Thành Viên Công Nghệ Thực Phẩm Việt Tiến (“Việt Tiến”)</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 10/05/2001 GCN ĐKDN: Số 0302318078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 10/05/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10/10/2024 Địa chỉ: Lô số III-10, Đường số 1, Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất gia vị và nước uống đóng chai Vốn điều lệ đăng ký: 33.000.000.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại Việt Tiến: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> </tbody> </table>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	100,00%	100,00%	31/12/2023	100,00%	100,00%			
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	100,00%	100,00%											
31/12/2023	100,00%	100,00%											

STT	Công ty con gián tiếp														
	31/12/2024	100,00%	100,00%												
	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Việt Tiến tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 														
3	Công ty Cổ phần Masan PQ (“Masan PQ”) <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 27/06/2007 GCN ĐKDN: Số 1700544328 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 27/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06/02/2024 Địa chỉ: Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất gia vị Vốn điều lệ đăng ký: 70.000.000.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại Masan PQ: <table border="1" data-bbox="338 887 975 1144"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>99,99%</td> <td>99,99%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>99,99%</td> <td>99,99%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>99,99%</td> <td>99,99%</td> </tr> </tbody> </table> 			Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	99,99%	99,99%	31/12/2023	99,99%	99,99%	31/12/2024	99,99%	99,99%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết													
31/12/2022	99,99%	99,99%													
31/12/2023	99,99%	99,99%													
31/12/2024	99,99%	99,99%													
	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Masan PQ tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 														
4	Công ty TNHH Masan Long An (“Masan Long An”) <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 23/01/2019 GCN ĐKDN: Số 1101905952 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 23/01/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 11/01/2024 Địa chỉ: Ấp 2, Xã Thạnh Hòa, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất gia vị và nước uống đóng chai Vốn điều lệ đăng ký: 264.000.000.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại Masan Long An: <table border="1" data-bbox="338 1644 975 1901"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> </tbody> </table> 			Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	100,00%	100,00%	31/12/2023	100,00%	100,00%	31/12/2024	100,00%	100,00%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết													
31/12/2022	100,00%	100,00%													
31/12/2023	100,00%	100,00%													
31/12/2024	100,00%	100,00%													

STT	Công ty con gián tiếp												
	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Masan Long An tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 												
5	<p>Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (“Masan HD”)</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 13/03/2009 GCN ĐKDN: Số 0800570880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 13/03/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23/02/2024 Địa chỉ: Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất thực phẩm tiện lợi và gia vị Vốn điều lệ đăng ký: 68.000.000.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại Masan HD: <table border="1" data-bbox="341 869 975 1122"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Masan HD tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0%</p>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	100,00%	100,00%	31/12/2023	100,00%	100,00%	31/12/2024	100,00%	100,00%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	100,00%	100,00%											
31/12/2023	100,00%	100,00%											
31/12/2024	100,00%	100,00%											
6	<p>Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB (“Masan MB”)</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 20/10/2014 GCN ĐKDN: Số 2901738808 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03/6/2022 Địa chỉ: Khu B, Khu Công nghiệp Nam Cẩm - Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Long, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì và đồ uống Vốn điều lệ đăng ký: 620.000.000.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại Masan MB: <table border="1" data-bbox="341 1664 975 1917"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> </tbody> </table> 	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	100,00%	100,00%	31/12/2023	100,00%	100,00%	31/12/2024	100,00%	100,00%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	100,00%	100,00%											
31/12/2023	100,00%	100,00%											
31/12/2024	100,00%	100,00%											

STT	Công ty con gián tiếp												
	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Masan MB tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 												
7	<p>Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG (“Masan HG”)</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 11/06/2015 GCN ĐKDN: Số 6300262818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 11/06/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 20/12/2024 Địa chỉ: Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì và đồ uống Vốn điều lệ đăng ký: 942.500.000.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại Masan HG: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Masan HG tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	100,00%	100,00%	31/12/2023	100,00%	100,00%	31/12/2024	100,00%	100,00%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	100,00%	100,00%											
31/12/2023	100,00%	100,00%											
31/12/2024	100,00%	100,00%											
8	<p>Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngự Phú Quốc (“Nam Ngự Phú Quốc”)</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 21/06/2016 GCN ĐKDN: Số 1702051991 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 21/06/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/02/2024 Địa chỉ: Tổ 1, ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất gia vị Vốn điều lệ đăng ký: 130.000.000.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại Nam Ngự Phú Quốc: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> </tbody> </table>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	100,00%	100,00%	31/12/2023	100,00%	100,00%	31/12/2024	100,00%	100,00%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	100,00%	100,00%											
31/12/2023	100,00%	100,00%											
31/12/2024	100,00%	100,00%											

STT	Công ty con gián tiếp												
	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Nam Ngư Phú Quốc tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 												
9	<p>Công ty TNHH Masan HN (“Masan HN”)</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 05/08/2020 GCN ĐKDN: Số 0700841110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 05/08/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 29/7/2024 Địa chỉ: Lô CN-08 & CN-14, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cường, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì Vốn điều lệ đăng ký: 390.000.000.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại Masan HN: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/ VDL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Masan HN tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VDL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	100,00%	100,00%	31/12/2023	100,00%	100,00%	31/12/2024	100,00%	100,00%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VDL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	100,00%	100,00%											
31/12/2023	100,00%	100,00%											
31/12/2024	100,00%	100,00%											
10	<p>Công ty TNHH Masan HG 2 (“Masan HG2”)</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 15/12/2022 GCN ĐKDN: Số 6300356544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 15/12/2022, chưa có đăng ký thay đổi. Địa chỉ: Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì và đồ uống Vốn điều lệ đăng ký: 275.000.000.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại Masan HG2: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/ VDL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>100,00%</td> <td>100,00%</td> </tr> </tbody> </table>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VDL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	100,00%	100,00%	31/12/2023	100,00%	100,00%	31/12/2024	100,00%	100,00%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VDL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	100,00%	100,00%											
31/12/2023	100,00%	100,00%											
31/12/2024	100,00%	100,00%											

STT	Công ty con gián tiếp												
	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Masan HG2 tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 												
11	<p>Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“VinaCafé B.H”)</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 29/12/2004. GCN ĐKDN: Số 3600261626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 29/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 20/10/2023 Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh đồ uống Vốn điều lệ đăng ký: 265.791.350.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại VinaCafé B.H: <table border="1" data-bbox="336 869 975 1126"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>98,79%</td> <td>98,79%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>98,79%</td> <td>98,79%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>98,79%</td> <td>98,79%</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của VinaCafé B.H tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	98,79%	98,79%	31/12/2023	98,79%	98,79%	31/12/2024	98,79%	98,79%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	98,79%	98,79%											
31/12/2023	98,79%	98,79%											
31/12/2024	98,79%	98,79%											
12	<p>Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Vĩnh Hảo”)</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 09/03/1995 GCN ĐKDN: Số 3400178402 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 09/03/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 03/6/2024 Địa chỉ: Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Bình Thuận, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh đồ uống và bao bì Vốn điều lệ đăng ký: 131.963.660.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại Vĩnh Hảo: <table border="1" data-bbox="336 1626 975 1883"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>89,52%</td> <td>89,52%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>89,52%</td> <td>89,52%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>89,52%</td> <td>89,52%</td> </tr> </tbody> </table>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	89,52%	89,52%	31/12/2023	89,52%	89,52%	31/12/2024	89,52%	89,52%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	89,52%	89,52%											
31/12/2023	89,52%	89,52%											
31/12/2024	89,52%	89,52%											

STT	Công ty con gián tiếp												
	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Vinh Hào tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 												
13	<p>Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha (“Kronfa”)</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 08/08/2006 GCN ĐKDN: Số 4500107830 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp lần đầu ngày 08/08/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/5/2024 Địa chỉ: Km 37, Quốc lộ 27, Thị Trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất đồ uống Vốn điều lệ đăng ký: 68.000.000.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại Kronfa: <table border="1" data-bbox="338 831 975 1088"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>89,52%</td> <td>99,999%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>89,52%</td> <td>99,999%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>89,52%</td> <td>99,999%</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Kronfa tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	89,52%	99,999%	31/12/2023	89,52%	99,999%	31/12/2024	89,52%	99,999%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	89,52%	99,999%											
31/12/2023	89,52%	99,999%											
31/12/2024	89,52%	99,999%											
14	<p>Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“QNW Corp”)</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 01/09/2004 GCN ĐKDN: Số 5700379618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 13/12/2021 Địa chỉ: Tổ 3A, Khu 4, Phố Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh đồ uống Vốn điều lệ đăng ký: 80.000.000.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại QNW Corp: <table border="1" data-bbox="338 1626 975 1883"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>65,85%</td> <td>65,85%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>65,85%</td> <td>65,85%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>65,85%</td> <td>65,85%</td> </tr> </tbody> </table>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	65,85%	65,85%	31/12/2023	65,85%	65,85%	31/12/2024	65,85%	65,85%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	65,85%	65,85%											
31/12/2023	65,85%	65,85%											
31/12/2024	65,85%	65,85%											

STT	Công ty con gián tiếp												
	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của QNW Corp tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 												
15	<p>Công ty Cổ phần Bột Giặt NET (“NETCO”)</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 01/07/2003 GCN ĐKDN: Số 3600642822 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 01/07/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 05/3/2024 Địa chỉ: Đường D4, KCN Lộc An - Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh sản phẩm chăm sóc gia đình Vốn điều lệ đăng ký: 223.983.740.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại NETCO: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/ VDL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>52,25%</td> <td>52,25%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>52,25%</td> <td>52,25%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>52,25%</td> <td>52,25%</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của NETCO tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VDL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	52,25%	52,25%	31/12/2023	52,25%	52,25%	31/12/2024	52,25%	52,25%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VDL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	52,25%	52,25%											
31/12/2023	52,25%	52,25%											
31/12/2024	52,25%	52,25%											
16	<p>Công ty TNHH Giặt Ủi Chuyên Nghiệp Joins Pro (“Joins Pro”)</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 09/11/2021 GCN ĐKDN: Số 0317020365 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09/11/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11/09/2024 Địa chỉ: Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Cung cấp dịch vụ giặt ủi Vốn điều lệ đăng ký: 30.000.000.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại Joins Pro: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/ VDL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>100%</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>100%</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>100%</td> <td>100%</td> </tr> </tbody> </table>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VDL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	100%	100%	31/12/2023	100%	100%	31/12/2024	100%	100%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VDL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	100%	100%											
31/12/2023	100%	100%											
31/12/2024	100%	100%											

STT	Công ty con gián tiếp
	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Joins Pro tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0%

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

5.4. Công ty liên kết của Công ty

CTCP Hàng tiêu dùng Masan có 01 công ty liên kết, thông tin cụ thể như sau:

STT	Công ty liên kết												
1	<p>Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (“Cholimex Food”)</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 19/07/2006 GCN ĐKDN: Số 0304475742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 19/07/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 12/05/2023 Địa chỉ: Lô C40-43/I, C51-55/II Đường Số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh gia vị Vốn điều lệ đăng ký: 81.000.000.000 đồng Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại Cholimex Food: <table border="1" data-bbox="338 1081 975 1339"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th> <th>Tỷ lệ sở hữu/VĐL</th> <th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2022</td> <td>32,83%</td> <td>32,83%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2023</td> <td>32,83%</td> <td>32,83%</td> </tr> <tr> <td>31/12/2024</td> <td>32,83%</td> <td>32,83%</td> </tr> </tbody> </table> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Cholimex Food tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan trong 2 năm liền trước và tới thời điểm hiện tại: 0% 	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2022	32,83%	32,83%	31/12/2023	32,83%	32,83%	31/12/2024	32,83%	32,83%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết											
31/12/2022	32,83%	32,83%											
31/12/2023	32,83%	32,83%											
31/12/2024	32,83%	32,83%											

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty

Tại thời điểm thành lập ngày 31/05/2000, vốn điều lệ của Công ty là 15.000.000.000 (Mười lăm tỷ) đồng.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện 29 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh, và Công ty không thực hiện bất kỳ một đợt giảm vốn điều lệ nào. Vốn điều lệ hiện nay là 7.355.531.790.000 đồng (Bảy nghìn ba trăm năm mươi lăm tỷ, năm trăm ba mươi một triệu, bảy trăm chín mươi ngàn đồng), tương ứng 735.553.179 cổ phần. Chi tiết quá trình tăng vốn như sau:

Bảng 2: Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VDL sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
2000	1	15,00	15,00	Góp vốn điều lệ	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000082 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/5/2000 (tên cũ là CTCP Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Minh Việt)
2003	2	13,50	28,50	Nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Công nghiệp - Kỹ nghệ - Thương mại Việt Tiến	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 ngày 22/7/2003 - Biên bản họp HĐQT bất thường ngày 04/01/2003 của các Công ty Cổ phần Công nghiệp - Kỹ nghệ - Thương mại Việt Tiến (công ty bị sáp nhập) và Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Minh Việt (công ty nhận sáp nhập trước khi đổi tên)
2004	3	16,50	45,00	Phát hành cho cổ đông hiện hữu, phát hành riêng lẻ	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 ngày 14/6/2004 - Nghị Quyết ĐHCĐ về việc phát hành tăng vốn.
Đợt 1 2006	4	27,25	72,25	Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức, phát hành cho cán bộ công nhân viên và cổ đông chiến lược	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 ngày 20/7/2006; - Quyết định của ĐHCĐ số 13.06/QĐ_MST ngày 7/7/2006
Đợt 2 2006	5	12,75	85,00	Phát hành riêng lẻ	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 ngày 14/9/2006 - Nghị quyết ĐHCĐ theo phương thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 28/08/2006
Đợt 1 2007	6	28,39	113,39	Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 11 ngày 28/2/2007 - Nghị quyết ĐHCĐ theo phương thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 26/2/2007
Đợt 2 2007	7	25,00	138,39	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 ngày 25/12/2007 - Nghị quyết ĐHCĐ theo phương

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VDL sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
				chọn cho người lao động trong Công ty, phát hành cổ phiếu riêng lẻ	thức xin ý kiến bằng văn bản ngày 26/2/2007 về việc phát hành cổ phiếu ESOP và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 16-07/QĐ/ĐHĐCĐ về việc điều chỉnh phương án phát hành
2008	8	118,80	257,19	Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức, Phát hành cổ phiếu thưởng, Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 13 ngày 10/5/2008 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 40416/NQ-ĐHĐCĐ-08 ngày 16/4/2008 - Công văn số 720/UBCK-QLPH ngày 25/4/2008 của UBCKNN
2009	9	372,81	630,00	Phát hành cổ phiếu thưởng: 360.067.720.000 VND Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công Ty: 12.000.000.000 VND Phát hành cổ phiếu riêng lẻ: 741.050.000 VND	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 11/6/2009 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 0405/NQ- ĐHĐCĐ-09 ngày 5/4/2009 - Công văn số 761/UBCK-QLPH ngày 07/05/2009 của UBCKNN .
2010	10	670,00	1.300,00	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công Ty: 40.000.000.000 VND Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 21 ngày 29/9/2010 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0331/NQ-ĐHĐCĐ-10 ngày 31/3/2010 - Công văn số 2829/UBCKNN-QLPH ngày 08/9/2010 của UBCKNN - Công văn số 3018/UBCK-QLPH ngày 23/9/2010 của UBCKNN

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
				630.000.000.000 VND	
Đợt 1 2011	11	144,44	1.444,44	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 24 ngày 1/6/2011 - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 69/NQ- ĐHĐCĐ-11 ngày 6/4/2011 - Công văn số 1564/UBCKNN-QLPH ngày 30/5/2011 của UBCKNN
Đợt 2 2011	12	26,14	1.470,58	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 25 ngày 21/6/2011 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 84/NQ- ĐHĐCĐ-11 ngày 24/4/2011 - Công văn số 1735/UBCKNN-QLPH ngày 03/6/2011 của UBCKNN
Đợt 3 2011	13	1.029,42	2.500,00	Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 26 ngày 20/7/2011 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 84/NQ- ĐHĐCĐ-11 ngày 24/4/2011 - Công văn số 1904/UBCKNN-QLPH ngày 27/6/2011 của UBCKNN
Đợt 1 2012	14	12,50	2.512,50	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 28 ngày 22/5/2012 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/2012/NQ- ĐHĐCĐ- MSC ngày 23/4/2012 - Công văn số 1479/UBCKNN-QLPH ngày 14/5/2012 của UBCKNN
Đợt 2 2012	15	2.512,50	5.025,00	Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 29 ngày 8/6/2012 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/2012/NQ- ĐHĐCĐ- MSC ngày 23/4/2012. - Công văn số 1925/UBCKNN-QLPH ngày 30/5/2012 của UBCKNN
Đợt 1 2013	16	228,40	5.253,40	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 30 ngày 6/2/2013 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 25/2012/NQ- ĐHĐCĐ theo phương thức xin ý kiến bằng văn bản ngày 22/12/2012 - Công văn số 233/UBCKNN-QLPH ngày 15/01/2013 của UBCKNN

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VDL sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
Đợt 2 2013	17	19,95	5.273,35	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 31 ngày 1/7/2013 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 09/2013/NQ-ĐHĐCĐ- MSC ngày 22/4/2013 - Công văn số 2256/UBCKNN-QLPH ngày 05/6/2013 của UBCKNN
2014	18	39,90	5.313,26	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 33 ngày 27/6/2014 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 17/2014/NQ-ĐHĐCĐ- MSC ngày 23/4/2014 - Công văn số 3273/UBCKNN-QLPH ngày 29/5/2014 của UBCKNN
2015	19	38,33	5.351,60	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 35 ngày 6/8/2015 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ- MSC ngày 25/4/2015 - Công văn số 4196/UBCKNN-QLPH ngày 02/7/2015 của UBCKNN
2016	20	30,00	5.381,60	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 37 ngày 4/8/2016 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ- MSC ngày 26/4/2016 kèm theo Biên bản họp - Công văn số 3136/UBCKNN-QLCB ngày 08/6/2016 của UBCKNN
2017	21	49,73	5.431,33	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 40 ngày 02/08/2017 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ- MSC ngày 20/04/2017 - Công văn số 4389/UBCK-QLCB ngày 28/6/2017 của UBCKNN
Đợt 1 2018	22	52,41	5.483,74	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 42 ngày 26/07/2018 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ- MSC ngày 24/04/2018

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VDL sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
				lao động trong Công ty	- Công văn số 4111/UBCK-QLCB ngày 03/7/2018 của UBCKNN
Đợt 2 2018	23	795,56	6.279,29	Phát hành cổ phiếu thưởng	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 43 ngày 14/09/2018 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 24/04/2018 - Công văn số 4968/UBCK-QLCB ngày 10/8/2018 của UBCKNN
Đợt 1 2019	24	30,49	6.309,78	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 44 ngày 30/07/2019 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 24/04/2019 - Công văn số 4123/UBCK-QLCB ngày 01/9/2019 của UBCKNN
Đợt 2 2019	25	919,46	7.229,25	Phát hành cổ phiếu thưởng	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 45 ngày 12/09/2019 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 24/04/2019 - Công văn số 4752/UBCK-QLCB ngày 07/8/2019 của UBCKNN
2020	26	38,69	7.267,94	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 47 ngày 26/10/2020 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 30/06/2020 - Công văn số 5495/UBCK-QLCB ngày 10/9/2020 của UBCKNN
2022	27	6,68	7.274,62	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 48 ngày 29/08/2022 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 28/04/2022 - Công văn số 5052/UBCK-QLCB ngày 03/8/2022 của UBCKNN
Đợt 1 2024	28	9,61	7.284,23	Phát hành cổ phiếu theo	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 50 ngày 31/01/2024

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
				chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 24/04/2023 - Công văn số 9451/UBCK-QLCB ngày 29/12/2023 của UBCKNN
Đợt 2 2024	29	71,30	7.355,53	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 51 ngày 31/12/2024 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 25/04/2024 - Công văn số 5371/UBCK-QLCB ngày 22/08/2021 của UBCKNN

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

Việc tăng vốn của Công ty đã được thuyết minh chi tiết tại các báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm hoặc tại Báo cáo biến động vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần được kiểm toán. Các đơn vị thực hiện kiểm toán các báo cáo này đã chấp thuận và không có bất cứ ý kiến nào về việc các lần tăng vốn của Công ty.

Cụ thể, ý kiến của Công ty TNHH KPMG Việt Nam, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo biến động vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần của đợt gần nhất như sau:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo biến động vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan tại ngày 5 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2024 đến ngày 5 tháng 9 năm 2024 đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán được mô tả trong Thuyết minh 2 của Báo cáo Biến động vốn.”

Theo báo cáo kiểm toán biến động vốn cổ phần nêu trên, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan tại ngày 5/9/2024 là 7.355 tỷ đồng.

7. Thông tin khác về khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác trong năm 2022, 2023, 2024

Không có phát sinh.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách gần nhất ngày 26/09/2024:

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ %/VĐL
1	Cổ đông trong nước	2.321	707.744.515	96,22
	- Cá nhân	2.305	32.734.673	4,45
	- Tổ chức	16	675.009.842	91,77
2	Cổ đông nước ngoài	172	16.893.276	2,30
	- Cá nhân	127	880.433	0,12
	- Tổ chức	45	16.012.843	2,18
	- Tổ chức có NĐT nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	1	10.915.388	1,48
TỔNG CỘNG (1+2+3)		2.494	735.553.179	100,00

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: Căn cứ các Điều ước quốc tế có liên quan và căn cứ vào các quy định của pháp luật Việt Nam về các ngành nghề mà Công ty đã đăng ký và Công văn số 8089/UBCK-PTTT ngày 27/11/2024 của UBCKNN về việc thông báo thay đổi ngành nghề kinh doanh nhưng không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại CTCP Hàng tiêu dùng Masan tại mức 50%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: Không có.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại: 2,30% (theo Danh sách cổ đông ngày 26/09/2024).

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

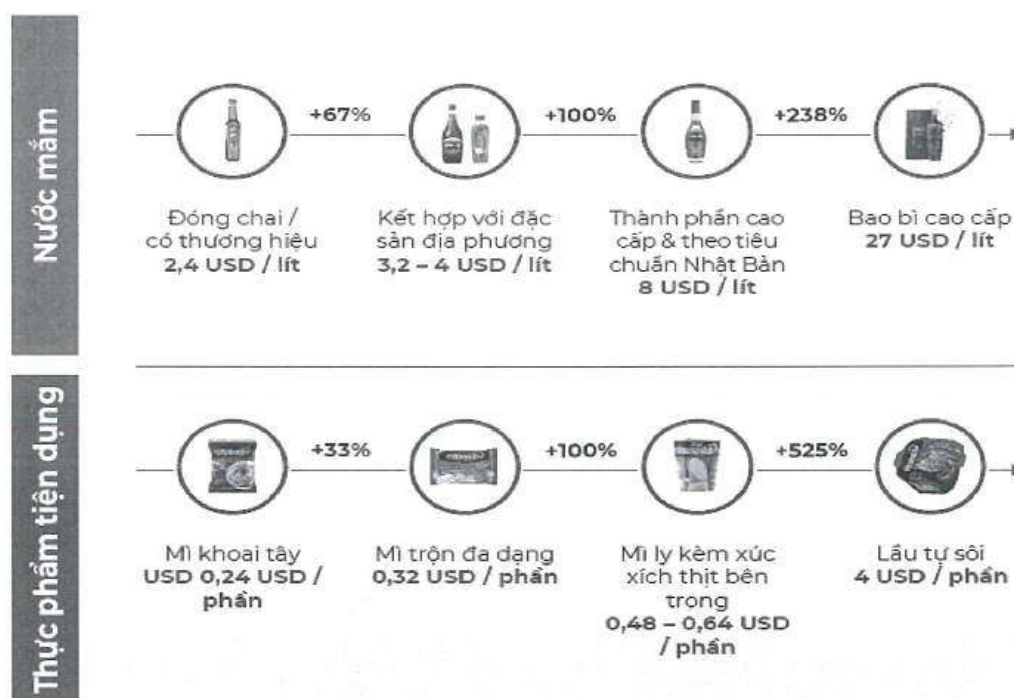
10.1.1. Các sản phẩm, dịch vụ chính

Luôn dẫn đầu trong các xu thế tiêu dùng mới và hướng đến việc phục vụ những nhu cầu lớn chưa được đáp ứng, CTCP Hàng tiêu dùng Masan đã chuyển đổi nền tảng thực phẩm và đồ uống để trở

thành công ty dẫn đầu thị trường trong các lĩnh vực hoạt động – bao gồm ngành hàng gia vị, thực phẩm tiện lợi, đồ uống, cà phê, và hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình – với các Thương Hiệu Mạnh (“Power Brands”) tại Việt Nam. Masan Consumer là công ty hàng tiêu dùng nội địa duy nhất có nhiều thương hiệu dẫn đầu tại nhiều ngành hàng lớn.

CTCP Hàng tiêu dùng Masan có nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng và phát triển thành công các Thương Hiệu Mạnh sở hữu thị phần đáng kể ở các ngành hàng khác nhau bằng sự thấu hiểu sâu sắc và phục vụ những nhu cầu lớn hàng ngày chưa được đáp ứng của người tiêu dùng Việt Nam. Trong thị trường mà giá cả là nhân tố chi phối hành vi tiêu dùng, Công ty tự hào khi có thể chuyển đổi các sản phẩm trước đây vốn được xem là hàng hoá thông thường, thành những thương hiệu mạnh, giành được sự tin yêu của người tiêu dùng ở các phân khúc khác nhau và đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng Việt Nam.

Hình 3: Cao cấp hóa danh mục sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng Việt



Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

CTCP Hàng tiêu dùng Masan sở hữu một danh mục nhãn hiệu có độ phủ rộng, với 98% các hộ gia đình Việt Nam sở hữu ít nhất một sản phẩm của Công ty.

Các thương hiệu chủ chốt của CTCP Hàng tiêu dùng Masan gồm CHIN-SU, Nam Ngư, Tam Thái Tử, Omachi, Kokomi, Vinacafé, Wake-Up, Wake-Up 247, Chanté, v.v. trong đó có nhiều thương hiệu nhiều năm liền được bình chọn là nhãn hàng phát triển nhanh nhất và được nhiều người tiêu dùng Việt tin dùng nhất.

Tính đến cuối năm 2024, Masan Consumer sở hữu 5 thương hiệu với doanh thu trên 2.000 tỷ đồng,

tự hào là các Thương Hiệu Mạnh trong các danh mục ngành hàng lớn.

- Ở ngành hàng Gia vị, Công ty sở hữu vị thế dẫn đầu với thị phần khoảng 67% nhờ vào các Thương Hiệu Mạnh cũng như các sản phẩm phát triển mới. Trong thị trường nước mắm nói riêng, Masan Consumer sở hữu thị phần gần 70% với các thương hiệu Nam Ngư và CHIN-SU. Masan Consumer cũng sở hữu khoảng 55% thị phần thị trường nước tương và khoảng 65% thị phần thị trường tương ớt với thương hiệu CHIN-SU. Công ty liên tục đưa ra các dòng sản phẩm gia vị mới với thương hiệu Chin-su cũng như cao cấp hóa các sản phẩm cho người tiêu dùng, nhằm mở rộng các cơ hội tăng trưởng trong thời gian tới (theo báo cáo thị trường của Nielsen IQ).
- Ở khu vực nông thôn, Masan Consumer đứng đầu danh sách các công ty FMCG sở hữu các thương hiệu hàng đầu, với Nam Ngư, CHIN-SU và Kokomi đều nằm trong top 5 trong danh sách các thương hiệu được lựa chọn nhiều nhất ngành thực phẩm. Trong khi đó, ở 4 thành phố lớn nhất, Masan Consumer đứng vị trí thứ ba, với CHIN-SU và Nam Ngư lần lượt xếp vị trí thứ hai và thứ ba trong danh sách các thương hiệu được lựa chọn nhiều nhất ngành thực phẩm (theo Kantar 2023 và Kantar 2024).
- Ở ngành hàng Thực phẩm tiện lợi, Masan Consumer sở hữu hai Power Brand là Omachi và Kokomi. Với hai thương hiệu này, Công ty nắm thị phần lớn thứ hai trong ngành mì ăn liền và dẫn đầu trong phân khúc mì cao cấp. Công ty cũng đang tiếp tục mở rộng thương hiệu Omachi sang các dòng sản phẩm thực phẩm tiện lợi mới, nâng tầm thương hiệu từ mì ăn liền cao cấp lên các bữa ăn đầy đủ dinh dưỡng, phù hợp thị hiếu tiêu dùng. Đây là một phần trong chiến lược cao cấp hóa ngành hàng giúp đem về tăng trưởng cao với biên lợi nhuận hấp dẫn.
- Trong ngành hàng Đồ uống, Công ty cũng sở hữu một Power Brand là Wakeup 247, dòng sản phẩm nước tăng lực vị cà phê thu hút người tiêu dùng Việt Nam. Masan Consumer cũng vừa cho ra mắt dòng sản phẩm trà BupNon Tea365, đóng góp lớn vào tăng trưởng của ngành hàng.
- Công ty mua lại 52,25% cổ phần của NETCO năm 2020, qua đó tiến vào ngành hàng HPC. Với việc cho ra mắt nhãn hàng nước giặt xả 2in1 Chanté, Masan Consumer hiện sở hữu nhãn hàng chiếm thị phần lớn nhất trong ngành hàng giặt giũ (Detergent) trong hệ thống bán lẻ hiện đại WinCommerce.

Những thành công trên của Masan Consumer đến từ khả năng phát triển sản phẩm mới mạnh mẽ dựa trên sự thấu hiểu sâu sắc nhu cầu người tiêu dùng cũng như mô hình đưa sản phẩm ra thị trường tận dụng giá trị cộng hưởng với hệ thống bán lẻ hiện đại hàng đầu WinCommerce. Doanh thu đến từ các sản phẩm mới (bao gồm các sản phẩm cải tiến được ra mắt từ năm 2018) chiếm khoảng 38% tổng doanh thu năm 2023. Luôn dẫn đầu và nắm bắt xu thế, năm 2023, Masan Consumer xây dựng mô hình Consumer Innovation Center (“CIC”) và Consumer-In-Love (“CIL”) - Trung tâm Nghiên cứu phát triển sản phẩm cùng với người tiêu dùng. CIC và CIL cho phép Masan Consumer đối thoại trực tiếp với người tiêu dùng và cùng người tiêu dùng xây dựng các ý tưởng sản phẩm mới, nhãn hiệu mới xuất phát từ cuộc sống hiện thực của họ. Công ty cũng đặt mục tiêu tăng hiệu suất thành công của việc giới thiệu sản phẩm mới thông qua quá trình thử nghiệm đa giai đoạn: mọi sản phẩm

mới chỉ được bán rộng rãi tại thị trường cả nước khi được người tiêu dùng chấp nhận thông qua giai đoạn bán thử nghiệm trực tuyến và qua WinCommerce. Mô hình dự kiến sẽ cũng giúp giảm thời gian đưa sản phẩm mới đến tay người tiêu dùng và tối ưu hóa chi phí đầu tư.

Trong tương lai, chiến lược để tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững của Masan Consumer cụ thể như sau:

- Dẫn dắt các xu hướng tiêu dùng mới và cao cấp hóa các ngành hàng mà Công ty có thị phần vượt trội.
- Tăng thị phần qua các sản phẩm mới và cải tiến ở các ngành hàng mà Công ty chưa dẫn đầu.
- Mở rộng phạm vi các Thương Hiệu Mạnh qua việc ra mắt các dòng sản phẩm liên quan với cùng thương hiệu.
- Go Global – đưa ẩm thực Việt Nam ra thế giới. Doanh thu từ xuất khẩu tăng trưởng kép 21,5% mỗi năm từ 2017 đến 2023 và dự kiến sẽ tiếp tục đóng góp mạnh mẽ vào kết quả kinh doanh của Masan Consumer.
- Xây dựng mô hình FMCG mới: chuyển đổi số toàn diện và tăng tỉ lệ thành công khi ra sản phẩm mới bằng việc tận dụng lợi thế cạnh tranh độc đáo để thử nghiệm sản phẩm mới qua hệ thống bán hàng hiện đại WinCommerce trước khi nhân rộng ra toàn hệ thống bán hàng truyền thống.

Ngành hàng Gia vị:






Ngành hàng Gia vị tiếp tục thể hiện là ngành hàng trụ cột dẫn dắt trong năm 2023 với doanh số ghi nhận ở mức 10.446 tỷ đồng (không bao gồm doanh thu xuất khẩu), tăng trưởng 18,2% so với năm 2022. Trong năm 2024, ngành hàng gia vị tiếp tục tăng trưởng doanh số tốt ở mức 7,2% so với cùng kỳ năm trước.

Nằm trong chiến lược cao cấp hóa, các dòng nước mắm chai thủy tinh của CHIN-SU Cá Cơm Biển Đông đã nâng cấp ngành hàng nước mắm với những chai thủy tinh ngon hảo hạng, cao cấp, sang trọng trong gian bếp. Trong khi đó, Nam Ngư tiếp tục nâng cấp giá trị ngành hàng chủ lực với câu chuyện mới: Tiên phong nâng tầm các đặc sản Việt, mở ra ngành hàng mới gia vị trên nền nước mắm, ra mắt bộ sưu tập nước mắm pha sẵn Nam Ngư kết hợp với các đặc sản vùng miền: Ớt tòi Lý Sơn, Me tươi Nam Bộ và Ớt gừng Kỳ Sơn. Bộ sản phẩm Nam Ngư đặc sản vùng miền đã tạo được sự mới mẻ, phù hợp với cuộc sống hiện đại, nắm bắt xu hướng mua sắm mới của người tiêu dùng đòi hỏi sự tiện lợi hơn. Thêm vào đó, ngành hàng cũng đa dạng hóa vào những loại gia vị mới như Sa tế tôm sả CHIN-SU cho các món lẩu ướp nướng, Mayonnaise CHIN-SU với vị nguyên bản, mayonnaise tương ớt và mayonnaise tương cà hương tới phân khúc khách hàng trẻ, hay CHIN-SU sốt canh chua, sốt thịt nướng, sốt phở bò, sốt thịt nướng bún chả, sốt lẩu Thái mang lại hương vị như ở nhà hàng. Nhờ vậy, ngành hàng gia vị tiếp tục ghi nhận tăng trưởng hai chữ số trong năm 2023 dù đã chiếm lĩnh thị phần đáng kể trong nhiều sản phẩm như nước mắm, nước tương, tương ớt.

Với chiến lược Vươn ra Thế giới - Đưa ẩm thực Việt nam ra bình diện toàn cầu (Go Global - Make

Vietnamese Foods Global Foods), CHIN-SU là thương hiệu dẫn đầu tiên phong trong hành trình đi ra thế giới. Tương ớt CHIN-SU được đón nhận tại các thị trường lớn như Hoa Kỳ, Nhật, Hàn, v.v. và trong top 8 trong tổng số 400 thương hiệu tương ớt trên sàn thương mại điện tử Amazon Hoa Kỳ. Trong năm 2024, CHIN-SU sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn cho chiến lược Go Global.

Một số hình ảnh sản phẩm tiêu biểu của ngành hàng các loại gia vị:

Sản phẩm	Hình ảnh
Tương ớt	
Nước tương	
Nước mắm	
Xốt gia vị	
Hạt nêm	





Ngành hàng Thực phẩm tiện lợi:

CTCP Hàng tiêu dùng Masan gia nhập ngành hàng thực phẩm tiện lợi bằng việc sản xuất và bán mì ăn liền năm 2007 với sự ra mắt của Omachi - thương hiệu mì cao cấp, dần đưa Công ty lên vị trí dẫn đầu về thị phần trong ngành hàng mì ăn liền cao cấp. Tiếp đó, Công ty tiếp tục tung ra thương hiệu mì Kokomi phục vụ phân khúc bình dân, đưa Công ty lên vị trí thứ 2 trong toàn ngành mì ăn liền.

Năm 2023, ngành thực phẩm tiện lợi của Masan Consumer thành công khi tạo được tiếng vang trên thị trường và tiếp tục đóng vai trò “dẫn dắt ngành hàng” với sản phẩm mới Omachi lẩu tự sôi, Phở Story, Kokomi đại 1 gói rưỡi, v.v. Lẩu tự sôi Omachi phù hợp với phong cách và gu của giới trẻ năng động, du lịch khám phá; Phở Story kết hợp với công thức của phở Thìn Bờ Hồ nổi tiếng hay Mì Kokomi 1 gói rưỡi tăng trọng lượng nhưng giá không đổi. Doanh thu thuần năm 2023 của ngành hàng thực phẩm tiện lợi đạt 8.446 tỷ đồng (không bao gồm doanh thu xuất khẩu), tăng trưởng 8,8% so với năm 2022 (không bao gồm ngành thịt chế biến do ngành này đã không còn được kiểm soát bởi Masan Consumer từ Quý 4 năm 2022), trong đó doanh số đến từ các nhãn hiệu cao cấp chiếm 50%. Trong năm 2024, Ngành hàng ghi nhận tăng trưởng doanh thu 9,1% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 42,0% đem về mức lợi nhuận tốt cho ngành hàng. Với vị thế dẫn đầu trong phân khúc cao cấp, Công ty dự kiến sẽ dẫn dắt xu hướng cao cấp hóa của ngành hàng thực phẩm tiện lợi trong tương lai.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

Một số hình ảnh sản phẩm tiêu biểu của ngành hàng thực phẩm tiện lợi:

Sản phẩm	Hình ảnh
Mì Omachi	
Omachi lẩu tự sôi	<p>Thơm ngon, tiện lợi, không cần nước sôi</p> <p>Nhiều topping và dinh dưỡng</p> 
Phở Story	
Mì Kokomi	

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

Ngành hàng Đồ uống đóng chai và thức uống dinh dưỡng:

Năm 2023, ngành đồ uống đóng chai và thức uống dinh dưỡng (gọi chung là ngành đồ uống) của Masan Consumer đạt 4.595 tỷ đồng (không bao gồm doanh thu xuất khẩu), tăng trưởng 3,1% so với năm 2022, chậm hơn dự kiến do những khó khăn của thị trường chung. Năm 2023 là năm ngành thức uống và đóng chai tập trung phát triển những dòng sản phẩm mới, điển hình là sự thành công của sản phẩm trà Bupnon TEA365 khi lần đầu tiên ra mắt đã nhanh chóng chinh phục nhóm đối tượng tiêu dùng trẻ, là một lực đẩy tăng trưởng doanh thu quan trọng trong năm 2024. Trong năm 2024, ngành đồ uống tăng tốc doanh thu lên mức tăng trưởng 14,7% so với cùng kỳ năm trước nhờ vào những sáng kiến về sản phẩm mới đã được ra mắt từ cuối năm 2023 như trà Bupnon TEA365.

Đồ uống đóng chai

Nước tăng lực Wake-Up 247 được ra đời từ năm 2015, là một trong những sản phẩm sáng tạo thành công nhất của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tung ra trong những năm gần đây khi doanh thu thuần tăng trưởng kép 50% giai đoạn 2015-2018. Tiếp tục thành công đó, Công ty tiếp tục cho ra mắt trà đóng chai Bupnon TEA365 vào tháng 11 năm 2023, hiện đã ghi nhận 501 tỷ đồng doanh thu trong năm 2024, đóng góp 68,5% tăng trưởng doanh thu của ngành hàng so với năm trước, cho thấy cơ hội để trở thành một dòng sản phẩm có đóng góp lớn cho tăng trưởng chung của ngành hàng đồ uống.




Nước khoáng

Nước khoáng Vĩnh Hảo là sản phẩm nước khoáng đầu tiên được giới thiệu và đã có mặt hơn 80 năm tại Việt Nam. Vĩnh Hảo hiện đang cung cấp các sản phẩm chính sau: nước khoáng không gas, nước khoáng có gas, nước khoáng chanh Lemona và nước khoáng chanh muối Lemona. Ngoài ra, Công ty cũng tung ra sản phẩm nước khoáng cao cấp Vivant vào năm 2018.

Bên cạnh đó, bằng việc mua 65,7% cổ phần của Nước Khoáng Quảng Ninh, là công ty sở hữu mỏ nước khoáng nổi tiếng Quang Hanh tại miền Bắc Việt Nam trong năm 2016 (hiện nay, CTCP Hàng tiêu dùng Masan đang sở hữu 65,85% cổ phần tại Nước Khoáng Quảng Ninh), CTCP Hàng tiêu dùng Masan đã trở thành một trong những công ty nước khoáng trong nước lớn nhất. Nước Khoáng Quảng Ninh nổi tiếng với hai dòng sản phẩm nước khoáng thiên nhiên được ưa chuộng: Quang Hanh và Faith.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

Một số hình ảnh sản phẩm tiêu biểu của ngành hàng đồ uống đóng chai:

Sản phẩm	Hình ảnh
Wake-Up 247	
Trà Bupnon TEA365	
Nước khoáng Vivant	
Sữa hạt B'fast	

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

Ngành hàng Cà phê:

Vinacafé có lịch sử hình thành từ năm 1968, đã bắt đầu sản xuất và bán cà phê hòa tan vào năm 1978 để xuất khẩu sang thị trường Đông Âu và bắt đầu bán ở thị trường nội địa Việt Nam vào năm 1990. Hiện tại, CTCP Hàng tiêu dùng Masan đang bán ra thị trường hai nhóm sản phẩm: VinaCafé và Wake-Up lần lượt là hai thương hiệu cao cấp và đại chúng của Công ty. Thương hiệu VinaCafé hiện được bán với ba loại sản phẩm: Cà phê hòa tan VinaCafé Pure Instant Coffee, Cà phê hòa tan

VinaCafé 3-trong-1 và cà phê VinaCafé R&G, mỗi loại đều sử dụng các nguyên liệu và phương thức đóng gói cao cấp. Thương hiệu cà phê Wake-Up được bán với hai loại sản phẩm: Wake-Up Café Sài Gòn và Wake-Up Café Hương Chòn, được tiếp thị lần lượt tới người tiêu dùng tại miền Nam và miền Bắc Việt Nam.

Doanh thu thuần năm 2023 của ngành hàng Cà phê đạt 1.625 tỷ đồng (không bao gồm doanh thu xuất khẩu), tăng trưởng 11,5% so với năm 2022 nhờ sự phục hồi của ngành hàng sau những khó khăn của thị trường chung. Trong năm 2024, doanh thu ngành hàng Cà phê đạt 1.769 tỷ đồng (không bao gồm doanh thu xuất khẩu), tăng trưởng 8,8% so với cùng kỳ năm trước.

Hình ảnh sản phẩm tiêu biểu của ngành hàng cà phê:



Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

Ngành hàng Hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình:

Trong năm 2023 ngành hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình (Home & Personal Care) (“HPC”) đóng góp 1.837 tỷ đồng doanh số thuần (không bao gồm doanh thu xuất khẩu), tăng trưởng 39,4% so với năm 2022 (bao gồm cả NETCO), là ngành hàng tăng trưởng cao nhất của CTCP Hàng tiêu dùng Masan. Trong đó nhãn hàng nước giặt xả 2in1 Chanté là nhãn hàng thị phần lớn nhất trong ngành hàng Giặt Giũ (Detergent) trong hệ thống bán lẻ hiện đại WinCommerce, dẫn đầu bởi Chanté. Năm 2024 ngành hàng sẽ tiếp tục thúc đẩy cho sự tăng trưởng với việc tái tung Bột Giặt Joins, tung Sopa toàn quốc, và củng cố vị thế của Chanté. Trong năm 2024, doanh thu thuần HPC đạt 1.901 tỷ đồng (không bao gồm doanh thu xuất khẩu), tăng trưởng 3,5% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, Chanté tăng trưởng 76,9% và đóng góp 423,7% vào tăng trưởng toàn ngành hàng trong năm 2024.

Một số hình ảnh sản phẩm tiêu biểu của ngành hàng chăm sóc cá nhân và gia đình:

Sản phẩm	Hình ảnh
Nước giặt, bột giặt	
Nước rửa chén	

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

10.1.2. Năng lực sản xuất

Công ty tin rằng chất lượng sản phẩm và dịch vụ đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển thương hiệu và thu hút người tiêu dùng. Niềm tin này thúc đẩy CTCP Hàng tiêu dùng Masan không ngừng nghiên cứu, đầu tư và áp dụng các công nghệ và thiết bị hiện đại, tiên tiến để đáp ứng nhu cầu sản xuất, duy trì lợi thế cạnh tranh đồng thời cung ứng những sản phẩm có chất lượng vượt trội cho người tiêu dùng Việt Nam. Công ty hiện sở hữu 13 nhà máy hiện đại, được đặt tại các vị trí chiến lược giúp tối ưu chuỗi cung ứng, giảm thiểu thời gian và chi phí vận tải hàng hóa đến các khu vực dân cư tiêu dùng lớn trên cả nước.

Nhiều nhà máy được xây dựng mới trong vòng 3 năm qua, mở rộng và tăng công suất các nhà máy hiện có để đáp ứng kịp thời việc tăng sản lượng cung cấp cho thị trường. Cùng với việc tận dụng hạ tầng sẵn có, Công ty sử dụng các giải pháp kỹ thuật tối ưu và công nghệ hiện đại trên thế giới để sản xuất các sản phẩm chất lượng cao với chi phí phù hợp nhất với người tiêu dùng. Các dây chuyền sản xuất đầu tư mới từ 2022 - 2024 đã hoàn thành và đưa vào vận hành theo đúng kế hoạch, đồng thời có rất nhiều dây chuyền phục vụ các sản phẩm mới được hoàn thành, điển hình như:

- Dây chuyền sản xuất mì tại Nghệ An và Hậu Giang với tổng công suất 29,2 triệu sản phẩm/tháng;
- Xưởng sản xuất gói gia vị dành cho mì tại Bình Dương với công suất 4 tỷ gói/năm;
- Việc cải tạo nâng cấp dây chuyền tương ớt ở Bình Dương cũng giúp tăng công suất lên 20%;

- Nâng cấp dây chuyền tương ớt tự động hóa với công suất 30-35 tấn/ngày;
- Hoàn thành bàn giao vận hành dây chuyền chế biến tương ớt số 3 công suất 2.400 tấn/tháng - ở đó lần đầu tiên Công ty sản xuất thối chai PET trên hệ combi với hiệu suất dây chuyền lên tới 92%-95% giúp tiết kiệm chi phí sản xuất, bao gồm không phải mua thối chai từ dịch vụ bên thứ 3;
- Dây chuyền chế biến nước tăng lực EnerZ với công suất 30 triệu lít/năm đưa vào vận hành trong thời gian chỉ 4 tháng từ ngày phê duyệt kế hoạch kinh doanh sản phẩm mới;
- Nâng cấp công suất café đóng gói tăng 28%;
- Dây chuyền chế biến nước mắm chấm Nam Ngư ớt tỏi Lý Sơn được tận dụng máy móc thiết bị hiện hữu và bổ sung máy móc thiết bị tối thiểu có chi phí đầu tư thấp đã đáp ứng mục tiêu kinh doanh trong thời gian rất ngắn với hiệu quả đầu tư cao;
- Các hoạt động cải tạo, nâng cấp khác phục vụ mục tiêu kinh doanh và các phát kiến sản phẩm mới của Công ty như: nước mắm chấm gừng me; đầu tư các máy đóng gói và máy chiết rót tuýp cho các sản phẩm sốt ướp nấu và tương ớt, tương cà;
- Đầu tư dây chuyền chế biến sốt mayonnaise và sa tế; tăng công suất hầm xương cho Phở Story; đầu tư máy móc thiết bị cho gia công dưa chua CHIN-SU Hi-Fresh, v.v.

Hiện tại công suất sản xuất tối đa của các nhà máy của CTCP Hàng tiêu dùng Masan (tính toán trên cơ sở 26 ngày làm việc một tháng và 12 tháng một năm) là 444 triệu lít nước mắm, 108 triệu lít nước tương, 54 triệu kg tương ớt và 4 tỷ gói mì ăn liền, 4.500 tấn cà phê hòa tan, 762 triệu chai nước khoáng và nước đóng chai các loại mỗi năm.

Các nhà máy của CTCP Hàng tiêu dùng Masan tuân thủ tiêu chuẩn HACCP và đã đạt được các chứng chỉ ISO 9001 (Hệ thống quản lý chất lượng), ISO 22000 (Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm) và SA8000 (Hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội), cùng với BRC (Danh tiếng thương hiệu thông qua việc Tuân thủ), FSSC (Chương trình chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm), HALAL, ISO 14001 (Hệ thống quản lý môi trường) và ISO 45001 (Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp). Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các hướng dẫn của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Bộ Y tế Việt Nam.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

Hình 4: Nhà máy sản xuất theo tiêu chuẩn và đẳng cấp thế giới



Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

Ngoài ra, Công ty sẽ triển khai thử nghiệm dự án số hóa các dây chuyền sản xuất nhằm giảm tiêu hao năng lượng. Đồng thời, Công ty có các chính sách mạnh mẽ trong việc sử dụng năng lượng sạch trong lộ trình hóa của chương trình ESG, thông qua các kế hoạch:

- Hoàn tất chuyển đổi các xe nâng tại các nhà máy sang chạy điện;
- Tiếp tục triển khai áp dụng điện mặt trời áp mái tại các nhà máy tại Bình Dương, Hậu Giang và sẽ mở rộng sang toàn bộ các nhà máy khác trên cả nước;
- Nâng tầm hệ thống Giám sát và Quản lý tiêu hao năng lượng trong nhà máy để tiết kiệm điện năng;
- Không ngừng đổi mới quy trình sản xuất để cắt giảm sử dụng nước và cắt giảm nước xả thải sau sản xuất;
- Thực hiện giải pháp kỹ thuật thiết kế mới để giảm trọng lượng một số chai nhựa PET và HDPE;
- Thực hiện cam kết “net zero” cho các lò hơi biomass;
- Đưa tiêu chí Tiết kiệm điện năng vào quy trình chọn thầu mua máy móc thiết bị, v.v.

10.1.3. Hệ thống phân phối

CTCP Hàng tiêu dùng Masan vận hành một trong những mạng lưới phân phối thực phẩm và đồ uống lớn nhất tại Việt Nam với hơn 250 nhà phân phối độc quyền, gần 3.800 nhân viên bán hàng và khoảng 340 nghìn điểm bán lẻ truyền thống. Hơn nữa, 13 trung tâm phân phối của Công ty được

đặt ở những địa điểm chiến lược có khả năng phân phối các sản phẩm thực phẩm và đồ uống một cách hiệu quả đến từng nhà phân phối trên toàn quốc. Điều này mang lại lợi thế cạnh tranh đáng kể, như khả năng cung cấp hàng hóa cho người tiêu dùng một cách hiệu quả trong khi giảm được chi phí vận chuyển. Điều này rất quan trọng vì hơn 60% dân số Việt Nam hiện sinh sống ở vùng nông thôn và ngành bán lẻ vẫn phụ thuộc chủ yếu vào kênh bán hàng truyền thống. Kênh bán hàng truyền thống là kênh phân phối chủ lực của Masan Consumer, ước tính đóng góp khoảng 80% vào doanh thu thuần năm 2024 của Công ty.

Từ năm 2020 người tiêu dùng có sự chuyển đổi lớn từ kênh bán hàng truyền thống sang kênh bán hàng hiện đại (kênh bán hàng hiện đại chiếm khoảng 12% toàn bộ bán lẻ, theo Euromonitor). Công ty có được lợi thế cộng hưởng khi là một phần của hệ sinh thái của The CrownX (chủ sở hữu của một trong những nhà bán lẻ hiện đại và lớn nhất Việt Nam), CTCP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce (“WCM”, đơn vị điều hành hệ thống siêu thị WinMart và các cửa hàng nhỏ WinMart+). Điều này giúp Công ty có thể tiếp cận người tiêu dùng mọi lúc mọi nơi và củng cố chiến lược tăng thị phần trong kênh bán hàng hiện đại. Hiện tại, Công ty đang phân phối hàng hóa qua hơn 6.000 điểm bán lẻ hiện đại, bao gồm hơn 3.700 điểm bán của WinCommerce. Kênh bán hàng hiện đại ước tính đóng góp khoảng 13% vào doanh thu thuần năm 2024 của Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng cung cấp sản phẩm qua kênh nhà hàng, khách sạn (HoReCa), hiện đóng góp hơn 3% vào doanh thu thuần năm 2024 của Công ty. Đây được xem là một kênh phân phối nhiều tiềm năng để khai phá.

Bên cạnh đó, để nắm bắt thói quen mua sắm thay đổi của số đông khách hàng, Công ty đã từng bước thiết lập hoạt động trên các nền tảng thương mại điện tử (e-commerce) từ năm 2022. Hệ thống này cho phép Công ty đẩy mạnh khâu phân phối trực tuyến để các sản phẩm được giao đến người tiêu dùng ở bất cứ đâu trong thời gian nhanh nhất. Mặc dù chỉ chính thức tham gia các nền tảng thương mại điện tử tại Việt Nam trong thời gian ngắn, Công ty nhanh chóng đạt dấu ấn ấn tượng. Trên phương diện thương mại điện tử truyền thống, hàng loạt Brand Day, Mega Event, Flash Sale trên Lazada; Shopee được Công ty chú trọng thực hiện từ tháng 5/2023, đem lại trải nghiệm mua sắm thuận tiện cho người tiêu dùng Việt Nam. Masan Consumer đã phối hợp cùng các nền tảng thương mại điện tử và các KOL/KOC thực hiện hàng loạt phiên bán hàng trực tuyến (livestream), nơi mà người dùng được tiếp cận nhanh nhất đến các sản phẩm mới, chất lượng, thú vị: Tương ớt CHIN-SU Đại Tiệc 2kg, Bộ sưu tập Nước Mắm Nam Ngư đặc sản, Lẩu tự sồi Omachi, Mì trộn Omachi Thịt xiên nướng, Mỡ mì to ăn tết lớn, Đại tiệc gia vị, Cẩu ám cô chén, v.v. đã tiếp cận hơn 10 triệu người dùng, đạt kỷ lục 35 triệu lượt tương tác. Doanh thu qua kênh thương mại điện tử hiện nay còn khiêm tốn (<1% doanh thu thuần năm 2024 của Công ty), tuy nhiên còn nhiều tiềm năng tăng trưởng và là một kênh quan trọng để Công ty xây dựng nhận thức thương hiệu và xu hướng sản phẩm.

Kênh xuất khẩu hiện chiếm khoảng 4% doanh thu thuần năm 2024 của Công ty. Với chiến lược Go Global và những kết quả khả quan ban đầu, kênh xuất khẩu dự kiến sẽ tăng tỷ trọng đóng góp mạnh mẽ vào doanh thu trong những năm sắp tới.

Với mạng lưới phân phối rộng khắp và đa dạng, Công ty có thể đảm bảo sản phẩm của Công ty luôn có mặt tại tất cả các kênh, để từ đó có thể hiểu rõ hơn về người tiêu dùng và mang đến cho họ những sản phẩm và trải nghiệm tốt hơn.

10.1.4. Công nghệ áp dụng

Trong bối cảnh mới khi doanh nghiệp phát triển, hoạt động vận hành trở nên phức tạp hơn (từ mua bán & sáp nhập, ra mắt sản phẩm mới, gia nhập ngành hàng mới, v.v.), Công ty cần đến những công cụ thích hợp để quản lý sự tăng trưởng và các rủi ro liên quan. Điều này đòi hỏi phải triển khai các phương pháp quản lý hiệu quả nhất, các chính sách kiểm soát nội bộ và nền tảng ERP (Enterprise planning resources) - phần mềm quản lý doanh nghiệp thông minh chung cho tất cả các bộ phận trong hoạt động vận hành và các công ty con.

Trên cơ sở này, CTCP Hàng tiêu dùng Masan đã triển khai thành công hệ thống quản lý tài nguyên doanh nghiệp Oracle ERP R12 và áp dụng nền tảng kinh doanh điện tử (EBS) vào hoạt động từ tháng 9 năm 2014. Tất cả các công ty con của CTCP Hàng tiêu dùng Masan đã kết nối thành công đến Hệ thống ERP chung để quản lý kế toán, tài chính, hàng tồn kho và chuỗi cung ứng.

10.1.5. Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu:

Nguyên liệu sản xuất chính của CTCP Hàng tiêu dùng Masan là những nguyên liệu thực phẩm và vật liệu đóng gói. Các nguyên liệu chính gồm bột mì, dầu ăn, cà phê, đường, nước mắm cốt, cá cơm, thịt tươi, rau củ quả tươi, rau củ sấy khô, đậu nành, nước khoáng, các hương liệu và các loại gia vị khác nhau. Ngoài ra, các loại bao bì đóng gói như chai nhựa, chai thủy tinh, thùng carton, nhãn giấy, tô/cốc giấy, màng phức hợp, v.v. cũng là các thành phần quan trọng trong chi phí sản xuất sản phẩm của CTCP Hàng tiêu dùng Masan. Đối với nhóm ngành bột giặt và chất tẩy rửa, các nguyên liệu đầu vào chủ yếu là chất hoạt động bề mặt, nguyên liệu lỏng, nguyên liệu rắn và hương liệu, như: Lasna, Sodium Sulphate, Sodium Sillicate, Sodium Carbonate, Whitening, Blue/Red Particle, Enzyme, Soudé, Slesn, $MgSO_4 \cdot H_2O$, v.v.

Sự ổn định của nguồn cung cấp:

CTCP Hàng tiêu dùng Masan có hệ thống nhà cung cấp đa dạng và không phụ thuộc vào bất kỳ một nhà cung cấp cho bất kỳ nguyên liệu nào. Các nhà cung cấp lớn nhất chiếm khoảng 30% chi phí nguyên liệu của CTCP hàng tiêu dùng Masan. Bộ phận thu mua của Công ty chủ yếu đặt tại trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm tìm kiếm và đàm phán với các nhà cung cấp cho tất cả các nguyên liệu của Công ty. Bộ phận thu mua của CTCP Hàng tiêu dùng Masan hiện đang thu mua nguyên liệu từ trên 500 nhà cung cấp theo hợp đồng để đảm bảo nguồn nguyên liệu chất lượng cao và ổn định. Công ty luôn ưu tiên lựa chọn các nhà cung cấp có thương hiệu, uy tín, đảm bảo chất lượng. Mỗi nguyên liệu thường được cung cấp từ ít nhất hai nguồn khác nhau để giảm thiểu rủi ro do phụ thuộc vào một nhà cung cấp với các tiêu chí lựa chọn sau:

- Nhà cung cấp sản phẩm có chất lượng cao;

- Đảm bảo thời gian giao hàng kịp thời;
- Khả năng cung ứng sản phẩm đáp ứng nhu cầu đặc biệt của người mua;
- Chính sách thanh toán linh hoạt, giá cạnh tranh;
- Sự phản hồi và giải quyết nhanh chóng đối với những sự cố phát sinh; và
- Các dịch vụ trước, trong và sau khi bán hàng.

Chất lượng và nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào ổn định là yếu tố bắt buộc để CTCP Hàng tiêu dùng Masan có thể mang đến các sản phẩm có chất lượng cao nhất cho người tiêu dùng. Đây là một thách thức và cũng là trách nhiệm, và CTCP Hàng tiêu dùng Masan chỉ có thể đạt được kết quả tốt nhất khi tạo được mối quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp chiến lược theo nguyên tắc “cùng nhau chiến thắng” (“win-win”).

CTCP Hàng tiêu dùng Masan tin rằng với một mạng lưới các đối tác, nhà cung cấp chiến lược nội địa, khu vực và toàn cầu đảm bảo Công ty không phụ thuộc vào bất kỳ một nhà cung cấp nào theo yêu cầu của mình.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu:

Giá nguyên liệu chính của Công ty dao động, và do đó Công ty liên tục theo dõi các xu hướng cung cấp và chi phí của các nguyên liệu và có hành động thích hợp để bảo đảm cung cấp đủ nguyên liệu cho sản xuất. CTCP Hàng tiêu dùng Masan thường ký hợp đồng nhận trực tiếp hay trả lại (take-or-pay) có mức giá cố định lên đến một năm với nhà cung cấp. Trước đây, nguyên liệu thô nhập khẩu và các chi phí liên quan chiếm khoảng 60% tổng chi phí nguyên liệu thô, nhưng tỷ lệ này đã giảm sau khi Công ty tăng cường sử dụng nguyên liệu trong nước. CTCP Hàng tiêu dùng Masan đã thực hiện một số biện pháp cắt giảm chi phí để giảm thiểu tác động của giá hàng hóa tăng cao. Những biện pháp này bao gồm việc xác định cùng với bộ phận nghiên cứu và phát triển của CTCP Hàng tiêu dùng Masan các lựa chọn nguyên liệu thay thế với chi phí thấp hơn. Trong quá khứ, CTCP Hàng tiêu dùng Masan có thể chuyển phần tăng giá nguyên vật liệu sang cho người tiêu dùng.

10.1.6. Hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:

Song song với việc đầu tư dây chuyền thiết bị hiện đại, CTCP Hàng tiêu dùng Masan luôn luôn hướng tới việc xây dựng cơ sở hạ tầng nhà máy đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về vệ sinh an toàn thực phẩm. Các nhà máy của Công ty đã đạt các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm như chứng nhận Thực hành quốc tế - Các nguyên tắc chung của vệ sinh thực phẩm - CAC/RCP 1-1969 (Rev.4-2003) cấp bởi BSI Việt Nam vào tháng 6/2018, chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 cấp bởi Tập đoàn BSI (khu vực Châu Á Thái Bình Dương) vào tháng 6/2018, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 cấp bởi Tập đoàn BSI (khu vực Châu Á Thái Bình Dương) vào tháng 6/2018, chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm FSSC 22000 cấp bởi Intertek Certification Limited vào tháng 1/2018, chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2005 cấp bởi Công ty Cổ phần Chứng nhận VCA vào tháng 5/2017, chứng nhận Hệ

thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp BS OHSAS 18001:2007 bởi Tập đoàn BSI (khu vực Châu Á Thái Bình Dương) vào tháng 6/2018, v.v. Đối với hoạt động sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa, CTCP Hàng tiêu dùng Masan cũng thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 do Bureau Veritas Certification đánh giá và chứng nhận, đồng thời, thực hiện chương trình quản lý 5S (Chương trình nâng cao năng suất), TPM (Quản lý bảo trì toàn diện), triển khai thực hiện chương trình ISO:14.000 (Bảo vệ môi trường).

Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty:

CTCP Hàng tiêu dùng Masan tin rằng người tiêu dùng Việt Nam ngày càng quan tâm đến chất lượng và an toàn của thực phẩm mà họ tiêu thụ. Do đó, CTCP Hàng tiêu dùng Masan đã tạo ra một đội ngũ quản lý chất lượng bao gồm gần 300 chuyên gia kiểm soát chất lượng có trách nhiệm kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu sử dụng tại các nhà máy sản xuất cũng như các thành phẩm.

Đội ngũ quản lý chất lượng của Công ty đã phát triển một quá trình kiểm tra bốn bước để đảm bảo rằng các sản phẩm luôn đồng nhất và đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng:

- Đầu tiên, đội ngũ quản lý chất lượng của Công ty tiến hành kiểm tra định kỳ nguyên liệu thô, nguyên liệu chế biến và vật liệu đóng gói ở mỗi kho và các nhà máy bằng cách lấy mẫu và thực hiện các bài kiểm tra trên các nguyên liệu có liên quan. Đội ngũ bảo đảm chất lượng sẽ từ chối bất kỳ nguyên liệu nào không đáp ứng mức độ chấp nhận của Công ty và trả lại cho nhà cung cấp.
- Thứ hai, nhóm nghiên cứu bảo đảm chất lượng giám sát quá trình sản xuất để đảm bảo rằng các nhà máy sản xuất sạch sẽ, rằng các nguyên liệu trước và trong quá trình sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng của Công ty, rằng các nguyên liệu được sử dụng chính xác về loại và về số lượng nguyên liệu và thành phẩm được đóng gói đúng cách.
- Thứ ba, đội ngũ bảo đảm chất lượng sau đó lấy các mẫu sản phẩm hoàn chỉnh trước khi chúng được gửi đến trung tâm phân phối và kho của Công ty để đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng của Công ty. Đội ngũ bảo đảm chất lượng sẽ báo cáo bất kỳ sản phẩm không phù hợp với bộ phận kho, bộ phận sau đó chịu trách nhiệm việc loại bỏ bất kỳ thành phẩm không phù hợp nào.
- Cuối cùng, đội ngũ bảo đảm chất lượng sẽ tiến hành kiểm tra chất lượng sản phẩm trong quá trình vận chuyển và kiểm tra định kỳ chất lượng sản phẩm tại các nhà phân phối để đảm bảo các thành phẩm của Công ty không bị hư hỏng trong thời gian giao hàng. Việc kiểm tra trong quá trình vận chuyển gồm việc kiểm tra sự xuống cấp của chai mới / thùng mẫu trong thời gian vận chuyển từ trung tâm phân phối đến nhà phân phối.

Ngoài các kiểm tra của đội ngũ bảo đảm chất lượng, để đảm bảo chất lượng đồng nhất và liên tục của nguyên liệu Công ty nhận được từ các nhà cung cấp, Công ty tiến hành đánh giá hàng năm của việc cung cấp nguyên liệu của các nhà cung cấp. Bộ phận thu mua của Công ty và các phòng ban có liên quan, chẳng hạn như đội ngũ bảo đảm chất lượng, kho vận, tài chính, và đội ngũ marketing,

cùng nhau đánh giá từng hạng mục kiểm soát chất lượng, bao gồm cả giá cả, năng lực sản xuất, độ tin cậy giao hàng và khả năng đáp ứng.

10.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

CTCP Hàng tiêu dùng Masan là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hàng tiêu dùng thiết yếu. Đây là lĩnh vực không có thời vụ mà gắn liền trực tiếp với sức khỏe và triển vọng của nền kinh tế Việt Nam.

10.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ trong giai đoạn 2022 –2024

Bảng 4: Giá trị sản xuất hợp nhất của Công ty

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Sản lượng sản xuất				
1.1	Ngành hàng gia vị				
	Nước mắm, nước tương	nghìn lít	261.311	291.710	307.412
	Hạt nêm, tương ớt, gia vị khác	tấn	63.634	67.558	78.451
1.2	Ngành hàng thực phẩm tiện lợi				
	Thực phẩm tiện lợi, bữa ăn thay thế	triệu gói	2.274	2.311	2.506
	Thịt chế biến sẵn	tấn	17.996	-	-
	Bữa ăn tiện lợi	tấn	-	103	530
1.3	Ngành đồ uống đóng chai và thức uống dinh dưỡng				
	Ngũ cốc ăn liền & trà túi lọc	tấn	4.622	4.423	4.450
	Đồ uống giải khát & trà pha sẵn	nghìn lít	435.938	433.595	489.694
1.4	Ngành hàng cà phê	tấn	18.929	21.393	20.970
1.5	Ngành hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình				
	Chăm sóc nhà cửa	tấn	81.659	98.561	98.470
	Chăm sóc cá nhân	nghìn lít	56	157	321
2	Sản lượng tiêu thụ				
2.1	Ngành hàng gia vị				
	Nước mắm, nước tương	nghìn lít	256.343	291.294	297.895
	Hạt nêm, tương ớt, gia vị khác	tấn	59.260	65.588	73.614
2.2	Ngành hàng thực phẩm tiện lợi				
	Thực phẩm tiện lợi, bữa ăn thay thế	triệu gói	2.251	2.319	2.467
	Thịt chế biến sẵn	tấn	18.373	-	-
	Bữa ăn tiện lợi	tấn	-	65	600

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
2.3	Ngành đồ uống đóng chai và thức uống dinh dưỡng				
	Ngũ cốc ăn liền & trà túi lọc	tấn	4.537	4.362	4.404
	Đồ uống giải khát & trà pha sẵn	nghìn lít	432.250	429.922	484.494
2.4	Ngành hàng cà phê	tấn	18.621	20.837	20.800
2.5	Ngành hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình				
	Chăm sóc nhà cửa	tấn	85.174	92.999	96.388
	Chăm sóc cá nhân	nghìn lít	20	139	214

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		% Tăng / (giảm) 2024-2023
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Ngành hàng gia vị	9.194.130	34,1%	10.868.213	38,5%	11.715.577	37,9%	7,8%
Ngành hàng thực phẩm tiện lợi	9.830.556	36,4%	8.579.265	30,4%	9.476.798	30,7%	10,5%
Ngành đồ uống đóng chai và thức uống dinh dưỡng	4.469.378	16,6%	4.599.699	16,3%	5.282.802	17,1%	14,9%
Ngành hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	1.569.115	5,8%	2.069.957	7,3%	2.124.597	6,9%	2,6%
Ngành hàng cà phê	1.710.050	6,3%	1.892.372	6,7%	2.051.324	6,6%	8,4%
Khác	204.045	0,8%	231.486	0,8%	246.128	0,8%	6,3%
Tổng cộng	26.977.273	100,0%	28.240.993	100,0%	30.897.226	100,0%	9,4%

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm năm ngành hàng: gia vị, thực phẩm tiện lợi, đồ uống đóng chai và thức uống dinh dưỡng, cà phê và hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình. Năm

2022, Công ty đạt doanh thu thuần hợp nhất là 26.977 tỷ đồng, trong đó ngành hàng thực phẩm tiện lợi ghi nhận doanh số ở mức 9.831 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất là 36,4% trong tổng doanh thu thuần hợp nhất. Doanh thu thuần ngành hàng gia vị và ngành hàng đồ uống đóng chai và thức uống dinh dưỡng lần lượt đạt 9.194 tỷ đồng và 4.469 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 34,1% và 16,6% trong cơ cấu doanh thu thuần. Doanh thu thuần các ngành hàng cà phê và hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình lần lượt đạt 1.710 tỷ đồng và 1.569 tỷ đồng, chiếm 6,3% và 5,8% tỷ trọng trong tổng doanh thu thuần hợp nhất của Công ty.

Năm 2023, doanh thu thuần hợp nhất của công ty đạt 28.241 tỷ đồng, tăng nhẹ 4,7% so với năm 2022. Ngành hàng gia vị trở thành trụ cột dẫn dắt với doanh số đạt 10.868 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 38,5% trong tổng doanh thu thuần hợp nhất của Công ty và tăng trưởng 18,2% so với năm 2022 nhờ vào việc mở ra các sản phẩm gia vị mới trên nền các sản phẩm sẵn có và đa dạng hóa các loại sản phẩm hướng tới phân khúc thế hệ trẻ. Tỷ trọng ngành hàng thực phẩm tiện lợi giảm do công ty không còn kiểm soát mảng Thịt chế biến, chiếm tỷ trọng 30,4% trong tổng doanh thu thuần hợp nhất của Công ty trong năm. Trong khi đó, tỷ trọng đóng góp doanh thu thuần của ngành hàng đồ uống đóng chai và thức uống dinh dưỡng, ngành hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình và ngành hàng cà phê chiếm lần lượt 16,3%, 7,3% và 6,7% trong tổng doanh thu thuần hợp nhất của Công ty trong năm.

Trong năm 2024, doanh thu thuần hợp nhất lũy kế đạt 30.897 tỷ đồng, tương đương với 98,1% - 89,6% kế hoạch năm 2024. Doanh thu thuần các ngành hàng gia vị, thực phẩm tiện lợi, đồ uống, hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình và cà phê chiếm tỷ trọng lần lượt 37,9%, 30,7%, 17,1%, 6,9% và 6,6% trong cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất của Công ty trong năm.

Các nguồn doanh thu khác bao gồm doanh thu dịch vụ, bán nguyên vật liệu khác đóng góp tỷ trọng không đáng kể vào doanh thu thuần cho Công ty, chiếm khoảng 0,8% tổng doanh thu thuần mỗi năm.

Bảng 6: Lợi nhuận gộp (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		% Tăng / (giảm) 2024-2023
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Ngành hàng thực phẩm	7.928.874	71,2%	9.200.164	70,9%	10.292.748	71,5%	11,9%
Ngành hàng đồ uống	2.809.524	25,2%	2.979.156	23,0%	3.174.214	22,0%	6,5%
Ngành hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	336.253	3,0%	661.948	5,1%	800.345	5,6%	20,9%

Lợi nhuận gộp	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		% Tăng / (giảm) 2024-2023
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Khác	56.865	0,5%	133.100	1,0%	137.378	1,0%	3,2%
Tổng cộng	11.131.516	100,0%	12.974.368	100,0%	14.404.685	100,0%	11,0%

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

Biên lợi nhuận gộp hợp nhất của năm 2022, 2023 và 2024 lần lượt là 41,3%, 45,9% và 46,6%. Biên lợi nhuận gộp cải thiện đáng kể nhờ vào việc tối ưu hóa quy trình sản xuất và chiến lược mua nguồn nguyên liệu chất lượng và ổn định. Ngành hàng thực phẩm là ngành hàng đóng góp tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tổng lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty, chiếm 71,2% tổng lợi nhuận gộp năm 2022, 70,9% năm 2023 và 71,5% năm 2024. Tiếp đến là ngành hàng đồ uống chiếm tỷ trọng 25,2% năm 2022, 23,0% năm 2023 và 22,0% năm 2024. Ngành hóa mỹ phẩm và chăm sóc cá nhân và gia đình và ngành khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu lợi nhuận gộp. Trong năm 2024, cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty vẫn giữ sự ổn định so với năm 2023.

Bảng 7: Cơ cấu Tổng doanh thu Công ty qua các năm (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		% Tăng / (giảm) 2024-2023
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
1	Doanh thu thuần từ hoạt động SXKD	26.977.273	96,6%	28.240.993	93,8%	30.897.226	94,5%	9,4%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	934.533	3,3%	1.853.512	6,2%	1.800.659	5,5%	-2,9%
3	Thu nhập khác	3.300	0,0%	9.577	0,0%	3.763	0,0%	-60,7%
	Tổng	27.915.106	100,0%	30.104.082	100,0%	32.701.647	100,0%	8,6%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2024

Bảng 8: Cơ cấu Tổng doanh thu Công ty qua các năm (Công ty mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		% Tăng / (giảm) 2024-2023
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
1	Doanh thu thuần từ	26.137.252	83,9%	27.405.675	81,1%	30.140.251	82,9%	10,0%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		% Tăng / (giảm) 2024-2023
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
	hoạt động SXKD							
2	Doanh thu hoạt động tài chính	5.007.520	16,1%	6.401.073	18,9%	6.214.668	17,1%	-2,9%
3	Thu nhập khác	697	0,0%	1.993	0,0%	363	0,0%	-81,8%
	Tổng	31.145.469	100,0%	33.808.741	100,0%	36.355.281	100,0%	7,5%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý 4 năm 2024

Tổng doanh thu thuần hợp nhất năm 2024 của Công ty đạt 30.897 tỷ đồng, tăng 9,4% so với năm 2023.

Trong cơ cấu Tổng Doanh thu, Doanh thu thuần từ hoạt động SXKD chính chiếm tỷ trọng lớn nhất và tăng trưởng ổn định qua các năm. Doanh thu hoạt động tài chính, chủ yếu là thu nhập tài chính từ tối ưu hóa dòng tiền, cũng đóng góp tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu, tỷ trọng của hoạt động này chiếm lần lượt 3,3%, 6,2% và 5,5% trong năm 2022, 2023 và năm 2024.

10.4. Tài sản cố định

Bảng 9: Tài sản cố định của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	8.642.295	4.256.150	9.619.244	4.789.111	9.870.271	4.535.135
1	Nhà cửa	2.741.198	1.981.657	2.795.421	1.930.150	2.814.239	1.857.441
2	Nâng cấp tài sản thuê	59.361	-	19.583	-	19.583	-
3	Thiết bị văn phòng	102.339	28.956	104.253	23.990	105.117	19.353
4	Máy móc và thiết bị	5.706.861	2.229.088	6.669.190	2.817.586	6.905.606	2.646.344
5	Phương tiện vận chuyển	32.536	16.449	30.797	17.385	25.726	11.997
II	TSCĐ vô hình	2.396.630	836.443	2.397.934	763.264	2.408.310	714.027
1	Quyền sử dụng đất (*)	119.086	72.124	119.086	69.171	119.086	66.218

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
2	Phần mềm máy tính	305.218	30.154	307.243	11.393	317.619	15.538
3	Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng	76.959	46.716	76.238	43.198	76.238	40.416
4	Nhãn hiệu	1.085.328	405.646	1.085.328	382.919	1.085.328	360.275
5	Quan hệ khách hàng	397.341	30.242	397.341	24.570	397.341	18.898
6	Tài nguyên nước khoáng	412.698	251.561	412.698	232.013	412.698	212.682
	Tổng cộng	11.038.925	5.092.593	12.017.178	5.552.375	12.278.581	5.249.162

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2024

(*) Chi tiết quyền sử dụng đất:

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Thời hạn
1	KCN Tân Bình - TPHCM	8.811	2000 - 2047
2	Phú Quốc - Kiên Giang	22.251	2009 - 2061
3	KCN Đại An - Hải Dương	40.000	2009 - 2052
4	KCN Nam Cẩm - Nghệ An	63.300	2014 - 2064
5	KCN Sông Hậu - Hậu Giang	99.146	2015 - 2065
6	KCN Long Thành - Đồng Nai	49.500	2006 - 2053
7	KCN Lộc An Bình Sơn - Đồng Nai	60.000	2013 - 2060
8	KCN Biên Hòa 1 - Đồng Nai (VinaCafé B.H)	13.111	2001 - 2051
9	KCN Biên Hòa 1 - Đồng Nai (NETCO)	21.197	2001 - 2051
10	Bình Thuận	91.408	2010 - 2045/2065
11	Ninh Thuận	109.072	2009 - 2032/2048
12	Quảng Ninh	13.249	1999/2013/2015 - 2029/2063
13	KCN Đồng văn IV - Hà Nam	196.216	2020 - 2066
14	KCN Tân Đông Hiệp A - Bình Dương	109.211	2002 - 2050
15	Long An	129.585	2020 - 2069
	Tổng cộng	1.026.057	

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành hàng tiêu dùng, phần lớn tài sản cố định tập trung ở máy móc thiết bị và nhà cửa.

CTCP Hàng tiêu dùng Masan hiện đang vận hành 13 nhà máy sản xuất tại Bình Dương, Tân Bình, Phú Quốc, Hải Dương, Đồng Nai, Bình Thuận, Ninh Thuận, Nghệ An, Hậu Giang và Quảng Ninh.

Các nhà máy này cho phép Công ty sản xuất các sản phẩm có chất lượng và mùi vị đồng nhất, tăng cường hơn nữa chất lượng của các thương hiệu của Công ty.

Bảng dưới đây liệt kê các tài sản cố định của CTCP Hàng tiêu dùng Masan:

STT	Loại tài sản	Địa điểm	Diện tích (m ²)
1	Nhà xưởng	KCN Tân Bình - TPHCM	8.700
2	Nhà xưởng / Văn phòng	Phú Quốc - Kiên Giang	11.483
3	Nhà xưởng / Văn phòng	KCN Đại An - Hải Dương	28.418
4	Nhà xưởng / Văn phòng	KCN Nam Cẩm - Nghệ An	58.222
5	Nhà xưởng / Văn phòng	KCN Sông Hậu - Hậu Giang	80.853
6	Nhà xưởng	KCN Long Thành - Đồng Nai	26.840
7	Nhà xưởng / Văn phòng	KCN Lộc An Bình Sơn - Đồng Nai	39.981
8	Nhà xưởng / Văn phòng	KCN Biên Hòa 1 - Đồng Nai (Vinacafe)	13.151
9	Nhà xưởng / Văn phòng	Bình Thuận	30.198
10	Nhà xưởng	Ninh Thuận	3.496
11	Nhà xưởng / Văn phòng	Quảng Ninh	6.546
12	Nhà xưởng / Văn phòng	KCN Tân Đông Hiệp A - Bình Dương	127.265
13	Nhà xưởng	KCN Sóng Thần - Bình Dương	2.004

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

Bảng dưới đây liệt kê danh sách 20 tài sản cố định lớn của CTCP Hàng tiêu dùng Masan:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên tài sản	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Tòa nhà xưởng F5MSI (29135)	168.299	97.610	173.810	99.006	173.810	94.778
2	Nhà xưởng sản xuất F3 MMB (141695)	168.265	159.372	169.107	155.468	169.107	150.709
3	Nhà xưởng CSD MHG (132202)	134.696	123.312	159.097	143.823	160.661	140.837
4	Nhà xưởng Mì Phở F3 MHG (143393)	156.302	148.523	156.463	144.283	157.166	140.575
5	Nhà máy chế biến thịt MSI (109743)	136.809	118.933	136.809	115.177	136.809	111.421
6	Nhà xưởng F2 MSI (152024)	117.569	115.406	129.911	124.175	130.328	120.870

STT	Tên tài sản	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
7	Nhà kho chứa nguyên liệu sản phẩm NET (161231)	106.526	77.484	106.526	72.110	106.526	66.735
8	Dây chuyền CSD MHG (127812)	96.825	73.892	96.825	67.513	96.825	61.134
9	Nhà chượp nước mắm cốt MHG MHG (127767)	90.634	82.175	90.634	79.653	91.201	77.684
10	Dây chuyền chiết rót CSD MMB (104487)	90.577	57.552	90.577	51.982	90.577	46.413
11	Nhà xưởng sản xuất mì F2 MMB (70602)	85.149	63.391	85.149	61.173	85.149	58.955
12	Dây chuyền chiết chai nước mắm line 1 MMB (66595)	82.454	22.971	82.454	19.568	82.454	16.165
13	DMS-Siebel Consumer Goods MSC (65671)	80.270	5.873	80.270	-	80.270	-
14	Dây chuyền chế biến tương ớt MSI (86435)	77.536	40.706	77.255	32.833	77.299	25.150
15	Hệ thống sấy phun và sấy tầng sôi VCF (39421)	75.434	32.128	75.434	27.055	75.434	21.982
16	E-Business Suite MSC (64332)	73.085	3.806	73.085	-	73.085	-
17	Hạ tầng nội bộ Nhà máy MHG (131958)	71.489	64.564	72.073	61.506	72.333	58.107
18	Dây chuyền chế biến sữa line số 1 MHG (161485)	-	-	67.934	64.244	72.216	63.477
19	Nhà Xưởng MHD (22133)	58.906	29.545	58.906	26.995	71.092	36.220
20	Nhà F4 MSI (23214)	70.084	42.603	70.441	40.492	71.292	38.852

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

10.5. Thị trường hoạt động

Bảng 10: Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất theo thị trường

Đơn vị: triệu đồng

Thị trường hoạt động	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nội địa	26.011.878	96,4%	27.179.363	96,2%	29.597.867	95,8%
Xuất khẩu	965.395	3,6%	1.061.630	3,8%	1.299.359	4,2%
Tổng cộng	26.977.273	100%	28.240.993	100%	30.897.226	100,0%

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

Bảng 11: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất theo thị trường

Đơn vị: triệu đồng

Thị trường hoạt động	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nội địa	10.858.358	97,5%	12.621.532	97,3%	13.906.661	96,5%
Xuất khẩu	273.157	2,5%	352.836	2,7%	498.024	3,5%
Tổng cộng	11.131.516	100 %	12.974.368	100%	14.404.685	100,0%

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

Công ty hoạt động chủ yếu tại thị trường Việt Nam với doanh thu nội địa chiếm hơn 96% tổng cơ cấu doanh thu hợp nhất trong giai đoạn từ 2022 – 2023, và chiếm 95,8% tổng cơ cấu doanh thu hợp nhất trong năm 2024. Hoạt động xuất khẩu chiếm tỷ trọng không cao, chủ yếu tại thị trường Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, nhưng được kỳ vọng sẽ trở thành động lực tăng trưởng lớn trong tương lai.

10.6. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Công ty thực hiện mở rộng và tăng công suất các nhà máy hiện có để đáp ứng kịp thời việc tăng sản lượng cung cấp cho thị trường và phù hợp với văn hóa, tiêu chuẩn và năng lực của Công ty.

Cùng với việc tận dụng hạ tầng sẵn có, Công ty sử dụng các giải pháp kỹ thuật tối ưu và công nghệ hiện đại trên thế giới để sản xuất các sản phẩm chất lượng cao với chi phí phù hợp nhất với người tiêu dùng và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

Công ty hoàn thiện đúng tiến độ các hạng mục đầu tư đã được HĐQT phê duyệt và đưa vào phục vụ sản xuất và kinh doanh kịp thời và hiệu quả.

Tổng mức đầu tư năm 2022, 2023 và năm 2024 lần lượt là 1.243, 573 tỷ đồng và 514 tỷ đồng. Kế hoạch đầu tư trong năm 2025 với tổng mức đầu tư dự kiến là 1.871 tỷ đồng.

Nhờ vào việc tối ưu hóa quy trình sản xuất và chiến lược mua nguồn nguyên liệu chất lượng và ổn định, biên lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty năm 2022, 2023 và 2024 đạt lần lượt là 41,3%, 45,9% và 46,6%.

10.7. Các hợp đồng lớn

Các hợp đồng lớn Công ty đã thực hiện, đã ký kết và chưa thực hiện từ năm 2022 đến nay như sau:

STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị đã thực hiện từ năm 2022 đến 2024 (tỷ đồng)	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác
Hợp đồng mua hàng									
1	2022-2024/MHD-TTCBH/HĐNT	Theo từng đơn đặt hàng	02/01/2022	02/01/2022 – 31/12/2024	132,62	Mua đường RE, RS	Công Ty CP Thành Thành Công - Biên Hòa	Không	Không có
2	2022-2024/MHG-TTCBH/HĐNT	Theo từng đơn đặt hàng	02/01/2022	02/01/2022 – 31/12/2024	824,04	Mua đường RE, RS	Công Ty CP Thành Thành Công - Biên Hòa	Không	Không có
3	2022-2024/MMB-TTCBH/HĐNT	Theo từng đơn đặt hàng	02/01/2022	02/01/2022 – 31/12/2024	687,67	Mua đường RE, RS	Công Ty CP Thành Thành Công - Biên Hòa	Không	Không có
4	2022-2024/MSC-TTCBH/HĐNT	Theo từng đơn đặt hàng	02/01/2022	02/01/2022 – 31/12/2024	119,62	Mua đường RE, RS	Công Ty CP Thành Thành Công - Biên Hòa	Không	Không có
5	2022-2024/MSI-TTCBH/HĐNT	Theo từng đơn đặt hàng	02/01/2022	02/01/2022 – 31/12/2024	706,37	Mua đường RE, RS	Công Ty CP Thành Thành Công - Biên Hòa	Không	Không có
6	2022-2024/VCF-TTCBH/HĐNT	Theo từng đơn đặt hàng	02/01/2022	02/01/2022 – 31/12/2024	726,85	Mua đường RE, RS	Công Ty CP Thành Thành Công - Biên Hòa	Không	Không có

STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị đã thực hiện từ năm 2022 đến 2024 (tỷ đồng)	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác
7	09/2022/MASAN-CLV	Theo từng đơn đặt hàng	15/04/2022	15/04/2022 – 31/12/2027	2.248,77	Mua dầu thực vật và bột mì	Công Ty TNHH Wilmar Marketing CLV	Không	Không có
8	03/FOR MOSA-MASAN	Theo từng đơn đặt hàng	27/12/2021	01/01/2022 – 31/12/2022	387,00	Mua hạt nhựa PET	Công Ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	Không	Không có
9	04/FOR MOSA-MASAN	Theo từng đơn đặt hàng	24/10/2022	01/11/2022 – 31/12/2023	370,14	Mua hạt nhựa PET	Công Ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	Không	Không có
10	05/FOR MOSA-MASAN	Theo từng đơn đặt hàng	12/12/2023	01/01/2024 – 31/12/2024	285,67	Mua hạt nhựa PET	Công Ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	Không	Không có
11	07/2022/MHD-KM	Theo từng đơn đặt hàng	01/01/2022	01/01/2022 – 31/12/2024	768,28	Mua bột mì	Công Ty Cổ Phần Khải Minh KMG (trước đây là: Công Ty TNHH Khải Minh)	Không	Không có
12	12/2022/MMB-KM	Theo từng đơn đặt hàng	01/01/2022	01/01/2022 – 31/12/2024	584,66	Mua bột mì	Công Ty Cổ Phần Khải Minh KMG (trước đây là: Công Ty TNHH Khải Minh)	Không	Không có
13	06/2022/MHD-VBFOOD D	Theo từng đơn đặt hàng	01/01/2022	01/01/2022 – 31/12/2024	511,00	Mua bột mì	Công Ty CP Thương Mại VBFOOD	Không	Không có
14	11/2022/MMB-VBF	Theo từng đơn đặt hàng	01/01/2022	01/01/2022 – 31/12/2024	547,31	Mua bột mì	Công Ty CP Thương Mại VBFOOD	Không	Không có
15	01/2020/MHG-CMPQ	Theo từng đơn đặt hàng	01/06/2020	01/06/2020 – 31/12/2025	324,96	Mua cá cơm	Công Ty TNHH Cá	Không	Không có

STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị đã thực hiện từ năm 2022 đến 2024 (tỷ đồng)	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác
							Mắm Phú Quốc		
16	01/2021/MPQ-CM	Theo từng đơn đặt hàng	02/01/2021	02/01/2021 – 31/12/2025	334,26	Mua cá com	Công Ty TNHH Cá Mắm Phú Quốc	Không	Không có
17	HCM19.489/HĐ NT/ACC -10-00095-01 (MHD)	Theo từng đơn đặt hàng	02/01/2019	02/01/2019 – 31/12/2023	89,22	Mua nguyên liệu, phụ gia thực phẩm	Công Ty CP Hóa Chất Á Châu	Không	Không có
18	HCM24.041/HĐ NT/ACC -10-00095-01 (MHD)	Theo từng đơn đặt hàng	12/12/2023	01/01/2024 – 31/12/2025	47,35	Mua nguyên liệu, phụ gia thực phẩm	Công Ty CP Hóa Chất Á Châu	Không	Không có
19	HCM20.644/HĐ NT/ACC -10-00095-01 (MHG)	Theo từng đơn đặt hàng	20/07/2020	20/07/2020 – 31/12/2023	57,74	Mua nguyên liệu, phụ gia thực phẩm	Công Ty CP Hóa Chất Á Châu	Không	Không có
20	HCM24.373/HĐ NT/ACC -10-00095-01 (MHG)	Theo từng đơn đặt hàng	01/01/2024	01/01/2024 – 31/12/2028	48,14	Mua nguyên liệu, phụ gia thực phẩm	Công Ty CP Hóa Chất Á Châu	Không	Không có
21	HCM19.490/HĐ NT/ACC -10-00095-01 (MMB)	Theo từng đơn đặt hàng	02/01/2019	02/01/2019 – 31/12/2023	65,94	Mua nguyên liệu, phụ gia thực phẩm	Công Ty CP Hóa Chất Á Châu	Không	Không có

STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị đã thực hiện từ năm 2022 đến 2024 (tỷ đồng)	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác
22	HCM24.042/HĐ NT/ACC -10-00095-02 (MMB)	Theo từng đơn đặt hàng	12/12/2023	01/01/2024 – 31/12/2025	40,91	Mua nguyên liệu, hương liệu, phụ gia, hóa chất.	Công Ty CP Hóa Chất Á Châu	Không	Không có
23	HCM19.463/HĐ NT/ACC -10-00095-00 (MSC)	Theo từng đơn đặt hàng	02/01/2019	02/01/2019 – 31/12/2023	68,34	Mua nguyên liệu, phụ gia thực phẩm	Công Ty CP Hóa Chất Á Châu	Không	Không có
24	HCM24.040/HĐ NT/ACC -10-00095-00 (MSC)	Theo từng đơn đặt hàng	12/12/2023	01/01/2024 – 31/12/2025	32,25	Mua nguyên liệu, hương liệu, phụ gia, hóa chất.	Công Ty CP Hóa Chất Á Châu	Không	Không có
25	HCM19.443/HĐ NT/ACC -10-00095-03 (MSI)	Theo từng đơn đặt hàng	02/01/2019	02/01/2019 – 31/12/2023	241,62	Mua nguyên liệu, phụ gia thực phẩm	Công Ty CP Hóa Chất Á Châu	Không	Không có
26	HCM24.043/HĐ NT/ACC -10-00095-03 (MSI)	Theo từng đơn đặt hàng	12/12/2023	01/01/2024 – 31/12/2025	157,92	Mua nguyên liệu, hương liệu, phụ gia, hóa chất.	Công Ty CP Hóa Chất Á Châu	Không	Không có
27	0926/2024/HĐT-ZENITH -MSC	1.480 tỷ	26/09/2024	26/09/2024 – 01/01/2048	20,99	Thuê văn phòng	Công ty TNHH Zenith Investment	Công ty trong cùng tập đoàn	Không có
28	(MHG - HGB)_H DDV_H	Theo thực tế sử dụng	10/11/2020	10/11/2020 - khi hai bên có thỏa	10,89	Mua dịch vụ	Công ty TNHH MTV	Công ty trong cùng	Không có

STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị đã thực hiện từ năm 2022 đến 2024 (tỷ đồng)	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác
	GB-MHG-SHVN-2020			thuận về việc chấm dứt Thỏa thuận			Masan Brewery HG	tập đoàn	
29	(MHG - HGB)_H DMB_006/2022/HĐ-MHG & Các phụ lục	Theo thực tế sử dụng	24/05/2022	24/05/2022 - khi hai bên có thỏa thuận về việc chấm dứt Hợp đồng	8,28	Mua hàng hóa	Công ty TNHH MTV Masan Brewery HG	Công ty trong cùng tập đoàn	Không có
30	(MSC-MSJ) HĐNTM B_01/2018/HĐ-SNF-MSJ	Theo chi tiết từng Phụ lục Hợp đồng	27/04/2018	27/04/2018 - khi hai bên có thỏa thuận về việc chấm dứt Hợp đồng	392,4	Mua hàng hóa	Công ty Cổ phần Masan Jinju	Công ty trong cùng Tập đoàn	Không có
31	(MSI - MSJ)_H DMBNT_116/2015/HĐ-SNFMSI	Theo chi tiết từng Phụ lục Hợp đồng	01/12/2015	01/12/2015 - khi hai bên có thỏa thuận về việc chấm dứt Hợp đồng	303,77	Mua hàng hóa	Công ty Cổ phần Masan Jinju	Công ty trong cùng tập đoàn	Không có
32	(MSI - MSJ)_H DMBTS & PL05/2023/MSJ-TLTS	42,755 tỷ	20/11/2023	20/11/2023 - khi hai bên thanh lý Hợp đồng	42,16	Mua TSCĐ	Công ty Cổ phần Masan Jinju	Công ty trong cùng tập đoàn	Không có
33	03/2015/HĐ-MMB	Theo chi tiết từng Phụ lục Hợp đồng	15/06/2015	15/06/2015 đến khi hai bên có văn bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng	16.526,71	Mua bán hàng hóa	Công ty TNHH MTV Masan MB	Công ty con gián tiếp	Không có

STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị đã thực hiện từ năm 2022 đến 2024 (tỷ đồng)	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác
34	01/2015/ HĐ- MSC	Theo chi tiết từng Phụ lục Hợp đồng	02/01/2015	02/01/2015 đến khi hai bên có văn bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng	17.563,87	Mua bán hàng hóa	Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Masan	Công ty con gián tiếp	Không có
35	01/2018/ HĐ- MSC- VHW	Theo chi tiết từng Phụ lục Hợp đồng	22/01/2018	22/01/2018 đến khi hai bên có văn bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng	1.362,23	Mua bán hàng hóa	Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hào	Công ty con gián tiếp	Không có
36	002/2020 /HĐ- MSC- MHG	Theo chi tiết từng Phụ lục Hợp đồng	01/04/2020	01/04/2020 đến khi hai bên có văn bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng	9.906,47	Mua bán hàng hóa	Công ty TNHH MTV Masan HG	Công ty con gián tiếp	Không có
37	01/2018/ HĐ- MSC- VCF	Theo chi tiết từng Phụ lục Hợp đồng	22/01/2018	01/02/2018 đến khi hai bên có văn bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng	6.093,96	Mua bán hàng hóa	Công ty CP VinaCafé Biên Hòa	Công ty con gián tiếp	Không có
38	02/2015/ HĐ- MSC	Theo chi tiết từng Phụ lục Hợp đồng	02/01/2015	02/01/2015 đến khi hai bên có văn bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng	5.952,47	Mua bán hàng hóa	Công ty TNHH MTV Masan HD	Công ty con gián tiếp	Không có
39	02/2018/ HĐ- MSC- QNW	Theo chi tiết từng Phụ lục Hợp đồng	20/03/2018	01/04/2018 đến khi hai bên có văn bản thỏa thuận chấm	728,09	Mua bán hàng hóa	Công ty CP Nước khoáng Quảng Ninh	Công ty con gián tiếp	Không có

STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị đã thực hiện từ năm 2022 đến 2024 (tỷ đồng)	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác
				dứt hợp đồng					
Hợp đồng bán hàng									
1	HĐ/1955 /MB-WCM20 21	Theo đơn đặt hàng từng lần	01/01/2021	Từ 01/01/2021 – 31/12/2021 Tự động gia hạn 1 năm khi không có thông báo chấm dứt HĐ	1.118,83	Bán thực phẩm, gia vị và nước	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Wincommerce	Công ty trong cùng Tập đoàn	Không có
2	HĐ/1546 /MB-WCM20 23	Theo đơn đặt hàng từng lần	01/01/2023	Từ 01/01/2023 – 31/12/2023 Tự động gia hạn 1 năm khi không có thông báo chấm dứt HĐ	3.401,96	Bán thực phẩm, gia vị, nước và sản phẩm chăm sóc gia đình.	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Wincommerce	Công ty trong cùng Tập đoàn	Không có
3	172/2022 /HĐNT/MASAN -BHX	Theo đơn đặt hàng từng lần	01/01/2022	Từ 01/01/2022 – 31/12/2023 Tự động gia hạn thêm 1 năm khi không có thông báo chấm dứt HĐ	1.368,83	Bán thực phẩm, gia vị, nước và sản phẩm chăm sóc gia đình.	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bách Hóa Xanh	Không	Không có
4	097/2020 /HĐPP- MSC-GT0	Theo đơn đặt hàng từng lần	01/04/2020	Từ 01/04/2020 – 31/03/2021	56,2	Bán thực phẩm, gia vị và nước	Công Ty TNHH Một Thành Viên	Không	Không có

STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị đã thực hiện từ năm 2022 đến 2024 (tỷ đồng)	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác
				Tự động gia hạn đến 31/03/2022 khi không có thông báo chấm dứt HĐ			Hoàng Kim Ngọc Lan		
5	025/2022 /HĐPP- MSC- GT0	Theo đơn đặt hàng từng lần	01/04/2022	Từ 01/04/2022 – 31/03/2023 Tự động gia hạn đến 31/03/2024 khi không có thông báo chấm dứt HĐ	675,41	Bán thực phẩm, gia vị và nước	Công Ty TNHH Một Thành Viên Hoàng Kim Ngọc Lan	Không	Không có
6	109/2024 /HĐPP- MSC- GT0	Theo đơn đặt hàng từng lần	01/04/2024	Từ 01/04/2024 – 31/03/2025 Tự động gia hạn đến 31/03/2026 khi không có thông báo chấm dứt HĐ	477,11	Bán thực phẩm, gia vị và nước	Công Ty TNHH Một Thành Viên Hoàng Kim Ngọc Lan	Không	Không có
7	017/2020 /HĐPP- MSC- GT0	Theo đơn đặt hàng từng lần	01/04/2020	Từ 01/04/2020 – 31/03/2021 Tự động gia hạn đến 31/03/2022 khi không có thông báo chấm dứt HĐ	90,21	Bán thực phẩm, gia vị và nước	Công ty TNHH Thực Phẩm T P 2	Không	Không có

STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị đã thực hiện từ năm 2022 đến 2024 (tỷ đồng)	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác
8	172/2022 /HĐPP- MSC- GT0	Theo đơn đặt hàng từng lần	01/04/2022	Từ 01/04/2022 – 31/03/2023 Tự động gia hạn đến 31/03/2024 khi không có thông báo chấm dứt HĐ	783,07	Bán thực phẩm, gia vị và nước	Công ty TNHH Thực Phẩm T P 2	Không	Không có
9	121/2024 /HĐPP- MSC- GT0	Theo đơn đặt hàng từng lần	01/04/2024	Từ 01/04/2024 – 31/03/2025 Tự động gia hạn đến 31/03/2026 khi không có thông báo chấm dứt HĐ	272,38	Bán thực phẩm, gia vị và nước	Công ty TNHH Thực Phẩm T P 2	Không	Không có
10	221/2020 /HĐPP- MSC- GT0	Theo đơn đặt hàng từng lần	01/04/2020	Từ 01/04/2020 – 31/03/2021 Tự động gia hạn đến 31/03/2022 khi không có thông báo chấm dứt HĐ	111,29	Bán thực phẩm, gia vị và nước	Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Anh Dũng	Không	Không có
11	130/2022 /HĐPP- MSC- GT0	Theo đơn đặt hàng từng lần	01/04/2022	Từ 01/04/2022 – 31/03/2023 Tự động gia hạn đến 31/03/2024 khi không có thông báo chấm dứt HĐ	847,62	Bán thực phẩm, gia vị và nước	Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Anh Dũng	Không	Không có

STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị đã thực hiện từ năm 2022 đến 2024 (tỷ đồng)	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác
				báo chấm dứt HĐ					
12	178/2024 /HĐPP- MSC- GT0	Theo đơn đặt hàng từng lần	01/04/2024	Từ 01/04/2024 – 31/03/2025 Tự động gia hạn đến 31/03/2026 khi không có thông báo chấm dứt HĐ	392,68	Bán thực phẩm, gia vị và nước	Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Anh Dũng	Không	Không có
13	147/2020 /HĐPP- MSC- GT0	Theo đơn đặt hàng từng lần	01/04/2020	Từ 01/04/2020 – 31/03/2021 Tự động gia hạn đến 31/03/2022 khi không có thông báo chấm dứt HĐ	122,71	Bán thực phẩm, gia vị và nước	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dũng Tiến	Không	Không có
14	068/2022 /HĐPP- MSC- GT0	Theo đơn đặt hàng từng lần	01/04/2022	Từ 01/04/2022 – 31/03/2023 Tự động gia hạn đến 31/03/2024 khi không có thông báo chấm dứt HĐ	985,92	Bán thực phẩm, gia vị và nước	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dũng Tiến	Không	Không có
15	033/2024 /HĐPP- MSC- GT0	Theo đơn đặt hàng từng lần	01/04/2024	Từ 01/04/2024 – 31/03/2025 Tự động gia hạn đến 31/03/2026	477,62	Bán thực phẩm, gia vị và nước	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dũng Tiến	Không	Không có

STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị đã thực hiện từ năm 2022 đến 2024 (tỷ đồng)	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác
				khi không có thông báo chấm dứt HĐ					
16	100/2020 /HĐNT/ MSC-GT0	Theo đơn đặt hàng từng lần	01/04/2020	Từ 01/04/2020 – 31/03/2021 Tự động gia hạn đến 31/03/2022 khi không có thông báo chấm dứt HĐ	94,01	Bán thực phẩm, gia vị và nước	Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại Công Nghệ Dịch Vụ Hùng Duy	Không	Không có
17	028/2022 /HĐNT/ MSC-GT0	Theo đơn đặt hàng từng lần	01/04/2022	Từ 01/04/2022 – 31/03/2023 Tự động gia hạn đến 31/03/2024 khi không có thông báo chấm dứt HĐ	871,43	Bán thực phẩm, gia vị và nước	Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại Công Nghệ Dịch Vụ Hùng Duy	Không	Không có
18	112/2024 /HĐPP- MSC-GT0	Theo đơn đặt hàng từng lần	01/04/2024	Từ 01/04/2024 – 31/03/2025 Tự động gia hạn đến 31/03/2026 khi không có thông báo chấm dứt HĐ	415,76	Bán thực phẩm, gia vị và nước	Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại Công Nghệ Dịch Vụ Hùng Duy	Không	Không có

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

(*) Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng.

10.8. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

10.8.1. Nhà cung cấp lớn

STT	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh số mua hàng (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/dịch vụ	Mối quan hệ (*)
Năm 2024						
1	CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa	1.218.450	6,43%	01/01/2024 đến 31/12/2024	Đường	Không
2	Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV	948.024	5,00%	01/01/2024 đến 31/12/2024	Bột mì, dầu	Không
3	CTCP Khải Minh KMG	471.029	2,49%	01/01/2024 đến 31/12/2024	Bột mì	Không
4	CTCP Thương Mại VBFOOD	343.069	1,81%	01/01/2024 đến 31/12/2024	Bột mì	Không
5	Công ty TNHH Cá Mắm Phú Quốc	234.242	1,24%	01/01/2024 đến 31/12/2024	Cá	Không
6	CTCP Masan Jinju	82.996	0,44%	01/01/2024 đến 31/12/2024	Sản phẩm thịt chế biến	Công ty trong cùng Tập đoàn
Năm 2023						
1	CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa	1.119.401	6,8%	01/01/2023 đến 31/12/2023	Đường	Không
2	Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV	712.029	4,3%	01/01/2023 đến 31/12/2023	Bột mì, dầu	Không
3	CTCP Khải Minh KMG	501.672	3,1%	01/01/2023 đến 31/12/2023	Bột mì	Không
4	CTCP Thương Mại VBFOOD	409.352	2,5%	01/01/2023 đến 31/12/2023	Bột mì	Không
5	Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	372.653	2,3%	01/01/2023 đến 31/12/2023	Nhựa PET	Không
6	CTCP Masan Jinju	174.149	1,1%	01/01/2023 đến 31/12/2023	Sản phẩm thịt chế biến	Công ty trong cùng Tập đoàn
Năm 2022						
1	CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa	951.075	5,6%	01/01/2022 đến 31/12/2022	Đường	Không

STT	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh số mua hàng (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/dịch vụ	Mối quan hệ (*)
2	Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV	741.760	4,4%	01/01/2022 đến 31/12/2022	Bột mì, dầu	Không
3	CTCP Khải Minh KMG	609.000	3,6%	01/01/2022 đến 31/12/2022	Bột mì	Không
4	Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	389.121	2,3%	01/01/2022 đến 31/12/2022	Nhựa PET	Không
5	CTCP Thương Mại VBFOOD	305.554	1,8%	01/01/2022 đến 31/12/2022	Bột mì	Không
6	CTCP Masan Jinju	439.021	2,6%	01/01/2022 đến 31/12/2022	Sản phẩm thịt chế biến	Công ty trong cùng Tập đoàn

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

(*) *Mối quan hệ với Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng.*

10.8.2. Khách hàng lớn

STT	Khách hàng lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/dịch vụ	Mối quan hệ (*)
Năm 2024						
1	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Wincommerce	1.932.664	6,30%	01/01/2024 đến 31/12/2024	Thực phẩm và gia vị	Công ty trong cùng tập đoàn
2	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bách Hóa Xanh	583.986	1,90%	01/01/2024 đến 31/12/2024	Thực phẩm và gia vị	Không
3	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dũng Tiến	589.769	1,90%	01/01/2024 đến 31/12/2024	Thực phẩm và gia vị	Không
4	Công Ty TNHH Một Thành Viên Hoàng Kim Ngọc Lan	553.872	1,80%	01/01/2024 đến 31/12/2024	Thực phẩm và gia vị	Không

STT	Khách hàng lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/dịch vụ	Mối quan hệ (*)
5	Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Anh Dũng	493.208	1,60%	01/01/2024 đến 31/12/2024	Thực phẩm và gia vị	Không
Năm 2023						
1	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Wincommerce	1.469.297	5,2%	01/01/2023 đến 31/12/2023	Thực phẩm và gia vị	Công ty trong cùng tập đoàn
2	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dũng Tiến	526.677	1,9%	01/01/2023 đến 31/12/2023	Thực phẩm và gia vị	Không
3	Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại Công Nghệ Dịch Vụ Hùng Duy	470.583	1,7%	01/01/2023 đến 31/12/2023	Thực phẩm và gia vị	Không
4	Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Anh Dũng	457.446	1,6%	01/01/2023 đến 31/12/2023	Thực phẩm và gia vị	Không
5	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bách Hóa Xanh	430.856	1,5%	01/01/2023 đến 31/12/2023	Thực phẩm và gia vị	Không
Năm 2022						
1	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Wincommerce	1.118.827	4,1%	01/01/2022 đến 31/12/2022	Thực phẩm và gia vị	Công ty trong cùng tập đoàn
2	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dũng Tiến	469.723	1,7%	01/01/2022 đến 31/12/2022	Thực phẩm và gia vị	Không
3	Công ty TNHH Thực Phẩm T P 2	425.834	1,6%	01/01/2022 đến 31/12/2022	Thực phẩm và gia vị	Không

STT	Khách hàng lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/dịch vụ	Mối quan hệ (*)
4	Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Anh Dũng	400.766	1,5%	01/01/2022 đến 31/12/2022	Thực phẩm và gia vị	Không
5	Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại Công Nghệ Dịch Vụ Hùng Duy	399.775	1,5%	01/01/2022 đến 31/12/2022	Thực phẩm và gia vị	Không

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

(*) Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng.

10.9. Vị thế của Công ty trong ngành

10.9.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

CTCP Hàng tiêu dùng Masan đã phát triển các thương hiệu mạnh bằng cách tận dụng sự am hiểu sâu rộng về người tiêu dùng Việt Nam và năng lực áp dụng thành công các thông lệ đa quốc gia tốt nhất. Công ty tin tưởng rằng điều này đã giúp Công ty xây dựng được một danh mục các thương hiệu riêng biệt hầu như không có đối thủ có thể giữ vững được lòng trung thành của khách hàng ở các mức giá khác nhau trong khi vẫn đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng Việt Nam. CTCP Hàng tiêu dùng Masan tin rằng Công ty đã có thể ứng dụng được các phương pháp và chiến lược của Công ty từ lĩnh vực kinh doanh thực phẩm sang các lĩnh vực kinh doanh khác, như lĩnh vực kinh doanh cà phê và nước đóng chai và do đó đã nâng tầm các thương hiệu này có vị thế hàng đầu trên thị trường. Hơn nữa, CTCP Hàng tiêu dùng Masan tin rằng Công ty đã có thể nắm bắt nhu cầu ngày càng tăng về tính tiện lợi từ những người tiêu dùng trẻ tuổi và cuộc sống năng động của người tiêu dùng Việt Nam thông qua các thương hiệu đồ uống đóng chai, nước tăng lực và danh mục cà phê hòa tan đang tăng trưởng, như việc giới thiệu thương hiệu cà phê Wake-Up, nước tăng lực Compact. Công ty cũng đã chuyển đổi và mở rộng các thương hiệu mà Công ty mua lại bao gồm Vinacafé, Vĩnh Hảo, v.v.

CTCP Hàng tiêu dùng Masan đã đổi mới những nền tảng về các sản phẩm thực phẩm và đồ uống để trở thành những nhà sản xuất dẫn đầu thị trường xuyên suốt các danh mục hàng hóa mà CTCP Hàng tiêu dùng Masan có hoạt động kinh doanh với tài sản thương hiệu mạnh. Cách tiếp cận của Công ty đối với việc tự xây dựng hoặc mua lại các thương hiệu mạnh được người tiêu dùng tin tưởng là nhất quán với niềm tin của Công ty về việc tập trung vào các nhu cầu hàng ngày của người tiêu dùng. Các sản phẩm của CTCP Hàng tiêu dùng Masan là các thương hiệu hàng đầu thị trường trong các ngành hàng tương ứng.

Trong các thương hiệu thực phẩm và đồ uống được người tiêu dùng lựa chọn nhiều nhất năm 2018 thì nhãn hiệu Nam Ngư của CTCP Hàng tiêu dùng Masan đứng đầu ngành gia vị với 16,4% (Theo kết quả từ Báo cáo thường niên “Dấu chân thương hiệu – Brand Footprint” năm 2018 của Kantar Worldpanel). CTCP Hàng tiêu dùng Masan đứng vị trí số 1 trong Top 10 Công ty thực phẩm uy tín năm 2023 - nhóm ngành: nước chấm, gia vị, dầu ăn theo kết quả khảo sát của Vietnam Report.

Năm 2016, Vinacafé được công nhận là thương hiệu có giá trị vô hình lớn nhất Việt Nam, đồng thời nằm trong Top 50 thương hiệu hàng đầu Việt Nam của Brand Finance. Vinacafé Biên Hòa còn được công nhận là "Thương hiệu quốc gia" 5 năm liên tiếp (do Bộ Công thương phối hợp cùng với các Bộ, Ngành có liên quan tổ chức đánh giá, xét chọn và trao tặng) và đạt danh hiệu "Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao" 18 năm liên theo bình chọn của báo Sài Gòn Tiếp Thị, và đứng vị trí thứ 4 trong Top 10 Công ty đồ uống uy tín năm 2023 theo kết quả khảo sát của Vietnam Report.

Nước khoáng Vĩnh Hảo đã nhận được nhiều giải thưởng về thương hiệu và chất lượng, tiêu biểu như chứng nhận ISO (2000, 2006, 2008), "Sao vàng đất Việt" (2004 - 2010), "Top 100 Thương hiệu mạnh" (2009) và "Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao" (1997- 2010) theo bình chọn của báo Sài Gòn Tiếp Thị.

Cam kết phát triển bền vững của CTCP Hàng tiêu dùng Masan đã mang lại những thành quả sau nhiều năm thực hiện, được thể hiện bởi số lượng giải thưởng và bằng khen của các tổ chức đánh giá thương hiệu cả trong và ngoài nước như: giải thưởng Công Ty Thực Phẩm Uy Tín Nhất Việt Nam năm 2021 (năm thứ 4 liên tiếp) theo kết quả của Vietnam Report, Thương Hiệu Vàng Thành Phố Hồ Chí Minh 2021-2022 của UBND Thành Phố Hồ Chí Minh, Vinacafé Biên Hòa vinh dự đứng trong Top 10 Công ty ngành đồ uống uy tín Việt Nam theo Vietnam Report và tiếp tục được vinh danh là Thương Hiệu Quốc Gia 2020-2022 (lần thứ 7 liên tiếp).

CTCP Hàng tiêu dùng Masan là công ty kinh doanh hàng tiêu dùng thực phẩm và đồ uống lớn nhất tại Việt Nam. Tại thời điểm hiện tại, không doanh nghiệp nào tại Việt Nam có quy mô tương ứng và tương đồng với tất cả các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Bảng dưới đây cung cấp một số thông tin của các công ty hoạt động trong lĩnh vực tiêu dùng hiện đang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 để nhà đầu tư có thêm thông tin so sánh.

Bảng 12: Bảng so sánh Kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2024 của các công ty tương tự trong ngành

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	CTCP Hàng tiêu dùng Masan (UPCoM:MCH)	CTCP Sữa Việt Nam (HOSE:VNM)	Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (HOSE:SAB)
Tổng tài sản	45.751.109	56.677.080	32.233.951
Vốn chủ sở hữu	15.844.614	35.244.276	26.221.690
Vốn điều lệ	7.355.532	20.899.554	12.825.624

Chỉ tiêu	CTCP Hàng tiêu dùng Masan (UPCoM:MCH)	CTCP Sữa Việt Nam (HOSE:VNM)	Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (HOSE:SAB)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.954.945	46.338.838	23.115.627
Doanh thu tài chính	1.372.178	1.191.029	798.591
Lợi nhuận / (Lỗ) khác	(2.525)	(55.773)	(25.671)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.299.639	8.956.285	4.408.222
Lợi nhuận sau thuế	5.552.666	7.306.102	3.504.003
Lợi nhuận sau thuế (4 quý gần nhất) / vốn chủ sở hữu bình quân (%)	37,2%	27,5%	17,3%

Nguồn: Tổng hợp từ các BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2024 và Quý 3 năm 2023 của các công ty

10.9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo công bố của Bộ Công thương Việt Nam, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2023 tăng 9,6%; trong đó nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng 11,7% và đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 7,5%. Các nhóm hàng có sự tăng trưởng cao là các nhóm hàng thiết yếu hàng ngày cho gia đình. Chỉ tiêu tại hộ gia đình với ngành hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) có sự tăng nhẹ ở thành thị (+2%) và tích cực ở nông thôn (+6%) xét về sản lượng dưới áp lực giá tiêu dùng tăng.

Theo Vietnam Report, Việt Nam hiện được đánh giá là một trong những thị trường có sức tiêu thụ thực phẩm và đồ uống rất tiềm năng. Số liệu khảo sát của Vietnam Report cũng chỉ ra rằng, thực phẩm và đồ uống hiện chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu chi tiêu hàng tháng của người tiêu dùng (hiện chiếm khoảng 35%).

Tiềm năng tăng trưởng của toàn ngành thực phẩm và đồ uống được cho là rất triển vọng, hiện chiếm khoảng 15% GDP và có xu hướng tăng lên trong thời gian tới. Thị trường FMCG Việt Nam được kì vọng đang bước vào thời kì tăng trưởng vàng, với động lực tăng trưởng đến từ thành phần dân số có thu nhập trung cao ngày càng tăng, tỉ lệ đô thị hóa và thâm nhập của kênh bán lẻ hiện đại tăng nhanh. Các xu hướng tiêu thụ chính trong giai đoạn tiếp theo được dự báo bao gồm: tăng trưởng vượt trội trong một số ngành hàng nhất định cung cấp các giải pháp nhanh chóng và đơn giản cho phong cách sống hiện đại bận rộn, quá trình cao cấp hóa sản phẩm tăng tốc để đáp ứng nhu cầu mới của người tiêu dùng; tăng trưởng vượt bậc của kênh bán lẻ hiện đại và thương mại điện tử; sự phân hóa và phân bổ tài sản tạo ra cả thách thức và cơ hội cho các doanh nghiệp FMCG phát triển thêm kênh phân phối đến cả vùng nông thôn bên cạnh các thành phố lớn và tạo ra các sản phẩm ở các mức giá khác nhau đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng; và sự yêu thích các nhãn hiệu nội địa ngày càng tăng. Những yếu tố này nhất quán với chiến lược kinh doanh và lợi thế cạnh

tranh của Masan Consumer và dự kiến sẽ đóng góp tích cực cho triển vọng kinh doanh của Công ty.

Hiện tại, bán lẻ hiện đại chiếm ~12% trong khi bán lẻ truyền thống (các tiệm tạp hóa) vẫn chiếm ~88%. Tuy nhiên, kênh trực tuyến được dự tính sẽ tăng trưởng 20 - 30% và kênh bán lẻ hiện đại tăng trên 10%, vượt tăng trưởng kênh truyền thống. Do đó, các công ty FMCG như CTCP Hàng tiêu dùng Masan cần phải triển khai phát triển các kênh bán hàng mới để có thể tiếp cận được với người tiêu dùng tại những nơi họ mua sắm trong tương lai. Bên cạnh các chỉ số kinh tế vĩ mô, các báo cáo nghiên cứu trong 2023 chỉ ra những tâm lý tiêu dùng rõ xu hướng như sau:

- Tâm lý “tiêu dùng cân trọng” vẫn tiếp tục trong năm 2023 và kéo dài qua năm 2024. Người tiêu dùng sẽ xuất hiện hai xu hướng phân cực nhưng trên một nền tảng “tiết kiệm”: tìm kiếm các sản phẩm chất lượng giá rẻ trong mức chi tiêu hạn hẹp và sẵn sàng chi tiêu cho các sản phẩm có “giá trị tương xứng giá tiền” - đây là các dòng sản phẩm chất lượng vượt trội và khác biệt từ những thương hiệu uy tín.
- Phân khúc hóa nhu cầu khách hàng rõ ràng hơn, các thương hiệu không chỉ tập trung nhóm khách hàng 30 - 50 tuổi mà đã mở rộng ra các phân khúc sản phẩm cho GenZ thông qua việc mang lại giá trị về sức khỏe tinh thần; cùng lúc đó cũng nhiều sản phẩm cho phân khúc trên 50 tuổi với các giá trị rõ rệt về sức khỏe thể chất cũng hình thành một phân khúc không nhỏ.
- Xu hướng tìm kiếm các sản phẩm chuyên sâu giải quyết vấn đề của mỗi nhóm khách hàng dựa trên nhu cầu chưa được đáp ứng và lúc này là lúc các sản phẩm được ứng dụng công nghệ sản xuất cao tạo được lợi thế cạnh tranh.

Tâm lý người tiêu dùng luôn thay đổi và vận động theo sự chuyển biến của nền kinh tế chính trị mỗi chu kỳ vì vậy việc liên tục nắm bắt hành vi tiêu dùng là điều tiên quyết để nhà sản xuất có thể kịp thời đưa ra các giải pháp sản phẩm, kênh phân phối tiếp cận phù hợp để giữ vững và gia tăng giá trị doanh nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh.

Hoạt động kinh doanh của CTCP Hàng tiêu dùng Masan chủ yếu tại Việt Nam, do đó hiệu quả và chất lượng tài sản của Công ty phụ thuộc rất lớn vào sự bình ổn của kinh tế Việt Nam. Môi trường kinh tế của Việt Nam cũng như các yếu tố bên ngoài như sự phát triển kinh tế trên toàn châu Á và thế giới có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

10.9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Với các sản phẩm tiêu dùng, các tiêu chí về nâng cao nguồn gốc, chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm đang là mục tiêu hướng tới của Nhà nước Việt Nam. Hòa cùng đường lối đó của Nhà nước, và cũng là xu hướng chung của thế giới, CTCP Hàng tiêu dùng Masan đặt ra những tiêu chí khắt khe về sản phẩm hàng tiêu dùng của Công ty làm mục tiêu hướng tới nhằm có thể mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm an toàn, nguồn gốc rõ ràng với mức giá và túi tiền của đại đa số người tiêu dùng.

Do đó, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với triển vọng phát triển của ngành, chính sách phát triển của Việt Nam và xu thế chung trên thế giới.

10.10. Hoạt động Marketing

Công ty tin rằng chiến lược xây dựng thương hiệu và tiếp thị marketing là công cụ cho sự thành công và tăng trưởng nhanh chóng của CTCP Hàng tiêu dùng Masan. Bộ phận tiếp thị được chia thành hai nhóm: phát triển thương hiệu và các hoạt động thị trường. Nhóm phát triển thương hiệu tạo ra chiến lược xây dựng thương hiệu và kết hợp với nhóm hoạt động thị trường để phát triển các chiến dịch tiếp thị với các cơ quan truyền thông.

Đối với chiến lược thương hiệu:

CTCP Hàng tiêu dùng Masan đã áp dụng một chiến lược thương hiệu mẹ (umbrella brand) để tiếp thị sản phẩm của Công ty đến các nhóm người tiêu dùng khác nhau. Mỗi dòng sản phẩm chính như nước mắm, nước tương, tương ớt, mì ăn liền, cà phê hòa tan và nước đóng chai đều có một thương hiệu cao cấp: CHIN-SU là thương hiệu cao cấp cho ngành hàng nước chấm, Omachi là thương hiệu cao cấp cho ngành hàng mì ăn liền, Vinacafé là thương hiệu cao cấp cho ngành hàng cà phê và Vivant là thương hiệu cao cấp cho ngành hàng nước đóng chai, mà Công ty tin rằng sẽ giúp CTCP Hàng tiêu dùng Masan đáp ứng nhu cầu của nhiều cấp độ khách hàng khác nhau. Sự ra đời của các phiên bản sản phẩm, chẳng hạn như nước mắm CHIN-SU hương cá hồi của Công ty, tiếp tục cho phép Công ty bán cho nhiều người tiêu dùng tại các khu vực khác nhau và với thị hiếu khác nhau.

CTCP Hàng tiêu dùng Masan đã từng bước xây dựng sự nhận diện thương hiệu của người tiêu dùng cho các thương hiệu của Công ty. CTCP Hàng tiêu dùng Masan cũng tích cực bảo vệ thương hiệu của Masan trước những hành vi xâm phạm và làm giả thương hiệu bởi các bên thứ ba. Thông qua mạng lưới phân phối, CTCP Hàng tiêu dùng Masan đánh giá các sản phẩm của đối thủ cạnh tranh dựa vào các dòng sản phẩm của Công ty. Nếu nhận thấy được một sự vi phạm nghiêm trọng thương hiệu của CTCP Hàng tiêu dùng Masan, Công ty sẽ thực hiện các bước chủ động, bao gồm cả hành động pháp lý, để bảo vệ hình ảnh thương hiệu của mình.

Đối với chiến lược tiếp thị:

CTCP Hàng tiêu dùng Masan có các hoạt động quảng cáo và tiếp thị, tùy theo từng kênh bán hàng, để quảng bá sản phẩm và tăng cường nhận diện thương hiệu. Công ty dựa vào quảng cáo truyền hình như phương tiện chủ yếu để tiếp cận khách hàng mục tiêu. Quảng cáo của công ty thường từ 15 đến 30 giây tập trung vào thông điệp sức khỏe, mùi vị và khả năng chi trả của các sản phẩm của công ty. Bộ phận tiếp thị làm việc với các công ty quảng cáo để đánh giá số quảng cáo cần thiết để tiếp thị sản phẩm một cách hiệu quả và thu xếp thời gian quảng cáo phù hợp trên các kênh truyền hình trên toàn quốc.

10.11. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Công ty đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu, quyền tác giả và có logo riêng.

- Nhãn hiệu thương mại: Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

- Tên tiếng Anh: Masan Consumer Corporation
- Logo Công ty:



- Công ty đã đăng ký tên miền: www.masanconsumer.com

Quyền sở hữu trí tuệ có tầm quan trọng, mang tính căn bản đối với hoạt động kinh doanh của Công ty. CTCP Hàng tiêu dùng Masan hiện đang sở hữu 272 giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, trong đó Omachi, CHIN-SU, Tam Thái Tử và Nam Ngư là các nhãn hiệu hàng hóa nổi tiếng, được nhiều người tiêu dùng yêu mến. Ngoài ra, CTCP Hàng tiêu dùng Masan cũng sở hữu 144 giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tại nhiều quốc gia khác như: Thụy Sĩ, Nhật Bản, Úc, Singapore, Châu Âu, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Cuba, Hàn Quốc, Nga, Campuchia, Lào, Canada, Myanmar, Đài Loan, New Zealand, Hồng Kông và Philippines, Thái Lan, Anh, v.v.

Bên cạnh phát triển các nhãn hiệu, CTCP Hàng tiêu dùng Masan cũng đặc biệt quan tâm đến việc phát triển các kiểu dáng công nghiệp, và đã được Cục Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam cấp 22 bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp. Đồng thời, Công ty cũng đang sở hữu 85 giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả do Cục Bản Quyền Tác Giá Việt Nam cấp.

CTCP Hàng tiêu dùng Masan áp dụng cách tiếp cận chủ động để quản lý danh mục tài sản trí tuệ. Công ty đã, đang và cam kết luôn chủ động thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp và các hình thức tài sản trí tuệ khác mà, khi có thể dự đoán hợp lý, có thể trở thành các tài sản quan trọng của công ty trong việc áp dụng lên các sản phẩm, dịch vụ phát sinh trong tương lai. Đăng ký quyền sở hữu trí tuệ thường được thực hiện bởi đại lý hoặc bộ phận pháp lý của CTCP Hàng tiêu dùng Masan. Trong phạm vi hợp lý, bất kỳ nhà phân phối, khách hàng, cơ quan chức năng nào thông báo cho Công ty về một sự vi phạm nghiêm trọng hoặc tìm ẩn đến các nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp hoặc các tài sản trí tuệ khác của Công ty, chúng tôi sẽ có các biện pháp, hành động phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn để bảo vệ tài sản trí tuệ của Công ty.

Thông tin thêm: Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan hiện đang có khoảng 184 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ tại Việt Nam và 46 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ ở các quốc gia khác.

10.12. Chính sách nghiên cứu và phát triển

CTCP Hàng tiêu dùng Masan có đội ngũ nghiên cứu và phát triển với nhiều đam mê, nhiệt huyết, giỏi chuyên môn, sẵn sàng đối đầu với thử thách, làm việc chặt chẽ với đội ngũ tiếp thị, hướng đến mục tiêu chung của Công ty và hướng đến người tiêu dùng. Trong 2 năm qua và đến thời điểm hiện tại, đội ngũ nghiên cứu và phát triển liên tục cho ra đời những sản phẩm mang tính đột phá, để lại những dấu ấn mạnh mẽ trong lòng người tiêu dùng Việt Nam.

Trong năm 2022, đội ngũ nghiên cứu và phát triển giới thiệu hơn 30 sản phẩm mới ở tất cả các dải ngành hàng, bao gồm thực phẩm tiện lợi (Omachi mì lạnh sốt táo, Mì Omachi Lẩu tôm chua cay

Thái, Mì trộn Kokomi xoài xanh tôm nõn, v.v.), ngành hàng gia vị (Nước mắm cao cấp CHIN-SU Cá Cơm Biển Đông 720, Tương ớt Original, Tương ớt Phở, Tương ớt Chi Thiên, Tương ớt Truffle, v.v.), ngành hàng thức uống giải khát (Compact Hương vị táo xanh, Compact hương vị Kiwi vàng, v.v.), sản phẩm Vinacafé cũng được làm mới toàn diện, đáp ứng gu cà phê đặc trưng vùng miền, thỏa mãn mong đợi của người tiêu dùng trên toàn quốc, và ngành sản phẩm chăm sóc cá nhân đã được giới thiệu ra thị trường với nhiều sản phẩm là động lực tăng trưởng chính và mở đường cơ hội cho Masan tiến xa hơn nữa trong phân khúc sản phẩm này. Đội ngũ nghiên cứu và phát triển không những mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm thực phẩm đồ uống vượt trội, mà còn thúc đẩy xu hướng cao cấp hoá để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng hiện đại.

Trung tâm phát triển sản phẩm và nghiên cứu người tiêu dùng (Consumer Innovation Center) với sứ mệnh lắng nghe và thấu hiểu người tiêu dùng được đưa vào hoạt động từ tháng 6/2023. Tại trung tâm này, Công ty đã gặp gỡ, trò chuyện, trao đổi với cộng đồng “Consumers in love” - những người tiêu dùng tin yêu sử dụng các nhãn hàng khác, để tìm kiếm những ý tưởng, những nhu cầu lớn chưa được đáp ứng và phát triển các sản phẩm phù hợp. Bên cạnh đó, việc liên tục cập nhật các công nghệ mới, tiên tiến, cùng với đội ngũ chuyên gia hàng đầu trên thế giới tại các ngành hàng, đã giúp đội ngũ nghiên cứu và phát triển của Công ty hoàn thành xuất sắc các phát kiến trong năm 2023.

Trong những năm tới, CTCP Hàng tiêu dùng Masan dự kiến phối hợp chặt chẽ với WinCommerce và chương trình Hội Viên WIN để phát triển sản phẩm mới dựa trên nền tảng phân tích và thấu hiểu hành vi khách hàng của những đơn vị này. Đây là một lợi thế cạnh tranh của Masan Consumer khi nằm trong nền tảng bán lẻ - tiêu dùng The CrownX của Tập Đoàn Masan.

10.13. Chiến lược kinh doanh

10.13.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

CTCP Hàng tiêu dùng Masan mong muốn trở thành:

- Công ty hàng tiêu dùng dẫn đầu Việt Nam xét về doanh số, lợi nhuận và sự nhận biết thương hiệu;
- Đáp ứng nhu cầu hàng ngày của 100 triệu người tiêu dùng Việt Nam;
- Đưa ẩm thực Việt nam ra bình diện toàn cầu (Go Global – Make Vietnamese Foods Global Foods);
- Điểm thu hút các nhân tài hàng đầu, và được công nhận là môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam; và là biểu tượng của chất lượng và niềm tự hào của người Việt.

10.13.2. Chiến lược thực thi và phát triển

- Dẫn dắt các xu hướng tiêu dùng mới và cao cấp hóa các ngành hàng mà Công ty có thị phần vượt trội.
- Tăng thị phần qua các sản phẩm mới (innovations) ở các ngành hàng mà Công ty chưa dẫn đầu.
- Mở rộng phạm vi các thương hiệu mạnh qua các nhánh liên quan.

- Go Global – đưa ẩm thực Việt Nam ra bình diện toàn cầu.
- Xây dựng mô hình FMCG mới: chuyển đổi số toàn diện và tăng tỉ lệ thành công khi ra sản phẩm mới bằng việc tận dụng lợi thế cạnh tranh độc đáo để thử nghiệm sản phẩm mới qua hệ thống bán hàng hiện đại WinCommerce trước khi nhân rộng ra toàn hệ thống bán hàng truyền thống.

10.14. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Không có

11. Chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

11.1. Số lượng và cơ cấu lao động trong Công ty

Số lượng lao động của Công ty trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán là 2022 và 2023 lần lượt là **5.211** và **5.061** người.

Tính đến thời điểm 31/12/2024, tổng số lượng lao động của Công ty là **5.290** người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo giới tính, trình độ chuyên môn và thời hạn hợp đồng lao động được thể hiện trong bảng sau.

Bảng 13: Cơ cấu lao động Công ty

Cơ cấu lao động	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
Phân loại theo giới tính						
Nam	3.329	64%	3.245	64%	3.423	65%
Nữ	1.882	36%	1.816	36%	1.867	35%
Phân loại theo trình độ						
Trên đại học	52	1%	65	1%	68	1%
Đại học	1.829	35%	1.895	38%	1.995	38%
Cao đẳng, Trung cấp	1.016	19%	1.136	22%	1.206	23%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	610	12%	421	8%	425	8%
Lao động phổ thông	1.704	33%	1.544	31%	1.596	30%
Phân loại theo thời hạn hợp đồng						
Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	-	0%	-	0%	-	0%

Cơ cấu lao động	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
Hợp đồng không thời hạn	3.099	60%	3.092	61%	3.148	60%
Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	2.106	40%	1.879	37%	2.072	39%
Hợp đồng thời vụ	6	0%	90	2%	70	1%
Tổng	5.211	100,0%	5.061	100,0%	5.290	100,0%

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

11.2. Chế độ làm việc

Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi của người lao động trong CTCP Hàng tiêu dùng Masan theo quy định của Bộ luật lao động. Người lao động được hưởng chế độ nghỉ lễ và nghỉ phép theo quy định của pháp luật hiện hành và Thỏa ước lao động tập thể. Người lao động được cấp phát trang thiết bị làm việc phù hợp và các khoản phụ cấp theo quy định của pháp luật.

Công ty thường xuyên nâng cấp không gian văn phòng, kết hợp trang thiết bị hiện đại và cung cấp đồ bảo hộ lao động toàn diện. Công ty khẳng định trong việc cam kết xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện nhằm thúc đẩy năng suất và sự sáng tạo của tất cả nhân viên.

11.3. Chính sách đào tạo

Chính sách đào tạo cao, việc tuyên dương và thưởng nhân viên công bằng, hợp lý với mức năng lực và mức đóng góp của họ cho sự phát triển của Công ty. Công ty kết hợp chặt chẽ việc đào tạo và phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên tham gia các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài. Sáng kiến này nhằm mục đích nâng cao kỹ năng chuyên môn, có được những năng lực mới cần thiết cho yêu cầu công việc hiện tại và tương lai, đồng thời đóng góp vào sự thành công lâu dài của Công ty. Các chương trình và nội dung khóa học được thiết kế phù hợp với trình độ và nhu cầu học tập của từng nhân viên, đảm bảo không chỉ phù hợp với mong đợi của công ty mà còn đào tạo các thế hệ lãnh đạo kế tiếp.

Chiến lược đào tạo nhân tài của Công ty minh bạch và được xác định rõ ràng, gồm một số yếu tố chính. Đó là việc cung cấp cho nhân viên cơ hội để có được kinh nghiệm quý giá và kỹ năng lãnh đạo, đánh giá dựa trên năng lực thực tế, cung cấp đào tạo thường xuyên cả về kỹ năng, kỹ thuật và kỹ năng mềm, đồng thời đảm bảo chất lượng cuộc sống cao cho tất cả nhân viên. Ngoài ra, Công ty đã xây dựng các kế hoạch đào tạo dài hạn nhằm chuẩn bị cho những nhân viên có triển vọng trở thành những nhà lãnh đạo tương lai.

Công ty thường xuyên đào tạo nhân viên của mình về các hành vi làm việc phù hợp để giữ an toàn cho bản thân và những người khác, đồng thời áp dụng kiến thức này vào cuộc sống hàng ngày. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức các buổi huấn luyện khác nhau về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, sơ cứu và phòng ngừa tai nạn lao động cho nhân viên, v.v.

11.4. Chính sách lương, thưởng, trợ cấp / phúc lợi

Lương: Công ty thực hiện việc chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc của nhân viên, năng lực, chức vụ, thang lương và điều kiện kinh doanh tổng thể của Công ty. Mức lương của nhân viên không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định. Tiền lương tháng thực tế được tính căn cứ theo mức lương đã thỏa thuận trên Hợp đồng lao động, các khoản hỗ trợ, bổ sung khác (nếu có), các khoản phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân theo Luật định và số ngày làm việc, số ngày nghỉ thể hiện trên bảng chấm công hàng tháng của CBCNV. Người lao động làm thêm giờ được trả lương tính trên cơ sở tiền lương công việc đang làm theo quy định của pháp luật. Người lao động làm việc ban đêm thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương của ngày làm việc bình thường. Người lao động làm thêm giờ vào ban đêm thì ngoài việc trả lương làm thêm giờ theo quy định, còn được trả thêm 20% tiền lương theo công việc làm vào ban ngày. Công ty thực hiện chế độ xem xét điều chỉnh lương cho CBCNV hàng năm và luôn có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống CBCNV.

Thưởng: Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Chính sách khen thưởng hàng Quý, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc. Thực hiện khen thưởng xứng đáng, kịp thời để khuyến khích, động viên nhằm phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến, nâng cao hiệu quả trong công việc của CBCNV, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh cho Công ty.

Các khoản hỗ trợ và Phụ cấp: Căn cứ vào đặc điểm sản xuất kinh doanh và đặc thù công việc, tùy từng trường hợp cụ thể, Công ty sẽ xem xét các khoản hỗ trợ và/ hoặc phụ cấp cho từng cá nhân nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho CBCNV trong quá trình làm việc, bao gồm: Phụ cấp kiêm nhiệm, Phụ cấp trách nhiệm đề bạt, Phụ cấp trách nhiệm, Phụ cấp độc hại, Phụ cấp đặc biệt, Hỗ trợ tiền ăn giữa ca, Hỗ trợ đi lại, Hỗ trợ nhà ở, Hỗ trợ điện thoại, v.v. tùy thuộc vào điều kiện làm việc và vị trí làm việc của nhân viên.

Bảo hiểm và phúc lợi: Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế cho tất cả CBCNV. Ngoài ra, Công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn cho toàn thể CBCNV của Công ty và Bảo hiểm sức khỏe cho cấp chuyên viên trở lên nhằm chăm sóc sức khỏe của nhân viên thông qua hệ thống bệnh viện trong nước và quốc tế hàng đầu tại Việt Nam. Mỗi năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát ít nhất một lần.

11.5. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Công ty không có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động áp dụng chung cho toàn bộ quá trình hoạt động. ĐHĐCĐ và HĐQT quyết định và ban hành quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động cho từng đợt phát hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

12. Chính sách cổ tức

ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Cổ tức có thể được trả bằng tiền, bằng cổ phiếu của Công ty hoặc bằng các tài sản khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. Công ty chỉ

được trả cổ tức cho Cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập các quỹ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty và ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

HDQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức theo quy định của Luật doanh nghiệp. Trường hợp cổ tức được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ chi trả bằng tiền đồng Việt Nam.

Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho Cổ đông. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đã đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán được tiến hành theo các quy định của Pháp luật. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Bảng 14: Tình hình chi trả cổ tức qua các năm gần nhất

	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tỷ lệ cổ tức / mệnh giá cổ phiếu	0%	268%	(*)
Hình thức chi trả	Không có	Tiền mặt	(*)

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

(*) Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc chi trả mức tạm ứng cổ tức năm 2024 tối đa là 100% tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 14/10/2024 và Hội đồng quản trị đã thông qua triển khai việc chi trả mức tạm ứng cổ tức là 95% với hình thức chi trả bằng tiền mặt tại Nghị quyết số 30/2024/NQ-HDQT-MSC ngày 10/12/2024.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Trong giai đoạn 2022-2024 và tính đến thời điểm hiện tại, Công ty có 03 đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo hình thức phát hành cổ phiếu theo Chương trình cho người lao động trong Công ty, cụ thể như sau:

Bảng 15: Thông tin về các đợt phát hành, chào bán trong giai đoạn 2022-2024 và tính đến thời điểm hiện tại

Năm	Các đợt phát hành	Nguồn vốn thu được (mệnh giá)	Mục đích sử dụng vốn	Các Nghị quyết
2022	Phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động	70.981.840.000 đồng	Bổ sung vốn lưu động	Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 28/4/2022

Năm	Các đợt phát hành	Nguồn vốn thu được (mệnh giá)	Mục đích sử dụng vốn	Các Nghị quyết
2023	Phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động	9.606.650.000 đồng	Bổ sung vốn lưu động	Nghị quyết số 01/2023NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 24/4/2023 và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT-MSC ngày 29/8/2023
2024	Phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động	71.306.350.000 đồng	Bổ sung vốn lưu động	Nghị quyết số 01/2024NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 10/07/2024 và Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐQT-MSC ngày 10/07/2024

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

Căn cứ Báo cáo kiểm toán số 24-01-00778-24-1 về tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) cho giai đoạn từ ngày 5 tháng 9 năm 2024 (ngày nhận đủ tiền) đến ngày 18 tháng 9 năm 2024 (ngày hoàn thành sử dụng vốn) được lập bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam, số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024 được sử dụng như sau:

	Giai đoạn từ 5/9/2024 đến 18/9/2024 (đồng)
Số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”)	71.306.350.000
Tiến độ sử dụng số tiền thu được từ ESOP	
▪ Thanh toán tiền mua hàng hóa cho các nhà cung cấp	43.801.412.891
▪ Thanh toán tiền mua dịch vụ cho các nhà cung cấp	27.504.937.109
Tổng số tiền từ ESOP đã sử dụng	71.306.350.000

Căn cứ vào tình hình sử dụng vốn thực tế đã được kiểm toán, số tiền thu được từ đợt phát hành đã được sử dụng để phục vụ cho nhu cầu hoạt động kinh doanh và bổ sung vốn lưu động, phù hợp với mục đích sử dụng vốn đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 25/04/2024 của Công ty.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể

ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Theo quyết định số 09/QĐ-CT ngày 04/01/2024 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, theo đó, tổng mức phạt tiền là 3.150.000 đồng (bằng chữ: ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Lý do: Nộp hồ sơ khai thuế quá hạn thời gian từ 01 ngày đến 30 ngày.

Hiện tại, Công ty đã thực hiện thanh toán và hoàn tất khoản phạt nêu trên.

16. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty

Bảng 15 và 16 tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành trong giai đoạn 2022-2024.

Bảng 16: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng/(giảm) 2024-2023
Tổng giá trị tài sản	33.516.643	40.552.689	27.899.960	-31,2%
Doanh thu thuần	26.977.273	28.240.993	30.897.226	9,4%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.266.112	8.094.756	9.012.591	11,3%
Lợi nhuận/(lỗ) khác	(22.751)	4.091	(8.278)	-302,3%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	6.243.361	8.098.847	9.004.313	11,2%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.532.807	7.194.170	7.920.538	10,1%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	268,9% (*)	(**)	-
Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá cổ phiếu (%)	-	268,0% (*)	(**)	-

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2024

(*) Tính toán dựa trên tổng số tiền dự kiến chi trả. Kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền của năm 2023 được chia làm 3 lần: lần 1 trả 45%/cổ phiếu (ngày thanh toán 14/08/2023), lần 2 trả 55%/cổ phiếu (ngày thanh toán 12/07/2024) và lần 3 trả 168%/cổ phiếu (ngày thanh toán 04/10/2024). Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào các ngày 25/04/2024 và ngày 13/09/2024 đã phê duyệt tổng số tiền chi trả cổ tức trong năm 2023 là 3.224 tỷ đồng và trong năm 2024 là 16.120 tỷ đồng.

(**) Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc chi trả mức tạm ứng cổ tức năm 2024 tối đa là 100% tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 14/10/2024 và Hội đồng quản trị đã thông qua triển khai việc chi trả mức tạm ứng cổ tức là 95% với hình thức chi trả bằng tiền mặt tại Nghị quyết số 30/2024/NQ-HDQT-MSC ngày 10/12/2024.

Tại thời điểm 31/12/2023, tổng tài sản hợp nhất của đạt 40.553 tỷ đồng, tăng 21,0% tương đương 7.036 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2022 chủ yếu đến từ tích lũy nguồn tiền có được từ kết quả kinh doanh và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư để tối ưu hóa dòng tiền gia tăng lợi nhuận tài chính cần trừ với mức giảm của hàng tồn kho và các khoản mục tài sản khác. Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2023 đạt 26.376 tỷ đồng, tăng 17,5% so với thời điểm cuối năm 2022. Tính đến

31/12/2024, tổng tài sản hợp nhất giảm 31,2% so với đầu năm 2024 và đạt 27.899 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu đạt 11.328 tỷ đồng giảm 57,1% so với 31/12/2023.

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2023 của Công ty đạt 28.241 tỷ đồng, tăng trưởng 4,7% so với năm 2022. Công ty đã đạt tăng trưởng vượt trội trong khi toàn thị trường FMCG chỉ đạt tăng trưởng âm 2% năm 2023 (Nguồn: Nielsen). Trong năm qua, Công ty đã phát triển kênh sản phẩm thương mại điện tử trong chiến lược Go Global. Chủ lực là nhãn hàng CHIN-SU và Omachi đã tạo tiếng vang tại các thị trường lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc.

Trong năm 2024, Công ty ghi nhận tổng doanh thu thuần hợp nhất đạt 30.897 tỷ đồng, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế hợp nhất tăng lần lượt 11,2% và 10,1% so với cùng kỳ năm trước, lần lượt đạt 9.004 tỷ đồng và 7.921 tỷ đồng. Với kết quả này, công ty đã hoàn thành 98,1% - 89,6% kế hoạch doanh thu và 108,5% - 105,6% lợi nhuận sau thuế hợp nhất đề ra tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong năm 2024.

Bảng 17: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng/(giảm) 2024-2023
Tổng giá trị tài sản	31.603.231	37.077.462	23.464.922	-36,7%
Doanh thu thuần	26.137.252	27.405.675	30.140.251	10,0%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.648.150	6.561.906	7.112.328	8,4%
Lợi nhuận/(lỗ) khác	(2.329)	1.936	(3.210)	-265,8%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	5.645.820	6.563.843	7.109.118	8,3%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.383.835	6.261.139	6.659.859	6,4%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	309,0% (*)	(**)	-
Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá cổ phiếu (%) (*)	-	268,0% (*)	(**)	-

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC riêng năm 2024

(*) Tính toán dựa trên tổng số tiền dự kiến chi trả. Kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền của năm 2023 được chia làm 3 lần: lần 1 trả 45%/cổ phiếu (ngày thanh toán 14/08/2023), lần 2 trả 55%/cổ phiếu (ngày thanh toán 12/07/2024) và lần 3 trả 168%/cổ phiếu (ngày thanh toán 04/10/2024). Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào các ngày 25/04/2024 và ngày 13/09/2024 đã phê duyệt tổng số tiền chi trả cổ tức trong năm 2023 là 3.224 tỷ đồng và trong năm 2024 là 16.120 tỷ đồng

(**) Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc chi trả mức tạm ứng cổ tức năm 2024 tối đa là 100% tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MSK ngày 14/10/2024 và Hội đồng quản trị đã thông qua triển khai việc chi trả mức tạm ứng cổ tức là 95% với hình thức chi trả bằng tiền mặt tại Nghị quyết số 30/2024/NQ-HDQT-MSK ngày 10/12/2024.

Trong năm 2023, doanh thu thuần từ Công ty mẹ tăng nhẹ 4,9% so với năm 2022, ngoài ra lợi nhuận sau thuế tăng 16,3% so với năm trước do các chỉ tiêu sau:

- Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính tăng 27,8%, nhờ việc tối ưu hóa dòng tiền đầu tư và phân phối lợi nhuận nhận được cao hơn cùng kỳ năm trước
- Tăng trưởng của ngành hàng gia vị và đồ uống giúp gia tăng lợi nhuận gộp của Công ty
- Bên cạnh đó, năm 2023 Công ty chi nhiều cho hoạt động quảng cáo, khuyến mãi nhằm mục tiêu xây dựng, gia tăng sự nhận diện các nhãn hiệu và thúc đẩy doanh số bán của Công ty

Trong năm 2024, doanh thu thuần tăng 10,0% so với cùng kỳ năm trước trong đó chủ yếu đến từ ngành hàng đồ uống, thực phẩm, giúp gia tăng lợi nhuận gộp của Công ty.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong hai năm gần nhất

1.2.1. Những nhân tố thuận lợi

Trong hai năm qua, Công ty đã hưởng lợi từ một số nhân tố thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Đầu tiên, nhu cầu tiêu dùng tăng trưởng mạnh mẽ đã góp phần không nhỏ vào sự thành công của công ty. Sau giai đoạn suy thoái do đại dịch COVID-19, kinh tế Việt Nam đã có dấu hiệu phục hồi, dẫn đến nhu cầu tiêu dùng tăng trở lại. Hơn nữa, thay đổi hành vi tiêu dùng khiến người dân chuyển sang ưa chuộng các sản phẩm thực phẩm và tiêu dùng tiện lợi, an toàn và chất lượng. Điều này hoàn toàn phù hợp với dòng sản phẩm của Masan Consumer, giúp công ty nắm bắt được cơ hội tăng trưởng.

Bên cạnh đó, chiến lược đa dạng hóa sản phẩm đã đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển thị trường của Công ty, Công ty đã mở rộng danh mục sản phẩm với nhiều dòng sản phẩm mới, bao gồm cả thực phẩm, đồ uống và hàng tiêu dùng nhanh khác, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng. Đồng thời, Công ty không ngừng đổi mới và cải tiến chất lượng sản phẩm, ra mắt các sản phẩm mới để phù hợp với nhu cầu thay đổi của thị trường. Điều này giúp Công ty không chỉ giữ vững thị phần mà còn mở rộng thị trường tiêu thụ.

Hệ thống phân phối hiện diện khắp cả nước cũng là một lợi thế lớn của Công ty. Công ty sở hữu một mạng lưới phân phối rộng khắp từ thành thị đến nông thôn, giúp sản phẩm dễ dàng tiếp cận với người tiêu dùng. Ngoài ra, việc hợp tác với các đối tác bán lẻ lớn như WinMart giúp sản phẩm của Công ty có mặt tại nhiều điểm bán lẻ trên toàn quốc, tăng cường khả năng tiếp cận và nhận diện thương hiệu.

Trong bối cảnh mua sắm giải trí (Shoppertainment) là xu hướng, Công ty đã phối hợp cùng Lazada, Tiktokshop và các KOL/KOC thực hiện hàng loạt phiên bán hàng trực tuyến (livestream), nơi mà người dùng được tiếp cận nhanh nhất đến các sản phẩm mới, chất lượng, thú vị. Công ty cũng đã tận dụng tốt ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh. Việc áp dụng các giải pháp số hóa trong quản lý và kinh doanh cũng giúp Công ty cải thiện khả năng quản lý chuỗi

cung ứng và đáp ứng nhanh chóng nhu cầu của khách hàng. Chuyển đổi số không chỉ giúp công ty nâng cao hiệu quả hoạt động mà còn tạo ra lợi thế cạnh tranh trong thị trường ngày càng số hóa.

1.2.2. Những nhân tố khó khăn

Bên cạnh những nhân tố thuận lợi, Công ty cũng đối mặt với một số bất lợi trong hai năm qua, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đầu tiên, tác động kéo dài của đại dịch COVID-19 đã gây ra nhiều khó khăn. Đại dịch COVID-19 ảnh hưởng nhiều do đứt quãng chuỗi cung ứng, khiến giá thành sản xuất biến động. Tuy nhiên, nhờ Công ty có nguồn nhà cung cấp đa dạng, không lệ thuộc vào bất kỳ nhà cung cấp duy nhất nào, nên Công ty có thể giảm thiểu tình trạng thiếu hụt nguyên liệu. Đồng thời, tình trạng giãn cách xã hội và hạn chế đi lại làm giảm nhu cầu tiêu dùng tại một số thời điểm, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Thứ hai, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường là một thách thức lớn. Công ty cạnh tranh chủ yếu dựa vào các yếu tố như hình ảnh thương hiệu, giá cả, mạng lưới phân phối và sự đa dạng của sản phẩm. Thị trường thực phẩm và đồ uống tại Việt Nam sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt hơn khi có nhiều thương hiệu và công ty thuộc ngành hàng tiêu dùng quốc tế nổi tiếng thâm nhập vào thị trường. Sức ép cạnh tranh có thể khiến cho các đối thủ phải gia tăng đáng kể chi phí dành cho quảng cáo và các hoạt động khuyến mãi, hoặc phá giá. Công ty có thể buộc phải đầu tư nhiều hơn vào hoạt động nghiên cứu và phát triển, cũng như các chương trình khuyến mãi và tiếp thị. Những khoản chi này có thể khiến tỷ suất lợi nhuận giảm sút và do đó ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động.

Ngoài ra, yếu tố quản lý và nhân lực cũng là một thách thức. Việc mở rộng quy mô sản xuất và kinh doanh đòi hỏi Công ty phải có đội ngũ quản lý và nhân lực chất lượng cao. Tuy nhiên, việc thu hút và giữ chân nhân tài trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt là không dễ dàng. Đồng thời, quản lý hiệu quả một hệ thống phân phối và sản xuất rộng lớn cũng đặt ra nhiều thách thức về tổ chức và điều hành.

Những bất lợi này đã và đang tạo ra nhiều thách thức cho Công ty trong quá trình phát triển và duy trì vị thế trên thị trường. Tuy nhiên, với những chiến lược và biện pháp thích hợp, Công ty có thể vượt qua khó khăn và tiếp tục phát triển bền vững.

1.2.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, không có bất cứ biến động lớn nào có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 18: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	% Tăng/(giảm) 2024-2023
Vốn cổ phần	7.274.619	7.274.619	7.355.532	1,1%
Thặng dư vốn cổ phần	3.610.329	3.610.329	3.648.755	1,1%
Vốn khác của chủ sở hữu	(265.776)	(265.776)	(265.776)	0,0%
Cổ phiếu quỹ	(994.666)	(994.666)	(994.666)	0,0%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.419	8.324	10.486	26,0%
Quỹ đầu tư phát triển	22.732	22.732	22.732	0,0%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.263.423	16.124.128	923.140	-94,3%
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	527.566	595.870	627.624	5,3%
Vốn chủ sở hữu	22.445.645	26.375.559	11.327.827	-57,1%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2024

Bảng 19: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2022	31/12/2024	% Tăng/(giảm) 2024-2023
Vốn góp của chủ sở hữu	7.274.619	7.274.619	7.355.532	1,1%
Thặng dư vốn cổ phần	3.610.329	3.610.329	3.648.755	1,1%
Cổ phiếu quỹ	(994.666)	(994.666)	(994.666)	0,0%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.877.707	16.914.387	569.983	-96,6%
Vốn chủ sở hữu	23.767.989	26.804.669	10.579.604	-60,5%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC riêng năm 2024

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 04 – 40 năm
- Nâng cấp tài sản thuê : 03 – 05 năm
- Máy móc và thiết bị khác : 03 – 25 năm

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn : 03 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng : 03 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất : 19 – 50 năm
- Phần mềm máy tính : 04 – 10 năm
- Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng : 17 – 30 năm
- Nhãn hiệu : 10 – 30 năm
- Quan hệ khách hàng : 05 – 15 năm
- Tài nguyên nước khoáng : 10 – 37 năm

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc trích khấu hao tài sản cố định.

Những thay đổi trong chính sách khấu hao của công ty trong 2 năm qua và đến thời điểm hiện tại: Công ty không thay đổi chính sách khấu hao.

2.1.3. Mức thu nhập bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty (hợp nhất) trong ba năm gần nhất như sau.

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	15.726.773	17.776.514	18.733.319

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

Thu nhập bình quân của người lao động của Công ty (hợp nhất) trong năm 2022, năm 2023 và năm 2024 lần lượt là: 15.726.773 đồng/người/tháng, 17.776.514 đồng/người/tháng và 18.733.319 đồng/người/tháng. So với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành thì thu nhập bình quân của người lao động tại Công ty khá cạnh tranh.

2.1.4. Tình hình công nợ

Bảng 20: Tình hình công nợ của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2022	31/12/2023	31/01/2024
Nợ phải thu	16.748.548	18.862.077	8.716.706	16.719.183	20.327.427	12.067.993
Nợ phải trả	7.835.242	10.272.792	12.885.318	11.070.998	14.177.130	16.572.134

Nguồn: BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2024

2.1.5. Các khoản phải thu

Bảng 21: Các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	% Tăng/(giảm) 2024-2023
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	16.526.610	10.989.266	1.704.721	-84,5%
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	663.868	1.068.838	1.031.310	-3,5%
Trả trước cho người bán ngắn hạn	328.056	297.602	329.007	10,6%
Phải thu về cho vay ngắn hạn	6.047.192	3.492.431	244.977	-93,0%
Phải thu ngắn hạn khác	9.487.494	6.130.395	99.427	-98,4%
2. Các khoản phải thu dài hạn	192.573	9.338.161	10.363.273	11,0%
Phải thu dài hạn khác	192.573	9.338.161	10.363.273	11,0%
Tổng cộng	16.719.183	20.327.427	12.067.994	-40,6%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2024

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2023 và 31/12/2024, Công ty hợp nhất không có bất kỳ các khoản phải thu quá hạn nào.

Bảng 22: Các khoản phải thu của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	% Tăng/(giảm) 2024-2023
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	16.745.264	13.443.071	1.174.415	-91,3%
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	593.423	1.015.985	958.678	-5,6%
Trả trước cho người bán ngắn hạn	14.723	20.171	27.765	37,6%
Phải thu về cho vay ngắn hạn	5.970.262	3.299.000	-	(100,0%)
Phải thu ngắn hạn khác	10.166.856	9.107.915	187.972	(97,9%)
2. Các khoản phải thu dài hạn	3.284	5.419.006	7.542.292	39,2%
Phải thu dài hạn khác	3.284	5.419.006	7.542.292	39,2%
Tổng cộng	16.748.548	18.862.077	8.716.707	(53,8%)

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC riêng năm 2024

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2023 và 31/12/2024, Công ty mẹ không có bất kỳ các khoản phải thu quá hạn nào.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

2.1.6. Các khoản phải trả

Bảng 23: Các khoản phải trả của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	% Tăng/(giảm) 2024-2023
1. Nợ ngắn hạn	10.061.228	13.728.747	14.600.190	6,3%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.495.520	2.023.712	2.314.640	14,4%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	57.801	66.137	88.127	33,2%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	225.676	593.032	620.265	4,6%
Phải trả người lao động	588	280	280	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.521.371	2.385.301	2.436.250	2,1%
Phải trả ngắn hạn khác	106.180	163.607	46.130	(71,8%)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6.626.217	8.468.803	9.066.645	7,1%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	27.875	27.875	27.853	(0,1%)
2. Nợ dài hạn	1.009.770	448.383	1.971.944	339,8%
Phải trả người bán dài hạn	24.324	19.289	14.817	(23,2%)
Phải trả dài hạn khác	31.757	30.438	31.095	2,2%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	774.749	227.388	1.764.400	675,9%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	166.878	159.915	150.104	(6,1%)
Dự phòng phải trả dài hạn	12.062	11.353	11.528	1,5%
Tổng cộng	11.070.998	14.177.130	16.572.134	16,9%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2024

Bảng 24: Các khoản phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	% Tăng/(giảm) 2024-2023
1. Nợ ngắn hạn	7.807.945	10.246.019	11.092.753	8,3%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.920.518	1.961.470	2.372.894	21,0%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	50.028	57.865	64.032	10,7%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	97.183	271.400	245.925	(9,4%)
Phải trả người lao động	2	94	-	(100,0%)
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.170.415	1.957.818	1.942.382	(0,8%)
Phải trả ngắn hạn khác	90.799	152.372	22.519	(85,2%)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.479.000	5.845.000	6.445.000	10,3%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	% Tăng/(giảm) 2024-2023
2. Nợ dài hạn	27.297	26.773	1.792.565	6.595,4%
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	27.297	26.773	28.165	5,2%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	1.764.400	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	-	-	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	7.835.242	10.272.792	12.885.318	25,4%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC riêng năm 2024

▪ **Tình hình thanh toán các khoản nợ**

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua. Trong quá trình thanh toán, Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ bao gồm lãi và gốc, đảm bảo uy tín của Công ty. Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào tính đến thời điểm lập Bản Báo cáo này.

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2022, 31/12/2023, kỳ kết thúc ngày 31/12/2024 và thời điểm của Bản báo cáo này, Công ty không có bất kỳ vi phạm các điều khoản trong hợp đồng liên quan đến các khoản phải trả.

Bảng 25: Tổng dư nợ vay của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	% Tăng/(giảm) 2024-2023
1. Vay ngắn hạn	6.626.217	8.468.803	9.066.645	7,1%
Vay ngân hàng/tổ chức tài chính	6.012.687	7.876.997	8.839.258	12,2%
Vay dài hạn đáo hạn trong vòng 1 năm	613.530	591.806	227.387	(61,6%)
2. Vay dài hạn	774.749	227.388	1.764.400	675,9%
Vay ngân hàng/tổ chức tài chính	774.749	227.388	1.764.400	675,9%
Tổng nợ vay	7.400.966	8.696.191	10.831.045	24,5%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2024

Bảng 26: Tổng dư nợ vay của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	% Tăng/(giảm) 2024-2023
1. Vay ngắn hạn	4.479.000	5.845.000	6.445.000	10,3%
Vay ngân hàng/tổ chức tài chính	4.479.000	5.845.000	6.445.000	10,3%
Vay dài hạn đáo hạn trong vòng 1 năm	-	-	-	-

2. Vay dài hạn	-	-	1.764.400	100,0%
Vay ngân hàng/tổ chức tài chính	-	-	1.764.400	100,0%
Tổng nợ vay	4.479.000	5.845.000	8.209.400	40,5%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC riêng năm 2024

2.1.7. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Bảng 27: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	163.214	484.038	503.922
Thuế giá trị gia tăng	54.526	100.816	94.045
Thuế thu nhập cá nhân	6.076	7.007	5.490
Các loại thuế khác	1.860	1.171	16.808
Tổng cộng	225.676	593.032	620.265

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2024

Bảng 28: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.608	228.443	207.800
Thuế giá trị gia tăng	26.975	36.937	17.477
Thuế thu nhập cá nhân	4.557	5.766	19.521
Các loại thuế khác	43	254	1.127
Tổng cộng	97.183	271.400	245.925

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC riêng năm 2024

2.1.8. Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động và pháp luật hiện hành. Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

Bảng 29: Số dư các quỹ của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	27.875	27.875	27.853
Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	22.732	22.732	22.732
Tổng cộng	-	-	-	50.607	50.607	50.584

Nguồn: BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2024

2.1.9. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

2.2.1. Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất chủ yếu

Bảng 30: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
1. Khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	2,6	1,7	0,7
Hệ số thanh toán nhanh <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	2,3	1,6	0,5
2. Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	33,0	35,0	59,4
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	49,3	53,8	146,3
3. Năng lực hoạt động				
Vòng quay tổng tài sản <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	Vòng	0,8	0,8	0,9
Vòng quay vốn lưu động <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	Vòng	1,1	1,1	1,8
Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	Vòng	6,7	6,5	6,9
4. Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	%	20,5	25,5	25,6

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	%	17,4	19,4	23,1
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	%	28,0	29,5	42,0
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	7.612	9.888	10.841

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2024

Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty

▪ Về khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán cho thấy khả năng hoàn thành các nghĩa vụ nợ trong ngắn hạn của doanh nghiệp, đảm bảo doanh nghiệp không rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt mức 0,7 lần tại thời điểm cuối năm 2024, giảm so với mức 1,7 lần năm 2023. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty đạt mức 0,5 lần tại thời điểm cuối năm 2024, giảm so với mức 1,6 lần năm 2022. Hệ số thanh toán giảm chủ yếu đến từ việc Công ty chi trả cổ tức: tổng số chi trả cổ tức 2023 trong năm 2024 là 16.120 tỷ đồng, chiếm 67% tổng tài sản ngắn hạn của Công ty tại 31/12/2023, và tổng số tạm ứng cổ tức 2024 đã chi trả là 6.884 tỷ đồng, chiếm 66% tổng tài sản ngắn hạn của Công ty tại 31/12/2024.

▪ Về cơ cấu vốn

Công ty duy trì một cơ cấu vốn an toàn. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng từ 33,0% lên 59,4% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 53,8% lên 146,3%. Hệ số cơ cấu vốn tăng trong năm 2024 đến từ kế hoạch chi trả cổ tức của Công ty.

▪ Về năng lực hoạt động

Chỉ số Vòng quay tổng tài sản năm 2024 đạt mức 0,9 tương đương so với năm 2023. Chỉ số Vòng quay vốn lưu động tăng nhẹ từ 1,1 năm 2023 lên 1,8 năm 2024. Chỉ số Vòng quay hàng tồn kho cũng tăng nhẹ so với năm 2023, cụ thể từ 6,5 lần lên 6,9 lần.

▪ Về khả năng sinh lời

Các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty tăng trong năm 2024, chủ yếu do doanh thu thuần về sản xuất kinh doanh tăng trong năm. Cụ thể, chỉ số ROS, ROA và ROE của Công ty trong năm 2024 lần lượt là 25,6%, 23,1% và 42,0%.

Ý kiến của tổ chức kiểm toán về các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty: Không có.

2.2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Bảng 31: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
1. Khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,9	2,2	0,6

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>				
Hệ số thanh toán nhanh <i>(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	2,8	2,1	0,5
2. Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	24,8	27,7	54,9
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	33,0	38,3	121,8
3. Năng lực hoạt động				
Vòng quay tổng tài sản <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	Vòng	0,9	0,8	1,0
Vòng quay vốn lưu động <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	Vòng	1,2	1,2	2,1
Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	Vòng	27,4	25,6	26,6
4. Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	%	20,6	22,8	22,1
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	%	17,7	18,2	22,0
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	%	25,6	24,8	35,6

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC riêng năm 2024

Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ

▪ **Về khả năng thanh toán**

Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh trong năm 2024 giảm so với năm 2023, cụ thể đạt lần lượt 0,6 lần và 0,5 lần. Hệ số thanh toán giảm chủ yếu đến từ việc Công ty chi trả cổ tức: tổng số chi trả cổ tức 2023 trong năm 2024 là 16.120 tỷ đồng, chiếm 72% tổng tài sản ngắn hạn của Công ty mẹ tại 31/12/2023, và tổng số tạm ứng cổ tức 2024 đã chi trả là 6.884 tỷ đồng, chiếm 108% tổng tài sản ngắn hạn của Công ty mẹ tại 31/12/2024.

▪ **Về cơ cấu vốn**

Công ty duy trì một cơ cấu vốn an toàn. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng từ 27,7% lên 54,9% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 38,3% lên 121,8%. Hệ số cơ cấu vốn tăng trong năm 2024 đến từ kế hoạch chi trả cổ tức của Công ty.

▪ **Về năng lực hoạt động**

Chỉ số Vòng quay tổng tài sản năm 2024 đạt mức 1,0 tăng nhẹ so với năm 2023. Chỉ số Vòng quay hàng tồn kho tăng nhẹ từ 25,6 năm 2023 lên 26,6 năm 2024. Chỉ số Vòng quay vốn lưu động cũng tăng so với năm 2023, cụ thể từ 1,2 lần lên 2,1 lần.

▪ **Về khả năng sinh lời**

Các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty tăng trong năm 2024, chủ yếu do doanh thu thuần về sản xuất kinh doanh tăng trong năm. Cụ thể, chỉ số ROS, ROA và ROE của Công ty trong năm 2024 lần lượt là 22,1%, 22,0% và 35,6%.

Ý kiến của tổ chức kiểm toán về các chỉ tiêu tài chính của Công ty: Không có.

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty

3.1. Ý kiến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

Ý kiến của Công ty TNHH KPMG Việt Nam, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty: *“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”*

3.2. Ý kiến Báo cáo tài chính riêng năm 2022

Ý kiến của Công ty TNHH KPMG Việt Nam, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2022 của Công ty: *“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”*

3.3. Ý kiến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023

Ý kiến của Công ty TNHH KPMG Việt Nam, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty: *“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”*

3.4. Ý kiến Báo cáo tài chính riêng năm 2023

Ý kiến của Công ty TNHH KPMG Việt Nam, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2023 của Công ty: *“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù*

hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”.

3.5. Ý kiến Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét bán niên 2024

Ý kiến của Công ty TNHH KPMG Việt Nam, tổ chức đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2024 của Công ty: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.”.

3.6. Ý kiến Báo cáo tài chính riêng soát xét bán niên 2024

Ý kiến của Công ty TNHH KPMG Việt Nam, tổ chức đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ năm 2024 của Công ty: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.”.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 32: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức năm 2024 trên cơ sở hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2024	% thực hiện so với kế hoạch
Doanh thu thuần	26.977.273	28.240.993	30.897.226	31.500.000 - 34.500.000	98,1% - 89,6%
Lợi nhuận sau thuế	5.532.807	7.194.170	7.920.538	7.300.000 - 7.500.000	108,5% - 105,6%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	20,5%	25,5%	25,6%	23,2% - 21,7%	110,3% - 117,9%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân	0,28	0,29	0,42	0,26	161,5%
Tỷ lệ cổ tức (Cổ tức/mệnh giá cổ phiếu)	0%	268,0%	(*)	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2024

Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên: Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua kế hoạch kinh doanh theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 25/04/2024. Hiện tại Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đang xây dựng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2025 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

() Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc chi trả mức tạm ứng cổ tức năm 2024 tối đa là 100% tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 14/10/2024 và Hội đồng quản trị đã thông qua triển khai việc chi trả mức tạm ứng cổ tức là 95% với hình thức chi trả bằng tiền mặt tại Nghị quyết số 30/2024/NQ-HDQT-MSC ngày 10/12/2024.*

4.2. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Kế hoạch kinh doanh năm 2024 nêu trên được xây dựng dựa trên hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là hoạt động sản xuất và kinh doanh thực phẩm và các ngành hàng chăm sóc gia đình thiết yếu. Công ty dự kiến sẽ tiếp tục đạt tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hai con số nhờ tiếp tục chiến lược cao cấp hóa các ngành hàng chính và sự gia tăng đáng kể cơ hội của ngành hàng hóa mỹ phẩm, chăm sóc cá nhân và gia đình và Ready Meal.

Hiện tại Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đang xây dựng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2025 dựa trên hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là hoạt động sản xuất và kinh doanh thực phẩm và các ngành hàng chăm sóc gia đình thiết yếu, xét theo nhiều yếu tố, bao gồm hiệu suất hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty trong quá khứ, chiến lược tăng trưởng của Công ty và tiềm năng phát triển của ngành.

4.3. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của nhà tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty thì kế hoạch doanh thu, lợi nhuận mà Công ty đã đề ra là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức hàng năm Công ty đề ra nhằm đảm bảo được mức lợi tức cho các cổ đông cũng như mục tiêu tái đầu tư phát triển của Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, ngành và Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14:

“Trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.”

CTCP Hàng tiêu dùng Masan được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào năm 2000, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần của cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Đối với cổ đông lớn là cá nhân

Tại ngày 31/12/2024, không có cổ đông là cá nhân nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty

2.2. Đối với cổ đông lớn là tổ chức

Tại ngày 31/12/2024, danh sách cổ đông là tổ chức nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty như sau:

ST T	Tên cổ đông	Năm thành lập	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Số ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Người đại diện theo pháp luật	Địa chỉ trụ sở chính	Người đại diện tại MCH
1	Công ty TNHH Masan Consumer Holdings	2009	602.700	0309269038	06/08/2009	Sở KH&ĐT TP.HCM	Michael Hung Nguyen – Chủ tịch HĐQT	Số 23 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM	Michael Hung Nguyen

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

Chi tiết số cổ phần của các cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của Công ty và tỷ lệ nắm giữ như sau:

STT	Tên cổ đông	Thời điểm	Loại CP	Số CP	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Masan	Trở thành cổ đông lớn	Có quyền biểu quyết	6.955.000	11,04%
			Hạn chế CN	-	-
			Ưu đãi	-	-

STT	Tên cổ đông	Thời điểm	Loại CP	Số CP	Tỷ lệ (%)
	Consumer Holdings	Hiện tại (ngày 31/12/2024)	Có quyền biểu quyết	671.353.145	91,27%
			Hạn chế CN	-	-
			Ưu đãi	-	-
		Dự kiến sau phát hành	Có quyền biểu quyết	974.133.413	91,27%
			Hạn chế CN	-	-
			Ưu đãi	-	-

Nguồn: CTCP Hàng tiêu dùng Masan

Chi tiết số lượng cổ phần nắm giữ của những người có liên quan của cổ đông lớn, Công ty TNHH MasanConsumerHoldings như sau: Không có

2.3. Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông và những người có liên quan của họ

Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty TNHH MasanConsumerHoldings (và những người có liên quan) và Tổ chức phát hành:

STT	Hợp đồng	Ngày ký	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch trong năm 2024 tính đến 31/12/2024 (triệu đồng)	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1.	(MSI - MCH) Hợp đồng cho vay và các phụ lục sửa đổi	26/1/2016	Cho vay	598.508	Tổng giám đốc
2.	(MMB - MCH) Hợp đồng cho vay và các phụ lục sửa đổi	1/11/2017	Cho vay	626.830	Tổng giám đốc
3.	(MSC - TCX) Hợp đồng dịch vụ_TCX-MSC-HDDV-2023	1/1/2023	Mua dịch vụ	36.059	Tổng Giám đốc (ký bởi người đại diện theo ủy quyền)
4.	(MHD - MBD) HDMBNT_0103/2016/HĐ-MBD	5/1/2016	Mua hàng hóa	77	Giám đốc (ký bởi người đại diện theo ủy quyền)
5.	(MHG - HGB) HDDV_HGB-MHG-SHVN-2020	10/11/2020	Mua dịch vụ	4.219	Chủ tịch công ty
6.	(MHG - HGB) HDMB_006/2022/HĐ-MHG	24/5/2022	Mua hàng hóa	3.838	Chủ tịch công ty

7.	(MMB - MBD) HDMBNT_0104/2016/HĐ-MBD	5/1/2016	Mua hàng hóa	109	Giám đốc
8.	(MPQ - MBD) HDMBNT_01/2021/HĐMB-MBD	2/1/2021	Mua hàng hóa	5	Giám đốc
9.	(MSI - HGB) HDMBNT_01/2017/HĐ-HGB	1/6/2017	Mua hàng hóa	7	Tổng Giám đốc (ký bởi người đại diện theo ủy quyền)
10.	(MSI - MBD) HDMBNT_0101/2016/HĐ-MBD	5/1/2016	Mua hàng hóa	210	Tổng Giám đốc (ký bởi người đại diện theo ủy quyền)
11.	(NET - MBB) HDHT_2024/NET-MBB/HDHT	1/4/2024	Mua dịch vụ	315	Tổng Giám đốc (ký bởi người đại diện theo ủy quyền)
12.	(NET - MBD) HĐMBNT_02/2022/HĐMB-MBD	1/7/2022	Mua hàng hóa	46	Tổng Giám đốc (ký bởi người đại diện theo ủy quyền)
13.	(QNW - MBD) HDMBNT_02/2016/HĐ-MBD	10/8/2016	Mua hàng hóa	33	Tổng Giám đốc (ký bởi người đại diện theo ủy quyền)
14.	(VCF - MBD) HDMBNT_06/2015/HĐNTMB/VCF-MBD	1/5/2015	Mua hàng hóa	43	Tổng Giám đốc (ký bởi người đại diện theo ủy quyền)
15.	(VHW - MBD) HDMBNT & PL_01062015/MBD-VHW	1/6/2015	Mua hàng hóa	54	Tổng Giám đốc (ký bởi người đại diện theo ủy quyền)
16.	(MSC-MBD) HĐNTMB_05/2015/HĐ-MSC	1/10/2015	Bán hàng hóa	7.497	Tổng Giám đốc (ký bởi người đại diện theo ủy quyền)
17.	(MSC-MBD) HĐNTMB_05/2015/HĐ-MSC	1/10/2015	Mua hàng hóa	891	Tổng Giám đốc (ký bởi người đại diện theo ủy quyền)
18.	(MSC-MBD) Hợp đồng hỗ trợ quản lý_MBD-MSC-SHCO-2017	1/1/2017	Phí hỗ trợ quản lý	31.289	Tổng Giám đốc (ký bởi người đại diện theo ủy quyền)
19.	(MSC-HGB) HĐNTMB_03/2018/HĐ-HGB-MSC	1/1/2018	Bán hàng hóa	697	Tổng Giám đốc (ký bởi người đại diện theo ủy quyền)

20.	(MSC-MBB) Hợp đồng hợp tác 2023/MSC-MBB/HĐNT	16/3/2023	Mua dịch vụ	5.733	Tổng Giám đốc (ký bởi người đại diện theo ủy quyền)
21.	(MMB - MBD) Hợp đồng cho vay	17/4/2023	Thu hồi khoản cho vay	46.000	Chủ tịch công ty
22.	(MSI - PYB) Hợp đồng cho vay	22/12/2023	Cho vay	54.977	Chủ tịch công ty
23.	(MMB - MBD) Hợp đồng cho vay	16/8/2024	Cho vay	100.000	Chủ tịch công ty

2.4. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành

Không có

2.5. Lợi ích liên quan của cổ đông lớn tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành

Không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Danny Le	Chủ tịch HĐQT
2	Trương Công Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Hoàng Yên	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Thiều Quang	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT
6	Nguyễn Thu Hiền	Thành viên HĐQT

3.1.1. Danny Le – Chủ tịch HĐQT

- Họ tên: Danny Le
- Năm sinh: 1984
- Quốc tịch: Mỹ
- Trình độ học vấn: đại học
- Năng lực chuyên môn: quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006 - 2010	Morgan Stanley	Chuyên viên phân tích, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư (Analyst, Investment Banking Division)
2010 – 6/2020	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Giám đốc Chiến Lược và Phát Triển (Head of Strategy & Development)
6/2020 - nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
 - Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Masan MEATLife
 - Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage
 - Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần The CrownX
 - Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Wincommerce
 - Thành viên HĐQT – Công ty TNHH Masan Brewery
 - Thành viên HĐQT – Công ty TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo
 - Chủ tịch công ty và Tổng Giám đốc – Công ty TNHH The Sherpa
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VDL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đang ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
Danny Le	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Wincommerce (Wincommerce)	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT - SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0 	<p>Wincommerce là công ty hoạt động bán lẻ dưới mô hình siêu thị, cửa hàng tiện lợi và là khách hàng lớn của Công ty (chủ yếu hoạt động bán buôn), nên không có xung đột lợi ích mang tính cạnh tranh với Công ty.</p> <p>Hợp đồng kinh doanh ký giữa Công ty và Wincommerce được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/người có liên quan và Công ty</p>
Danny Le	Công ty Cổ phần Masan MEATLife (MML)	Bán buôn thực phẩm (thịt và các sản phẩm làm từ thịt, gia cầm)	<ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT - SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0 	<p>MML là công ty hoạt động trong lĩnh vực Bán buôn thịt và các sản phẩm làm từ thịt, gia cầm, nên không có xung đột lợi ích mang tính cạnh tranh với Công ty. Ngoài hợp đồng MML mua hàng hóa của Công ty với giá trị nhỏ để sử dụng, làm quà biếu, quà tặng cho nhân viên thì giữa MML và Công ty có phát sinh một khoản chia sẻ chi phí quản lý với giá trị nhỏ mà Công ty thu của MML. Khoản chi phí quản lý này do việc tận dụng các nguồn lực trong Tập đoàn nhằm tối ưu chi phí.</p>

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
				Hợp đồng ký giữa Công ty và MML được Hội đồng quản trị thông qua, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/ người có liên quan và Công ty
Danny Le	Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage (PLH)	Bán lẻ đồ uống, thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Thành viên HĐQT - SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0 	<p>PLH là công ty hoạt động bán lẻ đồ uống, thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh và là khách hàng của Công ty, nên không có xung đột lợi ích mang tính cạnh tranh với Công ty.</p> <p>Hợp đồng kinh doanh ký giữa Công ty và PLH được Hội đồng quản trị thông qua, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/ người có liên quan và Công ty</p>

3.1.2. Trương Công Thắng – Thành viên HĐQT, TGD

- Họ tên: Trương Công Thắng
- Năm sinh: 1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: đại học
- Năng lực chuyên môn: quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1993 – 1994	Liên doanh Sea Breeze Holding Co., Vũng Tàu	Cán bộ
Từ năm 1994 – 1995	VPĐD của ITC Global Holdings Co., Tp. HCM	Cán bộ
Từ năm 1996 – 2001	Công ty TNHH Procter & Gamble Việt Nam	Marketing

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2001 – 2002	Công ty TNHH Procter & Gamble Việt Nam	Marketing kiêm Media Manager
Từ năm 2002 – 2006	Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan	Phó Tổng Giám đốc
Từ năm 2007 – 04/2014	Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan	Tổng Giám đốc
Từ 5/2014 - 5/2017	Công ty TNHH VN Nam Đàn Vạn An	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
Từ 6/2017 - 2/2018	Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Từ 02/2018 – 06/2020	Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan	Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Từ 07/2020 – nay	Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan	Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, TGD Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc – Công ty TNHH Masan Brewery
 - Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Bột giặt NET
 - Giám đốc – Masan Consumer (Thailand) Limited
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần The CrownX
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Mobicast
 - Thành viên HĐQT – Công ty CP Phát Triển Thương Mại Và Dịch Vụ VCM
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 86.354 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,012% VDL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 86.354 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,012%
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	6.592.776.987	7.000.474.708	6.712.296.041
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	86.354
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
Trương Công Thắng	Công ty Cổ phần Bột giặt NET (NET)	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	<ul style="list-style-type: none"> Chức vụ: Chủ tịch HĐQT SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0 	<p>NET là công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm đồ dùng gia đình (bột giặt, sữa tắm, nước rửa chén, nước xả, v.v.) và là công ty con thành viên của Công ty, nên không có xung đột lợi ích mang tính cạnh tranh với Công ty. Công ty mua hàng hóa của NET để phân phối ra thị trường, việc phân phối này nhằm tận dụng tối đa nguồn lực của các thành viên trong cùng tập đoàn, tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh.</p> <p>Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty với NET được Hội đồng quản trị thông qua, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích</p>

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
				ích giữa người nội bộ/ người có liên quan và Công ty
Trương Công Thắng	Masan Consumer (Thailand) Limited (Masan Thailand)	Bán buôn, bán lẻ thực phẩm, đồ uống tại thị trường Thái Lan	<ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Giám đốc - SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0 	<p>Masan Thailand là công ty được thành lập và hoạt động bán buôn, bán lẻ các sản phẩm của Công ty tại thị trường Thái Lan và là công ty con của Công ty, nên không có xung đột lợi ích mang tính cạnh tranh với Công ty.</p> <p>Hợp đồng bán sản phẩm, hàng hóa của Công ty với Masan Thailand được Hội đồng quản trị thông qua, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/ người có liên quan và Công ty</p>
Trương Công Thắng	Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage (PLH)	Bán lẻ đồ uống, thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Thành viên HĐQT - SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0 	<p>PLH là công ty hoạt động bán lẻ đồ uống, thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh và là khách hàng của Công ty, nên không có xung đột lợi ích mang tính cạnh tranh với Công ty.</p> <p>Hợp đồng kinh doanh ký giữa Công ty và PLH được Hội đồng quản trị thông qua, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/ người có liên quan và Công ty</p>

3.1.3. Nguyễn Hoàng Yến – Thành viên HĐQT

- Họ tên: Nguyễn Hoàng Yến
- Năm sinh: 1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: đại học

- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Nga văn, quản trị doanh nghiệp
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1987 – 1990	Trường Cao đẳng Kiểm sát	Giáo viên
Từ năm 2000 – nay	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Thành viên HĐQT và Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Masan
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Bột giặt NET
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
 - Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Masan PQ
 - Chủ tịch công ty – Công ty TNHH MTV Nam Ngự Phú Quốc
 - Chủ tịch công ty – Công ty TNHH Masan Long An
 - Chủ tịch HĐQT và Giám đốc – Công ty TNHH Cát Trắng
 - Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Phong Phú – Lâm Đồng
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 1.073.248 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,146%, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.073.248 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,146%
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 31.713 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,004%
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Chức vụ của người có liên quan tại Công ty	CMND/CCCD/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Đăng Quang	Chồng	Không có	045063000099	30.417	0,004%
2	Phạm Thị Thu	Chị dâu	Không có	001156008624	1.296	0%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm

quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	4.321.572.047	6.296.381.449	5.110.657.411
Cổ phiếu ESOP	136.136	Không có	178.536
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
Nguyễn Hoàng Yến	Công ty Cổ phần Bột giặt NET (NET)	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Thành viên HĐQT - SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0 	<p>NET là công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm đồ dùng gia đình (bột giặt, sữa tắm, nước rửa chén, nước xả...) và là công ty con thành viên của Công ty, nên không có xung đột lợi ích mang tính cạnh tranh với Công ty. Công ty mua hàng hóa của NET để phân phối ra thị trường, việc phân phối này nhằm tận dụng tối đa nguồn lực của các thành viên trong cùng tập đoàn, tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh.</p> <p>Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty với NET được Hội đồng quản trị thông qua, từ đó kiểm soát xung đột lợi</p>

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
				ích giữa người nội bộ/ người có liên quan và Công ty
Nguyễn Hoàng Yến	Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (VCF)	Sản xuất, chế biến đồ uống	<ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Thành viên HĐQT - SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0 	<p>VCF là công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến đồ uống (trà, cà phê, nước tăng lực, nước giải khát, v.v.) và là công ty con thành viên của Công ty, nên không có xung đột lợi ích mang tính cạnh tranh với Công ty. Công ty mua hàng hóa của VCF để phân phối ra thị trường, việc phân phối này nhằm tận dụng tối đa nguồn lực của các thành viên trong cùng tập đoàn, tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh.</p> <p>Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty với VCF được Hội đồng quản trị thông qua, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/ người có liên quan và Công ty</p>
Nguyễn Hoàng Yến	Công ty Cổ phần Masan PQ (MPQ)	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT - SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0 	MPQ và NNPQ là các công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (nước mắm, nước chấm, nước mắm cốt, v.v.) và là công ty con thành viên của Công ty, nên không có xung
Nguyễn Hoàng Yến	Công ty TNHH MTV Nam Ngư Phú Quốc (NNPQ)	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Chủ tịch công ty - SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0 	đột lợi ích mang tính cạnh tranh với Công ty. Công ty mua hàng hóa của MPQ và NNPQ để sản xuất, phân phối ra thị trường, việc phân phối này nhằm tận dụng tối đa nguồn lực của các thành viên

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
				<p>trong cùng tập đoàn, tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh.</p> <p>Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty với MPQ và NNPQ được Hội đồng quản trị thông qua, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/ người có liên quan và Công ty</p>

3.1.4. Nguyễn Thiều Quang – Thành viên HĐQT

- Họ tên: Nguyễn Thiều Quang
- Năm sinh: 1959
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: đại học
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư, quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1983 – 1986	Nhà máy Thủy điện Trị An - Tổng công ty Xây dựng Số 1	Kỹ sư
Từ năm 1986 – 1988	Tổng Công ty Nhập khẩu Thiết bị Đồng bộ, Technoimport - Bộ Ngoại thương	Kỹ sư
Từ năm 1986 – 1988	Tổng Công ty Nhập khẩu Thiết bị Đồng bộ, Technoimport - Bộ Ngoại Thương	Kỹ sư
Từ năm 1989 – 1995	Công ty Công nghệ mới TP. Hồ Chí Minh	Kỹ sư và Giám đốc Văn phòng đại diện tại Ukraine
Từ năm 1996 – 1999	Công ty Liên doanh Vinaturbo	Tổng giám đốc
Từ năm 1997 – 2015	Công ty cổ phần Đa My	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 1998 – 2017	Công ty cổ phần Thương mại La Giang	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 1999 – 2008	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Thành viên HĐQT Phó Chủ tịch HĐQT Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2005 – 2009	Công ty cổ phần Hoa Sen	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2008 – 2017	Công ty cổ phần xây dựng số 3 Hải	Ủy viên HĐQT

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Phòng	
Từ năm 2008 – 2017	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	Ủy viên HĐQT
Từ năm 2009 – 2018	Công ty Cổ phần Bất động sản Masan	Thành viên HĐQT
Từ năm 2005 – nay	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Thành viên HĐQT
Từ năm 2008 – nay	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2014 – nay	Công ty cổ phần Môi trường và Xây dựng Sài Gòn - Senco	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Phó Chủ tịch HĐQT – Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
 - Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Công nghệ Môi trường và Xây dựng Sài Gòn - Senco
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 145.776 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02%, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 145.776 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02%
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đang ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.1.5. Nguyễn Thị Thu Hà – Thành viên HĐQT

- Họ tên: Nguyễn Thị Thu Hà
- Năm sinh: 1974

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: đại học
- Năng lực chuyên môn: luật, quản trị kinh doanh, ngoại ngữ
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1994 – nay	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA)	Cán bộ văn phòng
Từ năm 2021 – nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Thành viên Hội đồng Quản trị
Từ năm 2021 – nay	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Thành viên Hội đồng Quản trị
Từ năm 2021 – nay	Công ty Cổ phần Masan	Thành viên Hội đồng Quản trị

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan
 - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.1.6. Nguyễn Thu Hiền – Thành viên HĐQT

- Họ tên: Nguyễn Thu Hiền
- Năm sinh: 1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: đại học
- Năng lực chuyên môn: Kinh tế ngoại thương
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2001 – 2003	Dự án giáo dục kỹ thuật và dạy nghề, Bộ Lao động thương binh và Xã hội	Cán bộ dự án
Từ năm 2003 – 2005	Học viện Quản lý Châu Á (AIM), Makati, Manila, Philippines	Sinh viên khóa thạc sỹ quản trị kinh doanh
Từ năm 2005 – 2007	Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực quốc tế	Phụ trách phát triển sản phẩm tư vấn
Từ năm 2007 – 2009	Ngân hàng HSBC Việt Nam	Phó Trưởng phòng, Phòng Kiểm soát nội bộ
Từ năm 2009 – 2015	Ngân hàng TMCP Quốc Tế	Trưởng phòng phụ trách Kiểm toán nội bộ khối hội sở
Từ năm 2018 – 2020	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	Phó Giám đốc, Bộ phận Tư vấn Quản trị rủi ro
Từ năm 2020 – 2021	Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	Phó Giám đốc, Phòng Kiểm tra Tuân thủ
Từ năm 2021 – nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Giám đốc Kiểm toán nội bộ
Từ năm 2021 – nay	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Thành viên HĐQT
Từ năm 2021 – nay	Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials	Thành viên HĐQT và Chủ tịch UBKT

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT và Chủ tịch UBKT – Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
 - Giám đốc kiểm toán nội bộ – Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%, trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.2. Ủy ban Kiểm toán

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thu Hiền	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
2	Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên Ủy ban Kiểm toán

3.2.1. Nguyễn Thu Hiền – Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán: xem mục 3.1.6

3.2.2. Nguyễn Thiệu Quang – Thành viên Ủy ban Kiểm toán: xem mục 3.1.4

3.3. Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trương Công Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Phạm Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
4	Huỳnh Việt Thắng	Giám đốc Tài chính
5	Phan Thị Thúy Hoa	Kế toán trưởng

3.3.1. Trương Công Thắng – Tổng Giám đốc: xem mục 3.1.2

3.3.2. Nguyễn Hoàng Yến – Phó Tổng Giám đốc: xem mục 3.1.3

3.3.3. Phạm Hồng Sơn – Phó Tổng Giám đốc

- Họ tên: Phạm Hồng Sơn
- Năm sinh: 1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Tiến sỹ
- Năng lực chuyên môn: kỹ thuật, quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2001 – 2008	Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt	Giám đốc
Từ năm 2003 – 2007	Công ty TNHH MTV Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Tổng Giám đốc
Từ năm 2005 – nay	Công ty TNHH MTV Masan Brewery HG	Giám đốc
Từ năm 2009 – nay	Công ty TNHH Một thành viên Masan HD	Chủ tịch công ty
Từ năm 2009 - 2012	Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan	Tổng Giám đốc
Từ năm 2012 – nay	Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan	Chủ tịch công ty
Từ năm 2012 – nay	Công ty TNHH MTV Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Chủ tịch công ty
Từ 3/2012 – nay	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Phó Tổng Giám đốc
Từ năm 2013 – nay	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hào	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2013 – 2020	Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa	Thành viên HĐQT
Từ năm 2020 – nay	Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2014 – nay	Công ty TNHH Một thành viên Masan ĐN	Chủ tịch công ty
Từ năm 2014 – nay	Công ty TNHH Một thành viên Masan MB	Chủ tịch công ty
Từ năm 2014 – nay	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2015 – nay	Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn	Thành viên HĐQT
Từ năm 2015 – nay	Công ty TNHH Một thành viên Masan HG	Chủ tịch công ty
Từ năm 2019 – nay	Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan	Chủ tịch công ty và Giám đốc
Từ năm 2019 – nay	Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage	Chủ tịch công ty và Giám đốc
Từ năm 2019 – nay	Công ty TNHH Masan HPC	Chủ tịch công ty và Giám đốc
Từ năm 2020 – nay	Công ty TNHH Masan HN	Chủ tịch công ty
Từ năm 2020 – nay	Công ty TNHH Masan Innovation	Chủ tịch công ty và Giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2021 – nay	Công Ty TNHH Tự Giặt Sấy Chanté	Chủ tịch công ty và Giám đốc
Từ năm 2022 – nay	Công ty TNHH Một thành viên Masan HG 2	Chủ tịch công ty

- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
 - Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo
 - Chủ tịch công ty – Công ty TNHH MTV Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến
 - Chủ tịch công ty – Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan
 - Chủ tịch công ty – Công ty TNHH Một thành viên Masan HD
 - Chủ tịch công ty – Công ty TNHH Một thành viên Masan MB
 - Chủ tịch công ty – Công ty TNHH Một thành viên Masan HG
 - Chủ tịch công ty – Công ty TNHH Masan HN
 - Chủ tịch công ty – Công ty TNHH Masan HG 2
 - Chủ tịch công ty – Công ty TNHH Một thành viên Masan ĐN
 - Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha
 - Chủ tịch công ty và Giám đốc – Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn
 - Chủ tịch công ty và Giám đốc – Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage
 - Chủ tịch công ty và Giám đốc – Công ty TNHH Masan HPC
 - Chủ tịch công ty và Giám đốc – Công ty TNHH Masan Innovation
 - Chủ tịch công ty và Giám đốc – Công Ty TNHH Tự Giặt Sấy Chanté
 - Giám đốc – Công ty TNHH MTV Masan Brewery HG
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 521.934 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,071%, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 521.934 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,071%
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có

– Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	6.520.374.520	6.489.961.308	5.494.887.216
Cổ phiếu ESOP	106.648	Không có	171.890
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
Phạm Hồng Sơn	Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (VCF)	Sản xuất, chế biến đồ uống	- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT - SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0	VCF và VH là các công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến đồ uống (trà, cà phê, nước tăng lực, nước giải khát, nước uống đóng chai, v.v.) và là công ty con thành viên của Công ty, nên không có xung đột lợi ích mang tính cạnh tranh với Công ty. Công ty mua hàng hóa của VCF và VH để phân phối ra thị trường, việc phân phối này nhằm tận dụng tối đa nguồn lực của các thành viên trong cùng tập đoàn, tối
Phạm Hồng Sơn	Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hào (VH)	Sản xuất, chế biến đồ uống	- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT - SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0	

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
				<p>ưu chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh.</p> <p>Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty với VCF và VH được Hội đồng quản trị thông qua, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/người có liên quan và Công ty</p>
Phạm Hồng Sơn	Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan (MSI)	Sản xuất, chế biến Thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Chủ tịch công ty - SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0 	<p>MSI/MHD/MMB/MHG là các công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến Thực phẩm (nước mắm, nước tương, nước chấm, gia vị, mì gói, cháo, phở, miến, v.v.) và là công ty con thành viên của Công ty, nên không có xung đột lợi ích mang tính cạnh tranh với Công ty. Công ty mua hàng hóa của MSI/MHD/MMB/MHG để phân phối ra thị trường, việc phân phối này nhằm tận dụng tối đa nguồn lực của các thành viên trong cùng tập đoàn, tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh.</p> <p>Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty với MSI/MHD/MMB/MHG được Hội đồng quản trị thông qua, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/người có liên quan và Công ty</p>
Phạm Hồng Sơn	Công ty TNHH Một thành viên Masan HD (MHD)	Sản xuất, chế biến Thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Chủ tịch công ty - SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0 	
Phạm Hồng Sơn	Công ty TNHH Một thành viên Masan MB (MMB)	Sản xuất, chế biến Thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Chủ tịch công ty - SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0 	
Phạm Hồng Sơn	Công ty TNHH Một thành viên Masan HG (MHG)	Sản xuất, chế biến Thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Chủ tịch công ty - SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0 	
Phạm Hồng Sơn	Công ty TNHH MTV Công	Sản xuất, chế biến Thực phẩm, đồ uống	<ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Chủ tịch công ty 	

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
	nghe Thực phẩm Việt Tiến (VTF)		- SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0	<p>nước chấm, gia vị, nước uống đóng chai) và là công ty con thành viên của Công ty, nên không có xung đột lợi ích mang tính cạnh tranh với Công ty.</p> <p>Khoảng 5 năm gần đây, VTF chủ yếu gia công hàng hóa cho các công ty khác hoặc cho các công ty khác trong Tập đoàn thuê mặt bằng để sản xuất kinh doanh (Vĩnh Hảo, Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage).</p> <p>Hợp đồng giữa VTF và các công ty này được cơ quan có thẩm quyền từng công ty thông qua theo quy định, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/ người có liên quan và Công ty</p>
Phạm Hồng Sơn	Công ty TNHH Masan HG 2 (MHG2)	Sản xuất, chế biến Thực phẩm	- Chức vụ: Chủ tịch công ty - SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0	<p>MHG2 là công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến Thực phẩm và là công ty con thành viên của Công ty, nên không có xung đột lợi ích mang tính cạnh tranh với Công ty.</p> <p>Hiện MHG2 đang trong quá trình hoàn tất xây dựng nhà máy và đi vào sản xuất kinh doanh.</p>

3.3.4. Huỳnh Việt Thăng – Giám đốc Tài chính

- Họ tên: Huỳnh Việt Thăng
- Năm sinh: 1973
- Quốc tịch: Việt Nam

- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1995 – 1999	Saigon Shipyard	Kế Toán Tổng Hợp
Từ 1999 – 2007	Coca-cola Viet Nam	Financial Controller
Từ 2007 – 2009	Unilever Vietnam	Finance Manager
Từ 2009 – 2013	Café Outspan Viet Nam	Financial Controller
Từ 2013 – 7/2018	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Kế toán trưởng
Từ 7/2018 – 3/2020	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Quyền Giám đốc Tài chính
Từ 3/2020 – nay	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Giám đốc Tài chính
Từ 4/2020 – nay	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	Thành viên HĐQT
Từ 9/2020 – nay	Công ty Cổ phần Bột giặt NET	Thành viên HĐQT
Từ 4/2021 – nay	Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện nay: Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Bột giặt NET
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Masan MEATLife
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 182.797 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,025%, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 182.797 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,025%
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	5.598.140.520	5.860.190.708	5.424.338.061
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	162.274
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
Huỳnh Việt Thăng	Công ty Cổ phần Bột giặt NET (NET)	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Thành viên HĐQT - SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0 	<p>NET là công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm đồ dùng gia đình (bột giặt, sữa tắm, nước rửa chén, nước xả, v.v.) và là công ty con thành viên của Công ty, nên không có xung đột lợi ích mang tính cạnh tranh với Công ty. Công ty mua hàng hóa của NET để phân phối ra thị trường, việc phân phối này nhằm tận dụng tối đa nguồn lực của các thành viên trong cùng tập đoàn, tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh.</p> <p>Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty với NET được Hội đồng quản trị thông qua, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/ người có liên quan và Công ty</p>
Huỳnh Việt Thăng	Công ty Cổ phần Nước khoáng	Sản xuất, chế biến đồ uống	<ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Thành viên HĐQT 	<p>QHW là công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến đồ uống (trà, cà phê, nước tăng lực, nước giải khát,</p>

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
	Quảng Ninh (QHW)		- SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0	<p>v.v.) và là công ty con thành viên của Công ty, nên không có xung đột lợi ích mang tính cạnh tranh với Công ty. Công ty mua hàng hóa của QHW để phân phối ra thị trường, việc phân phối này nhằm tận dụng tối đa nguồn lực của các thành viên trong cùng tập đoàn, tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh.</p> <p>Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty với QHW được Hội đồng quản trị thông qua, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/ người có liên quan và Công ty</p>
Huỳnh Việt Thăng	Công ty Cổ phần Masan MEATLife (MML)	Bán buôn thực phẩm (thịt và các sản phẩm làm từ thịt, gia cầm)	<ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Thành viên HĐQT - SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0 	<p>MML là công ty hoạt động trong lĩnh vực Bán buôn thịt và các sản phẩm làm từ thịt, gia cầm, nên không có xung đột lợi ích mang tính cạnh tranh với Công ty. Ngoài hợp đồng MML mua hàng hóa của Công ty với giá trị nhỏ để sử dụng, làm quà biếu, quà tặng cho nhân viên thì giữa MML và Công ty có phát sinh một khoản chia sẻ chi phí quản lý với giá trị nhỏ mà Công ty thu của MML. Khoản chi phí quản lý này do việc tận dụng các nguồn lực trong Tập đoàn nhằm tối ưu chi phí.</p> <p>Hợp đồng ký giữa Công ty và MML được Hội đồng quản trị thông qua, từ đó kiểm soát</p>

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
				xung đột lợi ích giữa người nội bộ/ người có liên quan và Công ty

3.3.5. Phan Thị Thúy Hoa – Kế toán trưởng

- Họ tên: Phan Thị Thúy Hoa
- Năm sinh: 1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: đại học
- Năng lực chuyên môn: Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1999 – 2000	Cty TNHH TM Ròng Việt – Rinnai Việt Nam	Nhân viên kế toán
Từ năm 2001 – 2013	Công ty TNHH MTV CN Thực phẩm Việt Tiến	Kế toán trưởng
Từ năm 2015 – nay	Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa	Kế toán trưởng
Từ 7/2018 – nay	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Kế toán trưởng
Từ năm 2014 – nay	Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan	Kế toán trưởng
Từ năm 2014 – nay	Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage	Kế toán trưởng
Từ năm 2019 – nay	Công ty TNHH Masan HPC	Kế toán trưởng
Từ năm 2020 – nay	Công ty TNHH Masan Innovation	Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
 - Kế toán trưởng – Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan
 - Kế toán trưởng – Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage
 - Kế toán trưởng – Công ty TNHH Masan HPC
 - Kế toán trưởng – Công ty TNHH Masan Innovation
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 36.951 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,005%, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 36.951 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,005%
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

- Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	2.911.097.271	2.905.437.676	2.976.159.407
Cổ phiếu ESOP	25.000	Không có	10.335
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
Phan Thị Thúy Hoa	Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (VCF)	Sản xuất, chế biến đồ uống	- Chức vụ: Kế toán trưởng - SLCP nắm giữ và % tương ứng: 0	VCF là công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến đồ uống (trà, cà phê, nước tăng lực, nước giải khát, v.v.) và là công ty con thành viên của Công ty, nên không có xung đột lợi ích mang tính cạnh tranh với Công ty. Công ty mua hàng hóa của VCF để phân phối ra thị trường, việc phân phối này nhằm tận dụng tối đa nguồn lực của các thành viên trong cùng tập

Tên người nội bộ và người có liên quan	Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
				đoàn, tối ưu chi phí và năng cao hiệu quả kinh doanh. Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty với VCF được Hội đồng quản trị thông qua, từ đó kiểm soát xung đột lợi ích giữa người nội bộ/ người có liên quan và Công ty

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số cổ phiếu chào bán là tối đa 326.811.643 (Ba trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm mười một nghìn, sáu trăm bốn mươi ba) cổ phiếu.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 3.268.116.430.000 (Ba nghìn hai trăm sáu mươi tám tỷ, một trăm mười sáu triệu, bốn trăm ba mươi nghìn) đồng.

5. Giá chào bán

10.000 đồng/cổ phần

6. Phương pháp tính giá

Căn cứ nhu cầu huy động vốn, hiệu quả huy động vốn và đây là đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, ĐHCĐ đã phê duyệt mức giá chào bán là **10.000 đồng/cổ phiếu** tại Nghị quyết ĐHCĐ số 03/2024/NQ-ĐHCĐ-MS ngày 14/10/2024.

7. Phương thức phân phối

Cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu

Tỷ lệ phân phối

45,1% (1.000:451). Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu sẽ được nhận 01 (một) quyền mua và cứ 1.000 (Một nghìn) quyền mua sẽ được mua 451 (Bốn trăm năm mươi một) cổ phiếu phát hành thêm.

Phương án xử lý phần lẻ

Số cổ phần lẻ phát sinh sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, phần thập phân (nếu có) sẽ được làm tròn xuống thành 0 cổ phần.

Ví dụ: tại ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 100 cổ phiếu. Theo tỷ lệ thực hiện quyền 1.000:451, cổ đông A được mua $100 \times (451/1.000) = 45,1$ cổ phiếu. Theo quy định về xử lý cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu cổ đông A được mua sẽ được làm tròn là 45 cổ phiếu.

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phần không chào bán hết trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện một phần quyền mua (Cổ Phần Cần Phân Phối)

HĐQT sẽ thực hiện phân phối số Cổ Phần Cần Phân Phối cho các nhà đầu tư có nhu cầu và năng lực tài chính để mua số Cổ Phần Cần Phân Phối này với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Việc phân phối số Cổ Phần Cần Phân Phối phải tuân thủ theo các quy định:

- Tuân thủ quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp: “Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau”
- Đảm bảo các điều kiện chào bán cổ phiếu theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Số Cổ Phần Cần Phân Phối bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán (tức là 01 năm kể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua chứng khoán được chào bán từ các nhà đầu tư).

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:
Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời hạn đăng ký mua cổ phiếu cho cổ đông tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.
- Phương thức đăng ký, thanh toán tiền mua cổ phiếu và chuyển giao cổ phiếu:

Phương thức thanh toán

Chuyển tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu số 96341278888 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – như được trình bày tại mục 12 dưới đây.

Chuyển giao cổ phiếu

Chuyển giao cổ phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Quyền lợi của người mua cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng (bao gồm cả số cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu đang bị hạn chế chuyển nhượng tại thời điểm thực hiện quyền).

Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu

Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành và chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối trong Quý 1-2025. Thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép UBCKNN gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 (ba mươi) ngày.

Lịch trình chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng dự kiến như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Giấy chứng nhận chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN có hiệu lực	D
2	Gửi hồ sơ đến VSDC, HNX, thông báo về việc thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông gồm thông tin các ngày cụ thể như: ngày đăng ký cuối cùng, thời gian chuyển nhượng quyền, thời gian đăng ký mua/ thực hiện quyền. (Trong trường hợp này, ngày đăng ký cuối cùng hưởng quyền mua dự kiến là D+10)	D+1 đến D+3
3	Công bố thông tin theo quy định	D đến D+7
4	Công ty nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền	D+12
5	Các cổ đông tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phần	D+13 đến D+33
6	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu. Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT thông qua phương án xử lý đối với cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết và thực hiện xử lý cổ phần lẻ và số cổ phần không bán hết.	D+34 đến D+37
7	Báo cáo kết quả phát hành; chuyển giao cổ phiếu và hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu	D+38 đến D+58

(Trong đó ngày D là ngày làm việc)

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Cổ đông được chuyển nhượng lại quyền mua cổ phần một lần duy nhất trong vòng 10 ngày kể từ ngày chào bán. Quyền mua cổ phần sẽ hết hiệu lực tại ngày đến hạn thanh toán.

Cổ phiếu chào bán thông qua hình thức chào bán thêm ra công chúng không bị hạn chế chuyển nhượng.

Cổ phiếu lẻ và cổ phần không bán hết trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện một phần quyền mua bị hạn chế chuyển nhượng một năm (tức là 01 năm kể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua chứng khoán được chào bán từ các nhà đầu tư).

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

Tên tài khoản : Công ty CP Hàng Tiêu Dùng Masan

Số tài khoản : 96341278888

Ngân hàng : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

Loại tiền tài khoản: VND

12. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Theo công văn số 8089/UBCK-PTTT ngày 27/11/2024 của UBCKNN, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%.

Theo danh sách cổ đông gần nhất tại ngày 26/09/2024, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 2,30%.

Do đây là đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, trong trường hợp tất cả các cổ đông thực hiện quyền mua thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty sẽ không thay đổi sau khi hoàn tất đợt phát hành. Trong trường hợp phát sinh Cổ Phần Cần Phân Phối và HĐQT thực hiện phân phối tiếp như được trình bày tại mục 10 nói trên, HĐQT cam kết và đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty sẽ không vượt quá 50% sau khi hoàn tất đợt phát hành.

13. Các loại thuế có liên quan đến cổ phiếu chào bán

13.1. Thuế thu nhập cá nhân

Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH-12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Thuế Thu nhập cá nhân có quy định:

Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5% (*năm phần trăm*); và

Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp nhận cổ tức bằng tiền mặt và trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu.

Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu: 0,1% (không phải một phần trăm) tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

13.2. Thuế áp dụng với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất như sau:

Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập tính thuế: bằng Tổng giá trị cổ phiếu bán ra trong kỳ - Tổng giá mua cổ phiếu được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán cổ phiếu; và
- Thuế suất: bằng 20% (hai mươi phần trăm).

Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập tính thuế: bằng tổng doanh thu bán Cổ Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng; và
- Thuế suất: bằng 0,1% (không phải một phần trăm).

14. Thông tin về các cam kết

- Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan cam kết triển khai thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo quy định pháp luật.
- Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Theo phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 số 03/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 14/10/2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26/NQ-HĐQT ngày 15/10/2024, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan thực hiện chào bán nhằm triển khai chiến lược mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phần ra công chúng tính theo giá bán là 3.268.116.430.000 đồng sẽ được Công ty sử dụng cho các mục đích với thứ tự ưu tiên như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Trả nợ vay cho Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tổng hạn mức tín dụng số U2000/ST/MCH/2019 ngày 03 tháng 02 năm 2020.	480.000.000.000	Trong năm 2025
2	Trả nợ vay cho Ngân hàng Bangkok Đại chúng Trách nhiệm Hữu hạn, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay vốn số CP/HCM/007-19 ngày 31 tháng 05 năm 2019.	300.000.000.000	Trong năm 2025
3	Trả nợ vay cho Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng ngày 15 tháng 11 năm 2019.	300.000.000.000	Trong năm 2025
4	Trả nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cấp tín dụng số 28/394342/24-DN1/N-CTD và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 28/394342/24-DN1/N-HM/01 ngày 17 tháng 9 năm 2024.	730.000.000.000	Trong năm 2025
5	Trả nợ vay cho Ngân hàng BNP Paribas, Singapore Branch theo Hợp đồng cấp tín dụng số MNCCoverage/HLC/CK/AL ngày 22 tháng 4 năm 2020.	349.000.000.000	Trong năm 2025
6	Thanh toán tiền thuê văn phòng cho Công ty TNHH Zenith Investment theo Hợp đồng cho thuê văn phòng số 0926/2024/HĐT-ZENITH-MSK ngày 26 tháng 9 năm 2024.	1.109.116.430.000	Trong năm 2025 và 2026
	Tổng cộng	3.268.116.430.000	

Chi tiết về các mục đích sử dụng vốn nêu trên

1. Trả nợ vay cho Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tổng hạn mức tín dụng số U2000/ST/MCH/2019 ngày 03 tháng 02 năm 2020

- Thông tin về Hợp đồng tổng hạn mức tín dụng số U2000/ST/MCH/2019 ngày 03 tháng 02 năm 2020:
- + Bên cho vay: Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Tầng trệt và tầng 11, toà nhà Times Square, số 22-36

- đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
Mã số doanh nghiệp: 0300842952
- + Tổng hạn mức tín dụng: 680.000.000.000 đồng
 - + Cấp có thẩm quyền phê duyệt Hợp đồng tổng hạn mức tín dụng nêu trên của Công ty: Tổng Giám đốc
 - + Mọi quan hệ của Bên cho vay với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không có
- Theo Phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để trả dư nợ gốc vay đến hạn theo Hợp đồng tổng hạn mức tín dụng nêu trên
 - Số dư nợ vay phát sinh từ Hợp đồng tổng hạn mức tín dụng nêu trên tính đến ngày 20/01/2025 theo xác nhận của ngân hàng là 480.000.000.000 đồng. Mục đích vay của số dư nợ vay hiện tại là để thanh toán tiền mua hàng hóa cho các bên sau: Công ty TNHH MTV Masan MB; Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Masan; Công ty CP Nước khoáng Vĩnh Hảo; Công ty TNHH MTV Masan HG; Công ty CP Vinacafe Biên Hoà; Công ty TNHH MTV Masan HD; Công ty CP Nước khoáng Quảng Ninh
- 2. Trả nợ vay cho Ngân hàng Bangkok Đại chúng Trách nhiệm Hữu hạn, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay vốn số CP/HCM/007-19 ngày 31 tháng 05 năm 2019**
- Thông tin về Hợp đồng vay vốn số CP/HCM/007-19 ngày 31 tháng 05 năm 2019:
 - + Bên cho vay: Ngân hàng Bangkok Đại chúng Trách nhiệm Hữu hạn, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Mã số doanh nghiệp: 0301219010
 - + Tổng hạn mức tín dụng: 700.000.000.000 đồng
 - + Cấp có thẩm quyền phê duyệt hợp đồng vay vốn nêu trên của Công ty: Tổng Giám đốc
 - + Mọi quan hệ của Bên cho vay với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không có
 - Theo Phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để trả dư nợ gốc vay đến hạn của Hợp đồng vay vốn nêu trên
 - Số dư nợ vay phát sinh từ Hợp đồng vay vốn nêu trên tính đến ngày 20/01/2025 theo xác nhận của ngân hàng là 300.000.000.000 đồng. Mục đích vay của số dư nợ vay hiện tại là để tài trợ nhu cầu vốn lưu động của Công ty thông qua việc thanh toán tiền hàng cho các bên sau: Công ty TNHH MTV Masan MB; Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Masan; Công ty TNHH MTV Masan HD

3. Trả nợ vay cho Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng ngày 15 tháng 11 năm 2019

- Thông tin về Hợp đồng tín dụng ngày 15 tháng 11 năm 2019:
 - + Bên cho vay: Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hà Nội; Địa chỉ: 63 phố Lý Thái Tổ, phường Tráng Tiên, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam; Mã số doanh nghiệp: 0100112148
 - + Tổng hạn mức tín dụng: 800.000.000.000 đồng
 - + Cấp có thẩm quyền phê duyệt hợp đồng tín dụng nêu trên tại Công ty: Tổng Giám đốc
 - + Mọi quan hệ của Bên cho vay với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không có
- Theo Phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để trả dư nợ gốc vay đến hạn của Hợp đồng tín dụng nêu trên
- Số dư nợ vay phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 20/01/2025 theo xác nhận của ngân hàng là 300.000.000.000 đồng. Mục đích vay của số dư nợ vay hiện tại là để tài trợ việc thanh toán cho các bên thụ hưởng sau: Công ty TNHH MTV Masan MB; Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Masan; Công ty TNHH MTV Masan HD; Công ty TNHH MTV Masan HG

4. Trả nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cấp tín dụng số 28/394342/24-DN1/N-CTD và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 28/394342/24-DN1/N-HM/01 ngày 17 tháng 9 năm 2024

- Thông tin về Hợp đồng cấp tín dụng số 28/394342/24-DN1/N-CTD và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 28/394342/24-DN1/N-HM/01 ngày 17 tháng 9 năm 2024:
 - + Bên cho vay: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Một phần tầng hầm B1, một phần tầng trệt, trọn tầng lửng, tầng lầu 01, 02, 03, 04, 05, 07 và 08 Tòa nhà VBB, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; Mã số doanh nghiệp: 0100112437-002
 - + Tổng hạn mức tín dụng: 750.000.000.000 đồng
 - + Cấp có thẩm quyền phê duyệt hợp đồng cấp tín dụng và hợp đồng cho vay theo hạn mức tại Công ty: Tổng Giám đốc
 - + Mọi quan hệ của Bên cho vay với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không có

- Theo Phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để trả dư nợ gốc vay đến hạn của hợp đồng cấp tín dụng và hợp đồng cho vay theo hạn mức nêu trên
 - Số dư nợ vay của hợp đồng cấp tín dụng và hợp đồng cho vay theo hạn mức nêu trên tính đến ngày 20/01/2025 theo xác nhận của ngân hàng là 380.000.000.000 đồng. Mục đích vay của số dư nợ vay hiện tại là để thanh toán tiền hàng cho các bên sau: Công ty TNHH MTV Masan MB; Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Masan; Công ty TNHH MTV Masan HG
- 5. *Trả nợ vay cho Ngân hàng BNP Paribas, Singapore Branch theo Hợp đồng cấp tín dụng số MNCCoverage/HLC/CK/AL ký ngày 22 tháng 4 năm 2020***
- Thông tin về Hợp đồng cấp tín dụng số MNCCoverage/HLC/CK/AL ngày 22 tháng 4 năm 2020:
 - + Bên cho vay: Ngân hàng BNP Paribas, Singapore Branch; Địa chỉ: 20 Collyer Quay, #01-01, Singapore, 049319; Mã số doanh nghiệp: 0100112437-002
 - + Tổng hạn mức tín dụng: 700.000.000.000 đồng
 - + Cấp có thẩm quyền phê duyệt hợp đồng cấp tín dụng nêu trên của Công ty: Tổng Giám đốc
 - + Mọi quan hệ của Bên cho vay với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không có
 - Theo Phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để trả dư nợ gốc vay đến hạn của Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên
 - Số dư nợ vay phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên tính đến ngày 20/01/2025 theo xác nhận của ngân hàng là 14.239.218,88 đô la Mỹ, tương đương 349.658.258.817 đồng. Mục đích vay của số dư nợ vay hiện tại là để cấp vốn theo Hoá đơn cho các bên sau: Công ty CP Nước khoáng Vĩnh Hảo; CTCP Vinacafe Biên Hoà; Công ty TNHH MTV Masan HD

Hiện tại, số dư nợ vay phát sinh từ các hợp đồng hạn mức tín dụng tại 05 ngân hàng nêu trên (Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Ngân hàng Bangkok Đại chúng Trách nhiệm Hữu hạn, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hà Nội; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng BNP Paribas, Singapore Branch) được dùng để bổ sung vốn lưu động Công ty thông qua việc thanh toán các hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ cho các công ty như đã được trình bày chi tiết ở trên (Các giao dịch này đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua).

Tuy nhiên, số dư nợ vay phát sinh từ các hợp đồng hạn mức tín dụng nêu trên có thể thay đổi tại từng thời điểm. Số dư nợ của mỗi hợp đồng hạn mức tín dụng sẽ bao gồm một hoặc nhiều khế ước

nhận nợ (hoặc giấy nhận nợ hoặc đơn xin vay vốn) tương ứng với từng lần giải ngân của ngân hàng cho Công ty. Do tính chất quay vòng liên tục của việc mua hàng và vốn lưu động của một công ty ngành hàng tiêu dùng, nên thời hạn của các khoản vay cho mỗi lần giải ngân thường từ 3 (ba) đến 6 (sáu) tháng. Vì vậy, số dư nợ của mỗi hợp đồng vay có thể không thay đổi đáng kể, tuy nhiên các khế ước nhận nợ của mỗi hợp đồng vay sẽ thay đổi liên tục do việc thanh toán khoản nợ cũ đến hạn và sau đó, giải ngân khoản nợ mới để tài trợ tiếp cho việc mua hàng mới và vốn lưu động của Công ty. Để hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như duy trì mức tăng trưởng hàng năm, thì Công ty phải duy trì thường xuyên các hợp đồng hạn mức tín dụng này.

Công ty cam kết sẽ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để trả số dư nợ vay phát sinh theo các hợp đồng hạn mức tín dụng tại 05 ngân hàng nêu trên theo đúng Phương án sử dụng vốn đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MSK ngày 14/10/2024 của Công ty.

6. Thanh toán tiền thuê văn phòng cho Công ty TNHH Zenith Investment theo Hợp đồng cho thuê văn phòng số 0926/2024/HĐT-ZENITH-MSK ngày 26 tháng 9 năm 2024

6.1. Thông tin về Hợp đồng cho thuê

Công ty đã thuê bất động sản văn phòng từ Công ty TNHH Zenith Investment theo Hợp đồng cho thuê văn phòng số 0926/2024/HĐT-ZENITH-MSK (“theo Hợp đồng cho thuê văn phòng số 0926/2024/HĐT-ZENITH-MSK”). Thông tin cơ bản về Hợp đồng số 0926/2024/HĐT-ZENITH-MSK như sau:

- Bên cho thuê: Công ty TNHH Zenith Investment;
- Tài Sản Cho Thuê: 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích 3.847,2 m² (Tầng 15,16,17,18 và 20).
- Thời hạn thuê: 279 tháng (từ ngày 26/09/2024 đến ngày 01/01/2048).
- Giá thuê: 1.480.000.000.000 đồng.
- Thời hạn thanh toán: thanh toán toàn bộ giá thuê và thuế giá trị gia tăng trên giá thuê theo quy định chậm nhất vào ngày 31/03/2026.

Giao dịch cho thuê Tài Sản Cho Thuê nêu trên đã được (i) Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên của Công ty TNHH Zenith Investment thông qua tại Nghị quyết số 386/2024/NQ ngày 26/9/2024 và (ii) Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan thông qua tại Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐQT-MSK ngày 26/09/2024 theo đúng quy định.

Thông tin về Công ty TNHH Zenith Investment (“Zenith”):

- Công ty TNHH Zenith Investment (là một đơn vị thuộc sở hữu 100% bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan). Công ty TNHH Zenith Investment được thành lập từ ngày 08/06/2022 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0317331434

- Trên cơ sở xem xét, đánh giá nhằm mục đích chuyên môn hóa hoạt động kinh doanh bất động sản và cho thuê, đồng thời cũng là để tối ưu hóa cấu trúc vận hành và vai trò chuyên môn của từng công ty trong cơ cấu Tập đoàn, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (công ty mẹ sở hữu 100% vốn của Zenith) giao toàn bộ các hoạt động vận hành văn phòng cho thuê từ Công ty TNHH The Sherpa sang Zenith. Theo đó, Zenith sẽ chuyên trách công tác vận hành, bao gồm ký kết các hợp đồng cho thuê, quản lý và chi trả các chi phí tiện ích, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành khác.

6.2. Nguồn gốc và thông tin về Tài Sản Cho Thuê

Tài Sản Cho Thuê thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty TNHH The Sherpa theo các Giấy Chứng Nhận sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành DN 232629, số vào sổ cấp GCN: CT 88383 do Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố cấp ngày 15 tháng 11 năm 2023, cập nhật ngày 22/10/2024.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành DN 232630, số vào sổ cấp GCN: CT 88382 do Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố cấp ngày 15 tháng 11 năm 2023, cập nhật ngày 22/10/2024.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành DN 232631, số vào sổ cấp GCN: CT 88381 do Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố cấp ngày 15 tháng 11 năm 2023, cập nhật ngày 22/10/2024.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành DN 232632, số vào sổ cấp GCN: CT 88380 do Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố cấp ngày 15 tháng 11 năm 2023, cập nhật ngày 22/10/2024.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành DN 232633, số vào sổ cấp GCN: CT 88379 do Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố cấp ngày 15 tháng 11 năm 2023, cập nhật ngày 22/10/2024.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành DN 232634, số vào sổ cấp GCN: CT 88378 do Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố cấp ngày 15 tháng 11 năm 2023, cập nhật ngày 22/10/2024.

Thông tin về Công ty TNHH The Sherpa: Công ty TNHH The Sherpa là công ty thuộc sở hữu 100% bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan. Công ty TNHH The Sherpa được thành lập từ ngày 12/06/2020 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316328421.

Công ty TNHH The Sherpa nhận chuyển nhượng phần diện tích thô (tổng cộng 5.776,1 m²) và quyền sử dụng đất từ Ngân hàng Techcombank (nhận bàn giao Tài Sản Cho Thuê (xây thô) từ ngày 20/05/2022 và sau đó hoàn thiện công trình, nhận chuyển nhượng chính thức từ Techcombank ngày 31/07/2024).

Công ty TNHH The Sherpa sau đó đầu tư thêm chi phí xây dựng hoàn thiện Tài Sản Cho Thuê và lắp đặt trang thiết bị cần thiết trước khi cho Công ty TNHH Zenith Investment thuê với thời hạn 279 tháng theo hình thức trả tiền thuê 06 tháng/lần theo Hợp đồng cho thuê văn phòng số 0926/2024/HĐT-ZENITH-MSC ngày 26/09/2024 giữa Công ty TNHH The Sherpa và Công ty TNHH Zenith Investment.

Việc Công ty TNHH The Sherpa cho Công ty TNHH Zenith Investment thuê Tài Sản Cho Thuê nêu trên được Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên Công ty TNHH The Sherpa thông qua tại Nghị quyết số 330/2024/NQ ngày 01/08/2024.

Việc Công ty TNHH Zenith Investment thuê Tài Sản Cho Thuê từ Công ty TNHH The Sherpa được Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên Công ty TNHH Zenith Investment thông qua tại Nghị quyết số 331/2024/NQ ngày 01/08/2024.

Công ty TNHH Zenith Investment sau khi được Tập đoàn Masan giao nhiệm vụ quản lý, vận hành tài sản đã tiến hành thuê Tài Sản Cho Thuê từ Sherpa và sau đó cho CTCP Hàng tiêu dùng Masan thuê lại một phần diện tích (3.847,2m²) với giá thuê 1.378.836 đồng/m² (đã bao gồm thiết bị), thời hạn thuê 279 tháng, thanh toán tiền thuê một lần tổng cộng 1.480 tỷ đồng.

Về cơ sở xác định giá thuê, bên cạnh các đánh giá nội bộ của Công ty, MSC đã thuê tổ chức định giá độc lập là Savills thực hiện xác định giá thuê độc lập khi xem xét phương án thuê để tính toán giá thuê Tài Sản Cho Thuê hợp lý. Theo đó, giá thuê hợp lý theo phương pháp so sánh thị trường được xác định là 2.113.185 đồng/m²/tháng.

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn huy động từ đợt chào bán: Trong trường hợp cổ phiếu không được đăng ký mua hết dẫn đến số tiền thu được từ đợt chào bán không đạt đủ như dự kiến. Công ty sẽ thực hiện sử dụng tiền theo thứ tự ưu tiên (từ trên xuống dưới), cân đối lại nguồn và sử dụng linh hoạt các nguồn vốn khác để đưa ra phương án xử lý phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty tại thời điểm sử dụng vốn.

Thời gian dự kiến triển khai chào bán: Dự kiến trong Quý 1-2025.

Các thông tin quan trọng khác có thể ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư: Không có.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

Trụ sở chính:

Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (84-28) 3914 3588 Fax: (84-28) 3914 3209

Website: www.vietcap.com.vn

Phòng giao dịch Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex – Tài nguyên, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (84-28) 8882 6868 Fax : (84-28) 3914 3209

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, Tầng 16, Số 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (84-28) 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội:

Tầng 6, Số 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84-24) 6262 6999 Fax : (84-24) 6278 2688

Phòng giao dịch Đống Đa

Số 9, Ngõ 82, Phố Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (84-28) 8882 6868 Fax : (84-24) 6278 2688

Ý kiến của Tổ chức tư vấn đối với đợt chào bán

Trên cơ sở các thông tin mà Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap đã thu thập được về CTCP Hàng tiêu dùng Masan và đợt chào bán cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap có một số nhận định như sau: Công ty có những thế mạnh nhất định như hoạt động kinh doanh lâu năm trong ngành, đội ngũ Ban quản trị, cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, có chuyên môn cao. Bên cạnh đó, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với triển vọng phát triển của ngành.

Khối lượng chào bán đợt này là tối đa 326.811.643 cổ phiếu, là đợt chào bán có quy mô lớn so với quy mô của các đợt chào bán của các doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán Việt Nam gần đây. Tuy nhiên, với vị thế hiện tại của Công ty và mức giá chiết khấu cho đối tượng phát hành là cổ đông hiện hữu, Tổ chức tư vấn đánh giá tính khả thi của đợt chào bán này là cao.

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Tầng 10, Tòa nhà Sunwah, Số 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3821 9266

Website: www.kpmg.com

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

XII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/05/2000, cấp thay đổi lần thứ 51 ngày 31/12/2024.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024 số 03/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 14/10/2024 thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.
3. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26/2024/NQ-HĐQT-MSC ngày 15/10/2024 triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
4. Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan.
5. BCTC riêng và hợp nhất năm tài chính 2022 và 2023 được kiểm toán.
6. BCTC riêng và hợp nhất bán niên năm 2024 được soát xét.
7. BCTC riêng và hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2024.
8. Các tài liệu liên quan đến phương án sử dụng vốn.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2025.

Đại diện tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DANNY LE

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG CÔNG THẮNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN



NGUYỄN THU HIỀN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHAN THỊ THÚY HOA

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



HUỖNH VIỆT THẮNG

Đại diện tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

TỔNG GIÁM ĐỐC



TÔ HẢI



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0302017440

Đăng ký lần đầu: ngày 31 tháng 05 năm 2000

Đăng ký thay đổi lần thứ: 51, ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MASAN CONSUMER CORPORATION

Tên công ty viết tắt: MASAN CONSUMER CORP

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.62555660

Fax: 028.38109463

Email:

Website:

www.masanconsumer.com

3. Vốn điều lệ: 7.355.531.790.000 đồng.

Bằng chữ: Bảy nghìn ba trăm năm mươi lăm tỷ năm trăm ba mươi một triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 735.553.179

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRƯƠNG CÔNG THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 06/03/1973 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: C4527086

Ngày cấp: 22/01/2018 Nơi cấp: Cục Quản Lý Xuất Nhập Cảnh

Địa chỉ thường trú: 235 Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Nhà B18, Khu Biệt Thự Garden Home, Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

* Họ và tên: DANNY LE

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 13/07/1984 Dân tộc: Quốc tịch: Mỹ

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: A36244512

Ngày cấp: 01/03/2024 Nơi cấp: Mỹ

Địa chỉ thường trú: Số 32 đường Beacon, Boston, MA 02136,, Mỹ

Địa chỉ liên lạc: Lô 1A, Căn hộ 2203, Estella, Xa lộ Hà Nội, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CT. TRƯỜNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lê Thị Hồng Nga

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực

quyển số 01-SCT/BS.

Ngày:

09-01-2025

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG BẾN NGHÉ



Lê Nguyễn Việt Nam

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều Lệ được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“**Công ty**”) thông qua ngày 01 tháng 4 năm 2021, được sửa đổi tại từng thời điểm; và
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty số 03/2024/BB-ĐHĐCĐ-MSC ngày ~~14~~ 14 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2024 từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty, với mức tạm ứng cổ tức tối đa là 100% (tức 1 cổ phiếu được nhận mức tạm ứng cổ tức năm 2024 tối đa là 10.000 đồng). Phê duyệt việc ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, kế hoạch kinh doanh và đảm bảo tối ưu hóa dòng tiền, được toàn quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc tạm ứng cổ tức năm 2024, bao gồm mức tạm ứng cổ tức, số đợt chi trả, thời gian, phương thức chi trả và các vấn đề khác liên quan đến tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

Điều 2. Thông qua phương án chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

1. Phương án chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Mã cổ phiếu	MCH
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán	10.000 đồng/cổ phiếu
Tỷ lệ thực hiện quyền	45,1% (1.000:451, cụ thể 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua và cứ 1.000 quyền mua sẽ được mua 451 cổ phiếu phát hành thêm). Cổ phiếu quỹ không được phân bổ và thực hiện quyền.
Số lượng cổ phiếu (dự kiến) chào bán thêm	326.811.643 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu (dự kiến) chào bán thêm theo mệnh giá	3.268.116.430.000 đồng
Tổng số cổ phiếu đã phát	735.553.179 cổ phiếu



hành	
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành trước khi chào bán	724.637.791 cổ phiếu
Vốn điều lệ (dự kiến) sau chào bán	10.623.648.220.000 đồng
Tổng giá trị vốn huy động (dự kiến)	3.268.116.430.000 đồng
Đối tượng chào bán	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm được lập bởi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
Phương thức chào bán	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
Nguyên tắc xác định giá chào bán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu của Công ty căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 là 39.701 đồng/cổ phiếu. Sau khi thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 55%/mệnh giá (1 cổ phiếu nhận 5.500 VNĐ) chi trả ngày 12/7/2024 và tỷ lệ 168%/mệnh giá (1 cổ phiếu nhận 16.800 VNĐ) chi trả ngày 04/10/2024, giá trị sổ sách ước tính của mỗi cổ phiếu là 17.401 đồng/cổ phiếu. - Nhằm đảm bảo sự thành công của đợt chào bán và nhằm tạo điều kiện cho cổ đông hiện hữu tiếp tục tham gia đóng góp và gắn bó lâu dài vào quá trình phát triển của Công ty, giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được xác định là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu của đợt chào bán	Không có
Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ văn bản số 4500/UBCK-PTTT ngày 12/08/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty được xác định là 50%; - Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo danh sách cổ đông gần nhất chốt ngày 26/9/2024 là 2,30%; - HĐQT phối hợp với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) trong việc đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu sở hữu của tất cả các nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (sau đây gọi chung là “Các cổ đông nước ngoài”) không vượt quá tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tối đa của Các cổ đông nước ngoài tại Công ty theo quy định trong quá trình thực hiện chào bán cho cổ đông hiện hữu và phân phối lại cho nhà đầu tư khác số cổ phiếu dôi ra do làm tròn, số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua hoặc không nộp tiền mua.
Chuyển nhượng quyền mua	Cổ đông được chuyển nhượng lại quyền mua cổ phần một lần duy nhất trong thời gian quy định.
Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phần không được	<ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần lẻ phát sinh sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, phần thập phân (nếu có) sẽ được làm tròn xuống thành 0 cổ

20
 ĐN
 Ô
 3T
 MA
 T.

phân phối hết	<p>phần. Ví dụ: tại ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 100 cổ phiếu. Theo tỷ lệ thực hiện quyền 1.000:451, cổ đông A được mua $100 \times (451/1.000) = 45,1$ cổ phiếu. Theo quy định về xử lý cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu cổ đông A được mua sẽ được làm tròn là 45 cổ phiếu;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần dôi ra do làm tròn, số cổ phiếu dư ra do cổ đông không đăng ký mua hết hoặc không nộp đủ tiền trong thời gian quy định, ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT phân phối cho các cổ đông hiện hữu hoặc đối tượng khác có nhu cầu mua; - ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT lên phương án phân phối số lượng cổ phiếu này cho các đối tượng nêu trên với nguyên tắc giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu; - Trong trường hợp không thực hiện phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số lượng cổ phiếu còn dư không chào bán hết sẽ được huỷ và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán; - Việc xử lý cổ phần không được phân phối hết đáp ứng quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.
Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán	Trong trường hợp cổ phiếu không được đăng ký mua hết dẫn đến số tiền thu được từ đợt chào bán không đạt như dự kiến. Công ty sẽ sử dụng số tiền thu được theo thứ tự ưu tiên (từ trên xuống dưới) tại phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu được trình bày tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này, cân đối lại nguồn vốn và sử dụng linh hoạt các nguồn vốn khác để đưa ra phương án xử lý phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty tại thời điểm sử dụng vốn.
Hạn chế chuyển nhượng	<ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua được tự do chuyển nhượng, bao gồm cả số cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu đang bị hạn chế chuyển nhượng tại thời điểm thực hiện quyền - Số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không được phân phối hết được HĐQT phân phối lại cho các cổ đông hiện hữu hoặc đối tượng khác có nhu cầu mua sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
Điều kiện huỷ bỏ đợt chào bán	Không có
Thời gian dự kiến chào bán	Trong năm 2024 hoặc 2025. Thời điểm cụ thể do HĐQT quyết định sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
Đăng ký, Lưu ký và Niêm yết cổ phiếu chào bán thêm	Cổ phiếu chào bán thêm sẽ được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung trên UPCoM theo quy định.

2. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phần ra công chúng tính theo giá bán là 3.268.116.430.000 đồng sẽ được Công ty sử dụng cho các mục đích với thứ tự ưu tiên như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền phân bổ (đồng)	Thời gian sử dụng dự kiến
1	Trả nợ vay cho Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tổng hạn mức tín dụng số U2000/ST/MCH/2019 ngày 03 tháng 02 năm 2020.	480.000.000.000	Trong năm 2025
2	Trả nợ vay cho Ngân hàng Bangkok Đại chúng Trách nhiệm Hữu hạn, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay vốn số CP/HCM/007-19 ngày 31 tháng 05 năm 2019.	300.000.000.000	Trong năm 2025
3	Trả nợ vay cho Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng ngày 15 tháng 11 năm 2019.	300.000.000.000	Trong năm 2025
4	Trả nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cấp tín dụng số 28/394342/24-DN1/N-CTD và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 28/394342/24-DN1/N-HM/01 ngày 17 tháng 9 năm 2024.	730.000.000.000	Trong năm 2025
5	Trả nợ vay cho Ngân hàng BNP Paribas, Singapore Branch theo Hợp đồng cấp tín dụng số MNCCoverage/HLC/CK/AL ngày 22 tháng 4 năm 2020.	349.000.000.000	Trong năm 2025
6	Thanh toán tiền thuê văn phòng cho Công ty TNHH Zenith Investment theo Hợp đồng cho thuê văn phòng số 0926/2024/HĐT-ZENITH-MSC ngày 26 tháng 9 năm 2024.	1.109.116.430.000	Trong năm 2025 và 2026
	Tổng cộng	3.268.116.430.000	

Trong trường hợp một số khoản vay được thanh toán trước thời điểm kết thúc đợt chào bán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng Quản trị điều chỉnh phương án và linh động bố trí phương án phù hợp.

Điều 3. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị triển khai thực hiện các công việc liên quan đến việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu như sau:

- (i) Triển khai phương án phát hành chi tiết:
- Lựa chọn Tổ chức tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu và hoàn tất các thủ tục theo quy định của pháp luật về việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua;
 - Quyết định thời điểm thích hợp để triển khai phương án phát hành, quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông, thời gian cổ đông đăng ký mua cổ phiếu và thời gian chuyển nhượng quyền mua và tiến hành các thủ tục cần thiết để phát hành cổ phiếu theo quy định của pháp luật, bao gồm việc xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung, giải trình chi tiết hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

- c. Quyết định sửa đổi, bổ sung Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài (nếu cần thiết), quyết định chi tiết phương án phân phối cổ phiếu đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu sở hữu của tất cả Các cổ đông nước ngoài không vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty theo quy định;
 - d. Quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn, điều chỉnh phương án sử dụng vốn nếu thấy cần thiết phù hợp quy định của pháp luật, cân đối và sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động đầu tư kinh doanh của Công ty đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, lợi ích của các cổ đông theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Sau khi thực hiện điều chỉnh mục đích, phương án sử dụng vốn, HĐQT thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật và báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất;
 - e. Quyết định chi tiết phương án xử lý cổ phiếu mà cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ (nếu có) theo quy định của pháp luật;
 - f. Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện Phương án chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, HĐQT được toàn quyền thực hiện các công việc khác liên quan đến chào bán cổ phiếu theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước, và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế để việc chào bán cổ phiếu được hoàn tất theo đúng quy định pháp luật.
- (ii) Lập hồ sơ đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung: Thực hiện các thủ tục, công việc để đăng ký lưu ký và đăng ký niêm yết bổ sung cho toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành sau khi hoàn tất đợt chào bán.
 - (iii) Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả của đợt phát hành nêu trên với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và sửa đổi vốn điều lệ trong bản Điều Lệ của Công ty sau khi hoàn thành đợt chào bán.

Trong quá trình thực hiện nội dung các công việc nêu trên, ĐHĐCĐ đồng ý cho Hội đồng Quản trị giao quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các công việc và thủ tục cần thiết để hoàn tất việc chào bán cổ phiếu theo quy định.

Điều 4. Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các phòng ban, cá nhân có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 5. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Số: 26/2024/NQ-HĐQT-MSC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“**Công ty**”) ngày 01/4/2021 (được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm) (“**Điều lệ**”);
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) của Công ty số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 14/10/2024 (“**Nghị Quyết ĐHĐCĐ 03**”); và
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu số 26/2024/BBKP-HĐQT-MSC ngày 15/10/2024 về việc xin ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan thống nhất triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 03 với một số nội dung chính như sau:

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Mã cổ phiếu	MCH
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán	10.000 đồng/cổ phiếu
Tỷ lệ thực hiện quyền	45,1% (1.000:451) (01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua và cứ 1.000 quyền mua sẽ được mua 451 cổ phiếu phát hành thêm). Cổ phiếu quỹ không được phân bổ và thực hiện quyền.
Số lượng cổ phiếu chào bán	326.811.643 cổ phiếu
Đối tượng chào bán	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm được lập bởi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
Phương thức chào bán	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
Hạn chế chuyển nhượng	- Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua được tự do chuyển nhượng, bao gồm cả số cổ phiếu phát sinh từ cổ



	<p>phiếu đang bị hạn chế chuyển nhượng tại thời điểm thực hiện quyền.</p> <p>- Số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không được phân phối hết được HĐQT phân phối lại cho các cổ đông hiện hữu hoặc đối tượng khác có nhu cầu mua sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.</p>
Thời gian dự kiến chào bán	Dự kiến trong năm 2024 hoặc 2025. Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin và phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật.

Các nội dung liên quan đến phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu không nêu trong Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 03 của Công ty.

Điều 2: HĐQT cam kết thực hiện đăng ký bổ sung chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung tại UPCoM cho toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán ngay sau khi hoàn tất đợt chào bán theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc Công ty:

- (i) Ban hành và ký các tài liệu để thực hiện các công việc cần thiết để bổ sung, giải trình nhằm hoàn chỉnh các hồ sơ chào bán và phát hành theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong quá trình thẩm định hồ sơ Quyết định thời điểm phát hành cụ thể;
- (ii) Quyết định và chỉnh sửa/thay đổi nội dung Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (ngoại trừ các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu);
- (iii) Quyết định các vấn đề liên quan đến thực hiện, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán và quyết định các hồ sơ cần thiết nộp cho các cơ quan chức năng làm rõ mục đích sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán thể hiện trong phương án đã được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt;
- (iv) Quyết định và ký các văn bản trong Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu và thực hiện các thủ tục cần thiết khác để báo cáo phát hành cổ phiếu, báo cáo kết quả phát hành với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- (v) Quyết định ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông và thực hiện thủ tục chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu;
- (vi) Thực hiện thủ tục phân phối cổ phiếu chào bán;
- (vii) Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung tại VSDC và đăng ký giao dịch bổ sung tại UPCoM đối với toàn bộ số lượng cổ phần phát hành thực tế; và
- (viii) Quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc thấy cần thiết để hoàn tất phương án phát hành.

Điều 4: Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các phòng ban, cá nhân có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.



Điều 5: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 



DANNY LE





ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Ngày 01 tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Định nghĩa	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	7
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, các loại chứng khoán khác	7
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu.....	8
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 9. Thu hồi cổ phần	8
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	9
Điều 11. Quyền của Cổ đông	9
Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông	10
Điều 13. Đại Hội đồng Cổ đông.....	11
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội đồng Cổ đông.....	12
Điều 15. Người đại diện theo ủy quyền.....	13
Điều 16. Triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông, chương trình và nội dung họp, và mời họp Đại Hội đồng Cổ đông	14
Điều 17. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông.....	15
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông.....	15
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.....	16
Điều 20. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông	17
Điều 21. Điều kiện đề nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua	17
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông.....	18
Điều 23. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông.....	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông	21
Điều 25. Hiệu lực nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông	21
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	21
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	22
Điều 28. Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch Hội đồng Quản trị.....	24
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị	25
Điều 30. Biên bản họp Hội đồng Quản trị.....	27
Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty.....	28
CHƯƠNG VIII. ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN	28
Điều 32. Thành phần Ủy ban Kiểm toán.....	28
Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán.....	29
Điều 34. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.....	30
CHƯƠNG IX. TỔNG GIÁM ĐỐC.....	30
Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý	30

Điều 36. Tổng Giám Đốc	30
CHƯƠNG X. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	31
Điều 37. Trách nhiệm cân trọng	31
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	31
Điều 39. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan	32
Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	33
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	33
Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	33
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	34
Điều 42. Công nhân viên và công đoàn	34
CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	34
Điều 43. Trả cổ tức	34
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	34
Điều 44. Tài khoản ngân hàng	34
Điều 45. Năm tài chính	35
Điều 46. Hệ thống kế toán	35
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	35
Điều 47. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	35
Điều 48. Báo cáo thường niên	35
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	35
Điều 49. Kiểm toán	35
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	36
Điều 50. Dấu của Công ty	36
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ	36
Điều 51. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty	36
Điều 52. Trình tự, thủ tục giải thể	36
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	36
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ	36
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	37
Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	37
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	37
Điều 55. Ngày hiệu lực	37

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
 - b. “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).
 - c. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).
 - d. “Luật giao dịch điện tử” là Luật giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).
 - e. “Ngày Thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu - ngày 31 tháng 5 năm 2000.
 - f. “Người có liên quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 23, Điều 4 của Luật doanh nghiệp và khoản 46, Điều 4 của Luật chứng khoán.
 - g. “Người đại diện theo ủy quyền” là người được Cổ đông là tổ chức ủy quyền để thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật.
 - h. “Người được ủy quyền dự họp” là người được Cổ đông (tổ chức hoặc cá nhân), hoặc Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức, ủy quyền để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông theo các hình thức được quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.
 - i. “Người quản lý” là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
 - j. “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015, và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) và các luật, các quy định có hiệu lực như luật thành văn hoặc không thành văn đang có hiệu lực tại nơi Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu, bao gồm cả các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán.
 - k. “Sở Giao dịch Chứng khoán” là sở giao dịch chứng khoán mà Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu.
 - l. “Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị” là thành viên Hội đồng Quản trị đáp ứng các điều kiện về thành viên độc lập do Pháp luật quy định.
 - m. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này.

- n. “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - o. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán của Công ty.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một quy định hoặc văn bản sẽ bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế quy định hoặc văn bản đó.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
 4. “Người” sẽ bao gồm cá nhân và tổ chức.

CHƯƠNG II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN**
 - Tên tiếng Anh: **MASAN CONSUMER CORPORATION**
 - Tên viết tắt: **MASAN CONSUMER CORP.**
2. Công ty là công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật của Việt Nam. Các Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, số 39 Lê Duân, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Điện thoại: (84 28) 62 555 660
 - Fax: (84 28) 38 109 463
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:
 - a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - b. Mỗi người đại diện theo pháp luật đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện trong nước hoặc tại nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi Pháp luật không cấm.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ Ngày Thành lập.

CHƯƠNG III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:
 - a. Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phụ tùng, nguyên liệu, bách hoá, kim khí điện máy, máy điện toán, máy văn phòng, lương thực thực phẩm, thực phẩm công nghệ, nông-lâm-thủy hải sản, cao su, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ;
 - b. Đại lý mua bán ký gởi hàng hoá;
 - c. Tiếp thị xúc tiến thương mại;
 - d. Dịch vụ khai thuê hải quan;
 - e. Sản xuất bao bì nhựa (trừ tái chế phế thải);
 - f. Chế biến lương thực thực phẩm;
 - g. Dịch vụ tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình);
 - h. Xây dựng công nghiệp;
 - i. Dịch vụ cho thuê bất động sản;
 - j. Cung cấp suất ăn công nghiệp (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống);
 - k. Cho thuê ô tô;
 - l. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
 - m. Sản xuất gia vị;
 - n. Sản xuất hương liệu (trừ sản xuất hoá chất cơ bản);
 - o. Sản xuất đồ uống không cồn (không sản xuất tại trụ sở);
 - p. Bán buôn đồ uống không có cồn;
 - q. Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm;
 - r. Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm;
 - s. Bán buôn đồ dùng gia đình và đồ dùng chăm sóc cá nhân.
 - t. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
 - u. Bán buôn các loại vật tư, hóa chất ngành tẩy rửa (trừ hóa chất độc hại mạnh);
 - v. Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
 - w. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để thực hiện các lĩnh vực kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác mà Pháp luật không cấm và được Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, các loại chứng khoán khác

1. Vốn Điều Lệ của Công Ty là 7.267.938.180.000 đồng (Bảy nghìn hai trăm sáu mươi bảy tỷ chín trăm ba mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng). Vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành 726.793.818 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng (mười nghìn đồng)/cổ phần.
2. Công ty có thể tăng Vốn điều lệ khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp luật.
3. Tất cả các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của mỗi Cổ đông trong Công ty, trừ trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông quyết định khác.
6. Việc phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi Cổ đông sẽ được thực hiện theo các quy định của Luật chứng khoán và các quy định của Pháp luật có liên quan.
7. Hội đồng Quản trị quyết định giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán của Công ty tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ đông sáng lập;
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi Cổ đông trong Công ty;
 - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông;
 - d. Cổ phần chào bán để (i) thực hiện chuyên đổi khoản vay chuyên đổi, trái phiếu chuyển đổi hay các chứng khoán do Công ty phát hành có khả năng chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, (ii) thực hiện các quyền chọn mua (bao gồm cả quyền chọn mua dành cho người lao động), quyền chọn bán hay chứng quyền mà Công ty đã cam kết, hoặc (iii) thực hiện các cam kết khác của Công ty;

- e. Các trường hợp khác do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định hoặc Pháp luật quy định hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.
- 8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và các quy định Pháp luật.
- 9. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm. Khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn, Công ty có thể phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền. Khi được Hội đồng Quản trị phê chuẩn, Công ty có thể phát hành các loại trái phiếu khác.
- 10. Công ty cũng có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ cổ phiếu hoặc giấy chứng nhận sở hữu cổ phần dưới hình thức văn bản hoặc hình thức dữ liệu điện tử (sau đây gọi chung là “chứng chỉ cổ phiếu”) tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng chỉ cổ phiếu dưới hình thức văn bản phải có dấu của Công ty và theo các quy định của Pháp luật. Chứng chỉ cổ phiếu dưới hình thức điện tử sẽ tuân theo quy định của Luật giao dịch điện tử và các quy định của Pháp luật liên quan. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà Cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị mất, bị rách, bị tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được dưới hình thức khác, Cổ đông có thể được Công ty cấp lại chứng chỉ cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu, giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu hoặc các chứng chỉ, giấy chứng nhận sở hữu chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành theo quy định của Pháp luật nếu được phát hành dưới hình thức văn bản.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Cổ phần niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ sẽ không được chuyển nhượng và sẽ không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần phải trả, Hội đồng Quản trị sẽ gửi thông báo cho Cổ đông đó đề yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với tiền lãi do chậm thanh toán tính trên số tiền còn lại với mức lãi suất cao nhất được phép áp dụng tại thời điểm đó và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã

đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ. Tiền lãi sẽ được tính từ ngày gửi thông báo cho đến ngày toàn bộ số tiền theo thông báo được thanh toán trên thực tế.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm và phương thức thanh toán. Thông báo phải ghi rõ là trong trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện đầy đủ và đúng hạn, Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi số cổ phần có liên quan.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán và thanh toán số tiền lãi như được quy định tại khoản 1 Điều này. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cân trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại Hội đồng Cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị; và
3. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông là các đồng chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham gia, phát biểu trong các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp, hoặc dự họp theo hình thức khác được quy định tại Điều lệ này và Pháp luật liên quan. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông;

- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và các quy định Pháp luật;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu, trừ trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông có quyết định khác;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến Cổ đông đó trong danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của Cổ đông đó;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông;
 - g. Trong trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần đã góp vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác theo quy định của Pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp; và
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau:
 - Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; hoặc
 - Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
 - c. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải được Hội đồng Quản trị thông qua và tài liệu liên quan khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty; và
 - d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị theo quy định tương ứng tại khoản 2 Điều 26 của Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
2. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật; chi sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

Điều 13. Đại Hội đồng Cổ đông

1. Đại Hội đồng Cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.
2. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại Hội đồng Cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại Hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tuy nhiên Hội đồng Quản trị có thể quyết định gia hạn họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.
3. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại Hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này; và
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
5. Triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường:
 - a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ ngày số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật, hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này. Trường hợp Hội đồng Quản trị không

triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

- b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 13 nêu trên thì Cổ đông, nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- c. Tất cả chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông sẽ được Công ty thanh toán hoặc hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại Hội đồng Cổ đông như chi phí ăn ở và đi lại.
- d. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông thực hiện các công việc được quy định tại khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội đồng Cổ đông

1. Đại Hội đồng Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán của Công ty;
 - c. Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị;
 - d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - e. Lựa chọn Công ty kiểm toán;
 - f. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - g. Quyết định tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị;
 - h. Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ của Công ty;
 - i. Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - j. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của Công ty;
 - k. Quyết định giải thể Công ty;
 - l. Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc các Cổ đông của Công ty;
 - m. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất;
 - n. Quyết định việc Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - o. Quyết định việc Công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch như được quy định tại khoản 3 Điều 39 của Điều lệ này;
 - p. Quyết định việc Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền;

- q. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; và
 - r. Quyết định các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này khi Cổ đông đó hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó là một bên của hợp đồng; và
 - b. Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó hoặc của Người có liên quan của Cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao dịch Chứng khoán.
 3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 15. Người đại diện theo ủy quyền

1. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức được ủy quyền bằng văn bản theo quy định của Pháp luật và nhân danh Cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.
2. Việc cử Người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:
 - a. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 5% và dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 02 Người đại diện theo ủy quyền.
 - b. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 Người đại diện theo ủy quyền.
3. Trường hợp Cổ đông là tổ chức ủy quyền cho nhiều Người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi Người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp Cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi Người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả Người đại diện theo ủy quyền.
4. Văn bản ủy quyền cho Người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử Người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên tổ chức, số đăng ký doanh nghiệp hoặc thành lập hoặc mã số giao dịch chứng khoán, mã số cổ đông và địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức;
 - b. Số lượng Người đại diện theo ủy quyền, số lượng cổ phần đại diện và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng cho mỗi Người đại diện theo ủy quyền;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng Người đại diện theo ủy quyền;
 - d. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng Người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày thực hiện đại diện; và
 - e. Họ, tên, chữ ký của từng Người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.

Điều 16. Triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông, chương trình và nội dung họp, và mời họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông cũng có thể được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này; và
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
3. Thông báo mời họp Đại Hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và trên website của Công ty. Thông báo mời họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được gửi chậm nhất là hai mươi một ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông. Thông báo mời họp, chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và dự thảo nghị quyết được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp sẽ nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử của Công ty để các Cổ đông có thể tiếp cận các tài liệu họp đó.
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất năm ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó sở hữu, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Trường hợp người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 16 của Điều lệ này thì chậm nhất là hai ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều 16 của Điều lệ này;

- b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty; hoặc
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.
6. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 16 của Điều lệ này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 16 của Điều lệ này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận.

Điều 17. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho Người được ủy quyền dự họp, hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại Hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của Pháp luật về dân sự và phải nêu rõ họ tên Người được ủy quyền dự họp, số lượng cổ phần được ủy quyền và các nội dung cần thiết khác theo thông báo của Công ty. Trường hợp có nhiều hơn một Người được ủy quyền dự họp được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi Người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
4. Hội đồng Quản trị sẽ ban hành quy chế họp và bỏ phiếu điện tử trong trường hợp tổ chức họp Đại Hội đồng Cổ đông thông qua hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử có kèm theo hoặc không kèm theo bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tham dự.
2. Trường hợp không có đủ số lượng Cổ đông dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 18 nêu trên trong vòng một trăm hai mươi phút kể từ thời điểm dự kiến khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp phải hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tham dự.
3. Trường hợp cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số Cổ đông dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều 18 nêu trên trong vòng một trăm

hai mươi phút kể từ thời điểm dự kiến khai mạc cuộc họp, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông tham dự và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ nhất.

4. Theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp, Đại Hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Vào ngày tổ chức họp Đại Hội đồng Cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết một hoặc nhiều phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đó. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp sẽ đánh dấu việc tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết, hoặc ghi số lượng cổ phần bầu cho từng ứng viên Hội đồng Quản trị vào phiếu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu sẽ được ban kiểm phiếu công bố ngay tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông sau khi việc kiểm phiếu hoàn tất. Đại Hội đồng Cổ đông sẽ bầu ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông khác do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người trong Hội đồng Quản trị có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng Quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển cuộc họp đề Đại Hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông điều khiển cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử là Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp bầu Chủ tọa nêu trên, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố. Chủ tọa sẽ đề cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.
5. Chủ tọa có quyền quyết định về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.
6. Chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp Đại Hội đồng Cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại Hội đồng Cổ đông nếu Chủ tọa nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện tại địa điểm tổ chức họp Đại Hội đồng Cổ đông, hoặc (b) phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ đông dự

họp tham gia, thảo luận và biểu quyết, hoặc (c) có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày làm việc kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19 của Điều lệ này, Đại Hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa tiếp tục điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết trước đó tại cuộc họp sẽ không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông tham dự.
9. Chủ tọa của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp tham dự cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông sau khi xem xét một cách cân trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp nói trên ra khỏi cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.
10. Chủ tọa của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm chính họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; và
 - c. Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

Chủ tọa của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Các điều khoản 1 đến 10 của Điều 19 này được áp dụng đối với các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Các nghị quyết được thông qua tại các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được tổ chức dưới hình thức họp và bỏ phiếu trực tuyến hoặc điện tử có giá trị như các nghị quyết được thông qua tại các cuộc họp trực tiếp.

Điều 20. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông

Đại Hội đồng Cổ đông thông qua tất cả các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Điều kiện để nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều 21 của Điều lệ này:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty theo quy định tại Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - d. Dự án đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; và
 - e. Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 21 của Điều lệ này.
 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị, và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cần bầu cuối cùng, Đại Hội đồng Cổ đông sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế Bầu cử.
 4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản thì nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
 5. Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành, hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các nghị quyết thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, và gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của Cổ đông

- là tổ chức, hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và
 - g. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của Người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản, và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên Chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại Hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - i. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và thư ký.

Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
5. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn giờ kể từ ngày cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông kết thúc.
6. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản hoặc kể từ ngày Công ty công bố thông tin các tài liệu này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 25 của Điều lệ này; hoặc
2. Nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 25. Hiệu lực nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông

1. Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty cho từng nhiệm kỳ sẽ được Đại Hội đồng Cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng Quản trị có số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều này. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này hoặc bị Pháp luật cấm làm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b. Thành viên đó có thư xin từ nhiệm bằng văn bản gửi đến Công ty và được chấp thuận;
 - c. Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; và
 - d. Thành viên đó bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.
6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số lượng thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của Pháp luật;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại Hội đồng Cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; quyết định mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc;
 - c. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Người quản lý đó;
- e. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- f. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền trình Đại Hội đồng Cổ đông quyết định;
- g. Quyết định việc phát hành các loại trái phiếu khác hoặc các công cụ nợ khác;
- h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán khác của Công ty;
- i. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức tạm ứng cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức, tạm ứng cổ tức; quyết định xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh của Công ty;
- j. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- k. Cử, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó; đề cử người ứng cử các chức danh quản lý trong các công ty đó; bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm các chức danh quản lý trong các công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- l. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- m. Thành lập các Công ty con do Công ty sở hữu trực tiếp;
- n. Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm m, điểm o của khoản 1 Điều 14 và khoản 3 Điều 39 của Điều lệ này;
- o. Việc thực hiện các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh hoặc các biện pháp bảo đảm khác của Công ty và việc thực hiện các khoản bồi thường khác của Công ty với mức giá trị bằng hoặc cao hơn mức giá trị như nêu tại điểm n khoản 2 Điều 27;
- p. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị từ 1% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 39 của Điều lệ này;
- q. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- r. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam;
- s. Việc Công ty mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong mỗi mười hai tháng; quyết định giá mua lại cổ phần của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật;

- t. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - u. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại Hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết;
 - v. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại Hội đồng Cổ đông;
 - w. Xây dựng quy chế quản trị nội bộ của Công ty trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua; và
 - x. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
3. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Hội đồng Quản trị có thể thông qua một nghị quyết đề ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay mặt Hội đồng Quản trị ra quyết định hoặc thực hiện một hoặc một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 2 Điều 27.

Điều 28. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bầu một trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nếu xét thấy cần thiết, theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bầu một hoặc một số Phó Chủ tịch từ các thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - f. Đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên;
 - g. Thực hiện theo ủy quyền một hoặc một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị như nêu tại khoản 3 Điều 27; và
 - h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng Quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên, nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Hợp bầu Chủ tịch: trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, quyết định thời gian và địa điểm họp. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (2) thành viên Hội đồng Quản trị; hoặc
 - d. Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị quy định tại Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 3 Điều 29 trên đây phải được tiến hành trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; và trong trường hợp đó, những người đề nghị tổ chức cuộc họp theo quy định tại khoản 3 Điều 29 trên đây có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
5. Địa điểm họp: các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
6. Thông báo và chương trình họp: thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bao đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Số thành viên tham dự tối thiểu: các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được coi là hợp lệ và được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp,

bao gồm cả ủy quyền. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định tại Điều này, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được coi là hợp lệ nếu có hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp, bao gồm cả ủy quyền.

Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, họp qua điện thoại, hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

8. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

9. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều 29 của Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền dự họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- c. Biểu quyết theo nguyên tắc đa số quá bán: các nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng Quản trị sẽ được thông qua khi được các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành theo nguyên tắc đa số quá bán (trên 50%). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

10. Hợp và ban hành nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Hội đồng Quản trị có thể tổ chức một cuộc họp và thông qua tất cả các nghị quyết thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị bằng việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.

Việc họp và lấy ý kiến bằng văn bản sẽ được thực hiện như sau:

- a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền tổ chức họp và lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản để thông qua các nghị quyết của Hội đồng Quản trị bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- b. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị thư lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị. Thư lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến, (iii) thời

hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời và (iv) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và họ tên, chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị được lấy ý kiến.

- c. Chủ tịch Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu cùng với sự trợ giúp của Người phụ trách quản trị hoặc Thư ký Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, (iii) tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, (iv) các nghị quyết đã được thông qua, và (v) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Người phụ trách quản trị hoặc Thư ký Công ty.
 - d. Khi lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản, nghị quyết sẽ được thông qua khi có ý kiến tán thành của đa số các thành viên Hội đồng Quản trị (trên 50%) trên tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết đối với vấn đề được lấy ý kiến. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 - e. Nghị quyết bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.
11. Những người được mời họp dự thính: Tổng Giám đốc và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng Quản trị theo lời mời của Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhưng không được biểu quyết, trừ khi bản thân họ là thành viên Hội đồng Quản trị hoặc là người được thành viên Hội đồng Quản trị ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 29 của Điều lệ này.

Điều 30. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp (nếu có);
 - g. Trường hợp Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết hoặc quyết định thuộc thẩm quyền, kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản (thư ký cuộc họp), trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty

1. Hội đồng Quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm một người làm Thư ký công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của Pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ này; và
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 32. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng Quản trị. Ủy ban Kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị.

Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.

2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
4. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.
2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.
3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông.
4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty.
5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng Quản trị thông qua trước khi trình lên Đại Hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt.
6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán.
7. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.
9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.
10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
11. Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng Quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.

12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và trình Hội đồng Quản trị thông qua.
14. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 34. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp Ủy ban Kiểm toán được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ủy ban Kiểm toán phải được lưu giữ đầy đủ.
2. Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban Kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

CHƯƠNG IX TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 35. Tổ chức bộ máy điều hành

Công ty sẽ ban hành một hệ thống điều hành mà theo đó bộ máy điều hành sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, một hoặc một số Phó Tổng Giám đốc, một Giám đốc Tài chính và một Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, và được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm.

Điều 36. Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng Quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị Pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Tổng Giám đốc có những quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị, Đại Hội đồng Cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 1% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Điều lệ này;

- c. Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 39 của Điều lệ này;
 - d. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng mà Công ty là một bên tham gia, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - e. Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; và
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Bãi nhiệm: Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG X NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng Quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 39. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

1. Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây:
 - a. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và Người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
 - d. Doanh nghiệp mà Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.
2. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - a. Hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 3939 và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; hoặc
 - b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị từ 10% trở xuống tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng Quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - a. Hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 3939 và có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất, hoặc hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; hoặc

- b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Điều lệ này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng Quản trị về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch cho Đại Hội đồng Cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc khi lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 4 Điều 21 của Điều lệ này.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều 39 này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính, và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), các khoản tiền phạt hoặc các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc có quyền kiểm tra danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
2. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp và nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính.

3. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 42. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 43. Trả cổ tức

1. Đại Hội đồng Cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Cổ tức có thể được trả bằng tiền, bằng cổ phiếu của Công ty hoặc bằng các tài sản khác theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông. Công ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này và ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức.
3. Trường hợp cổ tức được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho Cổ đông. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành theo thông lệ hoặc theo quy định của Pháp luật nơi Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu.
4. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 46. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyên đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 47. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của Pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định Pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 48. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49. Kiểm toán

1. Tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên, Công ty sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Theo quyết định của Hội đồng Quản trị, kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại Hội đồng Cổ đông mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII CON DẤU

Điều 50. Dấu của Công ty

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của Pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng Quản trị quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu của Công ty, của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty.
3. Việc quản lý và lưu giữ dấu của Công ty, của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện sẽ được thực hiện theo quy định Quy chế về quản lý và lưu giữ dấu do Tổng Giám đốc ban hành.

CHƯƠNG XVIII GIẢI THỂ

Điều 51. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể theo một trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông;
 - b. Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty sẽ tuân thủ các điều kiện do Pháp luật quy định.

Điều 52. Trình tự, thủ tục giải thể

Việc giải thể Công ty sẽ tuân theo trình tự, thủ tục do Pháp luật quy định.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật doanh nghiệp hoặc các quy định Pháp luật khác, giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hay Người quản lý.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các vấn đề liên quan đến tranh chấp trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Cổ đông có quyền chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 60 ngày kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài sẽ được thanh toán theo phán quyết của Tòa án hoặc Trọng tài.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại Hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này có hiệu lực từ ngày ký.
2. Điều lệ có thể lập thành nhiều bản, có giá trị như nhau, trong đó ít nhất một bản lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty và thay thế bản Điều lệ và các phụ lục sửa đổi Điều lệ trước đây.

[trang ký tiếp theo]

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty



Danny Le

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BẢN ĐIỀU CHỈNH ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
(Lần thứ nhất)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công Ty”) ký ngày 01 tháng 4 năm 2021;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-DHĐCĐ-MSC ngày 28/4/2022 của Công Ty;

Hôm nay, ngày 28 tháng 4 năm 2022, được sự phê chuẩn và ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công Ty quyết định điều chỉnh Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan lần thứ nhất với các nội dung sau đây:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3.1 Điều lệ:

“Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

STT	Ngành nghề kinh doanh sau khi thay đổi
1	Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm</i>
2	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đầu <i>Chi tiết: Sản xuất hương liệu, sản xuất hoá chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm (trừ sản xuất hoá chất cơ bản)(không hoạt động tại trụ sở)</i>
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>(trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>
4	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm. Sản xuất gia vị (không sản xuất tại trụ sở chính)</i>
5	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng <i>Chi tiết: Sản xuất đồ uống không cồn (không sản xuất tại trụ sở)</i>
6	Bán buôn đồ uống <i>Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn</i>
7	Bán buôn tổng hợp <i>Chi tiết: Bán buôn đồ dùng gia đình và đồ dùng chăm sóc cá nhân. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Bán buôn các loại vật tư, hóa chất ngành tẩy rửa (trừ hóa chất độc hại mạnh và doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động); Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phụ tùng, nguyên liệu, bách hóa, kim khí điện máy, máy điện toán, máy văn phòng, nông-lâm-thủy hải sản, cao su, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ (thực hiện theo đúng Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh); (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>

8	Sản xuất sản phẩm từ plastic <i>Chi tiết: Sản xuất bao bì nhựa (trừ Sản Xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)</i>
9	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết: Mua bán lương thực, thực phẩm, thực phẩm công nghệ (thực hiện theo đúng Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh); (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật).</i>
10	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm</i>
11	Chế biến và bảo quản rau quả <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm</i>
12	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm</i>
13	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm</i>
14	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn <i>Chi tiết: Chế biến lương thực thực phẩm</i>
15	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>(trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh); (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>

”

- Bản điều chỉnh Điều lệ lần thứ nhất này thay thế các điều khoản tương ứng trong bản Điều lệ ký ngày 01 tháng 4 năm 2021.
- Bản điều chỉnh Điều lệ lần thứ nhất này có hiệu lực kể từ ngày ký và là phần không thể tách rời với bản Điều lệ ký ngày 01 tháng 4 năm 2021.



BẢN ĐIỀU CHỈNH ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
(Lần thứ hai)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công Ty”) ký ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Bản Điều chỉnh Điều lệ lần thứ nhất ký ngày 28 tháng 4 năm 2022;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 28/4/2022;
- Căn cứ Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty ngày 15/8/2022.

Hôm nay, ngày 15 tháng 8 năm 2022, được sự phê chuẩn và ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công Ty quyết định điều chỉnh Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan lần thứ hai với các nội dung sau đây:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5.1 Điều lệ:

“Điều 5. Vốn Điều Lệ, cổ phần, các loại chứng khoán khác

1. *Vốn Điều Lệ của Công Ty là 7.274.618.790.000 đồng (Bảy nghìn hai trăm bảy mươi bốn tỷ sáu trăm mười tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng). Vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành 727.461.879 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng (mười nghìn đồng)/cổ phần.”*
2. Bản điều chỉnh Điều lệ lần thứ hai này thay thế các điều khoản tương ứng trong bản Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công Ty”) ký ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Bản Điều chỉnh Điều lệ lần thứ nhất ký ngày 28 tháng 4 năm 2022.
3. Bản điều chỉnh Điều lệ lần thứ hai này có hiệu lực kể từ ngày ký và là phần không thể tách rời với bản Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công Ty”) ký ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Bản Điều chỉnh Điều lệ lần thứ nhất ký ngày 28 tháng 4 năm 2022.



BẢN ĐIỀU CHỈNH ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
(Lần thứ tư)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công Ty”) ký ngày 01 tháng 4 năm 2021 (được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm);
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 24/4/2023;
- Căn cứ Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty ngày 16/01/2024;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số .01../2024/NQ-HĐQT-MSC ngày .22../01/2024.

Hôm nay, ngày 22 tháng 01 năm 2024, được sự phê chuẩn và ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công Ty quyết định điều chỉnh Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan lần thứ tư với các nội dung sau đây:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5.1 Điều lệ:

“Điều 5. Vốn Điều Lệ, cổ phần, các loại chứng khoán khác

1. *Vốn Điều Lệ của Công Ty là 7.284.225.440.000 đồng (Bằng chữ: Bảy nghìn hai trăm tám mươi bốn tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành 728.422.544 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng (mười nghìn đồng)/cổ phần.”*
2. Bản điều chỉnh Điều lệ lần thứ tư này thay thế các điều khoản tương ứng trong bản Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công Ty”) ký ngày 01 tháng 4 năm 2021 và các bản điều chỉnh kèm theo.
3. Bản điều chỉnh Điều lệ lần thứ tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là phần không thể tách rời với bản Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ký ngày 01 tháng 4 năm 2021.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



BẢN ĐIỀU CHỈNH ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
(Lần thứ năm)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công Ty”) ký ngày 01 tháng 4 năm 2021 (được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm);
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MSK ngày 25/4/2024;
- Căn cứ Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty ngày 05/9/2024;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 19./2024/NQ-HĐQT-MSK ngày 10./09/2024.

Hôm nay, ngày 10 tháng 09 năm 2024, được sự phê chuẩn và ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công Ty quyết định điều chỉnh Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan lần thứ năm với các nội dung sau đây:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5.1 Điều lệ:

“Điều 5. Vốn Điều Lệ, cổ phần, các loại chứng khoán khác

1. *Vốn Điều Lệ của Công Ty là 7.355.531.790.000 đồng (Bằng chữ: Bảy nghìn ba trăm năm mươi lăm tỷ năm trăm ba mươi một triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng). Vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành 735.553.179 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng (mười nghìn đồng)/cổ phần.”*
2. Bản điều chỉnh Điều lệ lần thứ năm này thay thế các điều khoản tương ứng trong bản Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công Ty”) ký ngày 01 tháng 4 năm 2021 và các bản điều chỉnh kèm theo.
3. Bản điều chỉnh Điều lệ lần thứ năm này có hiệu lực kể từ ngày ký và là phần không thể tách rời với bản Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ký ngày 01 tháng 4 năm 2021.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị 

Danny Le

BẢN ĐIỀU CHỈNH ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
(Lần thứ ba)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“**Công ty**”) ký ngày 01 tháng 4 năm 2021 (được sửa đổi bổ sung theo từng thời điểm);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-MSK ngày 14/9/2023 của Công ty;

Hôm nay, ngày 14 tháng 9 năm 2023, được sự phê chuẩn và ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công Ty quyết định điều chỉnh Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan lần thứ ba với các nội dung sau đây:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 2 Điều lệ:

“Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.”

2. Bản điều chỉnh Điều lệ lần thứ ba này thay thế các điều khoản tương ứng trong bản Điều lệ ký ngày 01 tháng 4 năm 2021.
3. Bản điều chỉnh Điều lệ lần thứ ba này có hiệu lực kể từ ngày ký và là phần không thể tách rời với bản Điều lệ ký ngày 01 tháng 4 năm 2021.





Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 8 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yên
Ông Nguyễn Thiệu Quang
Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Bà Nguyễn Thu Hiền

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yên
Ông Phạm Hồng Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00679-23-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2023



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		22.684.525.282.669	20.442.047.221.235
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.200.983.420.980	9.340.198.391.379
Tiền	111		5.548.622.795	7.298.391.379
Các khoản tương đương tiền	112		4.195.434.798.185	9.332.900.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		880.027.122.282	-
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	800.427.122.282	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	79.600.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.745.263.698.531	10.444.572.505.069
Phải thu của khách hàng	131	6	593.422.840.598	486.176.356.462
Trả trước cho người bán	132		14.723.370.604	19.717.376.602
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	5.970.261.432.792	4.086.581.871.592
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	10.166.856.054.537	5.852.096.900.413
Hàng tồn kho	140	9	844.368.276.133	648.736.035.986
Hàng tồn kho	141		857.030.947.820	675.385.095.323
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.662.671.687)	(26.649.059.337)
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.882.764.743	8.540.288.801
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.882.764.743	8.540.288.801

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		8.918.705.752.645	8.838.694.256.400
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.284.000.001	29.955.973.671
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	3.284.000.001	29.955.973.671
Tài sản cố định	220		46.927.809.280	76.551.082.911
Tài sản cố định hữu hình	221	10	17.348.632.145	12.350.548.079
<i>Nguyên giá</i>	222		100.984.987.645	93.234.197.693
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(83.636.355.500)	(80.883.649.614)
Tài sản cố định vô hình	227	11	29.579.177.135	64.200.534.832
<i>Nguyên giá</i>	228		290.707.083.296	289.714.438.133
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(261.127.906.161)	(225.513.903.301)
Tài sản dở dang dài hạn	240		10.056.248.115	1.085.404.617
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	10.056.248.115	1.085.404.617
Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.640.671.509.348	8.461.671.509.348
Đầu tư vào các công ty con	251	5(c)	8.640.671.509.348	8.461.671.509.348
Tài sản dài hạn khác	260		217.766.185.901	269.430.285.853
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	21.878.254.990	8.548.881.323
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	14	195.887.930.911	260.881.404.530
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		31.603.231.035.314	29.280.741.477.635

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		7.835.241.626.250	10.953.041.901.826
Nợ ngắn hạn	310		7.807.945.075.464	10.925.496.897.621
Phải trả người bán	311	15	1.920.517.555.938	4.044.609.067.617
Người mua trả tiền trước	312		50.028.319.561	108.449.608.041
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	97.183.412.979	176.221.324.817
Phải trả người lao động	314		2.377.655	-
Chi phí phải trả	315	17	1.170.414.671.893	1.503.951.151.776
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	90.798.737.438	13.266.952.054
Vay ngắn hạn	320	19	4.479.000.000.000	5.078.998.793.316
Nợ dài hạn	330		27.296.550.786	27.545.004.205
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	27.296.550.786	27.545.004.205
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		23.767.989.409.064	18.327.699.575.809
Vốn chủ sở hữu	410	20	23.767.989.409.064	18.327.699.575.809
Vốn cổ phần	411	21	7.274.618.790.000	7.267.938.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.274.618.790.000	7.267.938.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	3.610.328.815.858	3.560.554.240.858
Cổ phiếu quỹ	415	21	(994.666.327.121)	(994.666.327.121)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.877.708.130.327	8.493.873.482.072
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		8.493.873.482.072	2.848.603.635.250
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		5.383.834.648.255	5.645.269.846.822
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		31.603.231.035.314	29.280.741.477.635

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:

 Phan Thị Thúy Hoa
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:

 Huỳnh Việt Thăng
 Giám đốc Tài chính



 Nguyễn Hoàng Yên
 Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng	01	23	26.327.777.782.067	27.495.267.103.278
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	190.525.295.390	334.678.278.470
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	23	26.137.252.486.677	27.160.588.824.808
Giá vốn hàng bán	11	24	20.479.845.874.600	21.049.579.685.464
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		5.657.406.612.077	6.111.009.139.344
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	5.007.520.495.130	5.031.629.698.104
Chi phí tài chính	22	26	208.231.564.844	128.930.473.232
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		166.463.153.474	103.333.487.659
Chi phí bán hàng	25	27	4.297.323.193.283	4.535.800.344.215
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	511.222.701.408	548.227.696.814
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		5.648.149.647.672	5.929.680.323.187
Thu nhập khác	31		696.689.728	294.740.161
Chi phí khác	32		3.026.076.711	1.728.103.900
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(2.329.386.983)	(1.433.363.739)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.645.820.260.689	5.928.246.959.448
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	196.992.138.815	352.617.263.129
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	30	64.993.473.619	(69.640.150.503)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.383.834.648.255	5.645.269.846.822

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính



Người duyệt: Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LUU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	5.645.820.260.689	5.928.246.959.448
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	40.186.081.715	39.109.617.053
Các khoản dự phòng	03	37.667.716.245	58.103.781.086
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(185.643.870)	6.612.116.019
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(377.000.000)	(177.893.357)
Thu nhập lãi, lợi nhuận được phân phối và thu nhập liên quan từ các hoạt động đầu tư	05	(4.997.478.651.592)	(5.022.243.622.089)
Chi phí lãi vay	06	166.463.153.474	103.333.487.659
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	892.095.916.661	1.112.984.445.819
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(155.405.595.576)	(156.917.283.577)
Biến động hàng tồn kho	10	(233.299.956.392)	(225.183.849.423)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(2.454.407.168.962)	2.253.893.543.941
Biến động chi phí trả trước	12	(1.459.309.976)	(2.367.442.658)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	(800.427.122.282)	-
		(2.752.903.236.527)	2.982.409.414.102
Tiền lãi vay đã trả	14	(155.149.686.768)	(103.649.850.019)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(270.794.734.904)	(351.542.882.158)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.178.847.658.199)	2.527.216.681.925

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LIU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(34.633.947.673)	(15.909.753.028)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	377.000.000	177.893.357
Tiền chi cho vay	23	(481.000.000.000)	(180.000.000.000)
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền chi cho các hoạt động đầu tư khác	23	(6.794.600.000.000)	(2.143.600.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	291.000.000.000	102.670.000.000
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền thu hồi các hoạt động đầu tư khác	24	1.350.000.000.000	2.433.600.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con	25	(379.000.000.000)	(239.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào một công ty con	26	200.000.000.000	-
Tiền thu lãi và lợi nhuận được phân phối	27	4.431.265.599.217	3.266.994.475.640
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.416.591.348.456)	3.224.932.615.969
LIU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	56.455.185.000	-
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31	-	495.372.840.000
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	14.486.261.760.711	15.877.954.028.430
Tiền trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(15.086.260.554.027)	(15.547.060.476.549)
Tiền chi trả cổ tức	36	(204.835.000)	(185.740.132.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(543.748.443.316)	640.526.259.381
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(5.139.187.449.971)	6.392.675.557.275
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	9.340.198.391.379	2.947.154.597.143
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(27.520.428)	368.236.961
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	4.200.983.420.980	9.340.198.391.379

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2022	2021
	VND	VND
Thu hồi các khoản phải thu về cho vay thông qua việc cân trừ với cổ tức phải trả		- 3.002.982.502.500
Chuyển đổi số dư lãi phải thu thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay	1.693.679.561.200	-
	<hr/>	

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn, nước khoáng; mua bán sản phẩm chăm sóc gia đình theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 1.378 nhân viên (1/1/2022: 1.262 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyên khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty con phát sinh lỗ, dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi công ty con sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 năm đến 10 năm.

(ii) Nhãn hiệu

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng, máy móc và thiết bị chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn chủ sở hữu

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)*

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng, từ các khoản phải thu về cho vay và các hoạt động đầu tư khác, lợi nhuận được phân phối từ các công ty con và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được xác lập. Lợi nhuận được phân phối liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các ngân hàng và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(r) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	396.768.329	308.317.107
Tiền gửi ngân hàng	5.151.854.466	6.990.074.272
Các khoản tương đương tiền	4.195.434.798.185	9.332.900.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	4.200.983.420.980	9.340.198.391.379

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022				1/1/2022			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu doanh nghiệp do một bên thứ ba phát hành	8.000.000	800.427.122.282	(*)	-	-	-	-	-

Công ty đã mua các trái phiếu này với mục đích kinh doanh trong một khoảng thời gian ngắn. Trái phiếu có thời hạn còn lại đến ngày đáo hạn là 27 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất 9,03%/năm cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên và 1,8%/năm cộng với lãi suất cho vay trung và dài hạn do ngân hàng được chọn công bố áp dụng cho các khách hàng doanh nghiệp cho các kỳ tính lãi còn lại. Các trái phiếu này được đảm bảo bởi thư bảo lãnh do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam, một bên liên quan phát hành và bởi tài sản của một bên thứ ba. Công ty có cam kết từ một bên liên quan sẽ mua lại các trái phiếu này trước ngày 29 tháng 12 năm 2023.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	79.600.000.000	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(c) Đầu tư vào các công ty con

	31/12/2022		1/1/2022	
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Đầu tư vào các công ty con:				
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (i)	100%	3.595.900.009.348	100%	3.446.400.009.348
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (ii)	100%	4.315.000.000.000	100%	4.315.000.000.000
▪ Masan Consumer (Thailand) Limited (iii)	99,99%	64.771.500.000	99,99%	64.771.500.000
▪ Công ty TNHH Masan HPC (iv)	100%	605.000.000.000	100%	605.000.000.000
▪ Công ty TNHH Masan Innovation (v)	100%	60.000.000.000	100%	30.500.000.000
		8.640.671.509.348		8.461.671.509.348

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Không có khoản dự phòng giảm giá nào cho các khoản đầu tư vào các công ty con được trích lập trên báo cáo tài chính riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 2021.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan có 10 công ty con, bao gồm (1) Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan (“MSI”), (2) Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (“VTF”), (3) Công ty Cổ phần Masan PQ (“MPQ”), (4) Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (“MHD”), (5) Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB (“MMB”), (6) Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG (“MHG”), (7) Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc (“NPQ”), (8) Công ty TNHH Masan Long An (“MLA”), (9) Công ty TNHH Masan HN (“HNF”) và (10) Công ty TNHH Masan HG 2 (“MH2”). Các công ty con này, ngoại trừ MLA, HNF và MH2, là các công ty sản xuất và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua Công ty. MH2 được thành lập vào tháng 12 năm 2022. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, MLA, HNF và MH2 vẫn chưa đi vào hoạt động. Xem thêm Thuyết minh 31 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.

Với việc thực hiện tái cấu trúc nội bộ của Tập đoàn Masan, trong tháng 9 năm 2022, MSF đã chuyển nhượng toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Masan JinJu (“MSJ”) và chi nhánh cho công ty liên quan. Do kết quả của giao dịch này, MSJ và chi nhánh không còn là công ty con của MSF.

- (ii) Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage có 4 công ty con, bao gồm (1) Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“VCF”), (2) Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“VHC”), (3) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha (“KRP”) và (4) Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“QNW”). Các công ty con này là các công ty sản xuất và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua Công ty. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, KRP tạm thời ngừng hoạt động. Xem thêm Thuyết minh 31 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.

Với việc thực hiện tái cấu trúc nội bộ của Tập đoàn Masan, trong năm Công ty Cổ phần Café De Nam đã hoàn tất việc sáp nhập vào Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.

- (iii) Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”) là một công ty thương mại và phân phối các sản phẩm của Công ty tại Thái Lan. Xem thêm Thuyết minh 31 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty con này.
- (iv) Công ty TNHH Masan HPC (“HPC”) có 1 công ty con là Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“NET”). NET là một công ty sản xuất sản phẩm chăm sóc gia đình và phân phối sản phẩm của mình trực tiếp ra thị trường và thông qua Công ty. Xem thêm Thuyết minh 31 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (v) Công ty TNHH Masan Innovation (“INV”) có 2 công ty con, bao gồm (1) Công ty TNHH Hi-Fresh (“HIF”) và (2) Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên nghiệp Joins Pro (“JPR”). HIF điều hành các cửa hàng bán lẻ để bán lẻ các sản phẩm tiêu dùng cho khách hàng. JPR cung cấp dịch vụ giặt ủi. Xem thêm Thuyết minh 31 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

MTH được thành lập tại Thái Lan. Các công ty con khác được thành lập tại Việt Nam.

Biến động trong năm của khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	8.461.671.509.348	8.222.671.509.348
Tăng trong năm	379.000.000.000	239.000.000.000
Giảm trong năm	(200.000.000.000)	-
Số dư cuối năm	<u>8.640.671.509.348</u>	<u>8.461.671.509.348</u>

6. Phải thu của khách hàng

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu từ các bên liên quan	370.196.506.412	265.052.115.608
Phải thu từ các bên thứ ba	223.226.334.186	221.124.240.854
	<u>593.422.840.598</u>	<u>486.176.356.462</u>

Xem thêm Thuyết minh 31 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn.

7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan	5.970.261.432.792	4.086.581.871.592
	<u>5.970.261.432.792</u>	<u>4.086.581.871.592</u>

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan không được bảo đảm và hưởng lãi suất năm theo thỏa thuận trong hợp đồng. Các khoản cho vay này đáo hạn vào tháng 12 năm 2023. Lãi cho vay sẽ được thu vào ngày đáo hạn của các khoản cho vay này. Xem thêm Thuyết minh 31 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan:		
▪ Lợi nhuận được phân phối phải thu	4.506.802.740.225	3.735.055.037.293
▪ Lãi dự thu ngắn hạn từ cho vay (i)	-	2.093.059.136.807
▪ Ký quỹ ngắn hạn (ii)	54.871.988.576	-
▪ Phải thu khác	-	3.881.928.929
Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iii)	5.365.000.000.000	-
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iii)	189.047.876.706	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng và chứng khoán kinh doanh	19.513.143.139	14.716.094.795
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	30.196.784.670	4.648.507.665
Phải thu khác	1.423.521.221	736.194.924
	10.166.856.054.537	5.852.096.900.413

- (i) Các khoản phải thu ngắn hạn này phản ánh khoản lãi dự thu từ các khoản vay cấp cho các bên liên quan. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản lãi phải thu với số tiền là 1.693.679.561.200 VND đã được chuyển thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay ngắn hạn. Xem thêm Thuyết minh 7 và Thuyết minh 31 để biết thêm thông tin.
- (ii) Ký quỹ ngắn hạn phản ánh khoản đặt cọc với một bên liên quan cho việc thuê kho.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các số dư này phản ánh số tiền đặt cọc cho các bên thứ ba theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo các hợp đồng này, các bên thứ ba cam kết sẽ trả cho Công ty tỷ lệ phí sử dụng vốn tối thiểu theo thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác đầu tư.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.284.000.001	29.955.973.671

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Hàng tồn kho**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	59.426.059.440	-	23.620.297.377	-
Nguyên vật liệu	95.926.720.526	(2.219.508.902)	85.011.871.915	(4.710.931.401)
Công cụ và dụng cụ	2.466.571.123	-	4.686.502.801	-
Thành phẩm	55.682.413.972	(942.320.432)	42.272.415.020	(1.497.534.974)
Hàng hóa	640.430.391.759	(9.500.842.353)	514.119.930.752	(20.440.592.962)
Hàng gửi đi bán	3.098.791.000	-	5.674.077.458	-
	857.030.947.820	(12.662.671.687)	675.385.095.323	(26.649.059.337)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	26.649.059.337	18.884.348.806
Tăng dự phòng trong năm	37.694.612.491	69.051.200.272
Sử dụng dự phòng trong năm	(51.654.103.895)	(50.339.070.555)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(26.896.246)	(10.947.419.186)
Số dư cuối năm	12.662.671.687	26.649.059.337

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 12.663 triệu VND (1/1/2022: 26.649 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	52.322.721.945	26.295.609.567	4.012.032.589	10.603.833.592	93.234.197.693
Tăng trong năm	-	41.245.000	456.816.809	-	498.061.809
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	2.822.121.074	216.827.273	6.033.152.765	9.072.101.112
Thanh lý	-	(464.230.756)	-	(1.355.142.213)	(1.819.372.969)
Số dư cuối năm	52.322.721.945	28.694.744.885	4.685.676.671	15.281.844.144	100.984.987.645
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	52.322.721.945	19.562.109.141	3.156.844.278	5.841.974.250	80.883.649.614
Khấu hao trong năm	-	3.022.967.732	300.590.958	1.248.520.165	4.572.078.855
Thanh lý	-	(464.230.756)	-	(1.355.142.213)	(1.819.372.969)
Số dư cuối năm	52.322.721.945	22.120.846.117	3.457.435.236	5.735.352.202	83.636.355.500
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	6.733.500.426	855.188.311	4.761.859.342	12.350.548.079
Số dư cuối năm	-	6.573.898.768	1.228.241.435	9.546.491.942	17.348.632.145

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 64.934 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 65.762 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND	Nhãn hiệu VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	289.078.074.497	636.363.636	289.714.438.133
Tăng trong năm	144.900.000	-	144.900.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	847.745.163	-	847.745.163
Số dư cuối năm	290.070.719.660	636.363.636	290.707.083.296
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	224.877.539.665	636.363.636	225.513.903.301
Khấu hao trong năm	35.614.002.860	-	35.614.002.860
Số dư cuối năm	260.491.542.525	636.363.636	261.127.906.161
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	64.200.534.832	-	64.200.534.832
Số dư cuối năm	29.579.177.135	-	29.579.177.135

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản cố nguyên giá 13.049 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 13.049 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2022 VND
Số dư đầu năm	1.085.404.617
Tăng trong năm	36.103.229.406
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.072.101.112)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(847.745.163)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(17.212.539.633)
Số dư cuối năm	10.056.248.115

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Máy móc và thiết bị	5.479.158.751	768.789.617
Khác	4.577.089.364	316.615.000
	<hr/>	<hr/>
	10.056.248.115	1.085.404.617
	<hr/>	<hr/>

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	8.548.881.323
Tăng trong năm	3.389.921.965
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17.212.539.633
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	1.184.201.820
Phân bổ trong năm	(8.457.289.751)
	<hr/>
Số dư cuối năm	21.878.254.990
	<hr/>

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng phải trả	152.534.227.134	180.862.498.139
Chi phí kho vận phải trả	17.253.390.773	44.210.972.874
Chiết khấu thương mại phải trả	9.889.377.519	8.179.375.187
Chi phí phải trả khác	16.210.935.485	27.628.558.330
	<hr/>	<hr/>
	195.887.930.911	260.881.404.530
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán

	31/12/2022	1/1/2022
	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan	1.779.573.106.709	3.934.165.298.997
Phải trả các bên thứ ba	140.944.449.229	110.443.768.620
	<hr/>	<hr/>
	1.920.517.555.938	4.044.609.067.617

Xem thêm Thuyết minh 31 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong 90 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ/Hoàn lại VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	32.921.729.203	2.119.570.571.838	(63.915.218.651)	(2.061.601.964.483)	26.975.117.907
Thuế thu nhập doanh nghiệp	139.411.124.691	196.992.138.815	(270.794.734.904)	-	65.608.528.602
Thuế thu nhập cá nhân	3.599.864.729	109.619.376.956	(105.699.858.432)	(2.962.362.916)	4.557.020.337
Các loại thuế khác	288.606.194	32.764.927.974	(33.010.788.035)	-	42.746.133
	176.221.324.817	2.458.947.015.583	(473.420.600.022)	(2.064.564.327.399)	97.183.412.979

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí phải trả**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	762.671.135.672	904.312.490.697
Thưởng và lương tháng 13	107.610.192.940	158.037.870.946
Chi phí kho vận	86.266.953.864	221.054.864.369
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	61.746.112.358	29.769.726.565
Chiết khấu thương mại	49.446.887.596	40.896.875.933
Chi phí trưng bày	30.866.532.380	54.459.304.548
Chi phí công nghệ thông tin	23.662.966.359	44.463.680.096
Chi phí lãi vay	22.562.813.696	11.249.346.990
Chi phí nghiên cứu thị trường	6.997.977.043	5.840.000.000
Chi phí khác	18.583.099.985	33.866.991.632
	1.170.414.671.893	1.503.951.151.776

18. Phải trả khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	6.330.259.562	7.568.407.430
Cổ tức phải trả	4.681.469.100	4.886.304.100
Phải trả khác	79.787.008.776	812.240.524
	90.798.737.438	13.266.952.054

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	27.296.550.786	27.545.004.205

19. Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ VND	1/1/2022	Biến động trong năm		31/12/2022	Số có khả năng trả nợ VND
		Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	
Vay ngắn hạn	5.078.998.793.316	5.078.998.793.316	14.486.261.760.711	(15.086.260.554.027)	4.479.000.000.000	4.479.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	5,10% – 8,54%	4.479.000.000.000	3.566.000.000.000
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	USD	-	-	1.512.998.793.316
			4.479.000.000.000	5.078.998.793.316

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	7.267.938.180.000	3.710.767.704.992	(1.640.252.631.255)	6.038.175.816.250	15.376.629.069.987
Phát hành lại cổ phiếu quỹ (Thuyết minh 21)	-	(150.213.464.134)	645.586.304.134	-	495.372.840.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	5.645.269.846.822	5.645.269.846.822
Cổ tức	-	-	-	(3.189.572.181.000)	(3.189.572.181.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	7.267.938.180.000	3.560.554.240.858	(994.666.327.121)	8.493.873.482.072	18.327.699.575.809
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 21)	6.680.610.000	49.774.575.000	-	-	56.455.185.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	5.383.834.648.255	5.383.834.648.255
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(994.666.327.121)	13.877.708.130.327	23.767.989.409.064

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	727.461.879	7.274.618.790.000	726.793.818	7.267.938.180.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	10.915.388	994.666.327.121	10.915.388	994.666.327.121
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	716.546.491	7.165.464.910.000	715.878.430	7.158.784.300.000
Thặng dư vốn cổ phần		3.610.328.815.858		3.560.554.240.858

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động số cổ phiếu đang lưu hành trong năm như sau:

	2022		2021	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm				
– hiện đang lưu hành	715.878.430	7.158.784.300.000	708.793.818	7.087.938.180.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	668.061	6.680.610.000	-	-
Phát hành lại cổ phiếu quỹ bằng tiền	-	-	7.084.612	70.846.120.000
Số dư cuối năm				
– hiện đang lưu hành	716.546.491	7.165.464.910.000	715.878.430	7.158.784.300.000

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng 1 năm	51.350.800.733	121.741.083.673
Trong vòng 2 đến 5 năm	23.035.920.000	51.681.466.053
	74.386.720.733	173.422.549.726

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	7.372.187.527	6.145.060.099
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	2.696.498.216	10.723.998.227
	10.068.685.743	16.869.058.326

(c) Ngoại tệ

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	84.667	1.982.058.684	141.063	3.195.081.933

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	26.322.035.569.862	27.488.927.752.094
▪ Doanh thu khác	5.742.212.205	6.339.351.184
	<hr/> 26.327.777.782.067	<hr/> 27.495.267.103.278
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	82.995.484.789	244.519.271.483
▪ Hàng bán bị trả lại	107.529.810.601	90.159.006.987
	<hr/> 190.525.295.390	<hr/> 334.678.278.470
Doanh thu thuần	<hr/> 26.137.252.486.677	<hr/> 27.160.588.824.808

24. Giá vốn hàng bán

	2022 VND	2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Hàng đã bán	20.442.178.158.355	20.991.475.904.378
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	37.667.716.245	58.103.781.086
	<hr/> 20.479.845.874.600	<hr/> 21.049.579.685.464

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận được phân phối từ các công ty con	4.346.526.609.804	4.518.850.147.972
Thu nhập lãi từ các khoản cho các bên liên quan vay	278.847.218.913	347.813.141.449
Lãi tiền gửi ngân hàng và hoạt động đầu tư khác	372.104.822.875	155.580.332.668
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.041.843.538	9.386.076.015
	<hr/> 5.007.520.495.130	<hr/> 5.031.629.698.104 <hr/>

26. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	166.463.153.474	103.333.487.659
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.103.881.773	18.148.514.223
Chi phí khác	16.664.529.597	7.448.471.350
	<hr/> 208.231.564.844	<hr/> 128.930.473.232 <hr/>

27. Chi phí bán hàng

	2022 VND	2021 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	2.878.548.050.159	3.058.307.118.746
Chi phí kho vận	800.947.226.798	824.585.862.039
Chi phí nhân viên	447.748.184.436	425.398.320.210
Chi phí trung bày	45.816.632.628	124.713.479.560
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	48.842.622.142	37.601.187.194
Chi phí nghiên cứu thị trường	13.647.960.852	17.909.290.833
Chi phí khác	61.772.516.268	47.285.085.633
	<hr/> 4.297.323.193.283	<hr/> 4.535.800.344.215 <hr/>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	266.475.966.897	236.558.220.866
Chi phí thuê văn phòng	68.122.834.206	65.591.424.850
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	56.636.893.232	63.315.391.894
Chi phí nghiên cứu và phát triển	38.241.793.836	23.301.620.441
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.597.387.527	21.677.425.239
Chi phí khác	59.147.825.710	137.783.613.524
	511.222.701.408	548.227.696.814

29. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí mua hàng hóa	20.442.178.158.354	20.991.475.904.378
Chi phí nhân viên	714.224.151.333	661.956.541.076
Chi phí khấu hao	40.186.081.715	39.109.617.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.950.804.013.853	4.215.325.375.557
Chi phí khác	140.999.364.036	225.740.288.429

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Năm hiện hành	196.992.138.815	352.617.263.129
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	64.993.473.619	(69.640.150.503)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	261.985.612.434	282.977.112.626

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (*)	5.645.820.260.689	5.928.246.959.448
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.129.164.052.138	1.185.649.391.890
Thu nhập không chịu thuế	(869.305.321.961)	(903.770.029.594)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.126.882.257	1.097.750.330
	261.985.612.434	282.977.112.626

(*) Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty bao gồm 4.346.527 triệu VND (2021: 4.518.850 triệu VND) lợi nhuận được phân phối từ các công ty con không chịu thuế.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian cũng như từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền phạt thuế, đánh thuế và tính lãi phạt chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể là đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan**

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Công ty có các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2022 VND	2021 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Các công ty mẹ cấp cao					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Bán hàng hóa và dịch vụ	203.421.872	84.243.994	18.881.346	5.739.999
	Phí hỗ trợ quản lý	6.961.885.607	2.209.168.281	10.088.159.277	2.430.085.109
Công ty Cổ phần The CrownX	Phí hỗ trợ quản lý	6.184.540.884	-	(6.679.304.155)	-
Công ty mẹ					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cổ tức đã công bố	-	3.021.089.152.500	-	-
	Cổ tức được trả thông qua cân trừ với các khoản cho vay phải thu	-	3.002.982.502.500	-	-
	Cổ tức được trả bằng tiền	-	18.106.650.000	-	-
Các công ty con					
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Phân phối lợi nhuận	4.281.703.539.804	3.602.063.334.584	4.506.802.740.225	3.627.549.218.905
	Góp vốn	349.500.000.000	211.500.000.000	-	-
	Giảm vốn	200.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Masan Innovation	Góp vốn	29.500.000.000	27.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Masan HPC	Phân phối lợi nhuận	58.518.150.000	70.516.503.388	-	294.723.388
	Bán hàng hóa	-	341.169	-	-



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2022 VND	2021 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	Bán hàng hóa	101.237.611.022	111.140.642.378	-	-
	Mua hàng hóa	1.981.670.061.868	2.109.614.479.377	(160.111.502.850)	(129.554.375.771)
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	Bán hàng hóa	279.965.616.513	443.257.939.427	-	-
	Bán tài sản cố định	-	30.000.000	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	5.588.209.800.975	7.274.786.787.940	(130.853.574.311)	(1.387.299.783.937)
	Cho vay, bao gồm chuyển đổi số dư lãi phải thu thành nợ gốc	898.243.410.521	180.000.000.000	2.984.825.282.113	2.086.581.871.592
	khoản phải thu về cho vay				
	Thu hồi các khoản cho vay thông qua cản trừ với cổ tức phải trả	-	1.178.982.502.500	-	-
	Thu hồi các khoản cho vay bằng tiền	-	18.170.000.000	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	139.620.424.395	162.692.963.370	-	1.237.622.986.126
	Phí hỗ trợ quản lý	62.941.589	-	(67.590.811)	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	Bán hàng hóa	242.713.830.983	264.263.224.575	-	-
	Bán tài sản cố định	-	1.964.544	-	-
	Mua hàng hóa	5.259.612.198.967	5.585.505.063.208	(380.597.471.566)	(1.689.549.214.657)
	Cho vay, bao gồm chuyển đổi số dư lãi phải thu thành nợ gốc	985.436.150.679	-	2.985.436.150.679	2.000.000.000.000
	khoản phải thu về cho vay				
	Thu hồi các khoản cho vay thông qua cản trừ với cổ tức phải trả	-	1.824.000.000.000	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	129.999.999.998	183.270.794.518	-	855.436.150.681

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2022 VND	2021 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Masan JinJu và chi nhánh (Thuyết minh 5(c)(i))	Bán hàng hóa	6.044.089.115	7.775.751.080	-	-
	Mua hàng hóa	1.175.460.725.883	1.047.993.853.750	-	(152.093.792.921)
	Cho vay	291.000.000.000	-	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	6.559.301.370	-	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	Bán hàng hóa	129.200.164.379	64.053.323.486	-	-
	Bán tài sản cố định	-	6.940.206	-	-
	Mua hàng hóa	2.335.612.071.870	1.080.392.011.272	(401.208.775.828)	(435.458.908.979)
	Thu hồi các khoản cho vay bằng tiền	-	84.500.000.000	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	-	1.849.383.561	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Bán hàng hóa	11.804.068	11.444.584	6.305.753	-
Công ty Cổ phần Masan PQ	Bán hàng hóa	4.974.082	11.270.172	-	-
	Mua hàng hóa	194.503.560	163.307.232	(208.521.844)	-
Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	Bán hàng hóa	1.522.863.910	1.998.134.762	-	-
	Mua hàng hóa	86.425.569.590	171.404.168.668	(43.200.305.978)	(37.578.511.695)
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Phân phối lợi nhuận	6.304.920.000	846.270.310.000	-	107.211.095.000
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	Bán hàng hóa	50.075.265.565	65.788.308.853	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.865.485.884.596	1.957.512.103.704	(382.201.922.442)	(56.024.667.533)

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2022 VND	2021 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Café De Nam	Bán hàng hóa	34.642.074	80.713.901	-	-
	Mua hàng hóa	3.591.812.064	2.425.233.972	-	(724.170.586)
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	Bán hàng hóa	118.967.091	284.833.420	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	493.369.145.751	412.593.017.051	(25.649.750.928)	(14.374.455)
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	Bán hàng hóa	87.123.215	333.162.450	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	258.746.205.469	215.383.895.749	(54.825.739.012)	(28.043.819.863)
Masan Consumer (Thailand) Limited	Bán hàng hóa	56.784.491.291	68.807.880.317	-	9.616.460.290
Công ty Cổ phần Bột giặt NET	Bán hàng hóa	68.153.079.512	-	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	236.467.719.634	167.246.939.637	(59.286.912.372)	(17.823.678.600)
	Mua hộ nguyên vật liệu	63.983.041.871	-	-	-
Công ty TNHH Hi-Fresh	Bán hàng hóa	81.501.177	86.544.267	715.515	9.725.211
	Bán tài sản cố định	-	2.624.971	-	-
Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên Nghiệp Joins Pro	Bán hàng hóa	14.585.181	-	16.043.699	-
Các bên liên quan khác					
Công ty Cổ phần Masan JinJu và chi nhánh (Thuyết minh 5(c)(i))	Bán hàng hóa	1.853.017.123	-	-	-
	Mua hàng hóa	391.034.495.043	-	(130.267.562.017)	-
	Thu hồi các khoản cho vay bằng tiền	291.000.000.000	-	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	2.667.493.150	-	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2022 VND	2021 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Masan Master Brewer	Bán hàng hóa	1.392.392	947.232	181.412	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Bán hàng hóa	6.877.823.784	293.746.266	3.086.982.491	-
	Mua hàng hóa	7.705.937.705	9.964.827.525	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	35.540.419.406	31.836.087.648	43.423.973.251	25.645.053.000
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	2.509.022.069	21.002.393	12.517.422	-
	Mua hàng hóa	834.620	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	-	2.607.980.855	2.654.132.879	2.868.778.941
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	55.737.068	21.250.239	12.191.338	-
Công ty TNHH Masan Brewery MB	Đặt cọc thuê kho	54.871.988.576	-	54.871.988.576	-
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	Bán hàng hóa	-	75.792.465	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	377.092.445	2.600.920.637	73.923.379	1.600.876.379
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Bán hàng hóa	35.686.364	76.855.801	5.576.728	2.800.001
	Phí hỗ trợ quản lý	40.311.911.535	8.607.773.646	44.338.995.834	3.460.908.168
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Bán hàng hóa	1.191.782.999	284.914.631	79.417.000	114.244.571
	Mua hàng hóa	132.313.771	444.647.973	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	3.879.530.906	4.892.782.698	1.991.201.521	3.575.300.853



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2022 VND	2021 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH MEATDeli HN	Bán hàng hóa	1.522.457.239	683.951.377	6.480.000	248.956.759
	Mua hàng hóa	-	789.887.621	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	2.736.380.953	7.822.891.631	1.592.653.552	5.377.861.008
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	Bán hàng hóa	177.632.432	45.258.334	6.949.390	16.300.106
	Mua hàng hóa	4.404.000	34.522.000	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	184.581.341	-	147.846.759	-
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	Bán hàng hóa	-	24.399.003	-	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Bán hàng hóa	1.524.892.691	1.180.851.176	318.612.735	80.359.849
	Phí hỗ trợ quản lý	122.030.349	786.572.799	999.463.463	865.230.079
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	Bán hàng hóa	1.113.291.788.103	1.351.108.613.551	254.845.548.436	212.986.454.214
	Mua hàng hóa và dịch vụ	212.927.232.933	268.157.541.585	(3.498.316.480)	-
	Phí hỗ trợ thuê văn phòng	23.400.773.330	17.550.000.000	3.342.739.292	-
	Chiết khấu thanh toán và hỗ trợ bán hàng khác phải trả	19.166.264.098	10.106.180.275	-	-
	Các khoản phải thu khác	-	-	17.000.000	124.280.000
Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Wineco	Bán hàng hóa	-	1.952.273	7.572.247	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	9.542.463	-	-	-
	Phí hỗ trợ thuê văn phòng	811.032.816	450.000.000	74.344.675	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2022 VND	2021 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	Bán hàng hóa	1.111.876.205	26.281.819	172.941.899	28.910.000
	Mua hàng hóa	7.986.469.535	521.126.917	(787.784.400)	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.889.883.833	-	2.041.074.540	-
Công ty Cổ phần Mobicast	Bán hàng hóa	9.238.570	-	9.977.656	-
	Mua dịch vụ	3.915.789.415	-	(132.898.031)	-
Công ty Cổ phần The Supra	Bán hàng hóa	126.046.020	-	13.376.167	-
	Mua dịch vụ	258.418.020	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	747.895.144	-	807.726.756	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương (*)	Mua chứng khoán kinh doanh	1.357.768.622.282	-	-	-
	Bán chứng khoán kinh doanh	557.341.500.000	-	-	-
Thành viên quản lý chủ chốt (**)	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	13.170.123.992	24.263.703.783	-	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty cũng có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”), một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty bảo lãnh cho các khoản vay ngân hàng của các công ty liên quan với giá trị ghi sổ là 1.836 tỷ VND (1/1/2022: 1.416 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (**) Trong thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng đã chi trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty và Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

Họ tên	Chức vụ	2022 VND	2021 VND
Hội đồng Quản trị			
<i>Phí và tiền thưởng</i>			
Ông Danny Le	Chủ tịch	-	-
Ông Trương Công Thắng	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên	-	-
Ban Giám đốc			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc	6.592.776.987	17.767.338.616

32. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng này.

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022**



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 8 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Quang
Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Bà Nguyễn Thu Hiền

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Phạm Hồng Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 65 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2023

042-6
NHÀ
GT
PM
HỒ



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 65.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00679-23-2



Nelson Rodríguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		26.092.449.023.518	22.575.115.088.964
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	5.588.278.453.404	13.013.125.962.658
Tiền	111		93.843.655.219	107.325.962.658
Các khoản tương đương tiền	112		5.494.434.798.185	12.905.800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.403.814.717.880	169.375.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	7(a)	1.202.171.717.880	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(b)	201.643.000.000	169.375.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.526.609.661.885	7.074.166.026.539
Phải thu của khách hàng	131	8	663.867.546.603	600.955.375.527
Trả trước cho người bán	132		328.055.851.416	171.698.115.803
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	6.047.191.980.732	4.086.581.871.592
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	9.487.494.283.134	2.214.930.663.617
Hàng tồn kho	140	11	2.501.747.857.460	2.254.893.287.268
Hàng tồn kho	141		2.531.009.688.650	2.292.547.543.677
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(29.261.831.190)	(37.654.256.409)
Tài sản ngắn hạn khác	150		71.998.332.889	63.554.812.499
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		21.864.190.200	16.622.626.382
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		46.519.568.421	44.465.916.280
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3.614.574.268	2.466.269.837

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		7.424.194.062.002	7.629.035.070.177
Các khoản phải thu dài hạn	210		192.573.706.896	215.103.634.496
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	192.573.706.896	215.103.634.496
Tài sản cố định	220		5.092.592.979.450	5.578.570.297.678
Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.256.149.930.619	4.647.200.173.487
Nguyên giá	222		8.642.295.346.974	8.565.736.011.269
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.386.145.416.355)	(3.918.535.837.782)
Tài sản cố định vô hình	227	13	836.443.048.831	931.370.124.191
Nguyên giá	228		2.396.630.305.722	2.432.289.024.377
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.560.187.256.891)	(1.500.918.900.186)
Bất động sản đầu tư	230	14	7.359.461.196	9.510.404.068
Nguyên giá	231		18.627.973.918	18.627.973.918
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.268.512.722)	(9.117.569.850)
Tài sản dở dang dài hạn	240		810.614.752.363	335.804.947.727
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	810.614.752.363	335.804.947.727
Đầu tư tài chính dài hạn	250		249.391.858.906	249.391.858.906
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	7(c)	249.391.858.906	249.391.858.906
Tài sản dài hạn khác	260		1.071.661.303.191	1.240.653.927.302
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	667.880.246.079	693.721.935.242
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	250.748.144.987	307.834.994.481
Lợi thế thương mại	269	18	153.032.912.125	239.096.997.579
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		33.516.643.085.520	30.204.150.159.141

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		11.070.997.878.366	13.198.456.221.760
Nợ ngắn hạn	310		10.061.228.330.556	11.883.095.769.452
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	1.495.519.562.993	1.573.394.388.394
Người mua trả tiền trước	312		57.801.371.025	123.923.953.891
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20	225.676.023.072	435.805.128.698
Phải trả người lao động	314		587.599.793	12.442.848.485
Chi phí phải trả	315	21	1.521.371.528.492	2.205.738.422.400
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	106.179.705.073	53.139.673.454
Vay ngắn hạn	320	23(a)	6.626.217.014.520	7.445.112.961.981
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		27.875.525.588	33.538.392.149
Nợ dài hạn	330		1.009.769.547.810	1.315.360.452.308
Phải trả người bán dài hạn	331	19	24.324.232.000	25.013.545.000
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	31.756.586.755	32.854.954.310
Vay dài hạn	338	23(b)	774.748.996.895	1.063.617.618.895
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	166.878.229.906	181.875.776.881
Dự phòng phải trả dài hạn	342		12.061.502.254	11.998.557.222
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		22.445.645.207.154	17.005.693.937.381
Vốn chủ sở hữu	410	24	22.445.645.207.154	17.005.693.937.381
Vốn cổ phần	411	25	7.274.618.790.000	7.267.938.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.274.618.790.000	7.267.938.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	25	3.610.328.815.858	3.560.554.240.858
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(265.775.657.006)	(265.775.657.006)
Cổ phiếu quỹ	415	25	(994.666.327.121)	(994.666.327.121)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		7.418.664.660	6.989.018.595
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.731.972.844	22.731.972.844
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.263.423.092.167	6.816.958.384.098
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.816.958.384.098	1.390.102.896.693
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		5.446.464.708.069	5.426.855.487.405
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		527.565.855.752	590.964.125.113
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		33.516.643.085.520	30.204.150.159.141

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:

 Phan Thị Thúy Hoa
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:

 Huỳnh Việt Thăng
 Giám đốc Tài chính


 Người duyệt:
 Nguyễn Hoàng Yến
 Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	27.178.348.373.405	28.098.885.084.926
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	201.075.203.377	325.249.867.193
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	27	26.977.273.170.028	27.773.635.217.733
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	15.845.758.614.044	15.982.695.703.768
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		11.131.514.555.984	11.790.939.513.965
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	934.533.482.162	720.071.573.861
Chi phí tài chính	22	30	385.172.202.557	258.011.430.302
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		307.330.035.566	226.159.178.618
Phần lãi trong một công ty liên kết	24	7(c)	13.296.085.000	13.296.085.000
Chi phí bán hàng	25	31	4.527.142.745.516	4.780.144.882.655
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	900.917.485.901	1.072.906.794.191
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		6.266.111.689.172	6.413.244.065.678
Thu nhập khác	31		3.300.140.266	5.273.852.200
Chi phí khác	32		26.050.918.673	7.951.540.992
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(22.750.778.407)	(2.677.688.792)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.243.360.910.765	6.410.566.376.886
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	669.373.615.088	979.174.066.988
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	33	41.180.186.596	(94.784.688.617)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		5.532.807.109.081	5.526.176.998.515

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang từ trang trước)	60		5.532.807.109.081	5.526.176.998.515
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		5.451.118.633.692	5.442.134.889.474
Cổ đông không kiểm soát	62		81.688.475.389	84.042.109.041
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	7.612	7.657


Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:


 Phan Thị Thúy Hoa
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Huỳnh Việt Thăng
 Giám đốc Tài chính


 Nguyễn Hoàng Yên
 Đại diện theo ủy quyền



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LIU CHUYEN TIEN TU HOAT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	6.243.360.910.765	6.410.566.376.886
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	814.270.399.742	839.204.262.978
Các khoản dự phòng	03	76.909.069.186	82.469.518.725
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(88.121.775)	6.477.154.390
Lỗ từ thanh lý, xóa sổ tài sản cố định và khoản đầu tư vào một công ty con	05	7.621.992.370	6.358.286.108
Thu nhập lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(899.616.238.833)	(703.428.185.639)
Lợi nhuận được chia từ một công ty liên kết	05	(13.296.085.000)	(13.296.085.000)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06	310.203.035.562	228.945.751.950
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	6.539.364.962.017	6.857.297.080.398
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(83.797.854.940)	(303.216.460.758)
Biến động hàng tồn kho	10	(323.700.694.346)	(498.548.625.942)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(1.397.713.341.246)	1.095.034.760.680
Biến động chi phí trả trước	12	41.017.991.792	44.454.027.100
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	(1.202.171.717.880)	-
		3.572.999.345.397	7.195.020.781.478
Tiền lãi vay và chi phí tài chính khác đã trả	14	(294.397.896.986)	(234.375.420.069)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(789.711.507.804)	(1.140.974.863.110)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.697.076.597)	(3.323.458.012)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.484.192.864.010	5.816.347.040.287

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.243.183.928.156)	(959.414.551.044)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	3.638.838.655	1.822.564.680
Tiền chi cho vay	23	(190.000.000.000)	(180.000.000.000)
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền chi cho các hoạt động đầu tư khác	23	(11.061.143.000.000)	(3.769.075.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	-	18.170.000.000
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền thu hồi các hoạt động đầu tư khác	24	2.013.875.000.000	6.562.000.000.000
Tiền thuần từ ngừng hợp nhất khoản đầu tư vào một công ty con và giao dịch với các cổ đông không kiểm soát	26	240.054.419.416	-
Tiền thu lãi và cổ tức	27	964.303.835.358	426.167.016.641
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.272.454.834.727)	2.099.670.030.277
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	56.455.185.000	-
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31	-	495.372.840.000
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ở công ty con	31	38.345.000.000	-
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	19.834.325.634.311	23.796.206.009.438
Tiền trả nợ gốc vay ngân hàng	34	(20.452.689.345.551)	(22.742.364.432.151)
Tiền chi trả cổ tức	36	(113.973.663.980)	(263.824.043.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(637.537.190.220)	1.285.390.373.787
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(7.425.799.160.937)	9.201.407.444.351
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	13.013.125.962.658	3.818.494.309.952
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(35.107.277)	332.968.447
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	61	986.758.960	(7.108.760.092)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)	70	5.588.278.453.404	13.013.125.962.658

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2022	2021
	VND	VND
Thu hồi các khoản phải thu về cho vay thông qua việc cán trừ với cổ tức phải trả		- 3.002.982.502.500
Chuyển đổi số dư lãi phải thu thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay	1.770.610.109.140	-
	<hr/>	

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn, nước khoáng; mua bán sản phẩm chăm sóc gia đình theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 17 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2022: 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 18 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết). Thông tin về các công ty con và công ty liên kết được mô tả như sau:

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022
Các công ty con sở hữu trực tiếp							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
3	Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”)	Kinh doanh và phân phối	Số 83, Lầu 4, Đường Amnuay Songkhram, Tiểu khu Tanon Nakornchaisri, Quận Dusit, Bangkok, Thái Lan.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Masan HPC	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
5	Công ty TNHH Masan Innovation	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022
Các công ty con sở hữu gián tiếp							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiên	(i) Sản xuất gia vị và nước uống đóng chai	Lô III-10, Đường số 1, Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
3	Công ty Cổ phần Masan PQ	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Masan Long An	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Ấp 2, Xã Thạnh Hòa, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
5	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	(i) Sản xuất thực phẩm tiện lợi và gia vị	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
6	Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì và đồ uống	Khu B, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Long, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
7	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì và đồ uống	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022
8	Công ty Cổ phần Masan JinJu (“MSJ”) và chi nhánh	(i), Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi, sản xuất thịt chế biến (vii)	Nhà máy F5, Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Lô CN-02, Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cương, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.	-	74,99%	-	74,99%
9	Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngự Phú Quốc	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
10	Công ty TNHH Masan HN	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi, gia vị và bao bì	Lô CN-08 và CN-14, Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cương, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
11	Công ty TNHH Masan HG 2 (“MH2”)	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi, đồ uống, gia vị và bao bì (viii)	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Phường Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	-	100%	-
12	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	98,79%	98,79%	98,79%	98,79%
13	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống và bao bì	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	89,52%	90,18%	89,52%	90,18%



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022
14	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	(iii) Sản xuất đồ uống	Km 37, Xa lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	89,52%	90,18%	99,999%	99,999%
15	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Nhóm 3A, Khu 4, Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.	65,85%	65,85%	65,85%	65,85%
16	Công ty Cổ phần Café De Nam	(iv) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Lô C I.III-3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tâm An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	-	96,59%	-	97,77%
17	Công ty Cổ phần Bột giặt NET	(v) Sản xuất và kinh doanh sản phẩm chăm sóc gia đình	Đường D4, Khu Công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	52,25%	52,25%	52,25%	52,25%
18	Công ty TNHH Hi-Fresh	(vi) Kinh doanh và phân phối	Tầng 8, Tòa nhà MPLaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
19	Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên nghiệp Joins Pro	(vi) Cung cấp dịch vụ giặt ủi	Tầng 8, Tòa nhà MPLaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	(i) Sản xuất và kinh doanh gia vị	Lô C40 – 43/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	32,83%	32,83%	32,83%	32,83%



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các công ty con và công ty liên kết này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan.
- (ii) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage.
- (iii) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.
- (iv) Trong tháng 9 năm 2022, Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“VCF”) đã chuyển nhượng 92,76% và 5,01% vốn cổ phần mà VCF sở hữu trong Công ty Cổ phần Café De Nam (“CDN”) lần lượt cho Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“VHC”) và cho một bên thứ ba.

Với việc thực hiện tái cấu trúc nội bộ của Tập đoàn Masan, trong tháng 12 năm 2022, Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo đã hoàn tất phát hành cổ phần mới để hoán đổi với cổ phần của các cổ đông không kiểm soát trong CDN theo tỷ lệ hoán đổi được thỏa thuận trong hợp đồng sáp nhập và sáp nhập CDN vào VHC. Do kết quả của giao dịch này, lợi ích của Công ty trong VHC đã giảm từ 90,18% xuống 89,52% và tại ngày phát hành báo cáo này, CDN đã hoàn tất việc sáp nhập vào VHC.

- (v) Công ty Cổ phần Bột giặt NET được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Masan HPC.
- (vi) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Masan Innovation.
- (vii) Với việc thực hiện tái cấu trúc nội bộ Tập đoàn Masan, trong tháng 9 năm 2022, Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (“MSF”) đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần mà MSF sở hữu trong Công ty Cổ phần Masan JinJu (“MSJ”) cho công ty mẹ của Công ty. Do kết quả của giao dịch này, MSJ không còn là công ty con của MSF và Công ty.
- (viii) Trong tháng 12 năm 2022, thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (“MSF”), đã hoàn tất việc thành lập Công ty TNHH Masan HG 2 (“MH2”). Theo đó, MH2 trở thành công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty, thông qua MSF.

Trong năm, theo Nghị quyết của các Cổ đông của Công ty tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-MSC ngày 28 tháng 4 năm 2022, các cổ đông đã thông qua phương án sáp nhập Công ty vào Công ty TNHH Masan Consumer Holdings, công ty mẹ. Tại ngày của báo cáo này, việc sáp nhập vẫn chưa diễn ra.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Tất cả các công ty con khác và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có 5.211 nhân viên (1/1/2022: 6.049 nhân viên).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCT”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu được từ hoặc chi cho giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 202”), các chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*



(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...). Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư tài chính dài hạn) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch, số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(vi) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá phí mua và giá trị thuần của tài sản được mua được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả của việc áp dụng Thông tư 202, những chênh lệch này được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ các giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc khi các công ty được thành lập vào ngày sau ngày bắt đầu của các kỳ báo cáo trình bày gần nhất, cho các giai đoạn từ ngày thành lập đến hết ngày kết thúc các kỳ báo cáo tương ứng.

(vii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Lợi thế thương mại phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 3(1)). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn. Lỗ lũy kế được tính toán từ lỗ thuần đã được quy đổi. Doanh thu, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ trong năm của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài sang VND được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi cho giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 30 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 25 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 19 năm đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 năm đến 10 năm.

(iii) Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 năm đến 30 năm.

(iv) Nhãn hiệu

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 10 năm.

Giá trị hợp lý của nhãn hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 10 năm đến 30 năm. Giá trị hợp lý của nhãn hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu nhãn hiệu đó.

(v) Quan hệ khách hàng

Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 5 năm đến 15 năm.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(vi) Tài nguyên nước khoáng

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá chào bán/giá giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 10 năm đến 37 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc của công ty con. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 – 25 năm
- cơ sở hạ tầng 5 – 20 năm

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng, máy móc và thiết bị chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước và phí sử dụng hạ tầng

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 42 năm đến 50 năm.

Phí sử dụng hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp. Phí sử dụng hạ tầng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng là 47 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cho giai đoạn 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(iii) Chi phí sắp xếp khoản vay

Chi phí sắp xếp khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của các khoản vay liên quan.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(m) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(o) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Vốn khác của chủ sở hữu

Biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông không kiểm soát mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát cho giai đoạn trước ngày 1 tháng 1 năm 2015 được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản từ các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê trong suốt thời hạn thuê.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng, từ các khoản phải thu về cho vay phải thu và các hoạt động đầu tư khác, và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các ngân hàng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn lần lượt được lập dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản thu nhập lãi liên quan, các khoản đầu tư và các thu nhập và chi phí phát sinh liên quan, các khoản vay và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của văn phòng chính Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào từng bộ phận.

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn phân loại các bộ phận kinh doanh thành bốn bộ phận kinh doanh chính là thực phẩm, đồ uống, sản phẩm chăm sóc gia đình và bộ phận kinh doanh khác. Bộ phận Thực phẩm bao gồm gia vị và thực phẩm tiện lợi. Bộ phận kinh doanh khác bao gồm cho thuê nhà kho và các hoạt động khác.

	Thực phẩm		Đồ uống		Sản phẩm chăm sóc gia đình		Khác		Hợp nhất	
	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	19.131.728.610.458	20.136.187.694.031	6.203.181.502.646	6.058.993.152.705	1.612.960.435.818	1.515.168.671.398	29.402.621.106	63.285.699.599	26.977.273.170.028	27.773.635.217.733
Lợi nhuận gộp của bộ phận	7.913.633.764.884	8.573.930.090.490	2.802.893.099.647	2.814.586.561.063	408.312.430.555	380.641.253.135	6.675.260.898	21.781.609.277	11.131.514.555.984	11.790.939.513.965
Kết quả kinh doanh của bộ phận	4.699.560.491.896	5.295.436.104.620	1.602.769.873.678	1.336.208.187.088	70.520.960.117	17.394.770.025	6.675.260.898	21.781.609.277	6.379.526.586.589	6.670.820.671.010
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ									(662.776.177.022)	(719.636.748.891)
Doanh thu hoạt động tài chính									934.533.482.162	720.071.573.861
Chi phí tài chính									(385.172.202.557)	(258.011.430.302)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh									6.266.111.689.172	6.413.244.065.678
Thu nhập khác									3.300.140.266	5.273.852.200
Chi phí khác									(26.050.918.673)	(7.951.540.992)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp									(710.553.801.684)	(884.389.378.371)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp									5.532.807.109.081	5.526.176.998.515



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Thực phẩm		Đồ uống		Sản phẩm chăm sóc gia đình		Hợp nhất	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản bộ phận	6.061.217.312.836	6.341.562.475.475	2.485.099.017.086	2.380.405.361.900	1.142.748.260.755	1.168.414.276.152	9.689.064.590.677	9.890.382.113.527
Tài sản không phân bổ							23.827.578.494.843	20.313.768.045.614
Tổng tài sản							33.516.643.085.520	30.204.150.159.141
Nợ phải trả bộ phận	1.566.471.651.304	1.689.753.295.769	538.029.940.485	665.686.754.449	323.937.928.398	349.239.405.269	2.428.439.520.187	2.704.679.455.487
Nợ phải trả không phân bổ							8.642.558.358.179	10.493.776.766.273
Tổng nợ phải trả							11.070.997.878.366	13.198.456.221.760
	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND
Chỉ tiêu vốn	853.860.039.613	824.511.240.305	359.864.556.246	99.497.876.840	4.247.818.197	13.428.784.970	1.217.972.414.056	937.437.902.115
Chỉ tiêu vốn không phân bổ							38.285.553.753	45.316.925.367
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	482.858.841.527	424.086.500.012	151.337.077.469	157.878.386.269	24.617.619.546	26.905.566.112	658.813.538.542	608.870.452.393
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ							4.671.686.840	4.858.533.036
Khấu hao tài sản cố định vô hình, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	39.216.396.843	48.630.726.333	84.248.789.612	155.064.571.335	35.596.177.625	35.914.600.587	159.061.364.080	239.609.898.255
Khấu hao tài sản cố định vô hình và phân bổ chi phí trả trước dài hạn không phân bổ							52.707.880.718	44.520.181.864

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam và Thái Lan. Hoạt động kinh doanh tại Thái Lan hiện tại là không trọng yếu đối với Tập đoàn.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Thay đổi tỷ lệ lợi ích vốn chủ sở hữu trong các công ty con

(a) Công ty Cổ phần Masan JinJu (“MSJ”)

Với việc thực hiện tái cấu trúc nội bộ của Tập đoàn Masan, trong tháng 9 năm 2022, Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Masan (“MSF”), một công ty con do Công ty sở hữu trực tiếp, đã chuyển nhượng toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu (tương đương 74,99% vốn cổ phần) của MSF trong MSJ cho công ty mẹ của Công ty với giá chuyển nhượng là 315.033.720.000 VND.

Việc chuyển nhượng cổ phần có ảnh hưởng như sau đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn vào ngày chuyển nhượng:

	Giá trị ghi sổ VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.902.585.584
Phải thu của khách hàng	182.106.557.701
Trả trước cho người bán	151.102.592.287
Hàng tồn kho – thuần	85.436.781.167
Tài sản ngắn hạn khác	22.055.083.092
Tài sản cố định hữu hình – thuần	433.360.510.127
Tài sản cố định vô hình – thuần	5.774.393.522
Lợi thế thương mại – thuần	29.580.330.095
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	133.178.705.955
Tài sản dài hạn khác	54.202.926.349
Phải trả người bán ngắn hạn	(119.419.225.850)
Thuế phải nộp Nhà nước	(51.460.873.973)
Vay ngắn hạn	(479.284.129.571)
Nợ phải trả ngắn hạn khác	(97.656.711.285)
Vay dài hạn	(9.467.153.242)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1.154.878.735)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 24)	(96.919.860.885)
Tài sản và nợ phải trả thuần được chuyển nhượng	320.337.632.338
Tiền và các khoản tương đương tiền của MSJ vào ngày chuyển nhượng	(78.902.585.584)
Số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng cổ phần	315.033.720.000
Tiền thuần thu được từ chuyển nhượng cổ phần	236.131.134.416

(b) Công ty Cổ phần Café De Nam (“CDN”)

Như đã trình bày ở Thuyết minh 1(d), việc tái cấu trúc nội bộ liên quan đến sáp nhập CDN không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.050.088.807	1.062.071.013
Tiền gửi ngân hàng	92.793.566.412	106.263.891.645
Các khoản tương đương tiền	5.494.434.798.185	12.905.800.000.000
	5.588.278.453.404	13.013.125.962.658

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

7. Đầu tư tài chính

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (a)	1.202.171.717.880	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	201.643.000.000	169.375.000.000
	1.403.814.717.880	169.375.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào một công ty liên kết (c)	249.391.858.906	249.391.858.906

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022				1/1/2022			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu doanh nghiệp do một bên thứ ba phát hành	12.000.000	1.202.171.717.880	(*)	-	-	-	-	-

Tập đoàn đã mua các trái phiếu này với mục đích kinh doanh trong một khoảng thời gian ngắn. Trái phiếu có thời hạn còn lại đến ngày đáo hạn là 27 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất 9,03%/năm cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên và 1,8%/năm cộng với lãi suất cho vay trung và dài hạn do ngân hàng được chọn công bố áp dụng cho các khách hàng doanh nghiệp cho các kỳ tính lãi còn lại. Các trái phiếu này được đảm bảo bởi thư bảo lãnh do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam, một bên liên quan phát hành và bởi tài sản của một bên thứ ba. Tập đoàn có cam kết từ một bên liên quan sẽ mua lại các trái phiếu này trước ngày 29 tháng 12 năm 2023.

- (*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	201.643.000.000	169.375.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư vào một công ty liên kết

	31/12/2022			1/1/2022		
	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (“CLX”)	2.659.217	32,83%	249.391.858.906	2.659.217	32,83%	249.391.858.906

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết có thể khác với giá trị ghi sổ.

Xem thêm Thuyết minh 1(d) mô tả về hoạt động kinh doanh chính của CLX.

Biến động trong năm của giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết của Tập đoàn như sau:

	VND
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết tại thời điểm đầu năm	249.391.858.906
Phản lợi nhuận phát sinh sau ngày mua trong năm	13.296.085.000
Cổ tức được nhận liên quan đến giai đoạn sau ngày mua	(13.296.085.000)
	<hr/>
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết tại thời điểm cuối năm	249.391.858.906

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu của khách hàng

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu từ các bên liên quan	382.713.005.733	281.512.098.593
Phải thu từ các bên thứ ba	281.154.540.870	319.443.276.934
	<hr/>	<hr/>
	663.867.546.603	600.955.375.527

Xem thêm Thuyết minh 35 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ công ty mẹ	6.047.191.980.732	4.086.581.871.592
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ công ty mẹ không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm theo thỏa thuận trong hợp đồng. Các khoản vay này đáo hạn trong tháng 12 năm 2023. Lãi cho vay sẽ được thu vào ngày đáo hạn của các khoản cho vay này. Xem thêm Thuyết minh 35 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan:		
▪ Lãi dự thu ngắn hạn từ cho vay (i)	-	2.170.989.684.747
▪ Ký quỹ ngắn hạn (ii)	54.871.988.576	-
▪ Phải thu khác	43.814.136	3.881.928.929
Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iii)	9.015.000.000.000	-
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iii)	347.321.164.376	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng và chứng khoán kinh doanh	28.874.209.236	20.810.987.613
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	33.849.261.670	8.854.769.665
Phải thu khác	7.533.845.140	10.393.292.663
	9.487.494.283.134	2.214.930.663.617

- (i) Các khoản phải thu ngắn hạn này phản ánh khoản lãi dự thu từ các khoản vay cấp cho công ty mẹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản lãi phải thu với số tiền là 1.770.610.109.140 VND đã được chuyển thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay ngắn hạn. Xem thêm Thuyết minh 9 và Thuyết minh 35 để biết thêm thông tin.
- (ii) Ký quỹ ngắn hạn phản ánh các khoản đặt cọc với một bên liên quan đến việc thuê kho.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các số dư này phản ánh số tiền đặt cọc cho các bên thứ ba theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo các hợp đồng này, các bên thứ ba cam kết trả cho Tập đoàn một tỷ lệ phí sử dụng vốn tối thiểu đã được thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác đầu tư.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu từ một hợp đồng hợp tác kinh doanh (iv)	182.300.000.000	178.300.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	10.273.706.896	36.803.634.496
	192.573.706.896	215.103.634.496

- (iv) Năm 2021, một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty đã ký một hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) với một bên thứ ba để hợp tác sản xuất nước mắm cốt trong thời hạn 5 năm. Theo đó, công ty con này góp vốn vào BCC bằng tiền cho mục đích chi tiêu vốn. Bên thứ ba đóng góp quyền sử dụng toàn bộ đất đai, nhà xưởng, nhà kho, máy móc, thiết bị và các cơ sở hạ tầng liên quan. Công ty con này và bên thứ ba sẽ được chia lợi nhuận của BCC theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	105.747.622.863	-	114.697.400.084	-
Nguyên vật liệu	1.217.432.443.405	(17.539.183.873)	1.106.109.126.231	(9.029.744.993)
Công cụ và dụng cụ	77.536.763.185	(1.197.147.302)	94.383.205.147	(6.666.874.874)
Sản phẩm dở dang	209.765.004.307	-	212.766.270.021	-
Thành phẩm	846.757.477.607	(10.509.751.502)	703.560.948.856	(21.957.636.542)
Hàng hóa	68.186.986.806	(15.748.513)	49.905.358.456	-
Hàng gửi đi bán	5.583.390.477	-	11.125.234.882	-
	2.531.009.688.650	(29.261.831.190)	2.292.547.543.677	(37.654.256.409)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	37.654.256.409	31.613.801.268
Tăng dự phòng trong năm	82.682.297.477	96.927.983.681
Sử dụng dự phòng trong năm	(82.668.524.669)	(79.241.695.229)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(5.836.173.323)	(11.645.833.311)
Ngừng hợp nhất một công ty con	(2.570.024.704)	-
Số dư cuối năm	29.261.831.190	37.654.256.409

Trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 29.262 triệu VND (1/1/2022: 37.654 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Nâng cấp tài sản thuê VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.585.591.651.533	59.361.231.666	5.791.378.365.050	103.391.322.611	26.013.440.409	8.565.736.011.269
Tăng trong năm	-	-	42.007.737.156	125.404.000	139.000.000	42.272.141.156
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	288.219.853.430	-	368.416.757.487	4.286.731.267	6.412.197.035	667.335.539.219
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	(22.687.000)	-	-	(22.687.000)
Thanh lý	(7.418.191.292)	-	(65.809.960.995)	(919.021.653)	(1.355.142.213)	(75.502.316.153)
Xóa sổ	-	-	(178.800.000)	-	-	(178.800.000)
Ngừng hợp nhất một công ty con	(125.195.085.562)	-	(428.931.155.510)	(4.545.209.407)	1.326.908.962	(557.344.541.517)
Số dư cuối năm	2.741.198.228.109	59.361.231.666	5.706.860.256.188	102.339.226.818	32.536.404.193	8.642.295.346.974
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	641.117.403.141	59.361.231.666	3.139.921.757.056	65.181.809.112	12.953.636.807	3.918.535.837.782
Khấu hao trong năm	124.237.297.660	-	523.078.838.320	10.855.932.163	3.162.214.367	661.334.282.510
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	(16.475.081)	-	-	(16.475.081)
Thanh lý	(5.196.253.422)	-	(62.074.980.178)	(919.021.653)	(1.355.142.213)	(69.545.397.466)
Xóa sổ	-	-	(178.800.000)	-	-	(178.800.000)
Ngừng hợp nhất một công ty con	(617.696.621)	-	(122.958.088.362)	(1.735.155.369)	1.326.908.962	(123.984.031.390)
Số dư cuối năm	759.540.750.758	59.361.231.666	3.477.772.251.755	73.383.564.253	16.087.617.923	4.386.145.416.355
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.944.474.248.392	-	2.651.456.607.994	38.209.513.499	13.059.803.602	4.647.200.173.487
Số dư cuối năm	1.981.657.477.351	-	2.229.088.004.433	28.955.662.565	16.448.786.270	4.256.149.930.619

Trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản cố nguyên giá là 1.297.724 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 1.172.193 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, một số tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng VND	Nhãn hiệu VND	Quan hệ khách hàng VND	Tài nguyên nước khoáng VND	Tổng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	119.085.818.402	304.069.093.651	73.012.186.348	1.099.626.396.615	423.797.765.850	412.697.763.511	2.432.289.024.377
Tăng trong năm	-	144.900.000	6.570.000.000	-	-	-	6.714.900.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	847.745.163	-	-	-	-	847.745.163
Xóa sổ	-	-	(208.706.681)	-	-	-	(208.706.681)
Ngừng hợp nhất một công ty con	-	156.480.877	-	(14.298.498.242)	(26.456.731.772)	-	(40.598.749.137)
Giảm khác	-	-	(2.413.908.000)	-	-	-	(2.413.908.000)
Số dư cuối năm	119.085.818.402	305.218.219.691	76.959.571.667	1.085.327.898.373	397.341.034.078	412.697.763.511	2.396.630.305.722
Gía trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	44.008.389.581	237.936.708.605	27.294.637.064	664.592.381.519	387.884.991.481	139.201.791.936	1.500.918.900.186
Khấu hao trong năm	2.953.213.512	36.971.069.594	3.157.274.747	23.613.694.508	5.671.498.364	21.934.668.276	94.301.419.001
Xóa sổ	-	-	(208.706.681)	-	-	-	(208.706.681)
Ngừng hợp nhất một công ty con	-	156.480.877	-	(8.524.104.720)	(26.456.731.772)	-	(34.824.355.615)
Số dư cuối năm	46.961.603.093	275.064.259.076	30.243.205.130	679.681.971.307	367.099.758.073	161.136.460.212	1.560.187.256.891
Gía trị còn lại							
Số dư đầu năm	75.077.428.821	66.132.385.046	45.717.549.284	435.034.015.096	35.912.774.369	273.495.971.575	931.370.124.191
Số dư cuối năm	72.124.215.309	30.153.960.615	46.716.366.537	405.645.927.066	30.241.276.005	251.561.303.299	836.443.048.831

Trong tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có các tài sản cố nguyên giá là 887.757 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 887.365 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	18.016.283.093	611.690.825	18.627.973.918
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	8.993.965.684	123.604.166	9.117.569.850
Khấu hao trong năm	2.088.216.364	62.726.508	2.150.942.872
Số dư cuối năm	11.082.182.048	186.330.674	11.268.512.722
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	9.022.317.409	488.086.659	9.510.404.068
Số dư cuối năm	6.934.101.045	425.360.151	7.359.461.196

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê chưa được xác định bởi vì không có giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn.

Trong bất động sản đầu tư của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 9.447 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 2.545 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND
Số dư đầu năm	335.804.947.727
Tăng trong năm	1.310.823.819.336
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(667.335.539.219)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(847.745.163)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(34.652.024.363)
Ngừng hợp nhất một công ty con	(133.178.705.955)
	<hr/>
Số dư cuối năm	810.614.752.363
	<hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Máy móc và thiết bị	637.988.338.119	243.285.141.722
Nhà cửa và vật kiến trúc	126.909.501.231	73.435.772.954
Khác	45.716.913.013	19.084.033.051
	<hr/>	<hr/>
	810.614.752.363	335.804.947.727
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, một số chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước và phí sử dụng hạ tầng VND	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sắp xếp khoản vay VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	581.657.350.058	12.537.484.616	82.359.461.690	17.167.638.878	693.721.935.242
Tăng trong năm	567.322.200	-	12.506.717.453	-	13.074.039.653
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	34.652.024.363	-	34.652.024.363
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	6.211.919	-	6.211.919
Phân loại lại từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	1.184.201.820	-	1.184.201.820
Phân bổ trong năm	(13.770.910.197)	(3.134.371.153)	(49.789.827.895)	(5.656.333.311)	(72.351.442.556)
Thanh lý	-	-	(232.794.950)	-	(232.794.950)
Ngừng hợp nhất một công ty con	-	-	(2.173.931.691)	-	(2.173.931.691)
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	-	-	2.279	-	2.279
Số dư cuối năm	568.453.762.061	9.403.113.463	78.512.064.988	11.511.305.567	667.880.246.079

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, một số chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2022		1/1/2022	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng phải trả	152.534.227.134	-	180.862.498.139	-
Chi phí kho vận phải trả	17.253.390.773	-	44.210.972.873	-
Chiết khấu thương mại phải trả	9.889.377.519	-	8.179.375.186	-
Các khoản chi phí phải trả khác và dự phòng	28.440.734.928	-	45.188.166.530	(2.389.920.606)
Lợi nhuận chưa thực hiện	42.630.414.633	-	29.393.981.753	-
Bất động sản đầu tư	-	-	-	(114.232.802)
Tài sản cố định hữu hình	-	(7.883.669.190)	-	(8.307.043.765)
Tài sản cố định vô hình	-	(158.994.560.716)	-	(171.064.579.708)
	250.748.144.987	(166.878.229.906)	307.834.994.481	(181.875.776.881)

18. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	882.432.759.448
Ngừng hợp nhất một công ty con	(131.468.133.902)
Số dư cuối năm	750.964.625.546
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	643.335.761.869
Phân bổ trong năm	56.483.755.359
Ngừng hợp nhất một công ty con	(101.887.803.807)
Số dư cuối năm	597.931.713.421
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	239.096.997.579
Số dư cuối năm	153.032.912.125

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả người bán

	31/12/2022	1/1/2022
	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả cho các bên thứ ba	1.360.413.359.945	1.584.541.695.493
Phải trả cho các bên liên quan	159.430.435.048	13.866.237.901
	<hr/> 1.519.843.794.993	<hr/> 1.598.407.933.394
Trong đó:		
- Ngắn hạn	1.495.519.562.993	1.573.394.388.394
- Dài hạn	24.324.232.000	25.013.545.000
	<hr/> 1.519.843.794.993	<hr/> 1.598.407.933.394

Xem thêm Thuyết minh 35 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ/ Hoàn lại VND	Ngừng hợp nhất một công ty con VND	Phân loại lại VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	128.423.184.305	3.981.014.207.777	(650.227.718.197)	(3.373.927.397.757)	(30.674.579.036)	(81.253.704)	54.526.443.388
Thuế xuất nhập khẩu	-	36.817.473.994	(36.817.473.994)	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	299.094.511.749	669.373.615.088	(789.711.507.804)	4.116.252.414	(20.475.631.524)	816.558.891	163.213.798.814
Thuế thu nhập cá nhân	6.441.382.978	163.108.886.737	(158.736.796.485)	(4.427.046.757)	(310.663.413)	-	6.075.763.060
Các loại thuế khác	1.846.049.666	165.578.414.217	(165.564.446.073)	-	-	-	1.860.017.810
	<u>435.805.128.698</u>	<u>5.015.892.597.813</u>	<u>(1.801.057.942.553)</u>	<u>(3.374.238.192.100)</u>	<u>(51.460.873.973)</u>	<u>735.305.187</u>	<u>225.676.023.072</u>



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	795.007.028.724	970.882.886.772
Thưởng và lương tháng 13	216.914.450.978	346.187.672.006
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	136.490.994.684	302.283.867.154
Chi phí kho vận	89.456.440.246	227.570.445.613
Chiết khấu thương mại	49.446.887.596	40.896.875.933
Chi phí lãi vay	34.555.531.409	19.104.815.092
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	33.514.858.628	37.264.002.911
Chi phí trưng bày	30.866.532.380	55.083.462.548
Chi phí công nghệ thông tin	23.662.966.359	44.463.680.096
Chi phí nghiên cứu thị trường	6.997.977.043	6.449.000.000
Chi phí khác	104.457.860.445	155.551.714.275
	1.521.371.528.492	2.205.738.422.400

22. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức phải trả	9.984.601.600	28.869.169.100
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	8.553.330.849	12.163.836.136
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	2.954.492.736	3.087.444.442
Phải trả khác	84.687.279.888	9.019.223.776
	106.179.705.073	53.139.673.454

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	31.756.586.755	32.854.954.310

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2022 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm			Ngừng hợp nhất một công ty con VND	31/12/2022 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND		
Vay ngắn hạn	7.030.093.844.618	19.444.275.719.311	(20.000.683.519.245)	(649.575.408)	(460.349.823.091)	6.012.686.646.185
Vay dài hạn đến hạn trả	415.019.117.363	613.530.368.335	(396.084.810.883)	-	(18.934.306.480)	613.530.368.335
	7.445.112.961.981	20.057.806.087.646	(20.396.768.330.128)	(649.575.408)	(479.284.129.571)	6.626.217.014.520

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	-	-	66.008.519.318
▪ Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	5,10% - 8,84%	5.869.909.782.253	5.430.728.735.864
▪ Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	3,00% - 3,60%	142.776.863.932	1.533.356.589.436
			6.012.686.646.185	7.030.093.844.618

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Vay dài hạn	1.388.279.365.230	1.478.636.736.258
Đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(613.530.368.335)	(415.019.117.363)
Đến hạn trả sau 12 tháng	774.748.996.895	1.063.617.618.895

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2022	1/1/2022
				VND	VND
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	4,60% - 12,10%	2023 - 2025	1.388.279.365.230	1.478.636.736.258

Khoản vay ngân hàng dài hạn có đảm bảo của Tập đoàn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn với giá trị ghi sổ lần lượt là 808.731 triệu VND, 291.966 triệu VND và 35.965 triệu VND (1/1/2022: lần lượt là 852.747 triệu VND, 32.939 triệu VND và 36.807 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, các khoản vay ngân hàng dài hạn có đảm bảo của các công ty con trong Tập đoàn cũng được bảo lãnh bởi Công ty.

Trong năm, Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Tập đoàn không có khoản vay quá hạn nào bao gồm cả nợ gốc và lãi.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	7.267.938.180.000	3.710.767.704.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	13.495.754.932	22.731.972.844	4.583.857.861.595	590.221.573.510	14.282.984.759.612
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	(150.213.464.134)	-	645.586.304.134	-	-	-	-	495.372.840.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	5.442.134.889.474	84.042.109.041	5.526.176.998.515
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(3.189.572.181.000)	-	(3.189.572.181.000)
Cổ tức công bố bởi các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(94.756.729.000)	(94.756.729.000)
Tăng lợi ích kinh tế trong các công ty con	-	-	-	-	-	-	(15.279.402.069)	15.279.402.069	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.182.783.902)	(3.822.216.102)	(8.005.000.004)
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	-	-	-	-	(6.506.736.337)	-	-	(14.405)	(6.506.750.742)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	7.267.938.180.000	3.560.554.240.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	6.989.018.595	22.731.972.844	6.816.958.384.098	590.964.125.113	17.005.693.937.381



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	7.267.938.180.000	3.560.554.240.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	6.989.018.595	22.731.972.844	6.816.958.384.098	590.964.125.113	17.005.693.937.381
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 25)	6.680.610.000	49.774.575.000	-	-	-	-	-	-	56.455.185.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	5.451.118.633.692	81.688.475.389	5.532.807.109.081
Tăng vốn cổ phần trong một công ty con	-	-	-	-	-	-	-	38.345.000.000	38.345.000.000
Cổ tức công bố bởi các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(95.089.096.480)	(95.089.096.480)
Ngừng hợp nhất một công ty con (Thuyết minh 5(a))	-	-	-	-	-	-	-	(96.919.860.885)	(96.919.860.885)
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(4.653.925.623)	8.577.210.623	3.923.285.000
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	-	-	-	-	429.646.065	-	-	1.992	429.648.057
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	7.418.664.660	22.731.972.844	12.263.423.092.167	527.565.855.752	22.445.645.207.154

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	727.461.879	7.274.618.790.000	726.793.818	7.267.938.180.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	10.915.388	994.666.327.121	10.915.388	994.666.327.121
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	716.546.491	7.165.464.910.000	715.878.430	7.158.784.300.000
Thặng dư vốn cổ phần		3.610.328.815.858		3.560.554.240.858

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động số cổ phiếu hiện đang lưu hành trong năm như sau:

	2022		2021	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm – hiện đang lưu hành	715.878.430	7.158.784.300.000	708.793.818	7.087.938.180.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	668.061	6.680.610.000	-	-
Phát hành lại cổ phiếu quỹ bằng tiền	-	-	7.084.612	70.846.120.000
Số dư cuối năm – hiện đang lưu hành	716.546.491	7.165.464.910.000	715.878.430	7.158.784.300.000

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng 1 năm	95.359.587.077	161.732.899.181
Trong vòng 2 đến 5 năm	70.502.619.625	96.279.675.413
Trên 5 năm	284.273.062.662	289.982.680.106
	450.135.269.364	547.995.254.700

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	266.292.999.337	546.592.450.245
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	308.788.352.300	730.449.369.103
	575.081.351.637	1.277.041.819.348

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	630.464	14.758.126.880	221.857	5.025.075.872
EUR	202	4.983.736	213	5.597.207
THB	45.255.027	29.823.058.621	47.731.914	31.741.718.594
		44.586.169.237		36.772.391.673

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2022	2021
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	27.074.705.589.790	27.999.230.928.349
▪ Doanh thu khác	103.642.783.615	99.654.156.577
	<hr/>	<hr/>
	27.178.348.373.405	28.098.885.084.926
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	94.595.670.924	244.667.387.063
▪ Hàng bán bị trả lại	106.479.532.453	80.582.480.130
	<hr/>	<hr/>
	201.075.203.377	325.249.867.193
Doanh thu thuần	<hr/>	<hr/>
	26.977.273.170.028	27.773.635.217.733

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2022	2021
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng đã bán	15.645.513.344.636	15.813.601.098.017
▪ Giá vốn khác	123.399.145.254	83.812.455.381
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	76.846.124.154	85.282.150.370
	<hr/>	<hr/>
	15.845.758.614.044	15.982.695.703.768

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Thu nhập lãi từ khoản cho các bên liên quan vay	272.287.917.543	345.963.757.888
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư khác	627.328.321.290	357.464.427.751
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	34.917.243.329	16.643.388.222
	934.533.482.162	720.071.573.861

30. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	307.330.035.566	226.159.178.618
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	46.175.725.060	21.614.401.833
Chi phí đi vay	2.872.999.996	2.786.573.332
Chi phí khác	28.793.441.935	7.451.276.519
	385.172.202.557	258.011.430.302

31. Chi phí bán hàng

	2022 VND	2021 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	3.015.416.983.635	3.205.403.255.800
Chi phí kho vận	839.223.610.343	874.184.868.727
Chi phí nhân viên	500.970.049.848	479.176.976.563
Chi phí trưng bày	46.538.728.773	125.478.343.563
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	48.966.751.027	37.670.191.141
Chi phí nghiên cứu thị trường	16.273.363.715	20.122.936.911
Chi phí khác	59.753.258.175	38.108.309.950
	4.527.142.745.516	4.780.144.882.655

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	410.879.640.007	440.359.941.893
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	97.557.649.628	105.244.799.899
Chi phí nghiên cứu và phát triển	79.947.780.164	50.170.764.759
Chi phí thuê văn phòng	70.813.506.602	67.646.874.314
Khấu hao và phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định, chi phí trả trước dài hạn và bất động sản đầu tư phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	57.505.837.808	110.261.415.873
Phân bổ lợi thế thương mại	56.483.755.359	83.001.649.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.773.916.821	44.929.195.775
Chi phí khác	80.955.399.512	171.292.152.328
	900.917.485.901	1.072.906.794.191

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	675.300.683.622	978.856.624.779
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(5.927.068.534)	317.442.209
	669.373.615.088	979.174.066.988
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	41.180.186.596	(101.784.688.617)
Thay đổi khác trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	7.000.000.000
	41.180.186.596	(94.784.688.617)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	710.553.801.684	884.389.378.371

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.243.360.910.765	6.410.566.376.886
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.248.672.182.153	1.282.113.275.377
Lỗ tính thuế đã sử dụng	(4.625.722.462)	(345.921.523)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(530.531.361.372)	(426.399.510.660)
Ảnh hưởng của phần lãi trong một công ty liên kết	(2.659.217.000)	(2.659.217.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	10.373.490.929	5.774.170.250
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(5.927.068.534)	317.442.209
Ảnh hưởng của phân bổ lợi thế thương mại	11.296.751.077	16.600.329.870
Thay đổi tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận (*)	1.558.399.127	1.988.809.848
Thay đổi khác trong chênh lệch tạm thời	(18.664.434.701)	7.000.000.000
Ảnh hưởng từ ngừng hợp nhất một công ty con	1.060.782.467	-
	710.553.801.684	884.389.378.371

(*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận tại một số công ty con bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con này có thể sử dụng lợi ích thuế của các khoản chênh lệch tạm thời này.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này có thẩm quyền phạt thuế, đánh thuế và tính lãi phạt chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể là đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)



34. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm là 5.451.119 triệu VND (2021: 5.442.135 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm là 716.132.842 cổ phiếu (2021: 710.715.398 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.451.118.633.692	5.442.134.889.474

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2022 Số lượng cổ phiếu	2021 Số lượng cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm – hiện đang lưu hành	715.878.430	708.793.818
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu mới trong năm	254.412	-
Ảnh hưởng của việc phát hành lại cổ phiếu quỹ trong năm	-	1.921.580
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm – hiện đang lưu hành	716.132.842	710.715.398

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2022 VND	2021 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.612	7.657

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn có các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2022 VND	2021 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Các công ty mẹ cấp cao					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Bán hàng hóa	203.421.872	84.243.994	18.881.346	5.739.999
	Phí hỗ trợ quản lý	6.961.885.607	2.209.168.281	10.088.159.277	2.430.085.109
Công ty Cổ phần CrownX	Bán hàng hóa	622.914	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	6.184.540.884	-	(6.679.304.155)	-
Công ty mẹ					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cho vay, bao gồm chuyển đổi số dư lãi phải thu thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay	1.960.610.109.140	180.000.000.000	6.047.191.980.732	4.086.581.871.592
	Thu hồi khoản cho vay bằng tiền	-	18.170.000.000	-	-
	Thu hồi khoản cho vay thông qua cân trừ với cổ tức phải trả	-	3.002.982.502.500	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	269.620.424.393	345.963.757.888	-	2.170.989.684.747
	Cổ tức đã công bố	-	3.021.089.152.500	-	-
	Cổ tức đã trả bằng tiền	-	18.106.650.000	-	-
	Thu từ chuyển nhượng một khoản đầu tư	315.033.720.000	-	-	-
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Cổ tức nhận được sau ngày mua	13.296.085.000	13.296.085.000	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2022 VND	2021 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Các bên liên quan khác					
Công ty Cổ phần Masan JinJu (“MSJ”) và chi nhánh (Thuyết minh (5(a)))	Bán hàng hóa	34.276.977.663	-	5.428.719.336	-
	Mua hàng hóa	439.020.868.191	-	(146.162.162.871)	-
	Thu hồi khoản cho vay bằng tiền	291.000.000.000	-	-	-
	Lãi cho vay	2.667.493.150	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.509.308.583	-	43.814.136	-
Công ty TNHH Masan Master Brewer	Bán hàng hóa	1.392.392	947.232	181.412	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	55.737.068	21.250.239	12.191.338	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Bán hàng hóa	13.187.030.020	293.746.266	3.337.160.542	-
	Mua hàng hóa	9.404.455.886	10.493.923.889	(633.006.000)	-
	Phí hỗ trợ quản lý	35.540.419.406	31.836.087.648	43.423.973.251	25.645.053.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	2.701.644.142	21.002.393	12.517.422	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	4.009.729.325	2.825.257.000	(552.827.601)	(300.217.500)
	Mua tài sản cố định	658.119.415	-	(559.266.341)	-
	Phí hỗ trợ quản lý	152.467.607	2.607.980.855	2.654.132.879	2.868.778.941
Công ty TNHH Masan Brewery MB	Phí hỗ trợ quản lý	1.705.044.885	-	1.841.448.476	-
	Đặt cọc thuê kho	54.871.988.576	-	54.871.988.576	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2022 VND	2021 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Masan Masan MEATLife	Bán hàng hóa	35.686.364	76.855.801	5.576.728	2.800.001
	Phí hỗ trợ quản lý	40.311.911.535	8.607.773.646	44.338.995.834	3.460.908.168
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	Bán hàng hóa	-	75.792.465	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	377.092.445	2.600.920.637	73.923.379	1.600.876.379
Công ty TNHH MEATDeli HN	Bán hàng hóa và dịch vụ	36.339.060.845	1.961.801.584	39.480.000	510.203.536
	Bán tài sản cố định	30.000.000	-	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	50.915.043.441	18.474.017.663	-	(3.541.747.791)
	Mua tài sản cố định	186.781.103.729	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	5.791.448.325	7.822.891.631	1.592.653.552	5.377.861.008
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Bán hàng hóa và dịch vụ	2.308.790.725	794.967.983	79.417.000	114.244.571
	Mua hàng hóa	24.771.872.183	40.470.776.427	(92.918.733)	(3.300.454.639)
	Phí hỗ trợ quản lý	3.879.530.906	4.892.782.698	1.991.201.521	3.575.300.853
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	Bán hàng hóa và dịch vụ	1.339.409.731	2.295.297.104	15.397.130	1.284.042.751
	Mua hàng hóa	37.012.747.140	35.082.724.115	-	(5.747.520.000)
	Phí hỗ trợ quản lý	184.581.341	-	147.846.759	-
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	Bán hàng hóa	2.086.838	24.399.003	-	-
	Mua hàng hóa	13.219.612.800	-	-	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Bán hàng hóa	1.524.892.691	1.180.851.176	318.612.735	80.359.849
	Phí hỗ trợ quản lý	122.030.349	786.572.799	999.463.463	865.230.079
Jinju Ham Company Limited	Góp vốn	38.344.780.000	-	-	-
	Cổ tức đã công bố	38.344.787.200	-	-	-



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2022 VND	2021 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	Bán hàng hóa	1.118.826.761.706	1.399.516.804.928	254.999.528.515	236.713.736.562
	Mua hàng hóa và dịch vụ	217.592.394.769	272.867.386.250	(3.525.947.783)	(833.797.971)
	Mua tài sản cố định	-	1.218.665.532	-	-
	Phí hỗ trợ thuê văn phòng	23.400.773.330	17.550.000.000	3.342.739.292	-
	Chiết khấu thanh toán và các khoản hỗ trợ bán hàng phải trả khác	19.187.456.253	10.106.180.275	-	-
	Phải thu khác	-	-	17.000.000	124.280.000
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Wineco	Bán hàng hóa	-	1.952.273	7.572.247	-
	Mua hàng hóa	7.644.407.463	6.858.914.000	(586.696.000)	(142.500.000)
	Phí hỗ trợ thuê văn phòng	811.032.816	450.000.000	74.344.675	-
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	Bán hàng hóa và dịch vụ	17.966.668.052	1.468.423.379	4.996.732.505	858.806.716
	Mua hàng hóa	8.931.082.113	521.126.917	(871.192.978)	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.889.883.833	-	2.041.074.540	-
Công ty Cổ phần Mobicast	Bán hàng hóa	9.238.570	-	9.977.656	-
	Mua dịch vụ	4.669.694.202	-	(203.500.568)	-
Công ty Cổ phần Surpa	Bán hàng hóa	126.046.020	-	13.376.167	-
	Mua dịch vụ	653.654.856	-	(117.585.596)	-
	Phí hỗ trợ quản lý	747.895.144	-	807.726.756	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (*)	Mua chứng khoán kinh doanh	3.087.046.500.000	-	-	-
	Bán chứng khoán kinh doanh	1.859.179.000.000	-	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2022 VND	2021 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Thành viên quản lý chủ chốt (**)	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	74.565.470.035	77.591.062.765	-	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty và các công ty con có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (“Techcombank”), một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)



Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(**) Trong thù lao trả cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng đã chi trả cho từng thành viên trong Hội đồng Quản trị Công ty và Tổng Giám đốc Công ty như sau:

Tên	Vị trí	2022 VND	2021 VND
Hội đồng Quản trị			
<i>Phí và tiền thưởng</i>			
Ông Danny Le	Chủ tịch	-	-
Ông Trương Công Thắng	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên	-	-
Ban Giám đốc			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc	6.592.776.987	17.767.338.616



36. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:


 Phan Thị Thúy Hoa
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Huỳnh Việt Thăng
 Giám đốc Tài chính


 Nguyễn Hoàng Yến
 Đại diện theo ủy quyền





Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 31 tháng 1 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Quang
Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Bà Nguyễn Thu Hiền

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Bà Nguyễn Thu Hiền
Ông Nguyễn Thiệu Quang

Chủ tịch
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Phạm Hồng Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00976-24-01



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2024



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		22.535.021.988.601	22.684.525.282.669
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.760.812.990.981	4.200.983.420.980
Tiền	111		28.339.741.525	5.548.622.795
Các khoản tương đương tiền	112		4.732.473.249.456	4.195.434.798.185
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.503.875.585.603	880.027.122.282
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	1.993.875.585.603	800.427.122.282
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	1.510.000.000.000	79.600.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.443.070.511.865	16.745.263.698.531
Phải thu của khách hàng	131	6	1.015.984.454.739	593.422.840.598
Trả trước cho người bán	132		20.171.061.039	14.723.370.604
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	3.299.000.000.000	5.970.261.432.792
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	9.107.914.996.087	10.166.856.054.537
Hàng tồn kho	140	9	819.118.075.682	844.368.276.133
Hàng tồn kho	141		832.707.971.816	857.030.947.820
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.589.896.134)	(12.662.671.687)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.144.824.470	13.882.764.743
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.144.824.470	13.882.764.743

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		14.542.439.745.668	8.918.705.752.645
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.419.006.111.721	3.284.000.001
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	5.419.006.111.721	3.284.000.001
Tài sản cố định	220		32.899.794.095	46.927.809.280
Tài sản cố định hữu hình	221	10	21.803.127.155	17.348.632.145
Nguyên giá	222		68.810.791.963	100.984.987.645
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.007.664.808)	(83.636.355.500)
Tài sản cố định vô hình	227	11	11.096.666.940	29.579.177.135
Nguyên giá	228		292.732.233.096	290.707.083.296
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(281.635.566.156)	(261.127.906.161)
Tài sản dở dang dài hạn	240		9.631.238.976	10.056.248.115
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	9.631.238.976	10.056.248.115
Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.716.171.509.348	8.640.671.509.348
Đầu tư vào các công ty con	251	5(c)	8.716.171.509.348	8.640.671.509.348
Tài sản dài hạn khác	260		364.731.091.528	217.766.185.901
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	17.120.720.180	21.878.254.990
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	347.610.371.348	195.887.930.911
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		37.077.461.734.269	31.603.231.035.314

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		10.272.792.365.522	7.835.241.626.250
Nợ ngắn hạn	310		10.246.018.912.749	7.807.945.075.464
Phải trả người bán	311	15	1.961.470.231.319	1.920.517.555.938
Người mua trả tiền trước	312		57.864.531.253	50.028.319.561
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	271.400.437.740	97.183.412.979
Phải trả người lao động	314		93.460.031	2.377.655
Chi phí phải trả	315	17	1.957.818.189.550	1.170.414.671.893
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	152.372.062.856	90.798.737.438
Vay ngắn hạn	320	19	5.845.000.000.000	4.479.000.000.000
Nợ dài hạn	330		26.773.452.773	27.296.550.786
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	26.773.452.773	27.296.550.786
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		26.804.669.368.747	23.767.989.409.064
Vốn chủ sở hữu	410	20	26.804.669.368.747	23.767.989.409.064
Vốn cổ phần	411	21	7.274.618.790.000	7.274.618.790.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	3.610.328.815.858	3.610.328.815.858
Cổ phiếu quỹ	415	21	(994.666.327.121)	(994.666.327.121)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.914.388.090.010	13.877.708.130.327
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		10.653.248.920.827	8.493.873.482.072
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		6.261.139.169.183	5.383.834.648.255
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		37.077.461.734.269	31.603.231.035.314

Ngày 4 tháng 3 năm 2024

Người lập:


Phan Thị Thủy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính




Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	27.545.495.830.023	26.327.777.782.067
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	139.821.133.893	190.525.295.390
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	24	27.405.674.696.130	26.137.252.486.677
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	21.275.838.726.581	20.479.845.874.600
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		6.129.835.969.549	5.657.406.612.077
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	6.401.072.803.761	5.007.520.495.130
Chi phí tài chính	22	27	333.866.248.227	208.231.564.844
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>302.670.803.869</i>	<i>166.463.153.474</i>
Chi phí bán hàng	25	28	5.060.228.851.210	4.297.323.193.283
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	574.907.192.073	511.222.701.408
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		6.561.906.481.800	5.648.149.647.672
Thu nhập khác	31		1.993.185.566	696.689.728
Chi phí khác	32		56.714.066	3.026.076.711
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.936.471.500	(2.329.386.983)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.563.842.953.300	5.645.820.260.689
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	454.426.224.554	196.992.138.815
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	(151.722.440.437)	64.993.473.619
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.261.139.169.183	5.383.834.648.255

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	6.563.842.953.300	5.645.820.260.689
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	25.749.863.757	40.186.081.715
Các khoản dự phòng	03	40.432.723.338	37.667.716.245
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	14.463.337	(185.643.870)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(1.060.531.681)	(377.000.000)
Thu nhập lãi, lợi nhuận được phân phối và thu nhập liên quan từ các hoạt động đầu tư	05	(6.374.946.265.629)	(4.997.478.651.592)
Chi phí lãi vay	06	302.670.803.869	166.463.153.474
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	556.704.010.291	892.095.916.661
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(431.452.515.159)	(155.405.595.576)
Biến động hàng tồn kho	10	(15.182.522.887)	(233.299.956.392)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	917.648.907.988	(2.454.407.168.962)
Biến động chi phí trả trước	12	12.606.248.054	(1.459.309.976)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	(1.193.448.463.321)	(800.427.122.282)
		(153.124.335.034)	(2.752.903.236.527)
Tiền lãi vay đã trả	14	(313.973.439.486)	(155.149.686.768)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(291.591.153.795)	(270.794.734.904)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(758.688.928.315)	(3.178.847.658.199)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(16.406.142.670)	(34.633.947.673)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.278.170.407	377.000.000
Tiền chi cho vay	23	(490.000.000.000)	(481.000.000.000)
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền chi cho các hoạt động đầu tư khác	23	(17.465.237.815.035)	(6.794.600.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	300.000.000.000	291.000.000.000
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền thu hồi các hoạt động đầu tư khác	24	11.345.537.815.035	1.350.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con	25	(75.500.000.000)	(379.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào một công ty con	26	-	200.000.000.000
Tiền thu lãi từ tiền gửi ngân hàng, các hoạt động đầu tư khác và lợi nhuận được phân phối	27	6.572.959.493.827	4.431.265.599.217
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	172.631.521.564	(1.416.591.348.456)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	56.455.185.000
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	17.520.000.000.000	14.486.261.760.711
Tiền trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(16.154.000.000.000)	(15.086.260.554.027)
Tiền chi trả cổ tức	36	(220.097.832.173)	(204.835.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.145.902.167.827	(543.748.443.316)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	559.844.761.076	(5.139.187.449.971)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4.200.983.420.980	9.340.198.391.379
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(15.191.075)	(27.520.428)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	4.760.812.990.981	4.200.983.420.980

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2023	2022
	VND	VND
Thu hồi các khoản cho vay và lãi phải thu thông qua việc cân trừ với cổ tức phải trả	3.002.364.736.327	-
Chuyển đổi số dư lãi phải thu thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay		- 1.693.679.561.200

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn, nước khoáng; mua bán sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình; và cung cấp dịch vụ phân phối theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc của Công ty

Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-MSK của các cổ đông của Công ty tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2023, các cổ đông của Công ty đã thông qua phương án sáp nhập Công ty vào Công ty TNHH MasanConsumerHoldings, công ty mẹ của Công ty. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc sáp nhập vẫn chưa diễn ra.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 1.514 nhân viên (1/1/2023: 1.378 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng cố kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty con phát sinh lỗ, dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi công ty con sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 năm đến 10 năm.

(ii) Nhãn hiệu

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho tài sản cố định hữu hình và vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn chủ sở hữu

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)*

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu về cho vay và các hoạt động đầu tư khác, lợi nhuận được phân phối từ các công ty con và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được xác lập. Lợi nhuận được phân phối liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các ngân hàng và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	376.351.002	396.768.329
Tiền gửi ngân hàng	27.963.390.523	5.151.854.466
Các khoản tương đương tiền	4.732.473.249.456	4.195.434.798.185
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	4.760.812.990.981	4.200.983.420.980
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

5. Đầu tư tài chính

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (a)	1.993.875.585.603	800.427.122.282
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	1.510.000.000.000	79.600.000.000
	<hr/>	<hr/>
	3.503.875.585.603	880.027.122.282
	<hr/>	<hr/>
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào các công ty con (c)	8.716.171.509.348	8.640.671.509.348
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2023				1/1/2023			
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Trái phiếu doanh nghiệp do các bên thứ ba phát hành	9.510.200	1.993.875.585.603	-	(*)	8.000.000	800.427.122.282	-	(*)

Công ty mua các trái phiếu này với mục đích kinh doanh trong một khoảng thời gian ngắn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại là từ 8 tháng đến 22 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất từ 10% - 13,78%/năm. Một số trái phiếu trong các trái phiếu này được đảm bảo bởi tài sản của bên thứ ba. Công ty có cam kết từ một bên liên quan sẽ mua lại một số trái phiếu trước thời điểm cuối tháng 1 năm 2024 và việc mua lại này đã được thực hiện trong tháng 1 năm 2024 theo cam kết này. Đối với các trái phiếu còn lại, Công ty có cam kết khác từ bên liên quan này sẽ mua lại số trái phiếu trước ngày 12 tháng 4 năm 2024.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh có thể khác với giá trị ghi sổ.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.510.000.000.000	79.600.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(c) Đầu tư vào các công ty con

	31/12/2023		1/1/2023	
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Đầu tư vào các công ty con:				
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (i)	100%	3.671.400.009.348	100%	3.595.900.009.348
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (ii)	100%	4.315.000.000.000	100%	4.315.000.000.000
▪ Masan Consumer (Thailand) Limited (iii)	99,99%	64.771.500.000	99,99%	64.771.500.000
▪ Công ty TNHH Masan HPC (iv)	100%	605.000.000.000	100%	605.000.000.000
▪ Công ty TNHH Masan Innovation (v)	100%	60.000.000.000	100%	60.000.000.000
		8.716.171.509.348		8.640.671.509.348

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con có thể khác với giá trị ghi sổ.

Không có khoản dự phòng giảm giá nào cho các khoản đầu tư vào các công ty con được trích lập trên báo cáo tài chính riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 2022.

120
HN
IG
<P
40

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan có 10 công ty con, bao gồm (1) Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan (“MSI”), (2) Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (“VTF”), (3) Công ty Cổ phần Masan PQ (“MPQ”), (4) Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (“MHD”), (5) Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB (“MMB”), (6) Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG (“MHG”), (7) Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngự Phú Quốc (“NPQ”), (8) Công ty TNHH Masan Long An (“MLA”), (9) Công ty TNHH Masan HN (“HNF”) và (10) Công ty TNHH Masan HG 2 (“MH2”). Các công ty con này, ngoại trừ MLA, HNF và MH2, là các công ty sản xuất và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua Công ty. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, MLA, HNF và MH2 vẫn chưa đi vào hoạt động. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (ii) Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage có 4 công ty con, bao gồm (1) Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“VCF”), (2) Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“VHC”), (3) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha (“KRP”) và (4) Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“QNW”). Các công ty con này là các công ty sản xuất và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua Công ty. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (iii) Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”) là một công ty thương mại và phân phối các sản phẩm của Công ty tại Thái Lan. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty con này.
- (iv) Công ty TNHH Masan HPC (“HPC”) có 1 công ty con là Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“NET”). NET là một công ty sản xuất sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình và phân phối sản phẩm của mình trực tiếp ra thị trường và thông qua Công ty. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (v) Công ty TNHH Masan Innovation (“INV”) có 2 công ty con, bao gồm (1) Công ty TNHH Hi-Fresh (“HIF”) và (2) Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên nghiệp Joins Pro (“JPR”). HIF điều hành các cửa hàng bán lẻ để bán lẻ các sản phẩm tiêu dùng cho khách hàng. JPR cung cấp dịch vụ giặt ủi. Do thay đổi trong định hướng kinh doanh, trong tháng 6 năm 2023, Chủ tịch của Công ty TNHH Masan Innovation, công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty, đã phê duyệt quyết định về việc giải thể HIF. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, việc giải thể đã hoàn tất. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Các công ty con khác được thành lập tại Việt Nam.

Biến động của khoản đầu tư vào các công ty con trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	8.640.671.509.348	8.461.671.509.348
Tăng trong năm	75.500.000.000	379.000.000.000
Giảm trong năm	-	(200.000.000.000)
Số dư cuối năm	8.716.171.509.348	8.640.671.509.348

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu từ các bên liên quan	809.595.127.405	370.196.506.412
Phải thu từ các bên thứ ba	206.389.327.334	223.226.334.186
	<hr/>	<hr/>
	1.015.984.454.739	593.422.840.598

Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn.

7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan	3.299.000.000.000	5.970.261.432.792
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan không được bảo đảm và hưởng lãi suất năm theo thỏa thuận trong từng hợp đồng. Các khoản cho vay này đáo hạn trong tháng 12 năm 2024. Lãi cho vay được thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày hoàn trả hoặc ngày đáo hạn của các khoản cho vay này. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan:		
▪ Lợi nhuận được phân phối phải thu	3.886.484.273.753	4.506.802.740.225
▪ Lãi dự thu ngắn hạn từ cho vay (i)	253.675.616.434	-
▪ Ký quỹ ngắn hạn (ii)	67.199.190.493	54.871.988.576
Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iii)	4.680.000.000.000	5.365.000.000.000
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iii)	197.006.383.561	189.047.876.706
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng và chứng khoán kinh doanh	18.501.174.589	19.513.143.139
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	2.309.650.000	30.196.784.670
Phải thu khác	2.738.707.257	1.423.521.221
	9.107.914.996.087	10.166.856.054.537

- (i) Các khoản phải thu này phản ánh khoản lãi dự thu từ các khoản vay cấp cho các bên liên quan. Xem thêm Thuyết minh 7 và Thuyết minh 32 để biết thêm thông tin.
- (ii) Ký quỹ ngắn hạn phản ánh khoản đặt cọc với một bên liên quan cho việc thuê kho.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Các khoản đặt cọc dài hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iii)	5.374.300.000.000	-
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iii)	20.579.780.000	-
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn khác	24.126.331.721	3.284.000.001
	5.419.006.111.721	3.284.000.001

- (iii) Các khoản phải thu này phản ánh số tiền đặt cọc cho các bên thứ ba theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo các hợp đồng này, các bên thứ ba này cam kết trả cho Công ty mức lợi nhuận tối thiểu theo thỏa thuận trong từng hợp đồng hợp tác đầu tư.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	72.756.267.583	-	59.426.059.440	-
Nguyên vật liệu	99.567.825.347	(5.976.097.413)	95.926.720.526	(2.219.508.902)
Công cụ và dụng cụ	792.051.557	-	2.466.571.123	-
Thành phẩm	86.702.557.250	(925.260.985)	55.682.413.972	(942.320.432)
Hàng hóa	572.889.270.079	(6.688.537.736)	640.430.391.759	(9.500.842.353)
Hàng gửi đi bán	-	-	3.098.791.000	-
	832.707.971.816	(13.589.896.134)	857.030.947.820	(12.662.671.687)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	12.662.671.687	26.649.059.337
Tăng dự phòng trong năm	40.541.338.163	37.694.612.491
Sử dụng dự phòng trong năm	(39.505.498.891)	(51.654.103.895)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(108.614.825)	(26.896.246)
Số dư cuối năm	13.589.896.134	12.662.671.687

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 13.590 triệu VND (1/1/2023: 12.663 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	52.322.721.945	4.685.676.671	15.281.844.144	28.694.744.885	100.984.987.645
Tăng trong năm	-	358.400.200	-	-	358.400.200
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	4.792.475.582	4.569.079.738	194.381.978	9.555.937.298
Thanh lý	(19.466.337.742)	(32.000.000)	(1.080.521.596)	(1.197.835.806)	(21.776.695.144)
Xóa sổ	(20.311.838.036)	-	-	-	(20.311.838.036)
Số dư cuối năm	12.544.546.167	9.804.552.453	18.770.402.286	27.691.291.057	68.810.791.963
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	52.322.721.945	3.457.435.236	5.735.352.202	22.120.846.117	83.636.355.500
Khấu hao trong năm	-	619.548.150	2.275.285.137	2.347.370.475	5.242.203.762
Thanh lý	(19.466.337.742)	(32.000.000)	(1.080.521.596)	(980.197.080)	(21.559.056.418)
Xóa sổ	(20.311.838.036)	-	-	-	(20.311.838.036)
Số dư cuối năm	12.544.546.167	4.044.983.386	6.930.115.743	23.488.019.512	47.007.664.808
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	1.228.241.435	9.546.491.942	6.573.898.768	17.348.632.145
Số dư cuối năm	-	5.759.569.067	11.840.286.543	4.203.271.545	21.803.127.155

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 37.580 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 64.934 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Nhãn hiệu VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	290.070.719.660	636.363.636	290.707.083.296
Tăng trong năm	208.820.000	-	208.820.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.816.329.800	-	1.816.329.800
Số dư cuối năm	292.095.869.460	636.363.636	292.732.233.096
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	260.491.542.525	636.363.636	261.127.906.161
Khấu hao trong năm	20.507.659.995	-	20.507.659.995
Số dư cuối năm	280.999.202.520	636.363.636	281.635.566.156
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	29.579.177.135	-	29.579.177.135
Số dư cuối năm	11.096.666.940	-	11.096.666.940

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản cố nguyên giá 258.975 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 13.049 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2023 VND
Số dư đầu năm	10.056.248.115
Tăng trong năm	13.058.030.930
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.555.937.298)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.816.329.800)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.110.772.971)
	<hr/>
Số dư cuối năm	9.631.238.976

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Máy móc và thiết bị	4.758.101.076	5.479.158.751
Khác	4.873.137.900	4.577.089.364
	<hr/>	<hr/>
	9.631.238.976	10.056.248.115

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	21.878.254.990
Tăng trong năm	18.036.562.440
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.110.772.971
Phân bổ trong năm	(24.378.600.061)
Thanh lý	(526.270.160)
	<hr/>
Số dư cuối năm	17.120.720.180

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng phải trả	275.012.184.841	152.534.227.134
Chi phí kho vận phải trả	19.743.801.488	17.253.390.773
Chiết khấu thương mại phải trả	9.023.342.566	9.889.377.519
Chi phí phải trả khác	43.831.042.453	16.210.935.485
	347.610.371.348	195.887.930.911

15. Phải trả người bán

	31/12/2023 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2023 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan	1.762.372.924.260	1.779.573.106.709
Phải trả các bên thứ ba	199.097.307.059	140.944.449.229
	1.961.470.231.319	1.920.517.555.938

Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong 90 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ/Hoàn lại VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	26.975.117.907	2.618.345.042.837	(144.406.503.352)	(2.463.976.756.002)	36.936.901.390
Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.608.528.602	454.426.224.554	(291.591.153.795)	-	228.443.599.361
Thuế thu nhập cá nhân	4.557.020.337	102.616.557.849	(90.196.672.211)	(11.210.630.128)	5.766.275.847
Các loại thuế khác	42.746.133	40.322.461.203	(40.111.546.194)	-	253.661.142
	97.183.412.979	3.215.710.286.443	(566.305.875.552)	(2.475.187.386.130)	271.400.437.740

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí phải trả**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	1.375.060.924.203	762.671.135.672
Thưởng và lương tháng 13	137.770.515.467	107.610.192.940
Chi phí trưng bày	105.239.342.264	30.866.532.380
Chi phí kho vận	98.719.007.442	86.266.953.864
Phải trả mua hàng hóa	70.362.156.376	61.746.112.358
Chiết khấu thương mại	45.116.712.831	49.446.887.596
Chi phí công nghệ thông tin	36.874.662.212	23.662.966.359
Chi phí lãi vay	11.260.178.079	22.562.813.696
Chi phí nghiên cứu thị trường	11.072.022.038	6.997.977.043
Chi phí khác	66.342.668.638	18.583.099.985
	<hr/> 1.957.818.189.550	<hr/> 1.170.414.671.893

18. Phải trả khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	48.033.250.000	-
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	2.032.065.855	6.330.259.562
Cổ tức phải trả	6.678.110.100	4.681.469.100
Phải trả khác	95.628.636.901	79.787.008.776
	<hr/> 152.372.062.856	<hr/> 90.798.737.438

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	26.773.452.773	27.296.550.786

19. Vay ngắn hạn

	1/1/2023		Biến động trong năm		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	4.479.000.000.000	4.479.000.000.000	17.520.000.000.000	(16.154.000.000.000)	5.845.000.000.000	5.845.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	2,8% – 4,1%	5.845.000.000.000	4.479.000.000.000

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	7.267.938.180.000	3.560.554.240.858	(994.666.327.121)	8.493.873.482.072	18.327.699.575.809
Phát hành cổ phiếu	6.680.610.000	49.774.575.000	-	-	56.455.185.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	5.383.834.648.255	5.383.834.648.255
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(994.666.327.121)	13.877.708.130.327	23.767.989.409.064
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	6.261.139.169.183	6.261.139.169.183
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(3.224.459.209.500)	(3.224.459.209.500)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(994.666.327.121)	16.914.388.090.010	26.804.669.368.747

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	727.461.879	7.274.618.790.000	727.461.879	7.274.618.790.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	10.915.388	994.666.327.121	10.915.388	994.666.327.121
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	716.546.491	7.165.464.910.000	716.546.491	7.165.464.910.000
Thặng dư vốn cổ phần		3.610.328.815.858		3.610.328.815.858

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động số cổ phiếu đang lưu hành trong năm như sau:

	2023		2022	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm				
– hiện đang lưu hành	716.546.491	7.165.464.910.000	715.878.430	7.158.784.300.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	-	-	668.061	6.680.610.000
Số dư cuối năm				
– hiện đang lưu hành	716.546.491	7.165.464.910.000	716.546.491	7.165.464.910.000

22. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông Thường niên và Hội đồng Quản trị của Công ty lần lượt vào ngày 24 tháng 4 năm 2023 và ngày 7 tháng 7 năm 2023 đã thông qua việc chi trả tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt với số tiền là 3.224.459 triệu VND (2022: không).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng 1 năm	123.056.905.548	51.350.800.733
Trong vòng 2 đến 5 năm	160.257.108.831	23.035.920.000
	283.314.014.379	74.386.720.733

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	25.078.315.274	7.372.187.527
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	22.522.796.589	2.696.498.216
	47.601.111.863	10.068.685.743

(c) Ngoại tệ

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.032.872	24.892.206.283	84.667	1.982.058.684
		24.892.206.283		1.982.058.684

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2023 VND	2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	27.480.733.505.435	26.322.035.569.862
▪ Doanh thu khác và cung cấp dịch vụ	64.762.324.588	5.742.212.205
	<hr/> 27.545.495.830.023	<hr/> 26.327.777.782.067
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	85.435.343.361	82.995.484.789
▪ Hàng bán bị trả lại	54.385.790.532	107.529.810.601
	<hr/> 139.821.133.893	<hr/> 190.525.295.390
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 27.405.674.696.130	<hr/> <hr/> 26.137.252.486.677

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2023 VND	2022 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng đã bán	21.235.406.003.243	20.442.178.158.355
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	40.432.723.338	37.667.716.245
	<hr/> 21.275.838.726.581	<hr/> 20.479.845.874.600

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận được phân phối từ các công ty con	5.051.818.630.927	4.346.526.609.804
Lãi tiền gửi ngân hàng, chứng khoán kinh doanh và hoạt động đầu tư khác	926.437.755.829	372.104.822.875
Thu nhập lãi từ các khoản cho các bên liên quan vay	394.778.919.969	278.847.218.913
Thu nhập lãi từ khoản cho một bên thứ ba vay	1.910.958.904	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	26.126.538.132	10.041.843.538
	6.401.072.803.761	5.007.520.495.130

27. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	302.670.803.869	166.463.153.474
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.569.201.355	25.103.881.773
Chi phí khác	15.626.243.003	16.664.529.597
	333.866.248.227	208.231.564.844

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	3.574.166.789.532	2.878.548.050.159
Chi phí kho vận	726.286.713.810	800.947.226.798
Chi phí nhân viên	465.391.456.455	447.748.184.436
Chi phí trung bày	160.955.638.969	45.816.632.628
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	27.770.287.131	48.842.622.142
Chi phí nghiên cứu thị trường	42.710.529.037	13.647.960.852
Chi phí khác	62.947.436.276	61.772.516.268
	5.060.228.851.210	4.297.323.193.283

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	277.803.557.518	266.475.966.897
Chi phí thuê văn phòng	53.415.285.476	68.122.834.206
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	72.378.776.519	56.636.893.232
Chi phí nghiên cứu và phát triển	49.672.587.934	38.241.793.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.843.076.218	22.597.387.527
Chi phí khác	107.793.908.408	59.147.825.710
	574.907.192.073	511.222.701.408

30. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí hàng hóa và thành phẩm đã bán	21.235.406.003.243	20.442.178.158.354
Chi phí nhân viên	743.195.013.973	714.224.151.333
Chi phí khấu hao	25.749.863.757	40.186.081.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.710.207.612.538	3.950.804.013.853
Chi phí khác	196.416.276.353	140.999.364.036

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	454.426.224.554	196.992.138.815
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(151.722.440.437)	64.993.473.619
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	302.703.784.117	261.985.612.434

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (*)	6.563.842.953.300	5.645.820.260.689
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.312.768.590.660	1.129.164.052.138
Thu nhập không chịu thuế	(1.010.363.726.185)	(869.305.321.961)
Chi phí không được khấu trừ thuế	298.919.642	2.126.882.257
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	302.703.784.117	261.985.612.434

(*) Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty bao gồm 5.051.819 triệu VND (2022: 4.346.527 triệu VND) lợi nhuận được phân phối từ các công ty con không chịu thuế.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian cũng như từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể là đáng kể.



32. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Bán hàng hóa và dịch vụ	137.082.611	203.421.872	-	18.881.346
	Phí hỗ trợ quản lý	882.162.425	6.961.885.607	-	10.088.159.277
	Phân bổ phí dịch vụ	11.372.386.989	-	(11.288.691.491)	-
Các công ty mẹ cấp cao					
Công ty TNHH The Sherpa	Bán hàng hóa	26.123.151	-	17.160.001	-
Công ty Cổ phần The CrownX	Bán hàng hóa	88.863.896	-	97.750.286	-
	Mua dịch vụ	19.177.897.430	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	-	6.184.540.884	-	(6.679.304.155)
Công ty mẹ					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cổ tức đã công bố	3.021.089.152.500	-	-	-
	Cổ tức đã trả thông qua việc cản trừ với các khoản cho vay và lãi cho vay phải thu từ các bên liên quan	3.002.364.736.327	-	-	-
	Cổ tức đã trả bằng tiền	18.724.416.173	-	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Các công ty con					
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Phân phối lợi nhuận	4.943.570.174.513	4.281.703.539.804	3.778.235.817.339	4.506.802.740.225
	Góp vốn	75.500.000.000	349.500.000.000	-	-
	Giám vốn	-	200.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Masan Innovation	Góp vốn	-	29.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Masan HPC	Phân phối lợi nhuận	47.964.654.792	58.518.150.000	47.964.654.792	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	Bán hàng hóa	114.723.227.378	101.237.611.022	-	-
	Mua hàng hóa	1.990.467.436.971	1.981.670.061.868	(184.318.041.774)	(160.111.502.850)
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	Bán hàng hóa	298.425.553.549	279.965.616.513	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	5.632.627.899.572	5.588.209.800.975	(272.161.722.194)	(130.853.574.311)
	Cho vay	190.000.000.000	898.243.410.521	1.699.000.000.000	2.984.825.282.113
	Thu nhập lãi cho vay	198.456.041.308	139.620.424.395	125.675.616.437	-
	Phí hỗ trợ quản lý	376.687.368	62.941.589	(406.822.357)	(67.590.811)
	Thu hồi khoản cho vay và lãi cho vay phải thu thông qua việc cần trừ với cổ tức phải trả	1.548.605.706.984	-	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	Bán hàng hóa	250.677.222.268	242.713.830.983	-	-
	Mua hàng hóa	5.833.256.327.882	5.259.612.198.967	(264.180.518.295)	(380.597.471.566)
	Cho vay	-	985.436.150.679	1.600.000.000.000	2.985.436.150.679
	Thu nhập lãi cho vay	196.322.878.661	129.999.999.998	127.999.999.997	-
	Thu hồi khoản cho vay và lãi cho vay phải thu thông qua việc cản trừ với cổ tức phải trả	1.453.759.029.343	-	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	Bán hàng hóa	196.539.987.782	129.200.164.379	-	-
	Mua hàng hóa	3.388.478.792.457	2.335.612.071.870	(238.567.718.287)	(401.208.775.828)
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Bán hàng hóa	2.287.600	11.804.068	-	6.305.753
Công ty Cổ phần Masan PQ	Bán hàng hóa	17.531.807	4.974.082	-	-
	Mua hàng hóa	44.542.800	194.503.560	-	(208.521.844)
Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngự Phú Quốc	Bán hàng hóa	1.159.264.346	1.522.863.910	-	-
	Mua hàng hóa	117.041.020.192	86.425.569.590	(40.318.832.834)	(43.200.305.978)
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Phân phối lợi nhuận	60.283.801.622	6.304.920.000	60.283.801.622	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	Bán hàng hóa	65.285.472.416	50.075.265.565	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.018.909.427.383	1.865.485.884.596	(307.863.278.749)	(382.201.922.442)
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hào	Bán hàng hóa	286.141.253	118.967.091	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	470.523.034.354	493.369.145.751	(65.696.101.027)	(25.649.750.928)
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	Bán hàng hóa	86.863.312	87.123.215	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	244.886.322.986	258.746.205.469	(54.943.741.944)	(54.825.739.012)
Masan Consumer (Thailand) Limited	Bán hàng hóa	45.313.834.169	56.784.491.291	16.346.435.761	-
Công ty Cổ phần Bột giặt NET	Bán hàng hóa	35.149.077.903	68.153.079.512	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	441.400.060.021	236.467.719.634	(50.191.064.962)	(59.286.912.372)
	Mua hộ nguyên vật liệu	-	63.983.041.871	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	3.996.446.998	-	-	-
Công ty TNHH Hi-Fresh	Bán hàng hóa	-	81.501.177	-	715.515
Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên Nghiệp Joins Pro	Bán hàng hóa	151.511.545	14.585.181	158.540.200	16.043.699



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Các bên liên quan khác					
Công ty Cổ phần Masan JinJu và chi nhánh (công ty con của Công ty tới tháng 9 năm 2022)	Bán hàng hóa	7.423.644.865	7.897.106.238	-	-
	Cung cấp dịch vụ phân phối	60.893.605.576	-	-	-
	Phải trả tiền bán hàng thu hộ của dịch vụ phân phối	-	-	(269.362.001.707)	-
	Phí hỗ trợ bán hàng và giao hàng của dịch vụ phân phối	92.907.267.069	-	-	-
	Mua hàng hóa	196.823.871	1.566.495.220.926	(99.716.423)	(130.267.562.017)
	Cho vay	-	291.000.000.000	-	-
	Thu hồi khoản cho vay bằng tiền	-	291.000.000.000	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	-	9.226.794.520	-	-
	Mua tài sản cố định	420.913.690	-	(463.005.059)	-
Công ty TNHH Masan Master Brewer	Bán hàng hóa	-	1.392.392	-	181.412
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Bán hàng hóa	34.363.397	6.877.823.784	-	3.086.982.491
	Mua hàng hóa	917.852.302	7.705.937.705	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	54.527.767.767	35.540.419.406	59.202.736.386	43.423.973.251
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	197.070.250	2.509.022.069	32.819.972	12.517.422
	Mua hàng hóa	2.982.000	834.620	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	-	-	-	2.654.132.879
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	121.575.798	55.737.068	15.179.972	12.191.338

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Masan Brewery MB	Đặt cọc thuê kho	12.327.201.917	54.871.988.576	67.199.190.493	54.871.988.576
	Mua dịch vụ	4.536.000.000	-	(2.289.836.809)	-
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Bán hàng hóa	28.951.509	35.686.364	2.178.000	5.576.728
	Phí hỗ trợ quản lý	21.867.558.287	40.311.911.535	24.054.314.116	44.338.995.834
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	Phí hỗ trợ quản lý	-	377.092.445	-	73.923.379
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Bán hàng hóa	112.735.556	1.191.782.999	-	79.417.000
	Mua hàng hóa	411.218.936	132.313.771	(397.587.600)	-
	Phí hỗ trợ quản lý	-	3.879.530.906	-	1.991.201.521
Công ty TNHH MEATDeli HN	Bán hàng hóa	95.926.205	1.522.457.239	174.339.055	6.480.000
	Mua hàng hóa	20.648.950	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	-	2.736.380.953	-	1.592.653.552
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	Bán hàng hóa	25.961.698	177.632.432	8.075.000	6.949.390
	Mua hàng hóa	2.686.152	4.404.000	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	-	184.581.341	-	147.846.759
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Bán hàng hóa	1.039.851.344	1.524.892.691	147.621.167	318.612.735
	Phí hỗ trợ quản lý	139.088.070	122.030.349	152.996.877	999.463.463

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	Bán hàng hóa và dịch vụ	1.469.292.745.412	1.113.291.788.103	629.796.071.880	254.845.548.436
	Bán tài sản cố định	931.320.407	-	1.024.452.448	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	359.928.127.540	212.927.232.933	-	(3.498.316.480)
	Phân bổ tiền thuê văn phòng	19.680.961.961	23.400.773.330	6.886.915.115	3.342.739.292
	Chiết khấu thanh toán và hỗ trợ bán hàng khác phải trả	23.101.616.176	19.166.264.098	-	-
	Phải thu thu hộ cho dịch vụ phân phối	-	-	67.572.186.586	-
	Phải thu khác	-	-	17.000.000	17.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Wineco	Bán hàng hóa	-	-	-	7.572.247
	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	9.542.463	-	-
	Phân bổ tiền thuê văn phòng	703.008.870	811.032.816	234.007.780	74.344.675
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	Bán hàng hóa	1.410.396.721	1.111.876.205	312.363.921	172.941.899
	Mua hàng hóa	1.476.424.549	7.986.469.535	(660.960.000)	(787.784.400)
	Phí hỗ trợ quản lý	1.438.215.492	1.889.883.833	1.553.272.731	2.041.074.540
Công ty Cổ phần Mobicast	Bán hàng hóa	-	9.238.570	-	9.977.656
	Mua dịch vụ	4.656.843.114	3.915.789.415	(221.830.348)	(132.898.031)
Công ty Cổ phần The Supra	Bán hàng hóa	238.214.559	126.046.020	23.389.399	13.376.167
	Mua dịch vụ	319.745.900	258.418.020	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.650.296.993	747.895.144	1.782.320.752	807.726.756

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương (*)	Mua chứng khoán kinh doanh	1.993.875.585.603	1.357.768.622.282	-	-
	Bán chứng khoán kinh doanh	800.427.122.282	557.341.500.000	-	-
Thành viên quản lý chủ chốt (**)	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	15.378.442.157	13.170.123.992	-	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty cũng có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”), một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

(**) Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không nhận thù lao cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty bảo lãnh cho các khoản vay ngân hàng của các bên liên quan với giá trị ghi sổ là 1.018 tỷ VND (1/1/2023: 1.836 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng đã chi trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

Họ tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
Hội đồng Quản trị			
<i>Phí và thưởng</i>			
Ông Danny Le	Chủ tịch	-	-
Ông Trương Công Thắng	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên	-	-
Ủy ban Kiểm toán			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Bà Nguyễn Thu Hiền	Chủ tịch	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên	-	-
Ban Giám đốc			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc	7.000.474.708	6.592.776.987

33. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Trong tháng 12 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu cho nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") sau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên vào tháng 4 năm 2023. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc phát hành cổ phiếu phổ thông theo ESOP đã hoàn tất.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng này.

Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

THƯ ỦY QUYỀN

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2024

Kính gửi các cơ quan hữu quan,

Tôi, **WARRICK ANTONY CLEINE** (“Người Ủy Quyền”), Hộ chiếu số LT550250 cấp ngày 8 tháng 7 năm 2019 tại New Zealand, là Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật của **CÔNG TY TNHH KPMG** (“Công ty”) có địa chỉ tại Tầng 46 Tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, Tòa nhà 72 tầng, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, và đồng thời là Người đứng đầu **Chi nhánh Công ty TNHH KPMG** (“Chi nhánh”) có địa chỉ tại số 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, bằng văn bản này ủy quyền cho cá nhân sau đây (“Người Được Ủy Quyền”):

- Họ tên : **NELSON RODRIGUEZ CASIHAN**
- Hộ chiếu
 - + Số : **P8211209B**
 - + Ngày cấp : **20/11/2021**
 - + Nơi cấp : **Philippines**
- Chức vụ : **Phó Tổng Giám đốc**



với tư cách là người đại diện theo uỷ quyền của tôi để ký kết các văn bản, giấy tờ sau đây, kể cả các văn bản được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung của các văn bản, giấy tờ này:

- các hồ sơ/thư đề xuất dịch vụ, hồ sơ dự thầu, các thư thỏa thuận cung ứng dịch vụ và các hợp đồng cung cấp các dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác với số tiền không vượt quá 5.000.000.000VND (bằng chữ: năm tỷ Đồng Việt Nam) cho mỗi giao dịch;
- các báo cáo kiểm toán, báo cáo soát xét và các báo cáo khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác; và
- các thư từ, trao đổi và thỏa thuận khác, bao gồm thư thỏa thuận với các nhà thầu thứ ba, có liên quan trực tiếp đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác với số tiền không vượt quá 2.000.000.000VND (bằng chữ: hai tỷ Đồng Việt Nam) cho mỗi giao dịch (không áp dụng cho các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ nói chung của Công ty hoặc của Chi nhánh mà không liên quan trực tiếp đến việc cung cấp một dịch vụ kiểm toán và/hoặc một dịch vụ có liên quan khác).



Thư Ủy Quyền này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024, trừ trường hợp bị chấm dứt trước thời hạn hoặc được gia hạn thêm bởi thông báo khác bằng văn bản của tôi.

Thư Ủy Quyền này được lập thành năm (05) bản tiếng Việt và năm (05) bản tiếng Anh, có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

Người Ủy Quyền



WARRICK ANTONY CLEINE

Người Được Ủy Quyền

NELSON RODRIGUEZ CASIHAN



CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
05QT2 5 1 9 Quyển số 02 / 2024 -SCT
Ngày 29 tháng 02 năm 2024
TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP QUẬN 1



Nguyễn Diệp Bích Khanh

GIẤY ỦY QUYỀN

BÊN ỦY QUYỀN:

Ông : **TRƯƠNG CÔNG THẮNG**

Chức danh : Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:

Bà : **NGUYỄN HOÀNG YẾN**

CCCD số : 001163038116, Ngày cấp: 07/06/2023, nơi cấp: Cục CS QL HC về TTXH.

NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Điều 1. Bên Ủy quyền theo đây ủy quyền cho Bên Nhận ủy quyền và Bên Nhận ủy quyền đồng ý nhận ủy quyền thực hiện các công việc sau:

STT	Lĩnh vực	Diễn giải
1	Tài chính – Ngân hàng	<p>1.1. Toàn quyền quản lý, điều hành và sử dụng tài khoản tại Ngân hàng theo chính sách/quy định chung của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền sau:</p> <p>1.1.1. Thực hiện các yêu cầu mở tài khoản, đóng tài khoản và thực hiện tất cả các giao dịch liên quan đến mở tài khoản tại các Ngân hàng (bao gồm nhưng không giới hạn: thay đổi thông tin tài khoản, thông tin dịch vụ ngân hàng điện tử; truy vấn thông tin giao dịch liên quan đến các tài khoản; thay đổi thông tin liên quan hồ sơ pháp lý như thay đổi giấy phép kinh doanh, điều lệ, thay đổi mẫu dấu, ...);</p> <p>1.1.2. Ký kết các Hợp đồng, thỏa thuận, hồ sơ, chứng từ liên quan đến tất cả các dịch vụ tài khoản (bao gồm nhưng không giới hạn: dịch vụ thẻ, SMS, dịch vụ ngân hàng điện tử, giao dịch qua Fax/Email, công văn phí giao dịch ngân hàng, ...)</p> <p>1.1.3. Ký kết các Hợp đồng trả lương, Hợp đồng/thỏa thuận dịch vụ/gói giải pháp tại Ngân hàng;</p> <p>1.1.4. Ký kết và phê duyệt các đề nghị trả nợ trước hạn/đến hạn khoản vay, trích tiền từ tài khoản thanh toán để trả nợ gốc, lãi vay, phí và các chi phí khác;</p>

		<p>1.1.5. Ký kết các công văn yêu cầu cung cấp hay xác nhận số dư với Ngân hàng; đối chiếu giao dịch và/hoặc số dư với Khách hàng, nhà cung cấp, Bên liên quan theo yêu cầu của Kiểm toán hay cơ quan chức năng.</p>
		<p>1.2. Ký kết các Hợp đồng mua bán ngoại tệ (spot, swap, hedging, option, future, ...) theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.3. Ký kết và thực hiện các Hợp đồng tiền gửi, các thư rút trước hạn hợp đồng tiền gửi – không kể giá trị/loại tiền/kỳ hạn theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.4. Ký kết các hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.5. Ký kết các biên bản định giá/tái định giá tài sản thế chấp, các biên bản bàn giao chứng từ cầm cố thế chấp, các báo cáo cập nhật tình hình tài sản thế chấp khi Ngân hàng yêu cầu; các chứng từ đăng ký giao dịch đảm bảo với cơ quan chức năng;</p>
		<p>1.6. Ký kết các hợp đồng tín dụng lần đầu cấp hạn mức và các sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) được phê duyệt theo Nghị quyết/Quyết định, quy chế công ty; ký kết các hợp đồng liên quan định kỳ gia hạn hàng năm để bổ sung vốn lưu động nếu hạn mức không đổi theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.7. Ký kết các hợp đồng, hồ sơ, chứng từ liên quan đến tín dụng, vay vốn (bao gồm phát hành thư tín dụng, phát hành thư bảo lãnh, chiết khấu bộ chứng từ, giấy nhận nợ, gia hạn nợ, thay đổi lãi suất, ...); liên quan đến cầm cố thế chấp tài sản theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.8. Ký kết và tái ký định kỳ hằng năm các hợp đồng khung liên quan chương trình Ngân hàng hỗ trợ nhà phân phối, nhà cung cấp theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.9. Đại diện làm việc, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại với Ngân hàng (nếu có);</p>
		<p>1.10. Ký kết các báo cáo định kỳ hàng quý cung cấp cho Ngân hàng để xếp hạng tín dụng;</p>
		<p>1.11. Ký các công văn, giấy tờ, báo cáo liên quan đến Tài chính (như Báo cáo tài chính, báo cáo tài chính soát xét và kiểm toán, ...); và thư từ khác gửi đến cơ quan có thẩm quyền liên quan đến các nội dung này.</p>
		<p>1.12. Chứng thực bản sao từ bản chính các tài liệu cung cấp cho Ngân hàng theo đúng quy định của Pháp luật và quy chế văn thư lưu trữ của Công ty.</p>
		<p>1.13. Ký các hồ sơ, giấy tờ liên quan tới: Các thủ tục đăng ký thuế, báo cáo thuế, thanh kiểm tra thuế bao gồm các tờ khai thuế, thông báo thuế, biên</p>

3021
CƠ
CƠ
NG
M
7-7

		<p>bản làm việc, công văn giải trình và các thư từ khác gửi cơ quan có thẩm quyền liên quan đến các nội dung này;</p> <p>1.14. Ký các giấy tờ phát sinh từ hoặc liên quan đến việc xác nhận/đối chiếu giao dịch và/hoặc số dư công nợ với Nhà cung cấp, Khách hàng và các Bên liên quan; nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí, các khoản phạt hành chính với cơ quan nhà nước.</p> <p>1.15. Thực hiện và ký kết các tài liệu nội bộ liên quan đến vấn đề phê duyệt tài chính, thanh toán;</p> <p>1.16. Ký kết danh mục tài sản định kỳ hàng quý cung cấp cho Công ty Bảo Hiểm để cập nhật giá trị mua bảo hiểm rủi ro hàng tồn kho và tài sản;</p> <p>1.17. Ký các hợp đồng, hồ sơ, chứng từ giao dịch khác tại Ngân hàng.</p>
2	Ký Hợp đồng và hồ sơ, tài liệu	<p>2.1. Đại diện Bên ủy quyền ký kết các hợp đồng, thỏa thuận, hồ sơ chứng từ phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Ký hồ sơ, văn bản chào giá cạnh tranh, mời thầu, lựa chọn nhà thầu, duyệt giá, ... liên quan đến hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ, công nghệ thông tin của Công ty; b. Ký các hợp đồng thương mại – mua/bán hàng hóa, dịch vụ, công nghệ thông tin; hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu; và tất cả các loại hợp đồng khác không kể giá trị; c. Ký hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ khác liên quan đến việc thực hiện hợp đồng (<i>biên bản giao nhận, nghiệm thu, thanh lý, tờ khai xuất nhập khẩu, ...</i>); d. Ký các công văn, giấy tờ (bao gồm các giấy tờ liên quan tới: Công bố thông tin; báo cáo tài chính, báo cáo thuế, báo cáo kiểm toán, ...); thư từ, giấy giới thiệu, đơn, xin giấy phép, đăng ký sản phẩm; các hồ sơ, tài liệu, thủ tục liên quan đến nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, quyền tác giả và các quyền sở hữu trí tuệ khác, quảng cáo, khuyến mại, vệ sinh an toàn thực phẩm; tờ khai xuất khẩu; sao y bản chính tài liệu và các văn bản hành chính khác; e. Ký các hợp đồng, tài liệu liên quan đến việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp của Công ty trong các doanh nghiệp khác và các hồ sơ đăng ký liên quan; f. Ký các cam kết với các đối tác, khách hàng. <p>2.2. Thanh toán các nghĩa vụ Hợp đồng, thỏa thuận, các nghĩa vụ thuế, phí, các nghĩa vụ tài chính khác với các bên thứ Ba liên quan và/hoặc cơ quan Nhà nước.</p>
3	Lao động	Ký kết Hợp đồng lao động, các Quyết định tuyển dụng, chuyển chuyên, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, tạm đình chỉ công việc, nghỉ việc, chấm dứt Hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, cam kết minh bạch đối với nhân viên trong Công ty.
4	Đại diện làm việc với Bên Thứ ba	Đại diện làm việc, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại với đối tác, người tiêu dùng và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật; đưa ra các ý kiến, giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu; ký và đóng dấu công ty lên các văn bản trong quá trình làm việc với các Bên thứ ba nêu trên.
5	Khác	Ký và thực hiện các quyết định đầu tư tài sản cố định theo thẩm quyền quy định trong quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty.



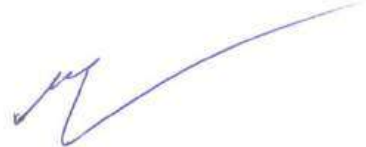
	Các quyết định thanh lý, hủy tài sản cố định, hàng hóa, nguyên vật liệu: Theo thẩm quyền quy định trong quy chế nội bộ và Điều lệ Công ty.
--	---

Điều 2: Bên Nhận ủy quyền có trách nhiệm thực hiện những công việc trong phạm vi ủy quyền và theo chính sách/quy định chung của Công ty (nếu có), được phép ủy quyền lại nội dung Mục 1, Mục 2.1.a, 2.1.b, 2.1.c, 2.1.d, 2.1.f, Mục 4, Mục 5 Điều 1 cho Bên Thứ ba và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền lại trước Bên ủy Quyền.

Điều 3: Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 31/12/2024 hoặc khi có Thông báo/Giấy ủy quyền thay thế hoặc hủy bỏ giấy ủy quyền này. Giấy ủy quyền được lập thành 03 (ba) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.


TRƯƠNG CÔNG THẮNG

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN



NGUYỄN HOÀNG YẾN





**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 31 tháng 1 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Quang
Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Bà Nguyễn Thu Hiền

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Bà Nguyễn Thu Hiền
Ông Nguyễn Thiệu Quang

Chủ tịch
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Phạm Hồng Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 67 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2024





KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 67.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00976-24-02



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2024



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		23.921.695.273.733	26.092.449.023.518
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.789.870.873.591	5.588.278.453.404
Tiền	111		159.897.624.135	93.843.655.219
Các khoản tương đương tiền	112		5.629.973.249.456	5.494.434.798.185
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.908.122.525.558	1.403.814.717.880
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	2.592.779.525.558	1.202.171.717.880
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	2.315.343.000.000	201.643.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.989.266.253.040	16.526.609.661.885
Phải thu của khách hàng	131	7	1.068.837.859.281	663.867.546.603
Trả trước cho người bán	132		297.602.347.854	328.055.851.416
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	3.492.430.547.940	6.047.191.980.732
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	6.130.395.497.965	9.487.494.283.134
Hàng tồn kho	140	10	2.178.374.332.996	2.501.747.857.460
Hàng tồn kho	141		2.220.500.505.262	2.531.009.688.650
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(42.126.172.266)	(29.261.831.190)
Tài sản ngắn hạn khác	150		56.061.288.548	71.998.332.889
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.261.335.004	21.864.190.200
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.879.347.121	46.519.568.421
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.920.606.423	3.614.574.268

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		16.630.993.661.720	7.424.194.062.002
Các khoản phải thu dài hạn	210		9.338.160.677.026	192.573.706.896
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	9.338.160.677.026	192.573.706.896
Tài sản cố định	220		5.552.374.681.907	5.092.592.979.450
Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.789.111.012.429	4.256.149.930.619
Nguyên giá	222		9.619.243.660.832	8.642.295.346.974
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.830.132.648.403)	(4.386.145.416.355)
Tài sản cố định vô hình	227	12	763.263.669.478	836.443.048.831
Nguyên giá	228		2.397.933.897.522	2.396.630.305.722
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.634.670.228.044)	(1.560.187.256.891)
Bất động sản đầu tư	230	13	5.749.808.978	7.359.461.196
Nguyên giá	231		18.627.973.918	18.627.973.918
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(12.878.164.940)	(11.268.512.722)
Tài sản dở dang dài hạn	240		275.199.403.100	810.614.752.363
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	275.199.403.100	810.614.752.363
Đầu tư tài chính dài hạn	250		294.757.072.601	249.391.858.906
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	6(c)	294.757.072.601	249.391.858.906
Tài sản dài hạn khác	260		1.164.752.018.108	1.071.661.303.191
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	644.959.073.099	667.880.246.079
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	394.126.932.594	250.748.144.987
Lợi thế thương mại	269	17	125.666.012.415	153.032.912.125
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		40.552.688.935.453	33.516.643.085.520

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		14.177.129.757.033	11.070.997.878.366
Nợ ngắn hạn	310		13.728.746.969.395	10.061.228.330.556
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	2.023.711.673.115	1.495.519.562.993
Người mua trả tiền trước	312		66.137.653.839	57.801.371.025
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19	593.031.958.022	225.676.023.072
Phải trả người lao động	314		279.692.397	587.599.793
Chi phí phải trả	315	20	2.385.300.904.155	1.521.371.528.492
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	163.606.696.919	106.179.705.073
Vay ngắn hạn	320	22(a)	8.468.802.865.360	6.626.217.014.520
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		27.875.525.588	27.875.525.588
Nợ dài hạn	330		448.382.787.638	1.009.769.547.810
Phải trả người bán dài hạn	331	18	19.288.737.000	24.324.232.000
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	30.438.053.506	31.756.586.755
Vay dài hạn	338	22(b)	227.387.827.971	774.748.996.895
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	159.914.589.911	166.878.229.906
Dự phòng phải trả dài hạn	342		11.353.579.250	12.061.502.254
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		26.375.559.178.420	22.445.645.207.154
Vốn chủ sở hữu	410	23	26.375.559.178.420	22.445.645.207.154
Vốn cổ phần	411	24	7.274.618.790.000	7.274.618.790.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	24	3.610.328.815.858	3.610.328.815.858
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(265.775.657.006)	(265.775.657.006)
Cổ phiếu quỹ	415	24	(994.666.327.121)	(994.666.327.121)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		8.323.564.190	7.418.664.660
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.731.972.844	22.731.972.844
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.124.127.868.061	12.263.423.092.167
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.038.963.882.667	6.816.958.384.098
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		7.085.163.985.394	5.446.464.708.069
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		595.870.151.594	527.565.855.752
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		40.552.688.935.453	33.516.643.085.520

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:


 Phan Thị Thủy Hoa
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Huỳnh Việt Thăng
 Giám đốc Tài chính




 Nguyễn Hoàng Yên
 Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	28.395.714.292.201	27.178.348.373.405
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	154.721.659.364	201.075.203.377
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	27	28.240.992.632.837	26.977.273.170.028
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	15.266.624.295.107	15.845.758.614.044
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		12.974.368.337.730	11.131.514.555.984
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	1.853.512.410.411	934.533.482.162
Chi phí tài chính	22	30	538.028.288.437	385.172.202.557
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		485.285.780.065	307.330.035.566
Phần lãi trong một công ty liên kết	24	6(c)	58.661.298.695	13.296.085.000
Chi phí bán hàng	25	31	5.328.084.292.551	4.527.142.745.516
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	925.673.676.418	900.917.485.901
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		8.094.755.789.430	6.266.111.689.172
Thu nhập khác	31		9.577.037.619	3.300.140.266
Chi phí khác	32		5.486.220.370	26.050.918.673
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.090.817.249	(22.750.778.407)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.098.846.606.679	6.243.360.910.765
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	1.055.018.789.136	669.373.615.088
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(150.342.427.602)	41.180.186.596
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		7.194.170.245.145	5.532.807.109.081

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2023	2022
	số	minh	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang từ trang trước)	60		7.194.170.245.145	5.532.807.109.081
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		7.085.163.985.394	5.451.118.633.692
Cổ đông không kiểm soát	62		109.006.259.751	81.688.475.389
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	9.888	7.612

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:


 Phan Thị Thúy Hoa
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Huỳnh Việt Thăng
 Giám đốc Tài chính


 Nguyễn Hoàng Yên
 Đại diện theo ủy quyền



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	8.098.846.606.679	6.243.360.910.765
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	655.993.278.154	814.270.399.742
Các khoản dự phòng	03	108.026.674.230	76.909.069.186
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.499.315.770	(88.121.775)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý, xóa sổ tài sản cố định và khoản đầu tư vào một công ty con	05	(7.562.851)	7.621.992.370
Thu nhập lãi và thu nhập khác từ các hoạt động đầu tư	05	(1.808.788.060.961)	(899.616.238.833)
Lợi nhuận được chia từ một công ty liên kết	05	(58.661.298.695)	(13.296.085.000)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06	488.321.280.057	310.203.035.562
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	7.486.230.232.383	6.539.364.962.017
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(405.613.326.371)	(83.797.854.940)
Biến động hàng tồn kho	10	214.638.927.230	(323.700.694.346)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	1.526.486.553.528	(1.397.713.341.246)
Biến động chi phí trả trước	12	52.889.237.750	41.017.991.792
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	(1.390.607.807.678)	(1.202.171.717.880)
		7.484.023.816.842	3.572.999.345.397
Tiền lãi vay đã trả	14	(496.972.593.124)	(294.397.896.986)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(731.465.659.511)	(789.711.507.804)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(4.697.076.597)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.255.585.564.207	2.484.192.864.010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(573.174.002.924)	(1.243.183.928.156)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	3.885.569.813	3.638.838.655
Tiền chi cho vay	23	(826.000.000.000)	(190.000.000.000)
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền chi cho các hoạt động đầu tư khác	23	(27.315.650.815.035)	(11.061.143.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	519.500.000.000	-
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền thu hồi các hoạt động đầu tư khác	24	19.620.210.815.035	2.013.875.000.000
Tiền thuần từ ngừng hợp nhất khoản đầu tư vào một công ty con và giao dịch với các cổ đông không kiểm soát	26	-	240.054.419.416
Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay, các khoản đầu tư khác và cổ tức	27	1.483.406.845.017	964.303.835.358
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.087.821.588.094)	(9.272.454.834.727)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	56.455.185.000
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ở công ty con	31	-	38.345.000.000
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	22.927.569.362.282	19.834.325.634.311
Tiền trả nợ gốc vay ngân hàng	34	(21.632.256.415.020)	(20.452.689.345.551)
Tiền chi trả cổ tức của Công ty và các công ty con	36	(261.545.703.173)	(113.973.663.980)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.033.767.244.089	(637.537.190.220)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	201.531.220.202	(7.425.799.160.937)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5.588.278.453.404	13.013.125.962.658
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(11.322.170)	(35.107.277)
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	61	72.522.155	986.758.960
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	5.789.870.873.591	5.588.278.453.404

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2023	2022
	VND	VND
Thu hồi các khoản cho vay và lãi phải thu thông qua việc cần trừ với cổ tức phải trả	3.002.364.736.327	-
Chuyển đổi số dư lãi phải thu thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay	-	1.770.610.109.140

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính




Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn, nước khoáng; mua bán sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình; và cung cấp dịch vụ phân phối theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 17 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2023: 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 17 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết). Thông tin về các công ty con và công ty liên kết được mô tả như sau:

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2023	1/1/2023	31/12/2023	1/1/2023
Các công ty con sở hữu trực tiếp							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
3	Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”)	Kinh doanh và phân phối	Số 83, Lầu 4, Đường Amnuay Songkhram, Tiểu khu Tanon Nakornchaisri, Quận Dusit, Bangkok, Thái Lan.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Masan HPC	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
5	Công ty TNHH Masan Innovation	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2023	1/1/2023	31/12/2023	1/1/2023
Các công ty con sở hữu gián tiếp							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	(i) Sản xuất gia vị và nước uống đóng chai	Lô III-10, Đường số 1, Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
3	Công ty Cổ phần Masan PQ	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Masan Long An	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Ấp 2, Xã Thạnh Hòa, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
5	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	(i) Sản xuất thực phẩm tiện lợi và gia vị	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
6	Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì và đồ uống	Khu B, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Long, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2023	1/1/2023	31/12/2023	1/1/2023
7	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì và đồ uống	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
8	Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
9	Công ty TNHH Masan HN	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi, gia vị và bao bì	Lô CN-08 và CN-14, Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cường, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
10	Công ty TNHH Masan HG 2	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi, đồ uống, gia vị và bao bì	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Phường Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
11	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	98,79%	98,79%	98,79%	98,79%
12	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống và bao bì	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	89,52%	89,52%	89,52%	89,52%
13	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	(iii) Sản xuất đồ uống	Km 37, Xa lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	89,52%	89,52%	99,999%	99,999%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2023	1/1/2023	31/12/2023	1/1/2023
14	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Nhóm 3A, Khu 4, Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.	65,85%	65,85%	65,85%	65,85%
15	Công ty Cổ phần Bột giặt NET	(v) Sản xuất và kinh doanh sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	Đường D4, Khu Công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	52,25%	52,25%	52,25%	52,25%
16	Công ty TNHH Hi-Fresh	(v) Kinh doanh và phân phối (vi)	Tầng 8, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
17	Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên nghiệp Joins Pro	(vi) Cung cấp dịch vụ giặt ủi	Tầng 8, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	(i) Sản xuất và kinh doanh gia vị	Lô C40 – 43/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	32,83%	32,83%	32,83%	32,83%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các công ty con và công ty liên kết này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan.
- (ii) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage.
- (iii) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.
- (iv) Công ty Cổ phần Bột giặt NET được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Masan HPC.
- (v) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Masan Innovation.
- (vi) Do thay đổi trong định hướng kinh doanh, trong tháng 6 năm 2023, Chủ tịch của Công ty TNHH Masan Innovation, công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty, đã phê duyệt quyết định về việc giải thể Công ty TNHH Hi-Fresh. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, việc giải thể đã được hoàn tất.

Trong năm, theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-DHĐCĐ-MSK của các Cổ đông của Công ty tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2023, các cổ đông của Công ty đã thông qua phương án sáp nhập Công ty vào Công ty TNHH Masan Consumer Holdings, công ty mẹ của Công ty. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc sáp nhập vẫn chưa diễn ra.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Tất cả các công ty con khác và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 5.061 nhân viên (1/1/2023: 5.211 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu được từ hoặc chi cho giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 202”), các chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...). Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư tài chính dài hạn) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch và số dư được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch, số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá phí mua và giá trị thuần của tài sản được mua được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả của việc áp dụng Thông tư 202, những chênh lệch này được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ các giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc khi các công ty được thành lập vào ngày sau ngày bắt đầu của các kỳ báo cáo trình bày gần nhất, cho các giai đoạn từ ngày thành lập đến hết ngày kết thúc các kỳ báo cáo tương ứng.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(vii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Lợi thế thương mại phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 3(1)). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn. Lỗ lũy kế được tính toán từ lỗ thuần đã được quy đổi. Doanh thu, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ trong năm của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài sang VND được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi cho giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 35 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 19 năm đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng cố liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 năm đến 10 năm.

(iii) Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 17 năm đến 30 năm.

101
N
P
157

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) *Nhãn hiệu*

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 10 năm.

Giá trị hợp lý của nhãn hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 10 năm đến 30 năm. Giá trị hợp lý của nhãn hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu nhãn hiệu đó.

(v) *Quan hệ khách hàng*

Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 5 năm đến 15 năm.

(vi) *Tài nguyên nước khoáng*

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá chào bán/giá giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 10 năm đến 37 năm.

(i) *Bất động sản đầu tư cho thuê*

(i) *Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc của công ty con. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 – 25 năm
- cơ sở hạ tầng 5 – 20 năm

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và lắp đặt tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước và phí sử dụng hạ tầng

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 42 năm đến 50 năm.

Phí sử dụng hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp. Phí sử dụng hạ tầng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng dao động từ 46 năm đến 47 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cho giai đoạn 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(iii) Chi phí sắp xếp khoản vay

Chi phí sắp xếp khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của các khoản vay liên quan.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(m) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(o) *Vốn chủ sở hữu*

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phân chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu*

Biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông không kiểm soát mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát cho giai đoạn trước ngày 1 tháng 1 năm 2015 được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

(iii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)*

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản từ các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê trong suốt thời hạn thuê.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu về cho vay và các hoạt động đầu tư khác và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các ngân hàng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn lần lượt được lập dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản thu nhập lãi liên quan, các khoản đầu tư và các thu nhập và chi phí phát sinh liên quan, các khoản vay và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của văn phòng chính Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào từng bộ phận.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn phân loại các bộ phận kinh doanh thành bốn bộ phận kinh doanh chính là thực phẩm, đồ uống, sản phẩm chăm sóc gia đình và cá nhân và các sản phẩm khác. Bộ phận Thực phẩm bao gồm gia vị và thực phẩm tiện lợi. Bộ phận kinh doanh khác bao gồm cho thuê nhà kho và các hoạt động khác.

	Thực phẩm		Đồ uống		Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình		Khác		Hợp nhất	
	2023 VND	2022 (*) VND	2023 VND	2022 (*) VND	2023 VND	2022 (*) VND	2023 VND	2022 (*) VND	2023 VND	2022 (*) VND
Tổng doanh thu của bộ phận - thuần	19.447.477.993.426	19.024.685.354.380	6.492.071.053.579	6.179.427.802.519	2.069.957.443.070	1.569.114.792.073	231.486.142.762	204.045.221.056	28.240.992.632.837	26.977.273.170.028
Kết quả kinh doanh của bộ phận	5.585.132.354.656	4.484.477.870.040	1.568.779.079.524	1.542.445.706.580	(88.301.645.840)	16.697.991.210	85.253.649.777	39.759.102.729	7.150.863.438.117	6.083.380.670.559
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ									(371.591.770.661)	(366.630.260.992)
Doanh thu hoạt động tài chính									1.853.512.410.411	934.533.482.162
Chi phí tài chính									(538.028.288.437)	(385.172.202.557)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh									8.094.755.789.430	6.266.111.689.172
Thu nhập khác									9.577.037.619	3.300.140.266
Chi phí khác									(5.486.220.370)	(26.050.918.673)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp									(904.676.361.534)	(710.553.801.684)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp									7.194.170.245.145	5.532.807.109.081

(*) Một vài số liệu được phân loại lại cho mục đích so sánh.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Thực phẩm		Đồ uống		Sản phẩm chăm sóc gia đình		Hợp nhất	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản bộ phận	5.763.914.757.228	6.061.217.312.836	2.301.160.142.943	2.485.099.017.086	1.076.142.090.123	1.142.748.260.755	9.141.216.990.294	9.689.064.590.677
Tài sản không phân bổ							31.411.471.945.159	23.827.578.494.843
Tổng tài sản							40.552.688.935.453	33.516.643.085.520
Nợ phải trả bộ phận	1.986.673.262.290	1.566.471.651.304	923.390.677.707	538.029.940.485	444.843.576.925	323.937.928.398	3.354.907.516.922	2.428.439.520.187
Nợ phải trả không phân bổ							10.822.222.240.111	8.642.558.358.179
Tổng nợ phải trả							14.177.129.757.033	11.070.997.878.366
	2023	2022	2023	2022	2023	2022	2023	2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi tiêu vốn	359.843.975.828	853.860.039.613	134.714.769.688	359.864.556.246	21.687.649.552	4.247.818.197	516.246.395.068	1.217.972.414.056
Chi tiêu vốn không phân bổ							82.013.082.454	38.285.553.753
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	387.278.685.310	482.858.841.527	138.089.701.711	151.337.077.469	23.182.296.559	24.617.619.546	548.550.683.580	658.813.538.542
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ							5.592.723.711	4.671.686.840
Khấu hao tài sản cố định vô hình, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	24.933.464.552	39.216.396.843	62.441.404.404	84.248.789.612	36.513.906.693	35.596.177.625	123.888.775.649	159.061.364.080
Khấu hao tài sản cố định vô hình và phân bổ chi phí trả trước dài hạn không phân bổ							61.799.952.793	52.707.880.718

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam và Thái Lan. Hoạt động kinh doanh tại Thái Lan hiện tại là không trọng yếu đối với Tập đoàn.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	693.460.555	1.050.088.807
Tiền gửi ngân hàng	159.204.163.580	92.793.566.412
Các khoản tương đương tiền	5.629.973.249.456	5.494.434.798.185
	5.789.870.873.591	5.588.278.453.404

Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

6. Đầu tư tài chính

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (a)	2.592.779.525.558	1.202.171.717.880
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	2.315.343.000.000	201.643.000.000
	4.908.122.525.558	1.403.814.717.880
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào một công ty liên kết (c)	294.757.072.601	249.391.858.906

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2023				1/1/2023			
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Trái phiếu doanh nghiệp do các bên thứ ba phát hành	13.512.100	2.592.779.525.558	-	(*)	12.000.000	1.202.171.717.880	-	(*)

Tập đoàn mua các trái phiếu này với mục đích kinh doanh trong một khoảng thời gian ngắn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại là từ 8 tháng đến 22 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hường lãi suất từ 10% - 13,78%/năm. Một số trái phiếu trong các trái phiếu này được đảm bảo bởi tài sản của bên thứ ba. Tập đoàn có cam kết từ một bên liên quan sẽ mua lại một số trái phiếu trước thời điểm cuối tháng 1 năm 2024 và việc mua lại này đã được thực hiện trong tháng 1 năm 2024 theo cam kết này. Đối với các trái phiếu còn lại, Tập đoàn có cam kết khác từ bên liên quan này sẽ mua lại số trái phiếu trước ngày 12 tháng 4 năm 2024.

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh có thể khác với giá trị ghi sổ.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.315.343.000.000	201.643.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư vào một công ty liên kết

	31/12/2023			1/1/2023		
	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (“CLX”)	2.659.217	32,83%	294.757.072.601	2.659.217	32,83%	249.391.858.906

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết có thể khác với giá trị ghi sổ.

Xem thêm Thuyết minh 1(d) mô tả về hoạt động kinh doanh chính của CLX.

Biến động của giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết trong năm như sau:

	2023 VND
Số dư đầu năm	249.391.858.906
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày mua trong năm	58.661.298.695
Cổ tức được nhận liên quan đến giai đoạn sau ngày mua	(13.296.085.000)
Số dư cuối năm	294.757.072.601

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu từ các bên liên quan	803.765.279.555	382.713.005.733
Phải thu từ các bên thứ ba	265.072.579.726	281.154.540.870
	<hr/>	<hr/>
	1.068.837.859.281	663.867.546.603

Xem thêm Thuyết minh 35 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan	3.492.430.547.940	6.047.191.980.732
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm theo thỏa thuận trong từng hợp đồng. Các khoản cho vay này đáo hạn trong tháng 12 năm 2024. Lãi cho vay được thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày hoàn trả hoặc ngày đáo hạn của các khoản cho vay này. Xem thêm Thuyết minh 35 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan:		
▪ Lãi dự thu ngắn hạn từ cho vay (i)	261.021.238.351	-
▪ Ký quỹ ngắn hạn (ii)	67.199.190.493	54.871.988.576
▪ Phải thu khác	-	43.814.136
Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iii)	5.510.000.000.000	9.015.000.000.000
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iii)	219.064.383.561	347.321.164.376
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng và chứng khoán kinh doanh	37.931.472.100	28.874.209.236
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	3.734.823.560	33.849.261.670
Phải thu khác	31.444.389.900	7.533.845.140
	6.130.395.497.965	9.487.494.283.134

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Các khoản đặt cọc dài hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iii)	9.086.740.000.000	-
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iii)	32.426.304.000	-
Phải thu từ một hợp đồng hợp tác kinh doanh (iv)	188.300.000.000	182.300.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	30.694.373.026	10.273.706.896
	9.338.160.677.026	192.573.706.896

- (i) Các khoản phải thu này phản ánh khoản lãi dự thu từ các khoản vay cấp cho các bên liên quan. Xem Thuyết minh 8 và Thuyết minh 35 để biết thêm thông tin.
- (ii) Ký quỹ ngắn hạn phản ánh khoản đặt cọc với một bên liên quan cho việc thuê kho.
- (iii) Các khoản phải thu này phản ánh số tiền đặt cọc cho các bên thứ ba theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo các hợp đồng này, các bên thứ ba này cam kết trả cho Tập đoàn mức lợi nhuận tối thiểu theo thỏa thuận trong từng hợp đồng hợp tác đầu tư.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (iv) Năm 2021, một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty đã ký một hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) với một bên thứ ba để hợp tác sản xuất nước mắm cốt trong thời hạn 5 năm. Theo đó, công ty con này góp vốn vào BCC bằng tiền cho mục đích chi tiêu vốn. Bên thứ ba đóng góp quyền sử dụng toàn bộ đất đai, nhà xưởng, nhà kho, máy móc, thiết bị và các cơ sở hạ tầng liên quan. Công ty con này và bên thứ ba sẽ được chia lợi nhuận của BCC theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

10. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	49.798.915.692	-	105.747.622.863	-
Nguyên vật liệu	1.039.041.247.106	(33.682.759.735)	1.217.432.443.405	(17.539.183.873)
Công cụ và dụng cụ	77.921.023.881	-	77.536.763.185	(1.197.147.302)
Sản phẩm dở dang	164.338.825.097	-	209.765.004.307	-
Thành phẩm	779.596.999.121	(8.443.412.531)	846.757.477.607	(10.509.751.502)
Hàng hóa	109.803.494.365	-	68.186.986.806	(15.748.513)
Hàng gửi đi bán	-	-	5.583.390.477	-
	2.220.500.505.262	(42.126.172.266)	2.531.009.688.650	(29.261.831.190)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	29.261.831.190	37.654.256.409
Tăng dự phòng trong năm	110.237.962.896	82.682.297.477
Sử dụng dự phòng trong năm	(95.870.256.158)	(82.668.524.669)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.503.365.662)	(5.836.173.323)
Ngừng hợp nhất một công ty con	-	(2.570.024.704)
Số dư cuối năm	42.126.172.266	29.261.831.190

Trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 42.126 triệu VND (1/1/2023: 29.262 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Nâng cấp tài sản thuê VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.741.198.228.109	59.361.231.666	5.706.860.256.188	32.536.404.193	102.339.226.818	8.642.295.346.974
Tăng trong năm	255.735.300	-	2.447.528.583	482.000.000	35.800.000	3.221.063.883
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	55.487.133.202	-	1.021.941.564.966	4.769.079.738	3.657.902.056	1.085.855.679.962
Thanh lý	(1.487.605.193)	(19.466.337.742)	(54.037.432.331)	(6.990.631.707)	(1.779.717.049)	(83.761.724.022)
Xóa sổ	(32.538.645)	(20.311.838.036)	(8.022.329.284)	-	-	(28.366.705.965)
Số dư cuối năm	2.795.420.952.773	19.583.055.888	6.669.189.588.122	30.796.852.224	104.253.211.825	9.619.243.660.832
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	759.540.750.758	59.361.231.666	3.477.772.251.755	16.087.617.923	73.383.564.253	4.386.145.416.355
Khấu hao trong năm	107.143.276.280	-	432.992.255.582	3.956.222.936	8.442.000.275	552.533.755.073
Thanh lý	(1.403.752.635)	(19.466.337.742)	(51.395.450.236)	(6.632.190.803)	(1.562.078.323)	(80.459.809.739)
Xóa sổ	(9.453.796)	(20.311.838.036)	(7.765.421.454)	-	-	(28.086.713.286)
Số dư cuối năm	865.270.820.607	19.583.055.888	3.851.603.635.647	13.411.650.056	80.263.486.205	4.830.132.648.403
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.981.657.477.351	-	2.229.088.004.433	16.448.786.270	28.955.662.565	4.256.149.930.619
Số dư cuối năm	1.930.150.132.166	-	2.817.585.952.475	17.385.202.168	23.989.725.620	4.789.111.012.429

Trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản cố nguyên giá là 1.601.560 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 1.297.724 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, một số tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng VND	Nhãn hiệu VND	Quan hệ khách hàng VND	Tài nguyên nước khoáng VND	Tổng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	119.085.818.402	305.218.219.691	76.959.571.667	1.085.327.898.373	397.341.034.078	412.697.763.511	2.396.630.305.722
Tăng trong năm	-	208.820.000	-	-	-	-	208.820.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.816.329.800	-	-	-	-	1.816.329.800
Giảm khác	-	-	(721.558.000)	-	-	-	(721.558.000)
Số dư cuối năm	119.085.818.402	307.243.369.491	76.238.013.667	1.085.327.898.373	397.341.034.078	412.697.763.511	2.397.933.897.522
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	46.961.603.093	275.064.259.076	30.243.205.130	679.681.971.307	367.099.758.073	161.136.460.212	1.560.187.256.891
Khấu hao trong năm	2.953.213.512	20.786.754.453	2.796.528.067	22.726.925.729	5.671.498.404	19.548.050.988	74.482.971.153
Số dư cuối năm	49.914.816.605	295.851.013.529	33.039.733.197	702.408.897.036	372.771.256.477	180.684.511.200	1.634.670.228.044
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	72.124.215.309	30.153.960.615	46.716.366.537	405.645.927.066	30.241.276.005	251.561.303.299	836.443.048.831
Số dư cuối năm	69.171.001.797	11.392.355.962	43.198.280.470	382.919.001.337	24.569.777.601	232.013.252.311	763.263.669.478

Trong tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có các tài sản cố nguyên giá 1.173.232 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 887.757 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	18.016.283.093	611.690.825	18.627.973.918
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	11.082.182.048	186.330.674	11.268.512.722
Khấu hao trong năm	1.546.004.760	63.647.458	1.609.652.218
Số dư cuối năm	12.628.186.808	249.978.132	12.878.164.940
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	6.934.101.045	425.360.151	7.359.461.196
Số dư cuối năm	5.388.096.285	361.712.693	5.749.808.978

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê chưa được xác định vì Tập đoàn chưa thực hiện việc định giá.

Trong bất động sản đầu tư của Tập đoàn có các tài sản cố nguyên giá là 9.447 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 9.447 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2023 VND
Số dư đầu năm	810.614.752.363
Tăng trong năm	590.169.960.997
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.085.855.679.962)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.816.329.800)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(37.617.200.498)
Thanh lý	(296.100.000)
	<hr/>
Số dư cuối năm	275.199.403.100
	<hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Máy móc và thiết bị	210.966.002.951	637.988.338.119
Nhà cửa và vật kiến trúc	7.678.018.468	126.909.501.231
Khác	56.555.381.681	45.716.913.013
	<hr/>	<hr/>
	275.199.403.100	810.614.752.363
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, một số chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước và phí sử dụng hạ tầng VND	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sắp xếp khoản vay VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	568.453.762.061	9.403.113.463	78.512.064.988	11.511.305.567	667.880.246.079
Tăng trong năm	-	-	25.085.474.598	-	25.085.474.598
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	37.617.200.498	-	37.617.200.498
Phân loại lại từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	30.250.000	-	30.250.000
Phân bổ trong năm	(13.773.944.001)	(3.134.371.151)	(61.274.209.098)	(5.656.333.329)	(83.838.857.579)
Thanh lý	-	-	(545.228.488)	-	(545.228.488)
Xóa sổ	-	-	(1.261.494.171)	-	(1.261.494.171)
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	-	-	(8.517.838)	-	(8.517.838)
Số dư cuối năm	554.679.818.060	6.268.742.312	78.155.540.489	5.854.972.238	644.959.073.099

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, một số chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2023		1/1/2023	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng phải trả	276.031.089.578	-	152.534.227.134	-
Chi phí kho vận phải trả	19.743.801.488	-	17.253.390.773	-
Chiết khấu thương mại phải trả	9.023.342.566	-	9.889.377.519	-
Các khoản chi phí phải trả khác và dự phòng	56.090.836.797	(438.405.628)	28.440.734.928	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	33.428.968.822	-	42.630.414.633	-
Tài sản cố định hữu hình	(191.106.657)	(7.460.294.627)	-	(7.883.669.190)
Tài sản cố định vô hình	-	(152.015.889.656)	-	(158.994.560.716)
	394.126.932.594	(159.914.589.911)	250.748.144.987	(166.878.229.906)

17. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	750.964.625.546
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	597.931.713.421
Phân bổ trong năm	27.366.899.710
Số dư cuối năm	625.298.613.131
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	153.032.912.125
Số dư cuối năm	125.666.012.415



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán

	31/12/2023 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2023 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả cho các bên thứ ba	1.716.444.041.448	1.360.413.359.945
Phải trả cho các bên liên quan	326.556.368.667	159.430.435.048
	<hr/> 2.043.000.410.115	<hr/> 1.519.843.794.993
Trong đó:		
- Ngắn hạn	2.023.711.673.115	1.495.519.562.993
- Dài hạn	19.288.737.000	24.324.232.000
	<hr/> 2.043.000.410.115	<hr/> 1.519.843.794.993

Xem thêm Thuyết minh 35 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ/ Hoàn lại VND	Phân loại lại VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	54.526.443.388	4.654.537.263.782	(853.004.150.414)	(3.755.243.724.573)	-	100.815.832.183
Thuế xuất nhập khẩu	-	31.620.098.386	(31.620.098.386)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	163.213.798.814	1.055.018.789.136	(731.465.659.511)	-	(2.728.399.426)	484.038.529.013
Thuế thu nhập cá nhân	6.075.763.060	137.279.592.356	(117.288.412.450)	(21.934.816.495)	2.874.651.652	7.006.778.123
Các loại thuế khác	1.860.017.810	161.188.791.457	(161.877.990.564)	-	-	1.170.818.703
	225.676.023.072	6.039.644.535.117	(1.895.256.311.325)	(3.777.178.541.068)	146.252.226	593.031.958.022

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	1.423.832.535.929	795.007.028.724
Thưởng và lương tháng 13	286.519.904.907	216.914.450.978
Phải trả mua hàng hóa	157.122.404.546	136.490.994.684
Chi phí trung bày	105.491.746.264	30.866.532.380
Chi phí kho vận	103.235.208.936	89.456.440.246
Chiết khấu thương mại	47.908.590.925	49.446.887.596
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	43.905.616.688	33.514.858.628
Chi phí công nghệ thông tin	36.874.662.212	23.662.966.359
Chi phí lãi vay	20.147.882.808	34.555.531.409
Chi phí nghiên cứu thị trường	11.622.522.038	6.997.977.043
Chi phí khác	148.639.828.902	104.457.860.445
	2.385.300.904.155	1.521.371.528.492

21. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	48.033.250.000	-
Cô tức phải trả	11.235.335.600	9.984.601.600
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	3.468.159.688	8.553.330.849
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	2.227.592.736	2.954.492.736
Phải trả khác	98.642.358.895	84.687.279.888
	163.606.696.919	106.179.705.073

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	30.438.053.506	31.756.586.755

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm			31/12/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	
Vay ngắn hạn	6.012.686.646.185	22.847.868.263.015	(20.983.470.018.131)	(88.265.346)	7.876.996.625.723
Vay dài hạn đến hạn trả	613.530.368.335	591.806.239.637	(613.530.368.335)	-	591.806.239.637
	6.626.217.014.520	23.439.674.502.652	(21.597.000.386.466)	(88.265.346)	8.468.802.865.360

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
▪ Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	2,8% - 5,0%	7.846.351.914.554	5.869.909.782.253
▪ Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	3,2%	30.644.711.169	142.776.863.932
			7.876.996.625.723	6.012.686.646.185

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Vay dài hạn	819.194.067.608	1.388.279.365.230
Khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(591.806.239.637)	(613.530.368.335)
	227.387.827.971	774.748.996.895

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2023	1/1/2023
				VND	VND
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	4,6% - 10,4%	2024 - 2025	819.194.067.608	1.388.279.365.230

Khoản vay ngân hàng dài hạn có đảm bảo của Tập đoàn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 1.046.041 triệu VND, 14.355 triệu VND và 35.124 triệu VND (1/1/2023: lần lượt là 808.731 triệu VND, 291.966 triệu VND và 35.965 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, các khoản vay ngân hàng dài hạn có đảm bảo của các công ty con trong Tập đoàn cũng được bảo lãnh bởi Công ty.

Trong năm, Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Tập đoàn không có khoản vay quá hạn bao gồm nợ gốc và lãi.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	7.267.938.180.000	3.560.554.240.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	6.989.018.595	22.731.972.844	6.816.958.384.098	590.964.125.113	17.005.693.937.381
Phát hành cổ phiếu	6.680.610.000	49.774.575.000	-	-	-	-	-	-	56.455.185.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	5.451.118.633.692	81.688.475.389	5.532.807.109.081
Tăng vốn cổ phần trong một công ty con	-	-	-	-	-	-	-	38.345.000.000	38.345.000.000
Cô tức công bố bởi các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(95.089.096.480)	(95.089.096.480)
Ngừng hợp nhất một công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(96.919.860.885)	(96.919.860.885)
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(4.653.925.623)	8.577.210.623	3.923.285.000
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	-	-	-	-	429.646.065	-	-	1.992	429.648.057
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	7.418.664.660	22.731.972.844	12.263.423.092.167	527.565.855.752	22.445.645.207.154

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	7.418.664.660	22.731.972.844	12.263.423.092.167	527.565.855.752	22.445.645.207.154
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	7.085.163.985.394	109.006.259.751	7.194.170.245.145
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	-	(3.224.459.209.500)	-	(3.224.459.209.500)
Cổ tức công bố bởi các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(40.701.964.000)	(40.701.964.000)
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	-	-	-	-	904.899.530	-	-	91	904.899.621
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	8.323.564.190	22.731.972.844	16.124.127.868.061	595.870.151.594	26.375.559.178.420

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	727.461.879	7.274.618.790.000	727.461.879	7.274.618.790.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	10.915.388	994.666.327.121	10.915.388	994.666.327.121
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	716.546.491	7.165.464.910.000	716.546.491	7.165.464.910.000
Thặng dư vốn cổ phần		3.610.328.815.858		3.610.328.815.858

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động số cổ phiếu hiện đang lưu hành trong năm như sau:

	2023		2022	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm – hiện đang lưu hành	716.546.491	7.165.464.910.000	715.878.430	7.158.784.300.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	-	-	668.061	6.680.610.000
Số dư cuối năm – hiện đang lưu hành	716.546.491	7.165.464.910.000	716.546.491	7.165.464.910.000

25. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông Thường niên và Hội đồng Quản trị của Công ty lần lượt vào ngày 24 tháng 4 năm 2023 và ngày 7 tháng 7 năm 2023 đã thông qua việc chi trả tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt với số tiền là 3.224.459 triệu VND (2022: không).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng 1 năm	168.579.253.918	95.359.587.077
Trong vòng 2 đến 5 năm	215.659.182.231	70.502.619.625
Sau 5 năm	264.509.656.854	284.273.062.662
	648.748.093.003	450.135.269.364

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tập đoàn có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	121.826.844.274	266.292.999.337
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	146.832.859.611	308.788.352.300
	268.659.703.885	575.081.351.637

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.419.958	58.318.931.581	630.464	14.758.126.880
EUR	191	5.055.815	202	4.983.736
THB	58.898.301	40.286.433.146	45.255.027	29.823.058.621
		98.610.420.542		44.586.169.237

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2023	2022
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	28.259.132.728.469	27.074.705.589.790
▪ Doanh thu khác	136.581.563.732	103.642.783.615
	28.395.714.292.201	27.178.348.373.405
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	102.117.937.128	94.595.670.924
▪ Hàng bán bị trả lại	52.603.722.236	106.479.532.453
	154.721.659.364	201.075.203.377
Doanh thu thuần	28.240.992.632.837	26.977.273.170.028

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2023	2022
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng đã bán	15.095.078.905.809	15.645.513.344.636
▪ Giá vốn khác	62.810.792.064	123.399.145.254
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	108.734.597.234	76.846.124.154
	15.266.624.295.107	15.845.758.614.044

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư khác	1.402.516.943.732	627.328.321.290
Thu nhập lãi từ khoản cho các bên liên quan vay	403.086.185.722	272.287.917.543
Thu nhập lãi từ khoản cho một bên thứ ba vay	3.184.931.507	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	44.724.349.450	34.917.243.329
	<hr/>	<hr/>
	1.853.512.410.411	934.533.482.162

30. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	485.285.780.065	307.330.035.566
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	34.080.765.377	46.175.725.060
Chi phí đi vay	3.035.499.992	2.872.999.996
Chi phí khác	15.626.243.003	28.793.441.935
	<hr/>	<hr/>
	538.028.288.437	385.172.202.557

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí bán hàng

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	3.756.241.798.966	3.015.416.983.635
Chi phí kho vận	757.906.554.602	839.223.610.343
Chi phí nhân viên	498.971.460.939	500.970.049.848
Chi phí trung bày	163.663.335.373	46.538.728.773
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	28.435.523.940	48.966.751.027
Chi phí nghiên cứu thị trường	43.296.900.258	16.273.363.715
Chi phí khác	79.568.718.473	59.753.258.175
	5.328.084.292.551	4.527.142.745.516

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	412.210.469.562	410.879.640.007
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	73.934.442.305	97.557.649.628
Chi phí nghiên cứu và phát triển	83.736.851.248	79.947.780.164
Chi phí thuê văn phòng	57.875.888.034	70.813.506.602
Khấu hao và phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định, chi phí trả trước dài hạn và bất động sản đầu tư phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	53.723.143.152	57.505.837.808
Phân bổ lợi thế thương mại	27.366.899.710	56.483.755.359
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.044.179.103	46.773.916.821
Chi phí khác	182.781.803.304	80.955.399.512
	925.673.676.418	900.917.485.901



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	1.053.878.525.133	675.300.683.622
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	1.140.264.003	(5.927.068.534)
	<hr/> 1.055.018.789.136	<hr/> 669.373.615.088
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(150.342.427.602)	41.180.186.596
	<hr/> 904.676.361.534	<hr/> 710.553.801.684

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.098.846.606.679	6.243.360.910.765
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.619.769.321.336	1.248.672.182.153
Lỗ tính thuế đã sử dụng	(1.717.226.010)	(4.625.722.462)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(713.203.711.097)	(530.531.361.372)
Thu nhập không chịu thuế	(2.332.597.301)	-
Ảnh hưởng của phần lãi trong một công ty liên kết	(11.732.259.739)	(2.659.217.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.238.605.188	10.373.490.929
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	1.140.264.003	(5.927.068.534)
Ảnh hưởng của phân bổ lợi thế thương mại	5.473.379.958	11.296.751.077
Thay đổi tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận (*)	3.040.585.196	1.558.399.127
Thay đổi khác trong chênh lệch tạm thời	-	(18.664.434.701)
Ảnh hưởng từ ngừng hợp nhất một công ty con	-	1.060.782.467
	<hr/> 904.676.361.534	<hr/> 710.553.801.684

(*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận tại một số công ty con bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con này có thể sử dụng lợi ích thuế của các khoản mục này.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Một số công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này có thẩm quyền áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể là đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm là 7.085.164 triệu VND (2022: 5.451.119 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm là 716.546.491 cổ phiếu (2022: 716.132.842 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2023	2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.085.163.985.394	5.451.118.633.692

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2023	2022
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm		
– hiện đang lưu hành	716.546.491	715.878.430
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu trong năm	-	254.412
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	716.546.491	716.132.842
– hiện đang lưu hành		

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2023	2022
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.888	7.612

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Bán hàng hóa	137.082.611	203.421.872	-	18.881.346
	Phí hỗ trợ quản lý	882.162.425	6.961.885.607	-	10.088.159.277
	Phí dịch vụ mua ngoài phân bổ	11.372.386.989	-	(11.288.691.491)	-
Công ty mẹ cấp cao					
Công ty Cổ phần CrownX	Bán hàng hóa	88.863.896	622.914	97.750.286	-
	Mua dịch vụ	19.177.897.430	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	-	6.184.540.884	-	(6.679.304.155)



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty mẹ					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cổ tức đã công bố	3.021.089.152.500	-	-	-
	Cho vay	190.000.000.000	1.960.610.109.140	3.356.430.547.940	6.047.191.980.732
	Thu nhập lãi cho vay	400.339.281.615	269.620.424.393	258.274.334.244	-
	Thu hồi các khoản cho vay và lãi phải thu thông qua cần trừ với cổ tức phải trả	3.002.364.736.327	-	-	-
	Thu hồi các khoản cho vay bằng tiền	19.500.000.000	-	-	-
	Thu hồi lãi cho vay bằng tiền mặt	961.643.836	-	-	-
	Cổ tức đã trả bằng tiền	18.724.416.173	-	-	-
	Tiền thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	315.033.720.000	-	-
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Cổ tức nhận được sau ngày mua	13.296.085.000	13.296.085.000	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Các bên liên quan khác					
Công ty Cổ phần Masan JinJu (“MSJ”) và chi nhánh (từ tháng 10 năm 2022)	Bán hàng hóa	115.642.471.462	34.276.977.663	-	5.428.719.336
	Mua hàng hóa	174.148.845.162	439.020.868.191	(42.305.491.322)	(146.162.162.871)
	Cung cấp dịch vụ phân phối	60.893.605.576	-	-	-
	Phải trả tiền bán hàng thu hộ của dịch vụ phân phối	-	-	(269.362.001.707)	-
	Phí hỗ trợ bán hàng và giao hàng của dịch vụ phân phối	92.907.267.069	-	-	-
	Mua tài sản cố định	420.913.690	-	-	-
	Thu hồi khoản cho vay bằng tiền	-	291.000.000.000	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	-	2.667.493.150	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	6.962.809.514	1.509.308.583	8.252.972.975	43.814.136
	Công ty TNHH Masan Master Brewer	Bán hàng hóa	-	1.392.392	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	121.575.798	55.737.068	15.179.972	12.191.338
	Cho vay	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	135.616.438	-	135.616.438	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Bán hàng hóa	661.452.405	13.187.030.020	-	3.337.160.542
	Mua hàng hóa	928.970.484	9.404.455.886	(7.530.001)	(633.006.000)
	Phí hỗ trợ quản lý	54.527.767.767	35.540.419.406	59.202.736.386	43.423.973.251
	Cho vay	46.000.000.000	-	46.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	2.611.287.669	-	2.611.287.669	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	197.070.250	2.701.644.142	32.819.972	12.517.422
	Mua hàng hóa và dịch vụ	7.096.157.868	4.009.729.325	(686.112.379)	(552.827.601)
	Mua tài sản cố định	-	658.119.415	-	(559.266.341)
	Phí hỗ trợ quản lý	152.424.394	152.467.607	164.618.346	2.654.132.879
Công ty TNHH Masan Brewery MB	Mua dịch vụ	4.536.000.000	-	(2.289.836.809)	-
	Phí hỗ trợ quản lý	481.224.446	1.705.044.885	519.722.402	1.841.448.476
	Đặt cọc thuê kho	12.327.201.917	54.871.988.576	67.199.190.493	54.871.988.576
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Bán hàng hóa	28.951.509	35.686.364	2.178.000	5.576.728
	Phí hỗ trợ quản lý	21.867.558.287	40.311.911.535	24.054.314.116	44.338.995.834
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	Phí hỗ trợ quản lý	-	377.092.445	-	73.923.379
Công ty TNHH MEATDeli HN	Bán hàng hóa và dịch vụ	268.596.582	36.339.060.845	189.202.323	39.480.000
	Bán tài sản cố định	-	30.000.000	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	62.566.250	50.915.043.441	-	-
	Mua tài sản cố định	-	186.781.103.729	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	-	5.791.448.325	-	1.592.653.552
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Bán hàng hóa và dịch vụ	163.661.924	2.308.790.725	-	79.417.000
	Mua hàng hóa	1.734.332.867	24.771.872.183	(547.101.800)	(92.918.733)
	Phí hỗ trợ quản lý	-	3.879.530.906	-	1.991.201.521
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	Bán hàng hóa và dịch vụ	49.647.548	1.339.409.731	8.075.000	15.397.130
	Mua hàng hóa	33.148.791	37.012.747.140	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	-	184.581.341	-	147.846.759

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	Bán hàng hóa	21.909.930	2.086.838	12.344.070	-
	Mua hàng hóa	-	13.219.612.800	-	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Bán hàng hóa	1.039.851.344	1.524.892.691	147.621.167	318.612.735
	Phí hỗ trợ quản lý	139.088.070	122.030.349	152.996.877	999.463.463
Jinju Ham Company Limited	Góp vốn	-	38.344.780.000	-	-
	Cổ tức đã công bố	-	38.344.787.200	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	Bán hàng hóa	1.469.296.862.079	1.118.826.761.706	629.797.907.880	254.999.528.515
	Bán tài sản cố định	931.320.407	-	1.024.452.448	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	361.788.024.986	217.592.394.769	(40.169.100)	(3.525.947.783)
	Mua tài sản cố định	1.522.851.000	-	-	-
	Trả trước tiền hàng	240.179.500	-	240.179.500	-
	Phân bổ tiền thuê văn phòng	19.680.961.961	23.400.773.330	6.886.915.115	3.342.739.292
	Chiết khấu thanh toán và các khoản hỗ trợ bán hàng khác phải trả	23.101.616.176	19.187.456.253	-	-
	Phải thu thu hộ dịch vụ phân phối	-	-	67.572.186.586	-
	Phải thu khác	-	-	17.000.000	17.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Wineco	Bán hàng hóa	-	-	-	7.572.247
	Mua hàng hóa	7.857.674.500	7.644.407.463	(302.960.000)	(586.696.000)
	Phân bổ tiền thuê văn phòng	703.008.870	811.032.816	234.007.780	74.344.675

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	Bán hàng hóa và dịch vụ	10.645.102.479	17.966.668.052	1.221.745.500	4.996.732.505
	Mua hàng hóa	1.730.731.639	8.931.082.113	(688.457.286)	(871.192.978)
	Phí hỗ trợ quản lý	1.438.215.492	1.889.883.833	1.553.272.731	2.041.074.540
Công ty Cổ phần Mobicast	Bán hàng hóa	-	9.238.570	-	9.977.656
	Mua dịch vụ	5.660.418.990	4.669.694.202	(240.824.372)	(203.500.568)
Công ty Cổ phần Surpa	Bán hàng hóa	238.214.559	126.046.020	23.389.399	13.376.167
	Bán tài sản cố định	21.000.000	-	-	-
	Mua dịch vụ	450.096.070	653.654.856	-	(117.585.596)
	Phí hỗ trợ quản lý	1.650.296.993	747.895.144	1.782.320.752	807.726.756
	Phải trả khác	3.000.000	-	(3.000.000)	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (*)	Mua chứng khoán kinh doanh	2.592.779.525.558	3.087.046.500.000	-	-
	Bán chứng khoán kinh doanh	1.202.171.717.880	1.859.179.000.000	-	-
Thành viên quản lý chủ chốt (**)	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	64.187.364.312	74.565.470.035	-	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty và các công ty con có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn và vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (“Techcombank”), một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

(**) Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không nhận thù lao cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn bảo lãnh cho các khoản vay ngân hàng của các bên liên quan với giá trị ghi sổ là 198.322 triệu VND (1/1/2023: 344.650 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(**) Trong thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng đã chi trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

Họ tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
Hội đồng Quản trị			
<i>Phí và thưởng</i>			
Ông Danny Le	Chủ tịch	-	-
Ông Trương Công Thắng	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên	-	-
Ủy ban Kiểm toán			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Bà Nguyễn Thu Hiền	Chủ tịch	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên	-	-
Ban Giám đốc			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc	7.000.474.708	6.592.776.987

36. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Trong tháng 12 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu cho nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") sau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên vào tháng 4 năm 2023. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc phát hành cổ phiếu phổ thông theo ESOP đã hoàn tất.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính




Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền





Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

THƯ ỦY QUYỀN

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2024

Kính gửi các cơ quan hữu quan,

Tôi, **WARRICK ANTONY CLEINE** (“Người Ủy Quyền”), Hộ chiếu số LT550250 cấp ngày 8 tháng 7 năm 2019 tại New Zealand, là Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật của **CÔNG TY TNHH KPMG** (“Công ty”) có địa chỉ tại Tầng 46 Tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, Tòa nhà 72 tầng, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, và đồng thời là Người đứng đầu **Chi nhánh Công ty TNHH KPMG** (“Chi nhánh”) có địa chỉ tại số 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, bằng văn bản này ủy quyền cho cá nhân sau đây (“Người Được Ủy Quyền”):

- Họ tên : **NELSON RODRIGUEZ CASIHAN**
- Hộ chiếu
 - + Số : **P8211209B**
 - + Ngày cấp : **20/11/2021**
 - + Nơi cấp : **Philippines**
- Chức vụ : **Phó Tổng Giám đốc**



với tư cách là người đại diện theo uỷ quyền của tôi để ký kết các văn bản, giấy tờ sau đây, kể cả các văn bản được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung của các văn bản, giấy tờ này:

- các hồ sơ/thư đề xuất dịch vụ, hồ sơ dự thầu, các thư thỏa thuận cung ứng dịch vụ và các hợp đồng cung cấp các dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác với số tiền không vượt quá 5.000.000.000VND (bằng chữ: năm tỷ Đồng Việt Nam) cho mỗi giao dịch;
- các báo cáo kiểm toán, báo cáo soát xét và các báo cáo khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác; và
- các thư từ, trao đổi và thỏa thuận khác, bao gồm thư thỏa thuận với các nhà thầu thứ ba, có liên quan trực tiếp đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác với số tiền không vượt quá 2.000.000.000VND (bằng chữ: hai tỷ Đồng Việt Nam) cho mỗi giao dịch (không áp dụng cho các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ nói chung của Công ty hoặc của Chi nhánh mà không liên quan trực tiếp đến việc cung cấp một dịch vụ kiểm toán và/hoặc một dịch vụ có liên quan khác).



Thư Ủy Quyền này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024, trừ trường hợp bị chấm dứt trước thời hạn hoặc được gia hạn thêm bởi thông báo khác bằng văn bản của tôi.

Thư Ủy Quyền này được lập thành năm (05) bản tiếng Việt và năm (05) bản tiếng Anh, có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

Người Ủy Quyền



WARRICK ANTONY CLEINE

Người Được Ủy Quyền

NELSON RODRIGUEZ CASIHAN



CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
05QT2 5 1 9 Quyển số 02 / 2024 -SCT.
Ngày 29 tháng 02 năm 2024
TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP QUẬN 1



Nguyễn Diệp Bích Khanh

GIẤY ỦY QUYỀN

BÊN ỦY QUYỀN:

Ông : **TRƯƠNG CÔNG THẮNG**

Chức danh : Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:

Bà : **NGUYỄN HOÀNG YẾN**

CCCD số : 001163038116, Ngày cấp: 07/06/2023, nơi cấp: Cục CS QL HC về TTXH.

NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Điều 1. Bên Ủy quyền theo đây ủy quyền cho Bên Nhận ủy quyền và Bên Nhận ủy quyền đồng ý nhận ủy quyền thực hiện các công việc sau:

STT	Lĩnh vực	Diễn giải
1	Tài chính – Ngân hàng	<p>1.1. Toàn quyền quản lý, điều hành và sử dụng tài khoản tại Ngân hàng theo chính sách/quy định chung của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền sau:</p> <p>1.1.1. Thực hiện các yêu cầu mở tài khoản, đóng tài khoản và thực hiện tất cả các giao dịch liên quan đến mở tài khoản tại các Ngân hàng (bao gồm nhưng không giới hạn: thay đổi thông tin tài khoản, thông tin dịch vụ ngân hàng điện tử; truy vấn thông tin giao dịch liên quan đến các tài khoản; thay đổi thông tin liên quan hồ sơ pháp lý như thay đổi giấy phép kinh doanh, điều lệ, thay đổi mẫu dấu, ...);</p> <p>1.1.2. Ký kết các Hợp đồng, thỏa thuận, hồ sơ, chứng từ liên quan đến tất cả các dịch vụ tài khoản (bao gồm nhưng không giới hạn: dịch vụ thẻ, SMS, dịch vụ ngân hàng điện tử, giao dịch qua Fax/Email, công văn phí giao dịch ngân hàng, ...)</p> <p>1.1.3. Ký kết các Hợp đồng trả lương, Hợp đồng/thỏa thuận dịch vụ/gói giải pháp tại Ngân hàng;</p> <p>1.1.4. Ký kết và phê duyệt các đề nghị trả nợ trước hạn/đến hạn khoản vay, trích tiền từ tài khoản thanh toán để trả nợ gốc, lãi vay, phí và các chi phí khác;</p>

		<p>1.1.5. Ký kết các công văn yêu cầu cung cấp hay xác nhận số dư với Ngân hàng; đối chiếu giao dịch và/hoặc số dư với Khách hàng, nhà cung cấp, Bên liên quan theo yêu cầu của Kiểm toán hay cơ quan chức năng.</p>
		<p>1.2. Ký kết các Hợp đồng mua bán ngoại tệ (spot, swap, hedging, option, future, ...) theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.3. Ký kết và thực hiện các Hợp đồng tiền gửi, các thư rút trước hạn hợp đồng tiền gửi – không kể giá trị/loại tiền/kỳ hạn theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.4. Ký kết các hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.5. Ký kết các biên bản định giá/tái định giá tài sản thế chấp, các biên bản bàn giao chứng từ cầm cố thế chấp, các báo cáo cập nhật tình hình tài sản thế chấp khi Ngân hàng yêu cầu; các chứng từ đăng ký giao dịch đảm bảo với cơ quan chức năng;</p>
		<p>1.6. Ký kết các hợp đồng tín dụng lần đầu cấp hạn mức và các sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) được phê duyệt theo Nghị quyết/Quyết định, quy chế công ty; ký kết các hợp đồng liên quan định kỳ gia hạn hàng năm để bổ sung vốn lưu động nếu hạn mức không đổi theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.7. Ký kết các hợp đồng, hồ sơ, chứng từ liên quan đến tín dụng, vay vốn (bao gồm phát hành thư tín dụng, phát hành thư bảo lãnh, chiết khấu bộ chứng từ, giấy nhận nợ, gia hạn nợ, thay đổi lãi suất, ...); liên quan đến cầm cố thế chấp tài sản theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.8. Ký kết và tái ký định kỳ hằng năm các hợp đồng khung liên quan chương trình Ngân hàng hỗ trợ nhà phân phối, nhà cung cấp theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.9. Đại diện làm việc, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại với Ngân hàng (nếu có);</p>
		<p>1.10. Ký kết các báo cáo định kỳ hàng quý cung cấp cho Ngân hàng để xếp hạng tín dụng;</p>
		<p>1.11. Ký các công văn, giấy tờ, báo cáo liên quan đến Tài chính (như Báo cáo tài chính, báo cáo tài chính soát xét và kiểm toán, ...); và thư từ khác gửi đến cơ quan có thẩm quyền liên quan đến các nội dung này.</p>
		<p>1.12. Chứng thực bản sao từ bản chính các tài liệu cung cấp cho Ngân hàng theo đúng quy định của Pháp luật và quy chế văn thư lưu trữ của Công ty.</p>
		<p>1.13. Ký các hồ sơ, giấy tờ liên quan tới: Các thủ tục đăng ký thuế, báo cáo thuế, thanh kiểm tra thuế bao gồm các tờ khai thuế, thông báo thuế, biên</p>

3021
 CỘ
 CỘ
 NG T
 M
 7 - 7

		<p>bản làm việc, công văn giải trình và các thư từ khác gửi cơ quan có thẩm quyền liên quan đến các nội dung này;</p> <p>1.14. Ký các giấy tờ phát sinh từ hoặc liên quan đến việc xác nhận/đối chiếu giao dịch và/hoặc số dư công nợ với Nhà cung cấp, Khách hàng và các Bên liên quan; nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí, các khoản phạt hành chính với cơ quan nhà nước.</p> <p>1.15. Thực hiện và ký kết các tài liệu nội bộ liên quan đến vấn đề phê duyệt tài chính, thanh toán;</p> <p>1.16. Ký kết danh mục tài sản định kỳ hàng quý cung cấp cho Công ty Bảo Hiểm để cập nhật giá trị mua bảo hiểm rủi ro hàng tồn kho và tài sản;</p> <p>1.17. Ký các hợp đồng, hồ sơ, chứng từ giao dịch khác tại Ngân hàng.</p>
2	Ký Hợp đồng và hồ sơ, tài liệu	<p>2.1. Đại diện Bên ủy quyền ký kết các hợp đồng, thỏa thuận, hồ sơ chứng từ phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Ký hồ sơ, văn bản chào giá cạnh tranh, mời thầu, lựa chọn nhà thầu, duyệt giá, ... liên quan đến hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ, công nghệ thông tin của Công ty; b. Ký các hợp đồng thương mại – mua/bán hàng hóa, dịch vụ, công nghệ thông tin; hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu; và tất cả các loại hợp đồng khác không kể giá trị; c. Ký hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ khác liên quan đến việc thực hiện hợp đồng (<i>biên bản giao nhận, nghiệm thu, thanh lý, tờ khai xuất nhập khẩu, ...</i>); d. Ký các công văn, giấy tờ (bao gồm các giấy tờ liên quan tới: Công bố thông tin; báo cáo tài chính, báo cáo thuế, báo cáo kiểm toán, ...); thư từ, giấy giới thiệu, đơn, xin giấy phép, đăng ký sản phẩm; các hồ sơ, tài liệu, thủ tục liên quan đến nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, quyền tác giả và các quyền sở hữu trí tuệ khác, quảng cáo, khuyến mại, vệ sinh an toàn thực phẩm; tờ khai xuất khẩu; sao y bản chính tài liệu và các văn bản hành chính khác; e. Ký các hợp đồng, tài liệu liên quan đến việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp của Công ty trong các doanh nghiệp khác và các hồ sơ đăng ký liên quan; f. Ký các cam kết với các đối tác, khách hàng. <p>2.2. Thanh toán các nghĩa vụ Hợp đồng, thỏa thuận, các nghĩa vụ thuế, phí, các nghĩa vụ tài chính khác với các bên thứ Ba liên quan và/hoặc cơ quan Nhà nước.</p>
3	Lao động	Ký kết Hợp đồng lao động, các Quyết định tuyển dụng, chuyển chuyên, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, tạm đình chỉ công việc, nghỉ việc, chấm dứt Hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, cam kết minh bạch đối với nhân viên trong Công ty.
4	Đại diện làm việc với Bên Thứ ba	Đại diện làm việc, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại với đối tác, người tiêu dùng và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật; đưa ra các ý kiến, giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu; ký và đóng dấu công ty lên các văn bản trong quá trình làm việc với các Bên thứ ba nêu trên.
5	Khác	Ký và thực hiện các quyết định đầu tư tài sản cố định theo thẩm quyền quy định trong quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty.



	Các quyết định thanh lý, hủy tài sản cố định, hàng hóa, nguyên vật liệu: Theo thẩm quyền quy định trong quy chế nội bộ và Điều lệ Công ty.
--	---

Điều 2: Bên Nhận ủy quyền có trách nhiệm thực hiện những công việc trong phạm vi ủy quyền và theo chính sách/quy định chung của Công ty (nếu có), được phép ủy quyền lại nội dung Mục 1, Mục 2.1.a, 2.1.b, 2.1.c, 2.1.d, 2.1.f, Mục 4, Mục 5 Điều 1 cho Bên Thứ ba và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền lại trước Bên ủy Quyền.

Điều 3: Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 31/12/2024 hoặc khi có Thông báo/Giấy ủy quyền thay thế hoặc hủy bỏ giấy ủy quyền này. Giấy ủy quyền được lập thành 03 (ba) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.



TRƯƠNG CÔNG THẮNG

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

A blue ink handwritten signature.

NGUYỄN HOÀNG YẾN





Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 31 tháng 1 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Quang
Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Bà Nguyễn Thu Hiền

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Bà Nguyễn Thu Hiền
Ông Nguyễn Thiệu Quang

Chủ tịch
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Phạm Hồng Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 6 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-01-00548-24-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 8 năm 2024



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		15.955.557.374.497	22.535.021.988.601
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	1.656.790.727.352	4.760.812.990.981
Tiền	111		38.550.727.896	28.339.741.525
Các khoản tương đương tiền	112		1.618.239.999.456	4.732.473.249.456
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.036.879.230.000	3.503.875.585.603
Chứng khoán kinh doanh	121	8(a)	811.560.000.000	1.993.875.585.603
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(b)	225.319.230.000	1.510.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.501.001.223.199	13.443.070.511.865
Phải thu của khách hàng	131	9	919.777.569.126	1.015.984.454.739
Trả trước cho người bán	132		21.236.019.686	20.171.061.039
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	3.700.000.000.000	3.299.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11(a)	7.859.987.634.387	9.107.914.996.087
Hàng tồn kho	140	12	748.438.203.203	819.118.075.682
Hàng tồn kho	141		774.992.210.344	832.707.971.816
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(26.554.007.141)	(13.589.896.134)
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.447.990.743	8.144.824.470
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.447.990.743	8.144.824.470

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		19.679.956.897.004	14.542.439.745.668
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.558.260.709.776	5.419.006.111.721
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	10.558.260.709.776	5.419.006.111.721
Tài sản cố định	220		35.736.109.544	32.899.794.095
Tài sản cố định hữu hình	221	13	21.089.805.105	21.803.127.155
Nguyên giá	222		70.745.222.153	68.810.791.963
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.655.417.048)	(47.007.664.808)
Tài sản cố định vô hình	227	14	14.646.304.439	11.096.666.940
Nguyên giá	228		299.241.715.425	292.732.233.096
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(284.595.410.986)	(281.635.566.156)
Tài sản dở dang dài hạn	240		22.878.312.825	9.631.238.976
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	22.878.312.825	9.631.238.976
Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.716.171.509.348	8.716.171.509.348
Đầu tư vào các công ty con	251	8(c)	8.716.171.509.348	8.716.171.509.348
Tài sản dài hạn khác	260		346.910.255.511	364.731.091.528
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	16.175.269.203	17.120.720.180
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	330.734.986.308	347.610.371.348
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		35.635.514.271.501	37.077.461.734.269

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		8.114.263.318.144	10.272.792.365.522
Nợ ngắn hạn	310		8.087.584.440.371	10.246.018.912.749
Phải trả người bán	311	18	1.509.608.428.164	1.961.470.231.319
Người mua trả tiền trước	312		61.236.214.688	57.864.531.253
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19	114.105.000.523	271.400.437.740
Phải trả người lao động	314		52.686.491.149	93.460.031
Chi phí phải trả	315	20	1.772.689.759.949	1.957.818.189.550
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	155.258.545.898	152.372.062.856
Vay ngắn hạn	320	22	4.422.000.000.000	5.845.000.000.000
Nợ dài hạn	330		26.678.877.773	26.773.452.773
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	26.678.877.773	26.773.452.773
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		27.521.250.953.357	26.804.669.368.747
Vốn chủ sở hữu	410	23	27.521.250.953.357	26.804.669.368.747
Vốn cổ phần	411	24	7.284.225.440.000	7.274.618.790.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	24	3.648.755.415.858	3.610.328.815.858
Cổ phiếu quỹ	415	24	(994.666.327.121)	(994.666.327.121)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.582.936.424.620	16.914.388.090.010
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		16.914.388.090.010	10.653.248.920.827
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		668.548.334.610	6.261.139.169.183
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		35.635.514.271.501	37.077.461.734.269

Ngày 8 tháng 8 năm 2024

Người lập:


 Phan Thị Thúy Hoa
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Huỳnh Việt Thăng
 Giám đốc Tài chính


 Nguyễn Hoàng Yến
 Đại diện theo ủy quyền



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	13.692.287.316.146	12.122.185.378.397
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	94.703.844.955	43.487.062.936
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	26	13.597.583.471.191	12.078.698.315.461
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	10.223.103.652.755	9.467.577.787.859
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		3.374.479.818.436	2.611.120.527.602
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	662.253.294.380	653.031.946.029
Chi phí tài chính	22	29	91.940.330.560	175.173.435.774
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>81.954.942.655</i>	<i>166.966.118.245</i>
Chi phí bán hàng	25	30	2.791.723.055.753	2.256.012.833.574
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	318.386.798.292	264.833.603.001
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		834.682.928.211	568.132.601.282
Thu nhập khác	31		1.429.722.282	336.085.743
Chi phí khác	32		7.224.619	54.874.300
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.422.497.663	281.211.443
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		836.105.425.874	568.413.812.725
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	150.681.706.224	185.427.592.874
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	33	16.875.385.040	(71.465.630.507)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		668.548.334.610	454.451.850.358


Ngày 8 tháng 8 năm 2024

Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	836.105.425.874	568.413.812.725
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	5.671.746.460	19.358.316.213
Các khoản dự phòng	03	31.030.116.773	10.532.787.971
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	114.907.575	1.940.042.015
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(1.426.241.989)	(850.000)
Thu nhập lãi và thu nhập liên quan từ các hoạt động đầu tư	05	(655.672.126.085)	(649.738.397.856)
Chi phí lãi vay	06	81.954.942.655	166.966.118.245
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	297.778.771.263	117.471.829.313
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	77.469.839.522	(192.435.533.876)
Biến động hàng tồn kho	10	39.649.755.706	(10.204.914.302)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(584.066.158.659)	203.603.973.564
Biến động chi phí trả trước	12	(245.056.320)	7.439.487.892
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	1.182.315.585.603	(11.132.877.718)
		1.012.902.737.115	114.741.964.873
Tiền lãi vay đã trả	14	(82.916.359.089)	(168.868.364.817)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(302.884.168.982)	(125.460.670.789)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	627.102.209.044	(179.587.070.733)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(23.925.234.498)	(4.584.133.870)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.426.241.989	850.000
Tiền chi cho vay	23	(1.691.000.000.000)	(95.000.000.000)
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền chi cho các hoạt động đầu tư khác	23	(10.588.519.230.000)	(3.388.937.815.035)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	1.290.000.000.000	-
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền thu hồi các hoạt động đầu tư khác	24	6.626.000.000.000	879.600.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào một công ty con	25	-	(41.500.000.000)
Tiền thu lãi từ tiền gửi ngân hàng, cho vay, các hoạt động đầu tư khác và lợi nhuận được phân phối	27	2.030.169.217.595	2.892.654.688.563
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.355.849.004.914)	242.233.589.658
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	48.033.250.000	-
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	8.072.000.000.000	7.521.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(9.495.000.000.000)	(7.359.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(225.024.500)	(82.732.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.375.191.774.500)	161.917.267.500
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(3.103.938.570.370)	224.563.786.425
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	4.760.812.990.981	4.200.983.420.980
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(83.693.259)	(1.811.999)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	1.656.790.727.352	4.425.545.395.406

Ngày 8 tháng 8 năm 2024

Người lập:


 Phan Thị Thúy Hoa
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Huỳnh Việt Thăng
 Giám đốc Tài chính


 Nguyễn Hoàng Yến
 Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MS của các cổ đông của Công ty tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 25 tháng 4 năm 2024, các cổ đông đã thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc niêm yết vẫn chưa diễn ra.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn, nước khoáng; mua bán sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình; và cung cấp dịch vụ phân phối theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 1.664 nhân viên (1/1/2024: 1.514 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty con phát sinh lỗ, dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi công ty con sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 đến 10 năm.

(ii) Nhãn hiệu

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và lắp đặt tài sản cố định hữu hình và vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn chủ sở hữu

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)*

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu về cho vay, chứng khoán kinh doanh và các hoạt động đầu tư khác, lợi nhuận được phân phối từ các công ty con và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được xác lập. Lợi nhuận được phân phối liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các ngân hàng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ trước.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã soát xét của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng doanh thu của Công ty thường tăng vào quý 4 hàng năm do các nhà phân phối chuẩn bị cho nhu cầu tiêu dùng tăng cao trong những tháng trước Tết Nguyên đán, diễn ra vào quý 1 hàng năm. Theo đó, Công ty thường tăng mua các mặt hàng gia vị, thực phẩm tiện lợi và đồ uống không cồn từ công ty con, đồng thời tăng cường các hoạt động quảng cáo, khuyến mãi vào quý 4 hàng năm để thúc đẩy bán hàng trong thời gian cận kề mùa lễ hội.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	9.054.036	376.351.002
Tiền gửi ngân hàng	38.541.673.860	27.963.390.523
Các khoản tương đương tiền	1.618.239.999.456	4.732.473.249.456
	1.656.790.727.352	4.760.812.990.981

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

8. Đầu tư tài chính

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (a)	811.560.000.000	1.993.875.585.603
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	225.319.230.000	1.510.000.000.000
	1.036.879.230.000	3.503.875.585.603
 Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào các công ty con (c)	8.716.171.509.348	8.716.171.509.348

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2024				1/1/2024			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu doanh nghiệp do các bên thứ ba phát hành	8.000.000	811.560.000.000	(*)	-	9.510.200	1.993.875.585.603	(*)	-

Công ty đã mua các trái phiếu này với mục đích kinh doanh trong một khoảng thời gian ngắn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, trái phiếu có thời gian còn lại đến ngày đáo hạn là 6 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất 10%/năm. Các trái phiếu này được đảm bảo bởi tài sản của một bên thứ ba. Công ty có cam kết từ một bên liên quan sẽ mua lại các trái phiếu này trước ngày 1 tháng 10 năm 2024.

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh có thể khác với giá trị ghi sổ.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	225.319.230.000	1.510.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

(c) Đầu tư vào các công ty con

	30/6/2024		1/1/2024	
	% vốn sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% vốn sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Đầu tư vào các công ty con:				
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (i)	100%	3.671.400.009.348	100%	3.671.400.009.348
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (ii)	100%	4.315.000.000.000	100%	4.315.000.000.000
▪ Masan Consumer (Thailand) Limited (iii)	99,99%	64.771.500.000	99,99%	64.771.500.000
▪ Công ty TNHH Masan HPC (iv)	100%	605.000.000.000	100%	605.000.000.000
▪ Công ty TNHH Masan Innovation (v)	100%	60.000.000.000	100%	60.000.000.000
		<u>8.716.171.509.348</u>		<u>8.716.171.509.348</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Không có khoản dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các công ty con được trích lập trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (“MSF”) có 10 công ty con, bao gồm (1) Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan (“MSI”), (2) Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (“VTF”), (3) Công ty Cổ phần Masan PQ (“MPQ”), (4) Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (“MHD”), (5) Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB (“MMB”), (6) Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG (“MHG”), (7) Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc (“NPQ”), (8) Công ty TNHH Masan Long An (“MLA”), (9) Công ty TNHH Masan HN (“HNF”) và (10) Công ty TNHH Masan HG 2 (“MH2”). Các công ty con này, ngoại trừ MLA, HNF và MH2, là các công ty sản xuất và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua Công ty. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, MLA, HNF và MH2 vẫn chưa đi vào hoạt động. Xem thêm Thuyết minh 34 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (ii) Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage có 4 công ty con, bao gồm (1) Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“VCF”), (2) Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“VHC”), (3) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha (“KRP”) và (4) Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“QNW”). Các công ty con này là các công ty sản xuất và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua Công ty. Xem thêm Thuyết minh 34 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (iii) Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”) là một công ty thương mại và phân phối các sản phẩm của Công ty tại Thái Lan. Xem thêm Thuyết minh 34 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty con này.
- (iv) Công ty TNHH Masan HPC (“HPC”) có 1 công ty con là Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“NET”). NET là một công ty sản xuất sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình và phân phối sản phẩm của mình trực tiếp ra thị trường và thông qua Công ty. Xem thêm Thuyết minh 34 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (v) Công ty TNHH Masan Innovation (“INV”) có 1 công ty con là Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên nghiệp Joins Pro (“JPR”). JPR cung cấp dịch vụ giặt ủi. Xem thêm Thuyết minh 34 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Các công ty con khác được thành lập tại Việt Nam.

Biến động của khoản đầu tư vào các công ty con trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	8.716.171.509.348	8.640.671.509.348
Tăng trong kỳ	-	41.500.000.000
Số dư cuối kỳ	8.716.171.509.348	8.682.171.509.348

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu của khách hàng

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu từ các bên liên quan	654.754.177.573	809.595.127.405
Phải thu từ các bên thứ ba	265.023.391.553	206.389.327.334
	<hr/>	<hr/>
	919.777.569.126	1.015.984.454.739

Xem thêm Thuyết minh 34 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn.

10. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan	3.700.000.000.000	3.299.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan không được bảo đảm và hưởng lãi suất năm theo thỏa thuận trong từng hợp đồng. Các khoản cho vay này đáo hạn trong tháng 12 năm 2024. Lãi cho vay được thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày hoàn trả hoặc ngày đáo hạn của các khoản cho vay này. Xem thêm Thuyết minh 34 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu khác**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan:		
▪ Lợi nhuận được phân phối phải thu	2.337.484.273.753	3.886.484.273.753
▪ Lãi dự thu ngắn hạn từ cho vay (i)	387.559.232.873	253.675.616.434
▪ Ký quỹ ngắn hạn (ii)	67.199.190.493	67.199.190.493
▪ Các khoản phải thu khác (iii)	20.634.542.331	-
Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iv)	5.011.300.000.000	4.680.000.000.000
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iv)	21.726.729.862	197.006.383.561
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng và chứng khoán kinh doanh	4.818.148.284	18.501.174.589
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	7.285.684.000	2.309.650.000
Phải thu khác	1.979.832.791	2.738.707.257
	<hr/>	<hr/>
	7.859.987.634.387	9.107.914.996.087

- (i) Các khoản phải thu này phản ánh khoản lãi dự thu từ các khoản vay cấp cho các bên liên quan. Xem thêm Thuyết minh 10 và Thuyết minh 34 để biết thêm thông tin.
- (ii) Ký quỹ ngắn hạn phản ánh khoản đặt cọc với một bên liên quan cho việc thuê kho.
- (iii) Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu theo yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Các khoản đặt cọc dài hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iv)	10.290.200.000.000	5.374.300.000.000
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iv)	250.161.752.055	20.579.780.000
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn khác	17.898.957.721	24.126.331.721
	<hr/>	<hr/>
	10.558.260.709.776	5.419.006.111.721

- (iv) Các số dư ngắn hạn và dài hạn này phản ánh số tiền đặt cọc cho các bên thứ ba theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo các hợp đồng này, các bên thứ ba này cam kết trả cho Công ty mức lợi nhuận tối thiểu theo thỏa thuận trong từng hợp đồng hợp tác đầu tư.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	60.177.032.354	-	72.756.267.583	-
Nguyên vật liệu	134.042.859.005	(5.106.323.529)	99.567.825.347	(5.976.097.413)
Công cụ và dụng cụ	906.329.891	-	792.051.557	-
Thành phẩm	101.442.057.586	(2.782.509.014)	86.702.557.250	(925.260.985)
Hàng hóa	475.936.123.140	(18.665.174.598)	572.889.270.079	(6.688.537.736)
Hàng gửi đi bán	2.487.808.368	-	-	-
	774.992.210.344	(26.554.007.141)	832.707.971.816	(13.589.896.134)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	13.589.896.134	12.662.671.687
Tăng dự phòng trong kỳ	33.771.644.079	10.641.402.796
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(18.066.005.766)	(15.318.145.365)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(2.741.527.306)	(108.614.825)
Số dư cuối kỳ	26.554.007.141	7.877.314.293

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có 26.554 triệu VND (1/1/2024: 13.590 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	12.544.546.167	9.804.552.453	18.770.402.286	27.691.291.057	68.810.791.963
Tăng trong kỳ	-	580.280.200	-	163.340.000	743.620.200
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.254.959.380	-	-	-	1.254.959.380
Thanh lý	-	-	-	(64.149.390)	(64.149.390)
Số dư cuối kỳ	13.799.505.547	10.384.832.653	18.770.402.286	27.790.481.667	70.745.222.153
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	12.544.546.167	4.044.983.386	6.930.115.743	23.488.019.512	47.007.664.808
Khấu hao trong kỳ	74.699.965	626.458.848	1.319.289.072	691.453.745	2.711.901.630
Thanh lý	-	-	-	(64.149.390)	(64.149.390)
Số dư cuối kỳ	12.619.246.132	4.671.442.234	8.249.404.815	24.115.323.867	49.655.417.048
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	-	5.759.569.067	11.840.286.543	4.203.271.545	21.803.127.155
Số dư cuối kỳ	1.180.259.415	5.713.390.419	10.520.997.471	3.675.157.800	21.089.805.105

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 37.940 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1/1/2024: 37.580 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Nhãn hiệu VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	292.095.869.460	636.363.636	292.732.233.096
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.509.482.329	-	6.509.482.329
Số dư cuối kỳ	298.605.351.789	636.363.636	299.241.715.425
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	280.999.202.520	636.363.636	281.635.566.156
Khấu hao trong kỳ	2.959.844.830	-	2.959.844.830
Số dư cuối kỳ	283.959.047.350	636.363.636	284.595.410.986
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	11.096.666.940	-	11.096.666.940
Số dư cuối kỳ	14.646.304.439	-	14.646.304.439

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản cố nguyên giá 259.079 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1/1/2024: 258.975 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND
Số dư đầu kỳ	9.631.238.976
Tăng trong kỳ	24.124.174.534
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.254.959.380)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(6.509.482.329)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.112.658.976)
Số dư cuối kỳ	22.878.312.825

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Nhà cửa và vật kiến trúc	4.594.859.820	-
Máy móc và thiết bị	17.009.153.005	4.758.101.076
Khác	1.274.300.000	4.873.137.900
	22.878.312.825	9.631.238.976

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu kỳ	17.120.720.180
Tăng trong kỳ	3.983.587.337
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.112.658.976
Thanh lý	(35.483.341)
Phân bổ trong kỳ	(8.006.213.949)
Số dư cuối kỳ	<u>16.175.269.203</u>

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng phải trả	239.181.342.017	275.012.184.841
Chi phí kho vận phải trả	23.548.449.948	19.743.801.488
Chiết khấu thương mại phải trả	9.215.891.998	9.023.342.566
Chi phí phải trả khác	58.789.302.345	43.831.042.453
	<u>330.734.986.308</u>	<u>347.610.371.348</u>

18. Phải trả người bán

	30/6/2024 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2024 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan	1.343.992.640.742	1.762.372.924.260
Phải trả các bên thứ ba	165.615.787.422	199.097.307.059
	<u>1.509.608.428.164</u>	<u>1.961.470.231.319</u>

Xem thêm Thuyết minh 34 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong 90 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ/Hoàn lại VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	36.936.901.390	1.167.381.856.414	(39.472.107.218)	(1.134.657.340.753)	30.189.309.833
Thuế thu nhập doanh nghiệp	228.443.599.361	150.681.706.224	(302.884.168.982)	-	76.241.136.603
Thuế thu nhập cá nhân	5.766.275.847	60.948.028.723	(50.774.002.436)	(8.398.842.508)	7.541.459.626
Các loại thuế khác	253.661.142	23.755.277.237	(23.875.843.918)	-	133.094.461
	271.400.437.740	1.402.766.868.598	(417.006.122.554)	(1.143.056.183.261)	114.105.000.523

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	1.195.906.710.084	1.375.060.924.203
Chi phí trưng bày	122.513.859.424	105.239.342.264
Chi phí kho vận	117.742.249.741	98.719.007.442
Phải trả mua hàng hóa	63.612.861.595	70.362.156.376
Chi phí công nghệ thông tin	48.997.337.611	36.874.662.212
Chiết khấu thương mại	46.079.459.988	45.116.712.831
Thưởng và lương tháng 13	42.929.500.306	137.770.515.467
Chi phí lãi vay	10.298.761.645	11.260.178.079
Chi phí nghiên cứu thị trường	8.820.083.267	11.072.022.038
Chi phí khác	115.788.936.288	66.342.668.638
	1.772.689.759.949	1.957.818.189.550

21. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	48.819.450.000	48.033.250.000
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	4.421.067.537	2.032.065.855
Cố tức phải trả	6.453.085.600	6.678.110.100
Phải trả khác	95.564.942.761	95.628.636.901
	155.258.545.898	152.372.062.856

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	26.678.877.773	26.773.452.773

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay ngắn hạn

	1/1/2024		Biến động trong kỳ		30/6/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	5.845.000.000.000	5.845.000.000.000	8.072.000.000.000	(9.495.000.000.000)	4.422.000.000.000	4.422.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	3% – 4%	4.422.000.000.000	5.845.000.000.000

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(994.666.327.121)	13.877.708.130.327	23.767.989.409.064
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	454.451.850.358	454.451.850.358
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(994.666.327.121)	14.332.159.980.685	24.222.441.259.422
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(994.666.327.121)	16.914.388.090.010	26.804.669.368.747
Vốn cổ phần đã phát hành (Thuyết minh 24)	9.606.650.000	38.426.600.000	-	-	48.033.250.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	668.548.334.610	668.548.334.610
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	7.284.225.440.000	3.648.755.415.858	(994.666.327.121)	17.582.936.424.620	27.521.250.953.357

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	728.422.544	7.284.225.440.000	727.461.879	7.274.618.790.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	10.915.388	994.666.327.121	10.915.388	994.666.327.121
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	717.507.156	7.175.071.560.000	716.546.491	7.165.464.910.000
Thặng dư vốn cổ phần		3.648.755.415.858		3.610.328.815.858

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động số cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2024		30/6/2023	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu kỳ – hiện đang lưu hành	716.546.491	7.165.464.910.000	716.546.491	7.165.464.910.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	960.665	9.606.650.000	-	-
Số dư cuối kỳ – hiện đang lưu hành	717.507.156	7.175.071.560.000	716.546.491	7.165.464.910.000

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	85.123.407.076	123.056.905.548
Trong vòng 2 đến 5 năm	99.946.752.904	160.257.108.831
	185.070.159.980	283.314.014.379

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	22.027.165.808	25.078.315.274
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	14.999.151.249	22.522.796.589
	37.026.317.057	47.601.111.863

(c) Ngoại tệ

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	890.912	22.508.879.300	1.032.872	24.892.206.283

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	13.660.340.209.957	12.090.877.813.605
▪ Doanh thu khác và cung cấp dịch vụ	31.947.106.189	31.307.564.792
	<hr/>	<hr/>
	13.692.287.316.146	12.122.185.378.397
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	44.601.346.717	33.971.740.921
▪ Hàng bán bị trả lại	50.102.498.238	9.515.322.015
	<hr/>	<hr/>
	94.703.844.955	43.487.062.936
Doanh thu thuần	<hr/>	<hr/>
	13.597.583.471.191	12.078.698.315.461

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng đã bán	10.192.073.535.982	9.457.044.999.888
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	31.030.116.773	10.532.787.971
	<hr/>	<hr/>
	10.223.103.652.755	9.467.577.787.859

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, chứng khoán kinh doanh và hoạt động đầu tư khác	495.917.824.714	412.349.396.362
Thu nhập lãi từ các khoản cho các bên liên quan vay	133.883.616.439	237.389.001.494
Thu nhập lãi từ các khoản cho một bên thứ ba vay	25.870.684.932	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.579.488.295	3.293.548.173
Thu nhập khác	1.680.000	-
	<hr/>	<hr/>
	662.253.294.380	653.031.946.029

29. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	81.954.942.655	166.966.118.245
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.212.170.067	2.450.457.115
Chi phí khác	7.773.217.838	5.756.860.414
	<hr/>	<hr/>
	91.940.330.560	175.173.435.774

30. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	1.987.110.132.078	1.563.200.578.436
Chi phí kho vận	385.179.923.351	333.712.837.273
Chi phí nhân viên	243.548.955.040	230.442.946.771
Chi phí trưng bày	104.437.271.788	49.375.462.775
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	19.845.020.217	19.296.685.997
Chi phí nghiên cứu thị trường	12.303.204.998	31.497.827.419
Chi phí khác	39.298.548.281	28.486.494.903
	<hr/>	<hr/>
	2.791.723.055.753	2.256.012.833.574

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên	140.223.852.150	134.155.957.636
Chi phí thuê văn phòng	52.508.912.201	35.105.232.132
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	33.645.925.989	36.744.524.990
Chi phí nghiên cứu và phát triển	29.773.712.269	16.846.351.915
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.592.876.109	10.389.389.329
Chi phí khác	58.641.519.574	31.592.146.999
	318.386.798.292	264.833.603.001

32. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí hàng hóa và thành phẩm đã bán	10.192.073.535.982	9.457.044.999.888
Chi phí nhân viên	383.772.807.190	364.598.904.407
Chi phí khấu hao	5.671.746.460	19.358.316.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.624.804.102.891	2.085.779.500.937
Chi phí khác	126.891.314.277	61.642.502.989

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Kỳ hiện hành	150.681.706.224	185.427.592.874
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	16.875.385.040	(71.465.630.507)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	167.557.091.264	113.961.962.367

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	836.105.425.874	568.413.812.725
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	167.221.085.175	113.682.762.545
Chi phí không được khấu trừ thuế	336.006.089	279.199.822
	<u>167.557.091.264</u>	<u>113.961.962.367</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian cũng như từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể là đáng kể.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***34. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan**

Trong kỳ và tại ngày kết thúc kỳ/năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Các công ty mẹ cấp cao nhất					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Bán hàng hóa	5.700.000	64.498.179	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	481.882.788	788.776.284	481.882.788	-
	Phân bổ phí dịch vụ	-	-	(11.288.691.491)	(11.288.691.491)
Các công ty mẹ cấp cao					
Công ty TNHH The SHERPA	Bán hàng hóa	75.240.742	-	9.600.000	17.160.001
Công ty Cổ phần The CrownX	Bán hàng hóa	30.260.646	-	3.266.999	97.750.286
	Mua dịch vụ	10.906.500.000	9.250.000.000	(10.906.500.000)	-
Các công ty con					
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Phân phối lợi nhuận	-	-	2.229.235.817.339	3.778.235.817.339
	Góp vốn	-	41.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Masan HPC	Phân phối lợi nhuận	-	-	47.964.654.792	47.964.654.792
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	Bán hàng hóa	53.650.817.292	48.508.435.400	-	-
	Mua hàng hóa	926.773.180.506	864.279.285.747	(145.908.827.372)	(184.318.041.774)

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	Bán hàng hóa	138.362.515.946	133.132.428.219	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.782.836.874.325	2.462.354.508.822	(228.675.401.843)	(272.161.722.194)
	Cho vay	201.000.000.000	95.000.000.000	1.900.000.000.000	1.699.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	68.919.232.877	118.953.068.724	194.594.849.314	125.675.616.437
	Phí hỗ trợ quản lý	177.212.400	246.439.758	(177.212.400)	(406.822.357)
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	Bán hàng hóa	84.742.087.428	110.741.492.195	-	-
	Mua hàng hóa	2.365.011.507.397	2.659.822.571.793	(253.934.306.737)	(264.180.518.295)
	Cho vay	200.000.000.000	-	1.800.000.000.000	1.600.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	64.964.383.562	118.435.932.770	192.964.383.559	127.999.999.997
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	Bán hàng hóa	95.871.634.260	81.241.783.287	-	-
	Mua hàng hóa	1.884.453.943.419	1.501.828.874.557	(199.526.067.820)	(238.567.718.287)
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Bán hàng hóa	8.360.010	2.287.600	-	-
Công ty Cổ phần Masan PQ	Bán hàng hóa	14.876.049	10.935.193	-	-
	Mua hàng hóa	1.250.167.920	44.542.800	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	Bán hàng hóa	210.563.104	162.193.898	-	-
	Mua hàng hóa	43.028.069.477	49.123.430.227	(19.707.465.404)	(40.318.832.834)
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Phân phối lợi nhuận	-	-	60.283.801.622	60.283.801.622

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	Bán hàng hóa	35.258.985.262	27.939.535.599	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	932.375.170.326	863.977.539.986	(166.876.969.459)	(307.863.278.749)
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vinh Hảo	Bán hàng hóa	887.092.518	224.538.817	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	242.603.910.654	243.077.667.167	(98.736.819.583)	(65.696.101.027)
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	Bán hàng hóa	47.745.407	35.481.010	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	115.971.430.700	129.296.828.105	(80.026.837.974)	(54.943.741.944)
Masan Consumer (Thailand) Limited	Bán hàng hóa	26.539.517.691	22.865.236.485	12.858.738.929	16.346.435.761
Công ty Cổ phần Bột giặt NET	Bán hàng hóa	3.542.728.303	110.039.540	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	148.765.607.782	206.223.666.779	(5.774.012.722)	(50.191.064.962)
	Người mua trả tiền trước	-	-	(2.175.155.687)	-
Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên Nghiệp Joins Pro	Bán hàng hóa	95.890.911	7.384.091	40.612.501	158.540.200
	Mua hàng hóa	1.167.000	-	-	-
Các bên liên quan khác					
Công ty Cổ phần Masan JinJu và chi nhánh	Bán hàng hóa	2.766.943.133	2.740.823.594	-	-
	Phí dịch vụ phân phối	29.220.386.491	30.286.301.883	-	-
	Phải trả tiền bán hàng thu hộ của dịch vụ phân phối	-	-	(132.147.048.275)	(269.362.001.707)
	Phí hỗ trợ bán hàng và giao hàng của dịch vụ phân phối	32.771.659.469	57.218.377.711	4.231.264.478	-
	Mua hàng hóa	514.593.396	533.896.638	-	(99.716.423)
	Mua tài sản cố định	-	-	-	(463.005.059)

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Bán hàng hóa	4.158.514	27.598.777	2.644.113	-
	Mua hàng hóa	627.857.675	189.446.799	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	15.145.632.855	25.625.112.205	73.659.591.213	59.202.736.386
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	170.170.177	131.021.709	68.780.608	32.819.972
	Mua hàng hóa	-	2.982.000	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	30.381.499	76.449.879	16.000.458	15.179.972
Công ty TNHH Masan Brewery MB	Đặt cọc thuê kho	-	4.300.000.000	67.199.190.493	67.199.190.493
	Mua dịch vụ	2.919.000.000	1.512.000.000	(557.158.632)	(2.289.836.809)
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Bán hàng hóa	7.144.444	15.763.633	3.858.000	2.178.000
	Bán tài sản cố định	1.424.423.807	-	1.566.866.188	-
	Phí hỗ trợ quản lý	12.982.973.038	12.087.367.941	25.039.479.723	24.054.314.116
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Bán hàng hóa	115.110.325	99.180.000	188.296.352	-
	Mua hàng hóa	5.777.738.497	13.631.336	(307.571.230)	(397.587.600)
	Phí hỗ trợ quản lý	-	353.637.679	-	-
Công ty TNHH MEATDeli HN	Bán hàng hóa	31.504.444	47.206.764	-	174.339.055
	Mua hàng hóa	-	20.648.950	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	-	432.223.823	-	-
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	Bán hàng hóa	9.074.074	18.484.846	-	8.075.000
	Mua hàng hóa	1.688.592	2.686.152	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty Cổ phần 3F VIỆT và chi nhánh	Bán hàng hóa	155.284.294	-	167.707.038	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Bán hàng hóa	496.640.576	473.140.438	105.575.707	147.621.167
	Phí hỗ trợ quản lý	38.499.873	69.743.142	191.496.750	152.996.877
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	Bán hàng hóa	887.190.684.952	571.372.336.186	515.460.796.757	629.796.071.880
	Bán tài sản cố định	-	-	-	1.024.452.448
	Mua hàng hóa và dịch vụ	261.377.158.756	115.748.567.369	(3.264.576.653)	-
	Phân bổ tiền thuê văn phòng	11.265.014.948	11.698.409.628	12.377.855.107	6.886.915.115
	Chiết khấu thanh toán và hỗ trợ bán hàng khác phải trả	10.763.390.228	7.757.462.045	-	-
	Phải thu tiền bán hàng thu hộ của hoạt động dịch vụ phân phối	-	-	26.285.734.413	67.572.186.586
	Phải thu khác	-	-	17.000.000	17.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Wineco	Phân bổ tiền thuê văn phòng	336.911.042	420.235.308	370.602.147	234.007.780
	Mua hàng hóa	185.467.374	-	-	-
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	Bán hàng hóa	975.888.659	405.974.333	80.640.000	312.363.921
	Mua hàng hóa	4.704.542.471	21.955.013	(764.467.200)	(660.960.000)
	Phí hỗ trợ quản lý	-	2.305.786.302	1.553.272.731	1.553.272.731
Công ty Cổ phần Mobicast	Mua dịch vụ	3.129.342.481	2.492.926.243	-	(221.830.348)



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty Cổ phần The Supra	Bán hàng hóa	130.353.363	95.762.988	23.507.904	23.389.399
	Mua dịch vụ	6.338.022.265	274.759.400	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	600.649.000	895.798.500	600.649.000	1.782.320.752
	Phải trả khác	-	-	(3.000.000)	(3.000.000)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương (*)	Mua chứng khoán kinh doanh	-	811.560.000.000	-	-
	Bán chứng khoán kinh doanh	1.182.315.585.603	800.427.122.282	-	-
Thành viên quản lý chủ chốt (**)	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	8.079.678.258	7.810.616.394	-	-

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty cũng có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”), một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

(**) Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán của Công ty không nhận thù lao cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty bảo lãnh cho các khoản vay ngân hàng của các bên liên quan với giá trị ghi sổ là 606.583 triệu VND (1/1/2024: 1.017.516 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Trong tháng 6 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết phê duyệt việc chi trả cổ tức năm 2023 còn lại bằng tiền với tỷ lệ 55%/cổ phiếu (5.500VND mỗi cổ phiếu). Danh sách cổ đông hưởng cổ tức đã được chốt trong tháng 7 năm 2024. Cổ tức đã được ghi nhận và chi trả sau khi danh sách cổ đông hưởng cổ tức được chốt.

Trong tháng 7 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết phê duyệt kế hoạch phát hành cổ phiếu của Công ty cho nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) sau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên vào tháng 4 năm 2024. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc phát hành cổ phiếu theo ESOP chưa được hoàn tất.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Ngày 8 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền





Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

THƯ ỦY QUYỀN

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2024

Kính gửi các cơ quan hữu quan,

Tôi, **WARRICK ANTONY CLEINE** ("**Người Ủy Quyền**"), Hộ chiếu số LT550250 cấp ngày 8 tháng 7 năm 2019 tại New Zealand, là Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật của **CÔNG TY TNHH KPMG** ("**Công ty**") có địa chỉ tại Tầng 46 Tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, Tòa nhà 72 tầng, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, và đồng thời là Người đứng đầu **Chi nhánh Công Ty TNHH KPMG** ("**Chi nhánh**") có địa chỉ tại số 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, bằng văn bản này ủy quyền cho cá nhân sau đây ("**Người Được Ủy Quyền**"):

- | | | |
|---|-------------------|---------------------------|
| - | Họ tên | : TRƯƠNG VĨNH PHÚC |
| - | Căn cước công dân | |
| + | Số | : 052080014348 |
| + | Ngày cấp | : 17/12/2021 |
| + | Nơi cấp | : Việt Nam |
| - | Chức vụ | : Phó Tổng Giám đốc |

với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của tôi để ký kết các văn bản, giấy tờ sau đây, kể cả các văn bản được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung của các văn bản, giấy tờ này:

- các hồ sơ/thư đề xuất dịch vụ, hồ sơ dự thầu, các thư thỏa thuận cung ứng dịch vụ và các hợp đồng cung cấp các dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác với số tiền không vượt quá 5.000.000.000VND (bằng chữ: năm tỷ Đồng Việt Nam) cho mỗi giao dịch;
- các báo cáo kiểm toán, báo cáo soát xét và các báo cáo khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác; và
- các thư từ, trao đổi và thỏa thuận khác, bao gồm thư thỏa thuận với các nhà thầu thứ ba, có liên quan trực tiếp đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác với số tiền không vượt quá 2.000.000.000VND (bằng chữ: hai tỷ Đồng Việt Nam) cho mỗi giao dịch (không áp dụng cho các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ nói chung của Công ty hoặc của Chi nhánh mà không liên quan trực tiếp đến việc cung cấp một dịch vụ kiểm toán và/hoặc một dịch vụ có liên quan khác).





Thư Ủy Quyền này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024, trừ trường hợp bị chấm dứt trước thời hạn hoặc được gia hạn thêm bởi thông báo khác bằng văn bản của tôi.

Thư Ủy Quyền này được lập thành năm (05) bản tiếng Việt và năm (05) bản tiếng Anh, có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

Người Ủy Quyền

Người Được Ủy Quyền


TRƯƠNG VĨNH PHÚC

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính.

Số chứng thực...0.7.6.4.9...Quyển số...SCT/BS

Ngày...**31-07-2024**.....

↳ Trưởng phòng Tư pháp Quận 7



Nguyễn Thành Trung



GIẤY ỦY QUYỀN

BÊN ỦY QUYỀN:

Ông : **TRƯƠNG CÔNG THẮNG**

Chức danh : Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:

Bà : **NGUYỄN HOÀNG YÊN**

CCCD số : 001163038116, Ngày cấp: 07/06/2023, nơi cấp: Cục CS QL HC về TTXH.

NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Điều 1. Bên Ủy quyền theo đây ủy quyền cho Bên Nhận ủy quyền và Bên Nhận ủy quyền đồng ý nhận ủy quyền thực hiện các công việc sau:

STT	Lĩnh vực	Diễn giải
1	Tài chính – Ngân hàng	<p>1.1. Toàn quyền quản lý, điều hành và sử dụng tài khoản tại Ngân hàng theo chính sách/quy định chung của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền sau:</p> <p>1.1.1. Thực hiện các yêu cầu mở tài khoản, đóng tài khoản và thực hiện tất cả các giao dịch liên quan đến mở tài khoản tại các Ngân hàng (bao gồm nhưng không giới hạn: thay đổi thông tin tài khoản, thông tin dịch vụ ngân hàng điện tử; truy vấn thông tin giao dịch liên quan đến các tài khoản; thay đổi thông tin liên quan hồ sơ pháp lý như thay đổi giấy phép kinh doanh, điều lệ, thay đổi mẫu dấu, ...);</p> <p>1.1.2. Ký kết các Hợp đồng, thỏa thuận, hồ sơ, chứng từ liên quan đến tất cả các dịch vụ tài khoản (bao gồm nhưng không giới hạn: dịch vụ thẻ, SMS, dịch vụ ngân hàng điện tử, giao dịch qua Fax/Email, công văn phí giao dịch ngân hàng, ...)</p> <p>1.1.3. Ký kết các Hợp đồng trả lương, Hợp đồng/thỏa thuận dịch vụ/gói giải pháp tại Ngân hàng;</p> <p>1.1.4. Ký kết và phê duyệt các đề nghị trả nợ trước hạn/đến hạn khoản vay, trích tiền từ tài khoản thanh toán để trả nợ gốc, lãi vay, phí và các chi phí khác;</p>



		<p>1.1.5. Ký kết các công văn yêu cầu cung cấp hay xác nhận số dư với Ngân hàng; đối chiếu giao dịch và/hoặc số dư với Khách hàng, nhà cung cấp, Bên liên quan theo yêu cầu của Kiểm toán hay cơ quan chức năng.</p>
		<p>1.2. Ký kết các Hợp đồng mua bán ngoại tệ (spot, swap, hedging, option, future, ...) theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.3. Ký kết và thực hiện các Hợp đồng tiền gửi, các thư rút trước hạn hợp đồng tiền gửi – không kể giá trị/loại tiền/kỳ hạn theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.4. Ký kết các hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.5. Ký kết các biên bản định giá/tái định giá tài sản thế chấp, các biên bản bàn giao chứng từ cầm cố thế chấp, các báo cáo cập nhật tình hình tài sản thế chấp khi Ngân hàng yêu cầu; các chứng từ đăng ký giao dịch đảm bảo với cơ quan chức năng;</p>
		<p>1.6. Ký kết các hợp đồng tín dụng lần đầu cấp hạn mức và các sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) được phê duyệt theo Nghị quyết/Quyết định, quy chế công ty; ký kết các hợp đồng liên quan định kỳ gia hạn hằng năm để bổ sung vốn lưu động nếu hạn mức không đổi theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.7. Ký kết các hợp đồng, hồ sơ, chứng từ liên quan đến tín dụng, vay vốn (bao gồm phát hành thư tín dụng, phát hành thư bảo lãnh, chiết khấu bộ chứng từ, giấy nhận nợ, gia hạn nợ, thay đổi lãi suất, ...); liên quan đến cầm cố thế chấp tài sản theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.8. Ký kết và tái ký định kỳ hằng năm các hợp đồng khung liên quan chương trình Ngân hàng hỗ trợ nhà phân phối, nhà cung cấp theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.9. Đại diện làm việc, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại với Ngân hàng (nếu có);</p>
		<p>1.10. Ký kết các báo cáo định kỳ hàng quý cung cấp cho Ngân hàng để xếp hạng tín dụng;</p>
		<p>1.11. Ký các công văn, giấy tờ, báo cáo liên quan đến Tài chính (như Báo cáo tài chính, báo cáo tài chính soát xét và kiểm toán, ...); và thư từ khác gửi đến cơ quan có thẩm quyền liên quan đến các nội dung này.</p>
		<p>1.12. Chứng thực bản sao từ bản chính các tài liệu cung cấp cho Ngân hàng theo đúng quy định của Pháp luật và quy chế văn thư lưu trữ của Công ty.</p>
		<p>1.13. Ký các hồ sơ, giấy tờ liên quan tới: Các thủ tục đăng ký thuế, báo cáo thuế, thanh kiểm tra thuế bao gồm các tờ khai thuế, thông báo thuế, biên</p>

20
 ĐƠN
 CỐ I
 IG T
 M/

		<p>bản làm việc, công văn giải trình và các thư từ khác gửi cơ quan có thẩm quyền liên quan đến các nội dung này;</p> <p>1.14. Ký các giấy tờ phát sinh từ hoặc liên quan đến việc xác nhận/đối chiếu giao dịch và/hoặc số dư công nợ với Nhà cung cấp, Khách hàng và các Bên liên quan; nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí, các khoản phạt hành chính với cơ quan nhà nước.</p> <p>1.15. Thực hiện và ký kết các tài liệu nội bộ liên quan đến vấn đề phê duyệt tài chính, thanh toán;</p> <p>1.16. Ký kết danh mục tài sản định kỳ hằng quý cung cấp cho Công ty Bảo Hiểm để cập nhật giá trị mua bảo hiểm rủi ro hàng tồn kho và tài sản;</p> <p>1.17. Ký các hợp đồng, hồ sơ, chứng từ giao dịch khác tại Ngân hàng.</p>
2	Ký Hợp đồng và hồ sơ, tài liệu	<p>2.1. Đại diện Bên ủy quyền ký kết các hợp đồng, thỏa thuận, hồ sơ chứng từ phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Ký hồ sơ, văn bản chào giá cạnh tranh, mời thầu, lựa chọn nhà thầu, duyệt giá, ... liên quan đến hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ, công nghệ thông tin của Công ty; b. Ký các hợp đồng thương mại – mua/bán hàng hóa, dịch vụ, công nghệ thông tin; hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu; và tất cả các loại hợp đồng khác không kê giá trị; c. Ký hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ khác liên quan đến việc thực hiện hợp đồng (<i>biên bản giao nhận, nghiệm thu, thanh lý, tờ khai xuất nhập khẩu, ...</i>); d. Ký các công văn, giấy tờ (bao gồm các giấy tờ liên quan tới: Công bố thông tin; báo cáo tài chính, báo cáo thuế, báo cáo kiểm toán, ...); thư từ, giấy giới thiệu, đơn, xin giấy phép, đăng ký sản phẩm; các hồ sơ, tài liệu, thủ tục liên quan đến nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, quyền tác giả và các quyền sở hữu trí tuệ khác, quảng cáo, khuyến mại, vệ sinh an toàn thực phẩm; tờ khai xuất khẩu; sao y bản chính tài liệu và các văn bản hành chính khác; e. Ký các hợp đồng, tài liệu liên quan đến việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp của Công ty trong các doanh nghiệp khác và các hồ sơ đăng ký liên quan; f. Ký các cam kết với các đối tác, khách hàng. <p>2.2. Thanh toán các nghĩa vụ Hợp đồng, thỏa thuận, các nghĩa vụ thuế, phí, các nghĩa vụ tài chính khác với các bên thứ Ba liên quan và/hoặc cơ quan Nhà nước.</p>
3	Lao động	Ký kết Hợp đồng lao động, các Quyết định tuyển dụng, chuyển chuyên, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, tạm đình chỉ công việc, nghỉ việc, chấm dứt Hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, cam kết minh bạch đối với nhân viên trong Công ty.
4	Đại diện làm việc với Bên Thứ ba	Đại diện làm việc, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại với đối tác, người tiêu dùng và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật; đưa ra các ý kiến, giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu; ký và đóng dấu công ty lên các văn bản trong quá trình làm việc với các Bên thứ ba nêu trên.
5	Khác	Ký và thực hiện các quyết định đầu tư tài sản cố định theo thẩm quyền quy định trong quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty.

19c
TY
ĂN
DÌ
AN
10

	Các quyết định thanh lý, hủy tài sản cố định, hàng hóa, nguyên vật liệu: Theo thẩm quyền quy định trong quy chế nội bộ và Điều lệ Công ty.
--	---

Điều 2: Bên Nhận ủy quyền có trách nhiệm thực hiện những công việc trong phạm vi ủy quyền và theo chính sách/quy định chung của Công ty (nếu có), được phép ủy quyền lại nội dung Mục 1, Mục 2.1.a, 2.1.b, 2.1.c, 2.1.d, 2.1.f, Mục 4, Mục 5 Điều 1 cho Bên Thứ ba và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền lại trước Bên ủy Quyền.

Điều 3: Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 31/12/2024 hoặc khi có Thông báo/Giấy ủy quyền thay thế hoặc hủy bỏ giấy ủy quyền này. Giấy ủy quyền được lập thành 03 (ba) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN ỦY QUYỀN



TRƯƠNG CÔNG THẮNG

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN



NGUYỄN HOÀNG YẾN





**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 31 tháng 1 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Quang
Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Bà Nguyễn Thu Hiền

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Bà Nguyễn Thu Hiền
Ông Nguyễn Thiệu Quang

Chủ tịch
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Phạm Hồng Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

0112
CHI
ÔNG
K
YH PH

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 8 năm 2024

HA
CY
M
HỒ



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 7 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-01-00548-24-2




Trương Vinh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 8 năm 2024



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		19.864.529.102.925	23.921.695.273.733
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	3.002.764.160.491	5.789.870.873.591
Tiền	111		106.724.161.035	159.897.624.135
Các khoản tương đương tiền	112		2.896.039.999.456	5.629.973.249.456
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.777.356.230.000	4.908.122.525.558
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	1.216.544.000.000	2.592.779.525.558
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	1.560.812.230.000	2.315.343.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.593.704.395.638	10.989.266.253.040
Phải thu của khách hàng	131	10	975.788.249.212	1.068.837.859.281
Trả trước cho người bán	132		313.950.024.520	297.602.347.854
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	3.871.430.547.940	3.492.430.547.940
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	6.432.535.573.966	6.130.395.497.965
Hàng tồn kho	140	13	2.424.942.896.279	2.178.374.332.996
Hàng tồn kho	141		2.461.098.877.093	2.220.500.505.262
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(36.155.980.814)	(42.126.172.266)
Tài sản ngắn hạn khác	150		65.761.420.517	56.061.288.548
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		24.727.577.988	15.261.335.004
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38.200.971.211	37.879.347.121
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.832.871.318	2.920.606.423

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		21.958.998.616.784	16.630.993.661.720
Các khoản phải thu dài hạn	210		14.821.482.186.153	9.338.160.677.026
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	14.821.482.186.153	9.338.160.677.026
Tài sản cố định	220		5.427.056.283.513	5.552.374.681.907
Tài sản cố định hữu hình	221	14	4.683.183.039.331	4.789.111.012.429
<i>Nguyên giá</i>	222		9.768.073.082.931	9.619.243.660.832
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.084.890.043.600)	(4.830.132.648.403)
Tài sản cố định vô hình	227	15	743.873.244.182	763.263.669.478
<i>Nguyên giá</i>	228		2.408.309.496.258	2.397.933.897.522
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.664.436.252.076)	(1.634.670.228.044)
Bất động sản đầu tư	230	16	4.941.869.246	5.749.808.978
<i>Nguyên giá</i>	231		18.627.973.918	18.627.973.918
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(13.686.104.672)	(12.878.164.940)
Tài sản dở dang dài hạn	240		255.043.626.230	275.199.403.100
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	255.043.626.230	275.199.403.100
Đầu tư tài chính dài hạn	250		311.450.264.468	294.757.072.601
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	9(c)	311.450.264.468	294.757.072.601
Tài sản dài hạn khác	260		1.139.024.387.174	1.164.752.018.108
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	646.529.701.776	644.959.073.099
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	378.329.659.877	394.126.932.594
Lợi thế thương mại	269	20	114.165.025.521	125.666.012.415
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		41.823.527.719.709	40.552.688.935.453

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		11.941.501.436.008	14.177.129.757.033
Nợ ngắn hạn	310		11.669.851.301.887	13.728.746.969.395
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	1.800.446.612.821	2.023.711.673.115
Người mua trả tiền trước	312		77.752.680.681	66.137.653.839
Thuế phải nộp Nhà nước	313	22	405.957.967.464	593.031.958.022
Phải trả người lao động	314		103.487.057.232	279.692.397
Chi phí phải trả	315	23	2.147.576.243.214	2.385.300.904.155
Phải trả ngắn hạn khác	319	24(a)	165.643.128.890	163.606.696.919
Vay ngắn hạn	320	25(a)	6.941.112.085.997	8.468.802.865.360
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		27.875.525.588	27.875.525.588
Nợ dài hạn	330		271.650.134.121	448.382.787.638
Phải trả người bán dài hạn	331	21	17.052.749.500	19.288.737.000
Phải trả dài hạn khác	337	24(b)	29.941.913.388	30.438.053.506
Vay dài hạn	338	25(b)	57.738.648.067	227.387.827.971
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	155.122.817.029	159.914.589.911
Dự phòng phải trả dài hạn	342		11.794.006.137	11.353.579.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		29.882.026.283.701	26.375.559.178.420
Vốn chủ sở hữu	410	26	29.882.026.283.701	26.375.559.178.420
Vốn cổ phần	411	27	7.284.225.440.000	7.274.618.790.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	27	3.648.755.415.858	3.610.328.815.858
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(265.775.657.006)	(265.775.657.006)
Cổ phiếu quỹ	415	27	(994.666.327.121)	(994.666.327.121)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		8.521.706.685	8.323.564.190
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.731.972.844	22.731.972.844
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.525.893.889.124	16.124.127.868.061
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		16.124.127.868.061	9.038.963.882.667
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		3.401.766.021.063	7.085.163.985.394
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		652.339.843.317	595.870.151.594
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		41.823.527.719.709	40.552.688.935.453

Ngày 8 tháng 8 năm 2024

Người lập:


 Phan Thị Thúy Hoa
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Huỳnh Việt Thăng
 Giám đốc Tài chính


 Nguyễn Hoàng Yến
 Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	14.086.537.192.034	12.566.651.161.401
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	118.568.010.532	52.480.608.655
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	29	13.967.969.181.502	12.514.170.552.746
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	7.475.782.168.711	6.926.387.996.926
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		6.492.187.012.791	5.587.782.555.820
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	901.013.768.973	890.147.864.587
Chi phí tài chính	22	32	161.652.831.405	278.201.734.614
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>136.774.179.341</i>	<i>262.944.878.670</i>
Phần lãi trong một công ty liên kết	24	9(c)	29.989.276.867	33.762.699.348
Chi phí bán hàng	25	33	2.870.269.678.859	2.364.917.223.952
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	469.515.730.077	445.511.635.918
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		3.921.751.818.290	3.423.062.525.271
Thu nhập khác	31		2.883.499.945	2.581.197.591
Chi phí khác	32		1.927.565.647	3.946.517.259
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		955.934.298	(1.365.319.668)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.922.707.752.588	3.421.697.205.603
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	453.466.540.377	446.375.511.720
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	35	11.005.499.835	(72.635.180.649)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		3.458.235.712.376	3.047.956.874.532

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		3.458.235.712.376	3.047.956.874.532
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		3.401.766.021.063	3.000.490.447.162
Cổ đông không kiểm soát	62		56.469.691.313	47.466.427.370
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	4.742	4.187

Ngày 8 tháng 8 năm 2024

Người lập:


 Phan Thị Thúy Hoa
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Huỳnh Việt Thăng
 Giám đốc Tài chính


 Nguyễn Hoàng Yên
 Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	3.922.707.752.588	3.421.697.205.603
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	342.671.634.144	331.595.312.946
Các khoản dự phòng	03	37.323.315.458	33.225.447.643
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.252.303.716	3.105.753.660
(Lãi)/lỗ từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	05	(1.142.159.612)	1.389.705.567
Thu nhập lãi và thu nhập khác từ các hoạt động đầu tư	05	(885.513.974.598)	(877.691.304.916)
Lợi nhuận được chia từ một công ty liên kết	05	(29.989.276.867)	(33.762.699.348)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06	139.265.679.337	264.381.378.666
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	3.526.575.274.166	3.143.940.799.821
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	58.040.230.838	(150.772.062.338)
Biến động hàng tồn kho	10	(283.451.451.854)	51.308.233.912
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(262.358.146.001)	748.790.926.128
Biến động chi phí trả trước	12	12.200.589.514	26.824.589.550
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	1.376.235.525.558	(14.372.282.120)
		4.427.242.022.221	3.805.720.204.953
Tiền lãi vay đã trả	14	(141.535.419.793)	(263.911.003.977)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(680.821.146.013)	(213.690.016.090)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.604.885.456.415	3.328.119.184.886
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(259.841.427.936)	(346.199.303.738)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	5.394.295.034	1.564.299.405
Tiền chi cho vay	23	(1.915.000.000.000)	(141.000.000.000)
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền chi cho các hoạt động đầu tư khác	23	(13.162.012.230.000)	(4.799.510.815.035)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	1.536.000.000.000	-
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền thu hồi các hoạt động đầu tư khác	24	8.428.343.000.000	1.197.743.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay, các hoạt động đầu tư khác và cổ tức	27	624.859.584.123	227.588.210.447
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.742.256.778.779)	(3.859.814.608.921)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	48.033.250.000	-
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	11.105.330.704.609	9.686.037.915.943
Tiền chi trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(12.802.680.345.230)	(9.432.240.104.189)
Tiền chi trả cổ tức	36	(554.232.500)	(82.732.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.649.870.623.121)	253.715.079.254
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(2.787.241.945.485)	(277.980.344.781)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	5.789.870.873.591	5.588.278.453.404
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(39.117.114)	(8.207.238)
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	61	174.349.499	(1.148.590.073)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	3.002.764.160.491	5.309.141.311.312

Ngày 8 tháng 8 năm 2024

Người lập:


 Phan Thị Thúy Hoa
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Huỳnh Việt Thăng
 Giám đốc Tài chính


 Nguyễn Hoàng Yến
 Đại diện theo ủy quyền



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MSK của các cổ đông của Công ty tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 25 tháng 4 năm 2024, các cổ đông đã thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc niêm yết vẫn chưa diễn ra.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn, nước khoáng; mua bán sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình; và cung cấp dịch vụ phân phối theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 16 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2024: 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 17 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết). Thông tin về các công ty con và công ty liên kết được mô tả như sau:

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				30/6/2024	1/1/2024	30/6/2024	1/1/2024
Các công ty con sở hữu trực tiếp							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
3	Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”)	Kinh doanh và phân phối	Số 83, Lầu 4, Đường Amnuay Songkhram, Tiều khu Tanon Nakornchaisri, Quận Dusit, Bangkok, Thái Lan.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Masan HPC	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
5	Công ty TNHH Masan Innovation	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				30/6/2024	1/1/2024	30/6/2024	1/1/2024
Các công ty con sở hữu gián tiếp							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	(i) Sản xuất gia vị và nước uống đóng chai	Lô III-10, Đường số 1, Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
3	Công ty Cổ phần Masan PQ	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Masan Long An	(i) Sản xuất gia vị và nước uống đóng chai	Ấp 2, Xã Thạnh Hòa, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
5	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	(i) Sản xuất thực phẩm tiện lợi và gia vị	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
6	Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì và đồ uống	Khu B, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Long, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				30/6/2024	1/1/2024	30/6/2024	1/1/2024
7	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì và đồ uống	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
8	Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
9	Công ty TNHH Masan HN	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi, gia vị và bao bì	Lô CN-08 và CN-14, Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cường, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
10	Công ty TNHH Masan HG 2	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi, đồ uống, gia vị và bao bì	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Phường Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
11	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	98,79%	98,79%	98,79%	98,79%
12	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hào	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống và bao bì	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hào, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	89,52%	89,52%	89,52%	89,52%
13	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	(iii) Sản xuất đồ uống	Km 37, Xa lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	89,52%	89,52%	99,999%	99,999%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				30/6/2024	1/1/2024	30/6/2024	1/1/2024
14	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Nhóm 3A, Khu 4, Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.	65,85%	65,85%	65,85%	65,85%
15	Công ty Cổ phần Bột giặt NET	(iv) Sản xuất và kinh doanh sản phẩm chăm sóc gia đình	Đường D4, Khu Công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	52,25%	52,25%	52,25%	52,25%
16	Công ty TNHH Hi-Fresh	(v) (vi) Kinh doanh và phân phối	Tầng 8, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	-	100%	-	100%
17	Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên nghiệp Joins Pro	(v) Cung cấp dịch vụ giặt ủi	Tầng 8, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	(i) Sản xuất và kinh doanh gia vị	Lô C40 – 43/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	32,83%	32,83%	32,83%	32,83%



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các công ty con và công ty liên kết này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan.
- (ii) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage.
- (iii) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.
- (iv) Công ty Cổ phần Bột giặt NET được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Masan HPC.
- (v) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Masan Innovation.
- (vi) Công ty TNHH Hi-Fresh (“HIF”) đã giải thể trong kỳ.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Tất cả các công ty con khác và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn có 5.154 nhân viên (1/1/2024: 5.061 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu được từ hoặc chi cho giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 202”), các chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các câu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

2-01
HÀ
T
M
HỒ

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...). Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư tài chính dài hạn) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch và số dư được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch, số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá phí mua và giá trị thuần của tài sản được mua được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả của việc áp dụng Thông tư 202, những chênh lệch này được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ các giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc khi các công ty được thành lập vào ngày sau ngày bắt đầu của các kỳ báo cáo trình bày gần nhất, cho các giai đoạn từ ngày thành lập đến hết ngày kết thúc các kỳ báo cáo tương ứng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(vii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Lợi thế thương mại phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 3(1)). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn. Lỗ lũy kế được tính toán từ lỗ thuần đã được quy đổi. Doanh thu, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài sang VND được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi cho giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 35 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 19 năm đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 năm đến 10 năm.

(iii) Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 17 năm đến 30 năm.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Nhân hiệu

Giá mua nhân hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 10 năm.

Giá trị hợp lý của nhân hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 10 năm đến 30 năm. Giá trị hợp lý của nhân hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu nhân hiệu đó.

(v) Quan hệ khách hàng

Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 5 năm đến 15 năm.

(vi) Tài nguyên nước khoáng

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá chào bán/giá giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 10 năm đến 37 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc của công ty con. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 – 25 năm
- cơ sở hạ tầng 5 – 20 năm

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và lắp đặt tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước và phí sử dụng hạ tầng

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 42 năm đến 50 năm.

Phí sử dụng hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp. Phí sử dụng hạ tầng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng dao động từ 46 năm đến 47 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cho giai đoạn 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(iii) Chi phí sắp xếp khoản vay

Chi phí sắp xếp khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của các khoản vay liên quan.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(m) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu đồng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(o) *Vốn chủ sở hữu*

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phân chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu*

Biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông không kiểm soát mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát cho giai đoạn trước ngày 1 tháng 1 năm 2015 được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

(iii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)*

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản từ các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê trong suốt thời hạn thuê.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu về cho vay, chứng khoán kinh doanh và các hoạt động đầu tư khác và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các ngân hàng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ kế toán) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn lần lượt được lập dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản thu nhập lãi liên quan, các khoản đầu tư và các thu nhập và chi phí phát sinh liên quan, các khoản vay và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của văn phòng chính Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào từng bộ phận.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã soát xét của Tập đoàn tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng doanh thu của Tập đoàn thường tăng vào quý 4 hàng năm do các nhà phân phối chuẩn bị cho nhu cầu tiêu dùng tăng cao trong những tháng trước Tết Nguyên đán diễn ra vào quý 1 hàng năm. Theo đó, Tập đoàn thường tăng cường sản xuất các sản phẩm gia vị, thực phẩm tiện lợi và đồ uống không cồn và đồng thời tăng cường các hoạt động quảng cáo, khuyến mại vào quý 4 hàng năm để thúc đẩy bán hàng trong giai đoạn cận kề mùa lễ hội.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Trong kỳ, Công ty TNHH Hi-Fresh, một công ty con của Công ty, đã giải thể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn phân loại các bộ phận kinh doanh thành bốn bộ phận kinh doanh chính là thực phẩm, đồ uống, sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình và các sản phẩm khác. Bộ phận Thực phẩm bao gồm gia vị và thực phẩm tiện lợi. Bộ phận kinh doanh khác bao gồm cho thuê nhà kho và các hoạt động khác.

	Thực phẩm		Đồ uống		Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình		Khác		Hợp nhất	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 (*) VND	30/6/2024 VND	30/6/2023 (*) VND	30/6/2024 VND	30/6/2023 (*) VND	30/6/2024 VND	30/6/2023 (*) VND	30/6/2024 VND	30/6/2023 (*) VND
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	9.488.042.862.552	8.470.128.961.919	3.422.499.281.397	2.969.681.836.892	943.370.228.336	961.328.015.277	114.056.809.217	113.031.738.658	13.967.969.181.502	12.514.170.552.746
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.694.200.368.828	2.253.559.365.602	712.570.060.154	717.084.877.674	(41.186.150.419)	(28.029.725.324)	29.566.572.839	43.247.888.754	3.395.150.851.402	2.985.862.406.706
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ									(212.759.970.680)	(174.746.011.408)
Doanh thu hoạt động tài chính									901.013.768.973	890.147.864.587
Chi phí tài chính									(161.652.831.405)	(278.201.734.614)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh									3.921.751.818.290	3.423.062.525.271
Thu nhập khác									2.883.499.945	2.581.197.591
Chi phí khác									(1.927.565.647)	(3.946.517.259)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp									(464.472.040.212)	(373.740.331.071)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp									3.458.235.712.376	3.047.956.874.532

(*) Một vài số liệu được phân loại lại cho mục đích so sánh.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Thực phẩm		Đồ uống		Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình		Hợp nhất	
	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản bộ phận	5.871.576.354.728	5.763.914.757.228	2.258.663.993.186	2.301.160.142.943	1.121.251.451.485	1.076.142.090.123	9.251.491.799.399	9.141.216.990.294
Tài sản không phân bổ							32.572.035.920.310	31.411.471.945.159
Tổng tài sản							41.823.527.719.709	40.552.688.935.453
Nợ phải trả bộ phận	1.859.600.913.576	1.986.673.262.290	713.874.288.244	923.390.677.707	415.746.970.428	444.843.576.925	2.989.222.172.248	3.354.907.516.922
Nợ phải trả không phân bổ							8.952.279.263.760	10.822.222.240.111
Tổng nợ phải trả							11.941.501.436.008	14.177.129.757.033
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chỉ tiêu vốn	203.067.427.599	214.179.887.206	25.899.768.865	81.027.697.189	8.378.960.958	6.546.545.327	237.346.157.422	301.754.129.722
Chỉ tiêu vốn không phân bổ							32.144.279.177	50.165.406.115
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	210.356.327.045	188.895.712.451	76.484.635.021	66.927.392.448	11.469.892.105	11.632.707.745	298.310.854.171	267.455.812.644
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ							2.977.004.047	2.898.110.327
Khấu hao tài sản cố định vô hình, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	12.271.110.387	15.714.709.987	28.855.202.201	34.726.721.221	18.349.445.177	17.960.568.713	59.475.757.765	68.401.999.921
Khấu hao tài sản cố định vô hình và phân bổ chi phí trả trước dài hạn không phân bổ							19.736.094.689	28.512.865.144

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam và Thái Lan. Hoạt động kinh doanh tại Thái Lan hiện tại là không trọng yếu đối với Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	295.314.001	693.460.555
Tiền gửi ngân hàng	106.428.847.034	159.204.163.580
Các khoản tương đương tiền	2.896.039.999.456	5.629.973.249.456
	3.002.764.160.491	5.789.870.873.591
	3.002.764.160.491	5.789.870.873.591

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

9. Đầu tư tài chính

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (a)	1.216.544.000.000	2.592.779.525.558
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	1.560.812.230.000	2.315.343.000.000
	2.777.356.230.000	4.908.122.525.558
	2.777.356.230.000	4.908.122.525.558
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào một công ty liên kết (c)	311.450.264.468	294.757.072.601
	311.450.264.468	294.757.072.601
	311.450.264.468	294.757.072.601

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2024				1/1/2024			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu doanh nghiệp do các bên thứ ba phát hành	12.000.000	1.216.544.000.000	(*)	-	13.512.100	2.592.779.525.558	(*)	-

Tập đoàn đã mua các trái phiếu này với mục đích kinh doanh trong một khoảng thời gian ngắn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, trái phiếu có thời gian còn lại đến ngày đáo hạn là 6 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất 10%/năm. Các trái phiếu này được đảm bảo bởi tài sản của bên thứ ba. Tập đoàn có cam kết từ một bên liên quan sẽ mua lại các trái phiếu này trước ngày 1 tháng 10 năm 2024.

- (*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh có thể khác với giá trị ghi sổ.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.560.812.230.000	2.315.343.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư vào một công ty liên kết

	30/6/2024			1/1/2024		
	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (“CLX”)	2.659.217	32,83%	311.450.264.468	2.659.217	32,83%	294.757.072.601

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào một công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào một công ty liên kết có thể khác với giá trị ghi sổ.

Xem thêm Thuyết minh 1(d) mô tả về hoạt động kinh doanh chính của CLX.

Biến động của giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết trong kỳ như sau:

	VND
Số dư đầu kỳ	294.757.072.601
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày mua trong kỳ	29.989.276.867
Cổ tức được nhận liên quan đến giai đoạn sau ngày mua trong kỳ	(13.296.085.000)
Số dư cuối kỳ	311.450.264.468

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu của khách hàng

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Phải thu từ các bên liên quan	648.652.279.249	803.765.279.555
Phải thu từ các bên thứ ba	327.135.969.963	265.072.579.726
	975.788.249.212	1.068.837.859.281

Xem thêm Thuyết minh 37 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

11. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan	3.871.430.547.940	3.492.430.547.940

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm theo thỏa thuận trong từng hợp đồng. Các khoản cho vay này đáo hạn trong tháng 12 năm 2024. Lãi cho vay được thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày hoàn trả hoặc ngày đáo hạn của các khoản cho vay này. Xem thêm Thuyết minh 37 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan:		
▪ Lãi dự thu ngắn hạn từ cho vay (i)	397.189.481.580	261.021.238.351
▪ Ký quỹ ngắn hạn (ii)	67.199.190.493	67.199.190.493
▪ Phải thu khác (iii)	22.391.339.538	-
Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iv)	5.878.300.000.000	5.510.000.000.000
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iv)	26.119.444.931	219.064.383.561
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng và chứng khoán kinh doanh	19.555.972.293	37.931.472.100
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	8.584.199.000	3.734.823.560
Phải thu khác	13.195.946.131	31.444.389.900
	6.432.535.573.966	6.130.395.497.965

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Các khoản đặt cọc dài hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iv)	14.206.640.000.000	9.086.740.000.000
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iv)	398.638.075.617	32.426.304.000
Phải thu từ một hợp đồng hợp tác kinh doanh (v)	188.300.000.000	188.300.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn khác	27.904.110.536	30.694.373.026
	14.821.482.186.153	9.338.160.677.026

- (i) Các khoản phải thu này phản ánh khoản lãi dự thu từ các khoản vay cấp cho các bên liên quan. Xem Thuyết minh 11 và Thuyết minh 37 để biết thêm thông tin.
- (ii) Đặt cọc thuê kho cho một bên liên quan.
- (iii) Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu theo yêu cầu.
- (iv) Các số dư ngắn hạn và dài hạn này phản ánh số tiền đặt cọc cho các bên thứ ba theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo các hợp đồng này, các bên thứ ba này cam kết trả cho Tập đoàn mức lợi nhuận tối thiểu theo thỏa thuận trong từng hợp đồng hợp tác đầu tư.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (v) Năm 2021, một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty đã ký một hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) với một bên thứ ba để hợp tác sản xuất nước mắm cốt trong thời hạn 5 năm. Theo đó, công ty con này góp vốn vào BCC bằng tiền cho mục đích chi tiêu vốn. Bên thứ ba đóng góp quyền sử dụng toàn bộ đất đai, nhà xưởng, nhà kho, máy móc, thiết bị và các cơ sở hạ tầng liên quan. Công ty con này và bên thứ ba sẽ được chia lợi nhuận của BCC theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

13. Hàng tồn kho

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	61.059.672.814	-	49.798.915.692	-
Nguyên vật liệu	1.170.754.336.400	(13.660.648.278)	1.039.041.247.106	(33.682.759.735)
Công cụ và dụng cụ	79.253.619.319	-	77.921.023.881	-
Sản phẩm dở dang	187.567.429.310	-	164.338.825.097	-
Thành phẩm	829.960.101.169	(22.495.332.536)	779.596.999.121	(8.443.412.531)
Hàng hóa	121.055.828.311	-	109.803.494.365	-
Hàng gửi đi bán	11.447.889.770	-	-	-
	2.461.098.877.093	(36.155.980.814)	2.220.500.505.262	(42.126.172.266)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	42.126.172.266	29.261.831.190
Tăng dự phòng trong kỳ	44.598.137.510	35.067.762.077
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(42.853.080.023)	(45.815.111.079)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(7.715.248.939)	(1.472.187.505)
Số dư cuối kỳ	36.155.980.814	17.042.294.683

Trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có 36.156 triệu VND (1/1/2024: 42.126 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Nâng cấp tài sản thuê VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	2.795.420.952.773	19.583.055.888	6.669.189.588.122	30.796.852.224	104.253.211.825	9.619.243.660.832
Tăng trong kỳ	325.398.924	-	43.015.993.583	430.454.545	201.340.000	43.973.187.052
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17.840.258.817	-	136.082.889.821	-	907.745.120	154.830.893.758
Thanh lý	(210.332.770)	-	(43.821.468.404)	(2.852.919.891)	(837.635.514)	(47.722.356.579)
Xóa sổ	(226.800.000)	-	(2.025.502.132)	-	-	(2.252.302.132)
Số dư cuối kỳ	2.813.149.477.744	19.583.055.888	6.802.441.500.990	28.374.386.878	104.524.661.431	9.768.073.082.931
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	865.270.820.607	19.583.055.888	3.851.603.635.647	13.411.650.056	80.263.486.205	4.830.132.648.403
Khấu hao trong kỳ	54.165.418.579	-	240.676.609.742	1.974.395.227	3.663.494.938	300.479.918.486
Thanh lý	(115.764.264)	-	(40.596.826.780)	(1.926.974.965)	(830.655.148)	(43.470.221.157)
Xóa sổ	(226.800.000)	-	(2.025.502.132)	-	-	(2.252.302.132)
Số dư cuối kỳ	919.093.674.922	19.583.055.888	4.049.657.916.477	13.459.070.318	83.096.325.995	5.084.890.043.600
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	1.930.150.132.166	-	2.817.585.952.475	17.385.202.168	23.989.725.620	4.789.111.012.429
Số dư cuối kỳ	1.894.055.802.822	-	2.752.783.584.513	14.915.316.560	21.428.335.436	4.683.183.039.331

Trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản cố nguyên giá là 1.790.318 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1/1/2024: 1.601.560 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, một số tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn đã được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng VND	Nhãn hiệu VND	Quan hệ khách hàng VND	Tài nguyên nước khoáng VND	Tổng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	119.085.818.402	307.243.369.491	76.238.013.667	1.085.327.898.373	397.341.034.078	412.697.763.511	2.397.933.897.522
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	10.492.363.736	-	-	-	-	10.492.363.736
Xoá số	-	(116.765.000)	-	-	-	-	(116.765.000)
Số dư cuối kỳ	119.085.818.402	317.618.968.227	76.238.013.667	1.085.327.898.373	397.341.034.078	412.697.763.511	2.408.309.496.258
Gía trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	49.914.816.605	295.851.013.529	33.039.733.197	702.408.897.036	372.771.256.477	180.684.511.200	1.634.670.228.044
Khấu hao trong kỳ	1.476.606.756	3.181.255.852	1.391.099.184	11.332.535.148	2.835.749.202	9.665.542.890	29.882.789.032
Xoá số	-	(116.765.000)	-	-	-	-	(116.765.000)
Số dư cuối kỳ	51.391.423.361	298.915.504.381	34.430.832.381	713.741.432.184	375.607.005.679	190.350.054.090	1.664.436.252.076
Gía trị còn lại							
Số dư đầu kỳ	69.171.001.797	11.392.355.962	43.198.280.470	382.919.001.337	24.569.777.601	232.013.252.311	763.263.669.478
Số dư cuối kỳ	67.694.395.041	18.703.463.846	41.807.181.286	371.586.466.189	21.734.028.399	222.347.709.421	743.873.244.182

Trong tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 1.174.223 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1/1/2024: 1.173.232 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	18.016.283.093	611.690.825	18.627.973.918
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	12.628.186.808	249.978.132	12.878.164.940
Khấu hao trong kỳ	776.023.908	31.915.824	807.939.732
Số dư cuối kỳ	13.404.210.716	281.893.956	13.686.104.672
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	5.388.096.285	361.712.693	5.749.808.978
Số dư cuối kỳ	4.612.072.377	329.796.869	4.941.869.246

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê chưa được xác định vì Tập đoàn chưa thực hiện việc định giá.

Trong bất động sản đầu tư của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 9.447 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1/1/2024: 9.447 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND
Số dư đầu kỳ	275.199.403.100
Tăng trong kỳ	175.526.813.438
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(154.830.893.758)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(10.492.363.736)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(30.359.332.814)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	255.043.626.230
	<hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Máy móc và thiết bị	166.523.569.997	210.966.002.951
Nhà cửa và vật kiến trúc	24.595.206.346	7.678.018.468
Khác	63.924.849.887	56.555.381.681
	<hr/>	<hr/>
	255.043.626.230	275.199.403.100
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, một số chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước và phí sử dụng hạ tầng VND	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sắp xếp khoản vay VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	554.679.818.060	6.268.742.312	78.155.540.489	5.854.972.238	644.959.073.099
Tăng trong kỳ	-	-	9.649.008.663	-	9.649.008.663
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	30.359.332.814	-	30.359.332.814
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	(146.741.633)	-	(146.741.633)
Phân bổ trong kỳ	(6.886.972.002)	(1.567.185.576)	(26.545.752.290)	(2.828.166.660)	(37.828.076.528)
Thanh lý	-	-	(41.262.953)	-	(41.262.953)
Xóa sổ	-	-	(421.341.047)	-	(421.341.047)
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	-	-	(290.639)	-	(290.639)
Số dư cuối kỳ	547.792.846.058	4.701.556.736	91.008.493.404	3.026.805.578	646.529.701.776

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, một số chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	30/6/2024		1/1/2024	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng phải trả	243.812.855.251	-	276.031.089.578	-
Chi phí kho vận phải trả	24.533.059.955	-	19.743.801.488	-
Chiết khấu thương mại phải trả	9.956.769.888	-	9.023.342.566	-
Các khoản chi phí phải trả khác và dự phòng	72.567.988.829	-	56.090.836.797	(438.405.628)
Lợi nhuận chưa thực hiện	27.458.985.954	-	33.428.968.822	-
Tài sản cố định hữu hình	-	(7.274.265.064)	(191.106.657)	(7.460.294.627)
Tài sản cố định vô hình	-	(147.848.551.965)	-	(152.015.889.656)
	378.329.659.877	(155.122.817.029)	394.126.932.594	(159.914.589.911)

20. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	750.964.625.546
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	625.298.613.131
Phân bổ trong kỳ	11.500.986.894
Số dư cuối kỳ	636.799.600.025
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	125.666.012.415
Số dư cuối kỳ	114.165.025.521

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Phải trả người bán

	30/6/2024	1/1/2024
	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả cho các bên thứ ba	1.671.741.364.935	1.716.444.041.448
Phải trả cho các bên liên quan	145.757.997.386	326.556.368.667
	<hr/> 1.817.499.362.321	<hr/> 2.043.000.410.115
Trong đó:		
- Ngắn hạn	1.800.446.612.821	2.023.711.673.115
- Dài hạn	17.052.749.500	19.288.737.000
	<hr/> 1.817.499.362.321	<hr/> 2.043.000.410.115

Xem thêm Thuyết minh 37 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ/ Hoàn lại VND	Phân loại lại VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	100.815.832.183	2.034.564.266.277	(303.124.154.982)	(1.692.284.314.485)	-	139.971.628.993
Thuế xuất nhập khẩu	-	17.235.134.008	(17.235.134.008)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	484.038.529.013	453.466.540.377	(680.821.146.013)	-	-	256.683.923.377
Thuế thu nhập cá nhân	7.006.778.123	80.627.393.378	(63.951.723.752)	(15.385.694.876)	(593.614.655)	7.703.138.218
Các loại thuế khác	1.170.818.703	79.949.241.301	(79.520.783.128)	-	-	1.599.276.876
	593.031.958.022	2.665.842.575.341	(1.144.652.941.883)	(1.707.670.009.361)	(593.614.655)	405.957.967.464

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí phải trả

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	1.220.032.441.276	1.423.832.535.929
Phải trả mua hàng hóa	197.774.982.480	157.122.404.546
Chi phí trưng bày	124.235.986.631	105.491.746.264
Chi phí kho vận	123.284.357.198	103.235.208.936
Thưởng và lương tháng 13	104.196.809.773	286.519.904.907
Chiết khấu thương mại	53.180.818.200	47.908.590.925
Chi phí công nghệ thông tin	48.997.337.611	36.874.662.212
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	29.949.470.155	43.905.616.688
Chi phí lãi vay	15.361.451.362	20.147.882.808
Chi phí nghiên cứu thị trường	9.005.083.267	11.622.522.038
Chi phí khác	221.557.505.261	148.639.828.902
	2.147.576.243.214	2.385.300.904.155

24. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	48.819.450.000	48.033.250.000
Cô tức phải trả	10.681.103.100	11.235.335.600
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	6.441.436.128	3.468.159.688
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	2.022.592.736	2.227.592.736
Phải trả khác	97.678.546.926	98.642.358.895
	165.643.128.890	163.606.696.919

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	29.941.913.388	30.438.053.506

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ			30/6/2024 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	
Vay ngắn hạn	7.876.996.625.723	11.105.330.704.609	(12.434.202.104.809)	9.681.354	6.548.134.906.877
Vay dài hạn đến hạn trả	591.806.239.637	169.649.179.904	(368.478.240.421)	-	392.977.179.120
	8.468.802.865.360	11.274.979.884.513	(12.802.680.345.230)	9.681.354	6.941.112.085.997

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
▪ Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	2,8% - 4,0%	6.528.394.024.743	7.846.351.914.554
▪ Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	3,6%	19.740.882.134	30.644.711.169
			6.548.134.906.877	7.876.996.625.723

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Vay dài hạn	450.715.827.187	819.194.067.608
Khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(392.977.179.120)	(591.806.239.637)
	57.738.648.067	227.387.827.971

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại	Lãi suất	Năm	30/6/2024	1/1/2024
	tiền tệ	năm	đáo hạn	VND	VND
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	6,28% - 10,4%	2024 - 2025	450.715.827.187	819.194.067.608

Khoản vay ngân hàng dài hạn có đảm bảo của Tập đoàn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 lần lượt là 849.035 triệu VND, 17.624 triệu VND và 34.703 triệu VND (1/1/2024: lần lượt là 1.046.041 triệu VND, 14.355 triệu VND và 35.124 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, các khoản vay ngân hàng dài hạn có đảm bảo của các công ty con trong Tập đoàn cũng được bảo lãnh bởi Công ty.

Trong kỳ, Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay trên. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Tập đoàn không có khoản vay quá hạn bao gồm gốc và lãi.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	7.418.664.660	22.731.972.844	12.263.423.092.167	527.565.855.752	22.445.645.207.154
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	3.000.490.447.162	47.466.427.370	3.047.956.874.532
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	-	-	-	-	(828.814.166)	-	-	(2.356)	(828.816.522)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	6.589.850.494	22.731.972.844	15.263.913.539.329	575.032.280.766	25.492.773.265.164
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	8.323.564.190	22.731.972.844	16.124.127.868.061	595.870.151.594	26.375.559.178.420
Vốn cổ phần đã phát hành (Thuyết minh 27)	9.606.650.000	38.426.600.000	-	-	-	-	-	-	48.033.250.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	3.401.766.021.063	56.469.691.313	3.458.235.712.376
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	-	-	-	-	198.142.495	-	-	410	198.142.905
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	7.284.225.440.000	3.648.755.415.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	8.521.706.685	22.731.972.844	19.525.893.889.124	652.339.843.317	29.882.026.283.701

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	728.422.544	7.284.225.440.000	727.461.879	7.274.618.790.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	10.915.388	994.666.327.121	10.915.388	994.666.327.121
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	717.507.156	7.175.071.560.000	716.546.491	7.165.464.910.000
Thặng dư vốn cổ phần		3.648.755.415.858		3.610.328.815.858

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động số cổ phiếu hiện đang lưu hành trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2024		30/6/2023	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu kỳ – hiện đang lưu hành	716.546.491	7.165.464.910.000	716.546.491	7.165.464.910.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	960.665	9.606.650.000	-	-
Số dư cuối kỳ – hiện đang lưu hành	717.507.156	7.175.071.560.000	716.546.491	7.165.464.910.000

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	135.754.509.636	168.579.253.918
Trong vòng 2 đến 5 năm	163.439.595.237	215.659.182.231
Trên 5 năm	260.404.737.571	264.509.656.854
	<hr/>	<hr/>
	559.598.842.444	648.748.093.003
	<hr/>	<hr/>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tập đoàn có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	176.000.746.288	121.826.844.274
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	273.592.182.856	146.832.859.611
	<hr/>	<hr/>
	449.592.929.144	268.659.703.885
	<hr/>	<hr/>

(c) Ngoại tệ các loại

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.521.921	38.450.429.858	2.419.958	58.318.931.581
EUR	186	5.023.833	191	5.055.815
THB	43.324.077	29.070.450.843	58.898.301	40.286.433.146
		<hr/>		<hr/>
		67.525.904.534		98.610.420.542
		<hr/>		<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	14.020.987.076.506	12.499.863.696.652
▪ Doanh thu khác	65.550.115.528	66.787.464.749
	<hr/>	<hr/>
	14.086.537.192.034	12.566.651.161.401
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	64.055.373.003	42.986.665.240
▪ Hàng bán bị trả lại	54.512.637.529	9.493.943.415
	<hr/>	<hr/>
	118.568.010.532	52.480.608.655
Doanh thu thuần	<hr/>	<hr/>
	13.967.969.181.502	12.514.170.552.746

30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng đã bán	7.377.771.509.844	6.862.928.477.810
▪ Giá vốn khác	61.127.770.296	29.863.944.544
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	36.882.888.571	33.595.574.572
	<hr/>	<hr/>
	7.475.782.168.711	6.926.387.996.926

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư khác	715.890.608.084	636.494.209.354
Thu nhập lãi từ khoản cho các bên liên quan vay	139.741.722.678	241.197.095.562
Thu nhập lãi từ khoản cho một bên thứ ba vay	29.881.643.836	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.498.114.375	12.456.559.671
Thu nhập khác	1.680.000	-
	901.013.768.973	890.147.864.587

32. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	136.774.179.341	262.944.878.670
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	14.613.934.230	8.063.495.534
Chi phí đi vay	2.491.499.996	1.436.499.996
Chi phí khác	7.773.217.838	5.756.860.414
	161.652.831.405	278.201.734.614

33. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	2.022.365.634.972	1.629.650.075.561
Chi phí kho vận	403.925.507.519	349.599.876.683
Chi phí nhân viên	256.725.376.458	249.008.775.098
Chi phí trưng bày	106.263.293.817	49.904.349.996
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	21.231.262.135	19.609.329.679
Chi phí nghiên cứu thị trường	11.937.704.998	31.593.698.640
Chi phí khác	47.820.898.960	35.551.118.295
	2.870.269.678.859	2.364.917.223.952

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên	185.009.273.151	204.733.653.343
Chi phí thuê văn phòng	55.037.526.255	37.135.129.851
Chi phí nghiên cứu và phát triển	47.427.033.811	32.190.151.401
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	34.158.283.333	37.598.976.962
Khấu hao và phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định, chi phí trả trước dài hạn và bất động sản đầu tư phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	26.624.800.432	26.970.054.180
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.660.344.870	20.802.486.141
Phân bổ lợi thế thương mại	11.500.986.894	17.406.404.778
Chi phí khác	97.097.481.331	68.674.779.262
	469.515.730.077	445.511.635.918

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	453.521.641.683	446.375.511.720
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	(55.101.306)	-
	453.466.540.377	446.375.511.720
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	11.005.499.835	(72.635.180.649)
	464.472.040.212	373.740.331.071

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.922.707.752.588	3.421.697.205.603
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	784.541.550.518	684.339.441.121
Lỗ tính thuế đã sử dụng	-	(842.279.142)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(321.441.210.533)	(310.651.959.108)
Ảnh hưởng của phần lãi trong một công ty liên kết	(5.997.855.373)	(6.752.539.870)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.951.081.610	2.651.786.900
Ảnh hưởng của phân bổ lợi thế thương mại	2.300.197.382	3.481.280.959
Thay đổi tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận (*)	2.173.377.914	1.514.600.211
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	(55.101.306)	-
	464.472.040.212	373.740.331.071

(*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận tại một số công ty con bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con này có thể sử dụng lợi ích thuế của các khoản mục này.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Một số công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này có thẩm quyền áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể là đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ quỹ vào khen thưởng và phúc lợi trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.401.766.021.063	3.000.490.447.162

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 Cổ phiếu	30/6/2023 Cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ		
– hiện đang lưu hành	716.546.491	716.546.491
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu trong kỳ	886.768	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ		
– hiện đang lưu hành	717.433.259	716.546.491

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.742	4.187

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ và tại ngày kết thúc kỳ/năm, Tập đoàn có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Bán hàng hóa	5.700.000	64.498.179	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	481.882.788	788.776.284	481.882.788	-
	Phí dịch vụ mua ngoài phân bổ	-	-	(11.288.691.491)	(11.288.691.491)
Các công ty mẹ cấp cao					
Công ty TNHH The SHERPA	Bán hàng hóa	75.240.742	-	9.600.000	-
Công ty Cổ phần The CrownX	Bán hàng hóa	30.260.646	-	3.266.999	97.750.286
	Mua dịch vụ	10.906.500.000	9.250.000.000	(10.906.500.000)	-
Công ty mẹ					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cho vay	425.000.000.000	95.000.000.000	3.781.430.547.940	3.356.430.547.940
	Thu nhập lãi cho vay	136.311.311.720	240.440.931.179	394.585.645.964	258.274.334.244
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Cổ tức nhận được sau ngày mua	13.296.085.000	13.296.085.000	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Các bên liên quan khác					
Công ty Cổ phần Masan JinJu và chi nhánh	Bán hàng hóa	59.137.795.336	58.861.855.613	5.892.490.842	-
	Mua hàng hóa	43.580.685.454	76.105.368.080	-	(42.305.491.322)
	Phí dịch vụ phân phối	29.220.386.491	30.286.301.883	-	-
	Phải trả tiền bán hàng thu hộ của dịch vụ phân phối	-	-	(132.147.048.275)	(269.362.001.707)
	Phí hỗ trợ bán hàng và giao hàng của dịch vụ phân phối	32.771.659.469	57.218.377.711	4.231.264.478	-
	Mua tài sản cố định	42.159.743.334	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	-	3.731.212.571	-	8.252.972.975
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	30.381.499	76.449.879	16.000.458	15.179.972
	Cho vay	-	-	90.000.000.000	90.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	2.468.219.178	-	2.603.835.616	135.616.438
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Bán hàng hóa	4.158.514	654.687.785	2.644.113	-
	Mua hàng hóa	1.205.837.675	193.719.526	(59.400.000)	(7.530.001)
	Phí hỗ trợ quản lý	15.145.632.855	25.625.112.205	73.659.591.213	59.202.736.386
	Cho vay	-	46.000.000.000	-	46.000.000.000
	Thu hồi khoản cho vay bằng tiền	46.000.000.000	-	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	962.191.780	756.164.383	-	2.611.287.669
	Thu hồi lãi phải thu bằng tiền	3.573.479.449	-	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	170.170.177	131.021.709	68.780.608	32.819.972
	Mua hàng hóa và dịch vụ	3.680.795.000	3.329.391.698	(700.170.630)	(686.112.379)
	Phí hỗ trợ quản lý	-	115.486.642	-	164.618.346
Công ty TNHH Masan Brewery MB	Mua dịch vụ	3.024.000.000	1.512.000.000	(595.658.632)	(2.289.836.809)
	Phí hỗ trợ quản lý	-	481.224.447	-	519.722.402
	Đặt cọc thuê kho	-	4.300.000.000	67.199.190.493	67.199.190.493
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Bán hàng hóa	7.144.444	15.763.633	3.858.000	2.178.000
	Bán tài sản cố định	1.424.423.807	-	1.566.866.188	-
	Phí hỗ trợ quản lý	14.581.556.757	12.087.367.941	26.638.063.442	24.054.314.116
Công ty TNHH MEATDeli HN	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	114.073.219	135.338.129	29.930.442	189.202.323
	Mua hàng hóa và dịch vụ	222.166.800	62.566.250	(102.078.000)	-
	Phí hỗ trợ quản lý	-	432.223.823	-	-
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	142.954.850	135.518.718	206.630.734	-
	Mua hàng hóa	6.853.422.007	721.372.217	(307.571.230)	(547.101.800)
	Phí hỗ trợ quản lý	-	353.637.679	-	-
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.074.074	32.551.940	-	8.075.000
	Mua hàng hóa	1.688.592	33.148.791	-	-
Công ty Cổ phần 3F VIỆT và chi nhánh	Bán hàng hóa	228.634.444	10.688.048	167.707.038	12.344.070
	Mua hàng hóa	18.500.920	-	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Bán hàng hóa	496.640.576	473.140.438	105.575.707	147.621.167
	Phí hỗ trợ quản lý	38.499.873	69.743.142	191.496.750	152.996.877
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	Bán hàng hóa	887.190.684.952	571.372.336.186	515.460.796.757	629.797.907.880
	Bán tài sản cố định	-	-	-	1.024.452.448
	Mua hàng hóa và dịch vụ	262.238.135.885	116.420.656.082	(3.266.394.331)	(40.169.100)
	Mua tài sản cố định	45.454.545	1.522.851.000	-	-
	Trả trước tiền hàng	-	-	-	240.179.500
	Phân bổ tiền thuê văn phòng	11.265.014.948	11.698.409.628	12.377.855.107	6.886.915.115
	Chiết khấu thanh toán và các khoản hỗ trợ bán hàng khác phải trả	10.763.390.228	7.757.462.045	-	-
	Phải thu tiền bán hàng thu hộ của hoạt động dịch vụ phân phối	-	-	26.285.734.413	67.572.186.586
	Phải thu khác	-	-	17.000.000	17.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Wineco	Mua hàng hóa	3.720.892.374	4.327.166.000	(1.000.156.000)	(302.960.000)
	Phân bổ tiền thuê văn phòng	336.911.042	420.235.308	370.602.147	234.007.780
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.334.103.539	6.092.050.791	937.337.440	1.221.745.500
	Bán tài sản cố định	6.000.000	-	-	-
	Mua hàng hóa	4.721.959.171	250.801.653	(764.467.200)	(688.457.286)
	Phí hỗ trợ quản lý	158.213.488	2.305.786.302	1.711.486.219	1.553.272.731



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty Cổ phần Mobicast	Mua dịch vụ	3.575.368.242	2.927.302.863	(30.099.250)	(240.824.372)
Công ty Cổ phần Supra	Bán hàng hóa	130.353.363	95.762.988	23.507.904	23.389.399
	Bán tài sản cố định	-	21.000.000	-	-
	Mua dịch vụ	6.338.022.265	405.109.570	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	600.649.000	895.798.500	600.649.000	1.782.320.752
	Phải trả khác	-	-	(3.000.000)	(3.000.000)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (*)	Mua chứng khoán kinh doanh	-	1.216.544.000.000	-	-
	Bán chứng khoán kinh doanh	1.376.235.525.558	1.202.171.717.880	-	-
Thành viên quản lý chủ chốt (**)	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	31.245.057.067	31.277.249.084	-	-

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty và các công ty con có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn và vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (“Techcombank”), một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

(**) Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán của Công ty không nhận thù lao cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn bảo lãnh cho các khoản vay ngân hàng của các bên liên quan với giá trị ghi sổ là 155.867 triệu VND (1/1/2024: 198.322 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

38. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Trong tháng 6 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết phê duyệt việc chi trả cổ tức năm 2023 còn lại bằng tiền với tỷ lệ 55%/cổ phiếu (5.500VND mỗi cổ phiếu). Danh sách cổ đông hưởng cổ tức đã được chốt trong tháng 7 năm 2024. Cổ tức đã được ghi nhận và chi trả sau khi danh sách cổ đông hưởng cổ tức được chốt.

Trong tháng 7 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết phê duyệt kế hoạch phát hành cổ phiếu của Công ty cho nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) sau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên vào tháng 4 năm 2024. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc phát hành cổ phiếu theo ESOP chưa được hoàn tất.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Ngày 8 tháng 8 năm 2024


Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính




Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền





Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

THƯ ỦY QUYỀN

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2024

Kính gửi các cơ quan hữu quan,

Tôi, **WARRICK ANTONY CLEINE** ("**Người Ủy Quyền**"), Hộ chiếu số LT550250 cấp ngày 8 tháng 7 năm 2019 tại New Zealand, là Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật của **CÔNG TY TNHH KPMG** ("**Công ty**") có địa chỉ tại Tầng 46 Tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, Tòa nhà 72 tầng, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, và đồng thời là Người đứng đầu **Chi nhánh Công Ty TNHH KPMG** ("**Chi nhánh**") có địa chỉ tại số 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, bằng văn bản này ủy quyền cho cá nhân sau đây ("**Người Được Ủy Quyền**"):

- | | | |
|---|-------------------|---------------------------|
| - | Họ tên | : TRƯƠNG VĨNH PHÚC |
| - | Căn cước công dân | |
| + | Số | : 052080014348 |
| + | Ngày cấp | : 17/12/2021 |
| + | Nơi cấp | : Việt Nam |
| - | Chức vụ | : Phó Tổng Giám đốc |

với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của tôi để ký kết các văn bản, giấy tờ sau đây, kể cả các văn bản được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung của các văn bản, giấy tờ này:

- các hồ sơ/thư đề xuất dịch vụ, hồ sơ dự thầu, các thư thỏa thuận cung ứng dịch vụ và các hợp đồng cung cấp các dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác với số tiền không vượt quá 5.000.000.000VND (bằng chữ: năm tỷ Đồng Việt Nam) cho mỗi giao dịch;
- các báo cáo kiểm toán, báo cáo soát xét và các báo cáo khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác; và
- các thư từ, trao đổi và thỏa thuận khác, bao gồm thư thỏa thuận với các nhà thầu thứ ba, có liên quan trực tiếp đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác với số tiền không vượt quá 2.000.000.000VND (bằng chữ: hai tỷ Đồng Việt Nam) cho mỗi giao dịch (không áp dụng cho các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ nói chung của Công ty hoặc của Chi nhánh mà không liên quan trực tiếp đến việc cung cấp một dịch vụ kiểm toán và/hoặc một dịch vụ có liên quan khác).





Thư Ủy Quyền này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024, trừ trường hợp bị chấm dứt trước thời hạn hoặc được gia hạn thêm bởi thông báo khác bằng văn bản của tôi.

Thư Ủy Quyền này được lập thành năm (05) bản tiếng Việt và năm (05) bản tiếng Anh, có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

Người Ủy Quyền

Người Được Ủy Quyền



WARRICK ANTONY CLEINE

TRƯƠNG VĨNH PHÚC

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính.

Số chứng thực...0.7...6.4.9...Quyển số...SCT/BS

Ngày...3-1-07-2024

↳ Trưởng phòng Tư pháp Quận 7



Nguyễn Thành Trung



GIẤY ỦY QUYỀN

BÊN ỦY QUYỀN:

Ông : **TRƯƠNG CÔNG THẮNG**

Chức danh : Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:

Bà : **NGUYỄN HOÀNG YẾN**

CCCD số : 001163038116, Ngày cấp: 07/06/2023, nơi cấp: Cục CS QL HC về TTXH.

NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Điều 1. Bên Ủy quyền theo đây ủy quyền cho Bên Nhận ủy quyền và Bên Nhận ủy quyền đồng ý nhận ủy quyền thực hiện các công việc sau:

STT	Lĩnh vực	Diễn giải
1	Tài chính – Ngân hàng	<p>1.1. Toàn quyền quản lý, điều hành và sử dụng tài khoản tại Ngân hàng theo chính sách/quy định chung của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền sau:</p> <p>1.1.1. Thực hiện các yêu cầu mở tài khoản, đóng tài khoản và thực hiện tất cả các giao dịch liên quan đến mở tài khoản tại các Ngân hàng (bao gồm nhưng không giới hạn: thay đổi thông tin tài khoản, thông tin dịch vụ ngân hàng điện tử; truy vấn thông tin giao dịch liên quan đến các tài khoản; thay đổi thông tin liên quan hồ sơ pháp lý như thay đổi giấy phép kinh doanh, điều lệ, thay đổi mẫu dấu, ...);</p> <p>1.1.2. Ký kết các Hợp đồng, thỏa thuận, hồ sơ, chứng từ liên quan đến tất cả các dịch vụ tài khoản (bao gồm nhưng không giới hạn: dịch vụ thẻ, SMS, dịch vụ ngân hàng điện tử, giao dịch qua Fax/Email, công văn phí giao dịch ngân hàng, ...)</p> <p>1.1.3. Ký kết các Hợp đồng trả lương, Hợp đồng/thỏa thuận dịch vụ/gói giải pháp tại Ngân hàng;</p> <p>1.1.4. Ký kết và phê duyệt các đề nghị trả nợ trước hạn/đến hạn khoản vay, trích tiền từ tài khoản thanh toán để trả nợ gốc, lãi vay, phí và các chi phí khác;</p>



		<p>1.1.5. Ký kết các công văn yêu cầu cung cấp hay xác nhận số dư với Ngân hàng; đối chiếu giao dịch và/hoặc số dư với Khách hàng, nhà cung cấp, Bên liên quan theo yêu cầu của Kiểm toán hay cơ quan chức năng.</p>
		<p>1.2. Ký kết các Hợp đồng mua bán ngoại tệ (spot, swap, hedging, option, future, ...) theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.3. Ký kết và thực hiện các Hợp đồng tiền gửi, các thư rút trước hạn hợp đồng tiền gửi – không kể giá trị/loại tiền/kỳ hạn theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.4. Ký kết các hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.5. Ký kết các biên bản định giá/tái định giá tài sản thế chấp, các biên bản bàn giao chứng từ cầm cố thế chấp, các báo cáo cập nhật tình hình tài sản thế chấp khi Ngân hàng yêu cầu; các chứng từ đăng ký giao dịch đảm bảo với cơ quan chức năng;</p>
		<p>1.6. Ký kết các hợp đồng tín dụng lần đầu cấp hạn mức và các sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) được phê duyệt theo Nghị quyết/Quyết định, quy chế công ty; ký kết các hợp đồng liên quan định kỳ gia hạn hằng năm để bổ sung vốn lưu động nếu hạn mức không đổi theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.7. Ký kết các hợp đồng, hồ sơ, chứng từ liên quan đến tín dụng, vay vốn (bao gồm phát hành thư tín dụng, phát hành thư bảo lãnh, chiết khấu bộ chứng từ, giấy nhận nợ, gia hạn nợ, thay đổi lãi suất, ...); liên quan đến cầm cố thế chấp tài sản theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.8. Ký kết và tái ký định kỳ hằng năm các hợp đồng khung liên quan chương trình Ngân hàng hỗ trợ nhà phân phối, nhà cung cấp theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
		<p>1.9. Đại diện làm việc, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại với Ngân hàng (nếu có);</p>
		<p>1.10. Ký kết các báo cáo định kỳ hàng quý cung cấp cho Ngân hàng để xếp hạng tín dụng;</p>
		<p>1.11. Ký các công văn, giấy tờ, báo cáo liên quan đến Tài chính (như Báo cáo tài chính, báo cáo tài chính soát xét và kiểm toán, ...); và thư từ khác gửi đến cơ quan có thẩm quyền liên quan đến các nội dung này.</p>
		<p>1.12. Chứng thực bản sao từ bản chính các tài liệu cung cấp cho Ngân hàng theo đúng quy định của Pháp luật và quy chế văn thư lưu trữ của Công ty.</p>
		<p>1.13. Ký các hồ sơ, giấy tờ liên quan tới: Các thủ tục đăng ký thuế, báo cáo thuế, thanh kiểm tra thuế bao gồm các tờ khai thuế, thông báo thuế, biên</p>

20
**ĐƠN
CỔ Đ
IG T
M/**
/

		<p>bản làm việc, công văn giải trình và các thư từ khác gửi cơ quan có thẩm quyền liên quan đến các nội dung này;</p> <p>1.14. Ký các giấy tờ phát sinh từ hoặc liên quan đến việc xác nhận/đối chiếu giao dịch và/hoặc số dư công nợ với Nhà cung cấp, Khách hàng và các Bên liên quan; nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí, các khoản phạt hành chính với cơ quan nhà nước.</p> <p>1.15. Thực hiện và ký kết các tài liệu nội bộ liên quan đến vấn đề phê duyệt tài chính, thanh toán;</p> <p>1.16. Ký kết danh mục tài sản định kỳ hằng quý cung cấp cho Công ty Bảo Hiểm để cập nhật giá trị mua bảo hiểm rủi ro hàng tồn kho và tài sản;</p> <p>1.17. Ký các hợp đồng, hồ sơ, chứng từ giao dịch khác tại Ngân hàng.</p>
2	Ký Hợp đồng và hồ sơ, tài liệu	<p>2.1. Đại diện Bên ủy quyền ký kết các hợp đồng, thỏa thuận, hồ sơ chứng từ phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Ký hồ sơ, văn bản chào giá cạnh tranh, mời thầu, lựa chọn nhà thầu, duyệt giá, ... liên quan đến hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ, công nghệ thông tin của Công ty; b. Ký các hợp đồng thương mại – mua/bán hàng hóa, dịch vụ, công nghệ thông tin; hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu; và tất cả các loại hợp đồng khác không kê giá trị; c. Ký hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ khác liên quan đến việc thực hiện hợp đồng (<i>biên bản giao nhận, nghiệm thu, thanh lý, tờ khai xuất nhập khẩu, ...</i>); d. Ký các công văn, giấy tờ (bao gồm các giấy tờ liên quan tới: Công bố thông tin; báo cáo tài chính, báo cáo thuế, báo cáo kiểm toán, ...); thư từ, giấy giới thiệu, đơn, xin giấy phép, đăng ký sản phẩm; các hồ sơ, tài liệu, thủ tục liên quan đến nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, quyền tác giả và các quyền sở hữu trí tuệ khác, quảng cáo, khuyến mại, vệ sinh an toàn thực phẩm; tờ khai xuất khẩu; sao y bản chính tài liệu và các văn bản hành chính khác; e. Ký các hợp đồng, tài liệu liên quan đến việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp của Công ty trong các doanh nghiệp khác và các hồ sơ đăng ký liên quan; f. Ký các cam kết với các đối tác, khách hàng. <p>2.2. Thanh toán các nghĩa vụ Hợp đồng, thỏa thuận, các nghĩa vụ thuế, phí, các nghĩa vụ tài chính khác với các bên thứ Ba liên quan và/hoặc cơ quan Nhà nước.</p>
3	Lao động	Ký kết Hợp đồng lao động, các Quyết định tuyển dụng, chuyển chuyên, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, tạm đình chỉ công việc, nghỉ việc, chấm dứt Hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, cam kết minh bạch đối với nhân viên trong Công ty.
4	Đại diện làm việc với Bên Thứ ba	Đại diện làm việc, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại với đối tác, người tiêu dùng và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật; đưa ra các ý kiến, giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu; ký và đóng dấu công ty lên các văn bản trong quá trình làm việc với các Bên thứ ba nêu trên.
5	Khác	Ký và thực hiện các quyết định đầu tư tài sản cố định theo thẩm quyền quy định trong quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty.

19c
TY
ĂN
DÌ
AN
10

	Các quyết định thanh lý, hủy tài sản cố định, hàng hóa, nguyên vật liệu: Theo thẩm quyền quy định trong quy chế nội bộ và Điều lệ Công ty.
--	---

Điều 2: Bên Nhận ủy quyền có trách nhiệm thực hiện những công việc trong phạm vi ủy quyền và theo chính sách/quy định chung của Công ty (nếu có), được phép ủy quyền lại nội dung Mục 1, Mục 2.1.a, 2.1.b, 2.1.c, 2.1.d, 2.1.f, Mục 4, Mục 5 Điều 1 cho Bên Thứ ba và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền lại trước Bên ủy Quyền.

Điều 3: Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 31/12/2024 hoặc khi có Thông báo/Giấy ủy quyền thay thế hoặc hủy bỏ giấy ủy quyền này. Giấy ủy quyền được lập thành 03 (ba) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN ỦY QUYỀN



TRƯƠNG CÔNG THẮNG

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN



NGUYỄN HOÀNG YẾN



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Quang
Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Bà Nguyễn Thu Hiền

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Bà Nguyễn Thu Hiền
Ông Nguyễn Thiệu Quang

Chủ tịch
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Phạm Hồng Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		6.385.483.742.835	22.535.021.988.601
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.266.833.729.774	4.760.812.990.981
Tiền	111		10.850.841.169	28.339.741.525
Các khoản tương đương tiền	112		4.255.982.888.605	4.732.473.249.456
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		50.731.443.768	3.503.875.585.603
Chứng khoán kinh doanh	121		-	1.993.875.585.603
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50.731.443.768	1.510.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.174.414.243.722	13.443.070.511.865
Phải thu của khách hàng	131		958.677.505.334	1.015.984.454.739
Trả trước cho người bán	132		27.765.143.898	20.171.061.039
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	3.299.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		187.971.594.490	9.107.914.996.087
Hàng tồn kho	140		880.334.796.121	819.118.075.682
Hàng tồn kho	141		913.504.498.603	832.707.971.816
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(33.169.702.482)	(13.589.896.134)
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.169.529.450	8.144.824.470
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.169.529.450	8.144.824.470

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		17.079.438.730.470	14.542.439.745.668
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.542.291.642.676	5.419.006.111.721
Phải thu về cho vay dài hạn	215		3.800.032.657.530	-
Phải thu dài hạn khác	216		3.742.258.985.146	5.419.006.111.721
Tài sản cố định	220		42.534.036.017	32.899.794.095
Tài sản cố định hữu hình	221		30.736.484.362	21.803.127.155
Nguyên giá	222		82.316.437.849	68.810.791.963
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.579.953.487)	(47.007.664.808)
Tài sản cố định vô hình	227		11.797.551.655	11.096.666.940
Nguyên giá	228		299.241.715.425	292.732.233.096
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(287.444.163.770)	(281.635.566.156)
Tài sản dở dang dài hạn	240		33.624.790.946	9.631.238.976
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		33.624.790.946	9.631.238.976
Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.043.271.509.348	8.716.171.509.348
Đầu tư vào công ty con	251		9.043.271.509.348	8.716.171.509.348
Tài sản dài hạn khác	260		417.716.751.483	364.731.091.528
Chi phí trả trước dài hạn	261		58.608.923.039	17.120.720.180
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		359.107.828.444	347.610.371.348
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		23.464.922.473.305	37.077.461.734.269

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		12.885.318.202.937	10.272.792.365.522
Nợ ngắn hạn	310		11.092.752.990.164	10.246.018.912.749
Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.372.894.193.946	1.961.470.231.319
Người mua trả tiền trước	312		64.031.871.415	57.864.531.253
Thuế phải nộp Nhà nước	313		245.925.153.694	271.400.437.740
Phải trả người lao động	314		-	93.460.031
Chi phí phải trả	315		1.942.382.366.843	1.957.818.189.550
Phải trả ngắn hạn khác	319		22.519.404.266	152.372.062.856
Vay ngắn hạn	320		6.445.000.000.000	5.845.000.000.000
Nợ dài hạn	330		1.792.565.212.773	26.773.452.773
Phải trả dài hạn khác	337		28.165.212.773	26.773.452.773
Vay dài hạn	338		1.764.400.000.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		10.579.604.270.368	26.804.669.368.747
Vốn chủ sở hữu	410	2	10.579.604.270.368	26.804.669.368.747
Vốn cổ phần	411		7.355.531.790.000	7.274.618.790.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.648.755.415.858	3.610.328.815.858
Cổ phiếu quỹ	415		(994.666.327.121)	(994.666.327.121)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		569.983.391.631	16.914.388.090.010
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	10.653.248.920.827
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/kỳ trước	421b		569.983.391.631	6.261.139.169.183
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		23.464.922.473.305	37.077.461.734.269

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 17 tháng 01 năm 2025

Người lập:



Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính


CÔNG TY
CỔ PHẦN
HÀNG TIÊU DÙNG
MASAN
QUẬN 1 - T.P.HỒ CHÍ MINH
M.S.D.N: 0317440-C.T.C

Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Quý IV		Lũy kế từ đầu kỳ	
	Từ 1/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 1/10/2023 đến 31/12/2023 VND	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 VND
01	8.819.581.001.925	8.279.265.792.966	30.355.932.466.016	27.545.495.830.023
02	66.120.999.070	39.986.787.327	215.681.525.107	139.821.133.893
10	8.753.460.002.855	8.239.279.005.639	30.140.250.940.909	27.405.674.696.130
11	6.566.398.677.686	6.264.234.036.692	22.615.854.932.536	21.275.838.726.581
20	2.187.061.325.169	1.975.044.968.947	7.524.396.008.373	6.129.835.969.549
21	1.973.603.985.388	2.572.148.171.065	6.214.667.833.320	6.401.072.803.761
22	86.920.121.922	60.274.245.562	237.041.827.069	333.866.248.227
23	80.375.598.610	53.011.987.906	212.939.727.601	302.670.803.869
25	1.452.384.731.082	1.442.877.192.550	5.731.593.249.269	5.060.228.851.210
26	215.643.446.485	168.327.975.904	658.100.933.011	574.907.192.073
30	2.405.717.011.068	2.875.713.725.996	7.112.327.832.344	6.561.906.481.800

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh
 {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}
 (mang sang trang sau)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Quý IV		Lũy kế từ đầu kỳ	
	Từ 1/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 1/10/2023 đến 31/12/2023 VND	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 VND
30	2.405.717.011.068	2.875.713.725.996	7.112.327.832.344	6.561.906.481.800
31	182.454.383	844.345.236	362.500.897	1.993.185.566
32	3.565.177.233	6.378	3.572.444.882	56.714.066
40	(3.382.722.850)	844.338.858	(3.209.943.985)	1.936.471.500
50	2.402.334.288.218	2.876.558.064.854	7.109.117.888.359	6.563.842.953.300
51	145.758.214.921	153.588.605.683	460.756.782.534	454.426.224.554
52	8.069.149.487	(25.979.595.914)	(11.497.457.096)	(151.722.440.437)
60	2.248.506.923.810	2.748.949.055.085	6.659.858.562.921	6.261.139.169.183


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 02a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


Ngày 17 tháng 01 năm 2025

Người lập:



Phan Thị Thủy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	7.109.117.888.359	6.563.842.953.300
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	11.326.600.948	25.749.863.757
Các khoản dự phòng	03	90.984.460.385	40.432.723.338
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(146.486.003)	14.463.337
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(256.592.037)	(1.060.531.681)
Thu nhập lãi, lợi nhuận phân phối và thu nhập liên quan từ các hoạt động đầu tư	05	(6.201.854.124.892)	(6.374.946.265.629)
Chi phí lãi vay và phí thu xếp khoản vay	06	216.142.038.909	302.670.803.869
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.225.313.785.669	556.704.010.291
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	48.299.893.621	(431.452.515.159)
Biến động hàng tồn kho	10	(152.201.180.824)	(15.182.522.887)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	246.390.065.723	917.648.907.988
Biến động chi phí trả trước	12	210.077.012	12.606.248.054
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	1.993.875.585.603	(1.193.448.463.321)
		3.361.888.226.804	(153.124.335.034)
Tiền lãi vay và phí thu xếp khoản vay đã trả	14	(247.615.542.255)	(313.973.439.486)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(481.400.074.169)	(291.591.153.795)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	2.632.872.610.380	(758.688.928.315)

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(46.811.321.731)	(16.406.142.670)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	2.114.496.683	1.278.170.407
Tiền chi cho vay	23	(2.041.000.000.000)	(490.000.000.000)
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền chi đầu tư khác	23	(12.233.250.673.768)	(17.465.237.815.035)
Tiền thu từ cho vay	24	1.980.000.000.000	300.000.000.000
Rút tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và thu đầu tư khác	24	20.146.819.230.000	11.345.537.815.035
Tiền chi đầu tư góp vốn vào một công ty con	25	(327.100.000.000)	(75.500.000.000)
Tiền thu từ lãi tiền gửi, lợi nhuận được phân phối, lãi cho vay và hoạt động đầu tư khác	27	9.901.342.088.276	6.572.959.493.827
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	17.382.113.819.460	176.631.521.564
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	119.339.600.000	-
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	18.161.400.000.000	17.520.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(15.797.000.000.000)	(16.154.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(22.992.734.685.700)	(220.097.832.173)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(20.508.995.085.700)	1.145.902.167.827
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(494.008.655.860)	559.844.761.076
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	4.760.812.990.981	4.200.983.420.980
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	29.394.653	(15.191.075)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4.266.833.729.774	4.760.812.990.981


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 17 tháng 01 năm 2025

Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

1. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các trái phiếu được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty con phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi công ty con sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 năm đến 10 năm.

(ii) Nhãn hiệu

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) **Vốn chủ sở hữu**

(i) **Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) **Cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) **Doanh thu**

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản cho vay, lợi nhuận phân phối từ các công ty con và các hoạt động đầu tư khác, và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được xác lập. Lợi nhuận được phân phối liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các ngân hàng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(994.666.327.121)	13.877.708.130.327	23.767.989.409.064
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	6.261.139.169.183	6.261.139.169.183
Cổ tức	-	-	-	(3.224.459.209.500)	(3.224.459.209.500)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(994.666.327.121)	16.914.388.090.010	26.804.669.368.747
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(994.666.327.121)	16.914.388.090.010	26.804.669.368.747
Phát hành cổ phiếu	80.913.000.000	38.426.600.000	-	-	119.339.600.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	6.659.858.562.921	6.659.858.562.921
Cổ tức	-	-	-	(23.004.263.261.300)	(23.004.263.261.300)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	7.355.531.790.000	3.648.755.415.858	(994.666.327.121)	569.983.391.631	10.579.604.270.368

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 17 tháng 01 năm 2025

Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yên
Ông Nguyễn Thiệu Quang
Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Bà Nguyễn Thu Hiền

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Bà Nguyễn Thu Hiền
Ông Nguyễn Thiệu Quang

Chủ tịch
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yên
Ông Phạm Hồng Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		10.393.757.226.426	23.921.695.273.733
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.677.335.607.288	5.789.870.873.591
Tiền	111		82.452.718.683	159.897.624.135
Các khoản tương đương tiền	112		5.594.882.888.605	5.629.973.249.456
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		365.174.443.768	4.908.122.525.558
Chứng khoán kinh doanh	121		-	2.592.779.525.558
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		365.174.443.768	2.315.343.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.704.720.808.025	10.989.266.253.040
Phải thu của khách hàng	131		1.031.310.295.480	1.068.837.859.281
Trả trước cho người bán	132		329.006.733.591	297.602.347.854
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		244.977.123.287	3.492.430.547.940
Phải thu ngắn hạn khác	136		99.426.655.667	6.130.395.497.965
Hàng tồn kho	140		2.582.184.604.799	2.178.374.332.996
Hàng tồn kho	141		2.628.204.413.540	2.220.500.505.262
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(46.019.808.741)	(42.126.172.266)
Tài sản ngắn hạn khác	150		64.341.762.546	56.061.288.548
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		22.102.530.593	15.261.335.004
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		40.617.740.102	37.879.347.121
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.621.491.851	2.920.606.423

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		17.506.203.219.904	16.630.993.661.720
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.363.272.538.890	9.338.160.677.026
Phải thu về cho vay dài hạn	215		3.891.769.338.195	-
Phải thu dài hạn khác	216		6.471.503.200.695	9.338.160.677.026
Tài sản cố định	220		5.249.161.875.367	5.552.374.681.907
Tài sản cố định hữu hình	221		4.535.134.325.344	4.789.111.012.429
Nguyên giá	222		9.870.271.014.422	9.619.243.660.832
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.335.136.689.078)	(4.830.132.648.403)
Tài sản cố định vô hình	227		714.027.550.023	763.263.669.478
Nguyên giá	228		2.408.309.496.258	2.397.933.897.522
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.694.281.946.235)	(1.634.670.228.044)
Bất động sản đầu tư	230		4.165.584.037	5.749.808.978
Nguyên giá	231		18.627.973.918	18.627.973.918
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.462.389.881)	(12.878.164.940)
Tài sản dở dang dài hạn	240		332.258.325.951	275.199.403.100
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		332.258.325.951	275.199.403.100
Đầu tư tài chính dài hạn	250		346.526.163.816	294.757.072.601
Đầu tư vào một công ty liên kết	252		346.526.163.816	294.757.072.601
Tài sản dài hạn khác	260		1.210.818.731.843	1.164.752.018.108
Chi phí trả trước dài hạn	261		679.819.831.368	644.959.073.099
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		428.334.861.848	394.126.932.594
Lợi thế thương mại	269		102.664.038.627	125.666.012.415
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		27.899.960.446.330	40.552.688.935.453

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		16.572.133.669.028	14.177.129.757.033
Nợ ngắn hạn	310		14.600.189.597.321	13.728.746.969.395
Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.314.639.691.398	2.023.711.673.115
Người mua trả tiền trước	312		88.127.372.081	66.137.653.839
Thuế phải nộp Nhà nước	313		620.265.382.985	593.031.958.022
Phải trả người lao động	314		279.979.125	279.692.397
Chi phí phải trả	315		2.436.249.641.762	2.385.300.904.155
Phải trả ngắn hạn khác	319		46.129.542.251	163.606.696.919
Vay ngắn hạn	320		9.066.645.462.131	8.468.802.865.360
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		27.852.525.588	27.875.525.588
Nợ dài hạn	330		1.971.944.071.707	448.382.787.638
Phải trả người bán dài hạn	331		14.816.762.000	19.288.737.000
Phải trả dài hạn khác	337		31.095.393.270	30.438.053.506
Vay dài hạn	338		1.764.400.000.000	227.387.827.971
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		150.103.763.003	159.914.589.911
Dự phòng phải trả dài hạn	342		11.528.153.434	11.353.579.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		11.327.826.777.302	26.375.559.178.420
Vốn chủ sở hữu	410	2	11.327.826.777.302	26.375.559.178.420
Vốn cổ phần	411		7.355.531.790.000	7.274.618.790.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.648.755.415.858	3.610.328.815.858
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(265.775.657.006)	(265.775.657.006)
Cổ phiếu quỹ	415		(994.666.327.121)	(994.666.327.121)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		10.486.158.078	8.323.564.190
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.731.972.844	22.731.972.844
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		923.140.125.757	16.124.127.868.061
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	9.038.963.882.667
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/kỳ trước	421b		923.140.125.757	7.085.163.985.394
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		627.623.298.892	595.870.151.594
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		27.899.960.446.330	40.552.688.935.453


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 17 tháng 01 năm 2025

Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính


CÔNG TY
CỔ PHẦN
HÀNG TIÊU DÙNG
MASAN
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH
V.S.D.N. 0302017440 - C.T.C.P.


Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B-02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Quý IV		Lấy kế từ đầu kỳ	
	Từ 1/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 1/10/2023 đến 31/12/2023 VND	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 VND
01	9.014.265.306.752	8.536.100.513.663	31.155.474.118.994	28.395.714.292.201
02	71.984.506.222	42.653.696.825	258.248.493.757	154.721.659.364
10	8.942.280.800.530	8.493.446.816.838	30.897.225.625.237	28.240.992.632.837
11	4.765.937.113.588	4.476.417.002.015	16.492.540.385.018	15.266.624.295.107
20	4.176.343.686.942	4.017.029.814.823	14.404.685.240.219	12.974.368.337.730
21	428.480.690.295	480.370.625.162	1.800.658.967.028	1.853.512.410.411
22	126.862.456.674	105.992.440.181	377.908.783.144	538.028.288.437
23	112.431.544.470	91.551.644.483	327.528.532.894	485.285.780.065
24	17.537.949.674	24.898.599.347	65.065.176.215	58.661.298.695
25	1.488.483.603.741	1.551.867.529.450	5.903.986.348.153	5.328.084.292.551
26	296.589.033.992	252.573.954.124	975.922.898.666	925.673.676.418
30	2.710.427.232.504	2.611.865.115.577	9.012.591.353.499	8.094.755.789.430

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh
 {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}
 (mang sang trang sau)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Quý IV		Lũy kế từ đầu kỳ	
	Từ 1/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 1/10/2023 đến 31/12/2023 VND	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 VND
30	2.710.427.232.504	2.611.865.115.577	9.012.591.353.499	8.094.755.789.430
31	676.210.448	5.243.029.590	3.762.860.256	9.577.037.619
32	6.429.516.962	1.115.299.691	12.041.347.338	5.486.220.370
40	(5.753.306.514)	4.127.729.899	(8.278.487.082)	4.090.817.249
50	2.704.673.925.990	2.615.992.845.476	9.004.312.866.417	8.098.846.606.679
51	345.538.521.550	326.652.034.364	1.127.794.091.580	1.055.018.789.136
52	(8.736.238.888)	(16.802.058.434)	(44.018.756.162)	(150.342.427.602)
60	2.367.871.643.328	2.306.142.869.546	7.920.537.530.999	7.194.170.245.145
61	2.329.211.221.438	2.274.679.655.055	7.803.275.518.996	7.085.163.985.394
62	38.660.421.890	31.463.214.491	117.262.012.003	109.006.259.751
70	3.236	3.175	10.841	9.888

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh
(mang sang từ trang trước)

Thu nhập khác

Chi phí khác

Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)

Lợi nhuận kế toán trước thuế
(50 = 30 + 40)

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Lợi ích thuế TNDN hoãn lại

Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN
(60 = 50 - 51 - 52)

Phân bổ cho:

Chủ sở hữu của Công ty

Cổ đông không kiểm soát

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

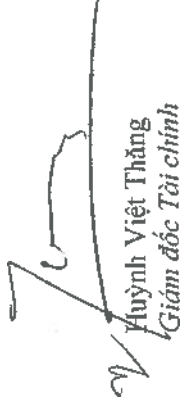
Ngày 17 tháng 01 năm 2025

Người lập:



Phan Thị Thủy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	9.004.312.866.417	8.098.846.606.679
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	679.886.097.410	655.993.278.154
Các khoản dự phòng	03	123.798.546.135	108.026.674.230
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.543.565.215	2.499.315.770
Lỗ/(lãi) từ thanh lý, xóa sổ tài sản cố định	05	4.533.243.772	(7.562.851)
Thu nhập lãi và thu nhập liên quan từ các hoạt động đầu tư	05	(1.764.318.342.762)	(1.808.788.060.961)
Lợi nhuận được chia từ một công ty liên kết	05	(65.065.176.215)	(58.661.298.695)
Chi phí lãi vay và phí thu xếp khoản vay	06	334.488.177.551	488.321.280.057
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	8.320.178.977.523	7.486.230.232.383
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	21.693.558.302	(405.613.326.371)
Biến động hàng tồn kho	10	(527.434.243.754)	214.638.927.230
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	258.897.211.507	1.526.486.553.528
Biến động chi phí trả trước	12	35.395.084.812	52.889.237.750
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	2.592.779.525.558	(1.390.607.807.678)
		10.701.510.113.948	7.484.023.816.842
Tiền lãi vay và phí thu xếp khoản vay đã trả	14	(366.292.536.733)	(496.972.593.124)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.107.911.116.921)	(731.465.659.511)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(23.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	9.227.283.460.294	6.255.585.564.207

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(514.058.307.692)	(573.174.002.924)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	8.121.553.391	3.885.569.813
Tiền chi cho vay	23	(2.415.000.000.000)	(826.000.000.000)
Tiền thu từ cho vay	24	2.226.000.000.000	519.500.000.000
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền chi đầu tư khác	23	(17.930.843.673.768)	(27.315.650.815.035)
Rút tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và tiền thu đầu tư khác	24	28.356.752.230.000	19.620.210.815.035
Tiền thu từ lãi tiền gửi, cho vay, đầu tư khác và cổ tức	27	1.742.672.256.611	1.483.406.845.017
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	11.473.644.058.542	(7.087.821.588.094)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	119.339.600.000	-
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	25.063.281.820.509	22.927.569.362.282
Tiền chi trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(22.928.427.051.709)	(21.632.256.415.020)
Tiền chi trả cổ tức trong Công ty và các công ty con	36	(23.070.287.337.100)	(261.545.703.173)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(20.816.092.968.300)	1.033.767.244.089
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(115.165.449.464)	201.531.220.202
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	5.789.870.873.591	5.588.278.453.404
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.630.183.161	61.199.985
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5.677.335.607.288	5.789.870.873.591


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 17 tháng 01 năm 2025

Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính


Nguyên Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

1. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kỳ gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu được từ hoặc chi cho giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 202”), các chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các câu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Các giao dịch và số dư được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch, số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – Hợp nhất kinh doanh và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – Trình bày báo cáo tài chính. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được mua được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả của việc áp dụng Thông tư 202, những chênh lệch này được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của năm báo cáo gần nhất, cho giai đoạn từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng.

(vii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn. Lỗ lũy kế được tính toán từ lỗ thuần đã được quy đổi. Doanh thu, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài sang VND được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 40 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 15 năm

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 19 năm đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 4 năm đến 10 năm.

(iii) Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 17 năm đến 30 năm.

(iv) Nhãn hiệu

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Giá trị hợp lý của nhãn hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là một tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 10 năm đến 30 năm. Giá trị hợp lý của nhãn hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu nhãn hiệu đó.

(v) Quan hệ khách hàng

Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 5 năm đến 15 năm.

(vi) Tài nguyên nước khoáng

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá chào bán/giá giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 10 năm đến 37 năm.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua của nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc của công ty con. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 – 25 năm
- cơ sở hạ tầng 5 – 20 năm

(k) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước và phí sử dụng cơ sở hạ tầng

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 42 năm đến 50 năm.

Phí sử dụng cơ sở hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng cơ sở hạ tầng trong khu công nghiệp. Phí sử dụng cơ sở hạ tầng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng từ 46 năm đến 47 năm.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cho giai đoạn 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyên thành công ty cổ phần).

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(iv) Chi phí sắp xếp khoản vay

Chi phí sắp xếp khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của các khoản vay liên quan.

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(n) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(p) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác của vốn chủ sở hữu

Biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông không kiểm soát mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát cho giai đoạn trước ngày 1 tháng 1 năm 2015 được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản cho vay, chứng khoán kinh doanh và các hoạt động đầu tư khác, và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các ngân hàng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hoá chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

Lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn lần lượt được lập dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Kết quả kinh doanh của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm các khoản thu nhập lãi liên quan đến tiền và các khoản tương đương tiền, các thu nhập và chi phí phát sinh liên quan đến các khoản đầu tư tài chính, các chi phí phát sinh liên quan đến các khoản vay, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào từng bộ phận.

(w) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Thay đổi vốn chủ sở hữu

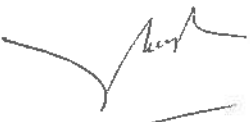

	Vốn cổ phần		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCT")		Tổng		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	7.418.664.660	22.731.972.844	12.263.423.092.167	527.565.855.752	22.445.645.207.154										
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	7.085.163.985.394	109.006.259.751	7.194.170.245.145										
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(3.224.459.209.500)	-	(3.224.459.209.500)										
Cổ tức công bố bởi các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(40.701.964.000)										
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	904.899.530	-	-	-	904.899.621										
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	8.323.564.190	22.731.972.844	16.124.127.868.061	595.870.151.594	26.375.559.178.420										
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	8.323.564.190	22.731.972.844	16.124.127.868.061	595.870.151.594	26.375.559.178.420										
Phát hành cổ phiếu	80.913.000.000	38.426.600.000	-	-	-	-	-	-	119.339.600.000										
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	7.803.275.518.996	117.262.012.003	7.920.537.530.999										
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(23.004.263.261.300)	-	(23.004.263.261.300)										
Cổ tức công bố bởi các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(85.508.870.000)										
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	2.162.593.888	-	-	-	5.295										
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	7.355.531.790.000	3.648.755.415.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	10.486.158.078	22.731.972.844	923.140.125.757	627.623.298.892	11.327.826.777.302										

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 17 tháng 01 năm 2025

Người lập:



Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ VĂN PHÒNG

Số: 0926/2024/HĐT-ZENITH-MS

Hợp đồng cho thuê văn phòng ("Hợp Đồng") này được lập và ký kết vào ngày 26 tháng 9 năm 2024 giữa các bên sau đây:

BÊN A: (BÊN CHO THUÊ)

CÔNG TY TNHH ZENITH INVESTMENT

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0317331434 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/06/2022 và các lần sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm.

Đại diện: Ông TRẦN PHƯƠNG BẮC

Chức vụ: Chủ tịch công ty

BÊN B: (BÊN THUÊ)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Địa chỉ: Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/05/2000 và các lần sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm.

Đại diện: Bà Nguyễn Hoàng Yến

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 01/2024/GUQ-MS ngày 01/01/2024 của Tổng Giám đốc Công ty)

Hai bên thống nhất và ký kết hợp đồng cho thuê văn phòng với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1: CÁC THỎA THUẬN CHÍNH

1.1. Phần diện tích cho thuê

Bên Thuê đồng ý thuê từ Bên Cho Thuê và Bên Cho Thuê đồng ý cho Bên Thuê được thuê lại phần diện tích văn phòng ("Khu Vực Thuê") tại Tòa nhà ("Tòa Nhà") có địa chỉ tại số



23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1.1.1. Vị trí và mô tả chi tiết Khu Vực Thuê:

Hạng mục công trình	Diện tích thuê phân bổ - Khu Vực Thuê (m2)
Khu sảnh và văn phòng tầng 15	768,5
Khu sảnh và văn phòng tầng 16	818,3
Khu sảnh và văn phòng tầng 17	952,5
Khu sảnh và văn phòng tầng 18	912,3
Khu sảnh và văn phòng tầng 20	395,6
Tổng cộng	3.847,2

Sơ đồ cụ thể của Khu Vực Thuê được đính kèm tại Phụ lục 1 của Hợp Đồng này.

1.1.2. Khu Vực Thuê bao gồm các quyền:

- Được sử dụng lối đi chung và cầu thang bộ dẫn đến diện tích thuê;
- Được sử dụng thang máy của Tòa nhà;
- Được sử dụng đường ống, dây cáp điện, cáp điện thoại dẫn đến hộp kỹ thuật của tầng có diện tích thuê;
- Được sử dụng các trang thiết bị, các tiện nghi và thiết bị cố định do Bên A cung cấp hoặc thi công và các dịch vụ chung của Tòa nhà do Bên A cung cấp cho khách thuê (vệ sinh, bảo vệ...). Được quyền sử dụng địa chỉ tại Khu Vực Thuê để đặt trụ sở, chi nhánh, địa điểm kinh doanh, văn phòng đại diện của Bên B và/hoặc các công ty thành viên của Bên B và thực hiện các hoạt động hợp pháp khác của Bên B.

1.2. Giá thuê và phương thức thanh toán

1.2.1. Giá thuê

- Giá thuê Khu Vực Thuê nêu trên được hai bên thỏa thuận cho toàn bộ Khu Vực Thuê trong suốt Thời Hạn Thuê là: **1.480.000.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Một nghìn bốn trăm tám mươi tỷ đồng). Giá thuê này chưa bao gồm thuế GTGT. Thuế GTGT sẽ áp dụng mức thuế suất theo quy định pháp luật tại thời điểm xuất hóa đơn.
- Giá thuê trên chưa bao gồm các khoản phí: phí quản lý, phí tiện ích và phí dịch vụ bổ sung tại Khu Vực Thuê. Ngoài các khoản phí này Bên B không phải thanh toán bất kỳ khoản phí phát sinh nào khác.
- Bên A có nghĩa vụ cung cấp hoá đơn tài chính cho Bên B theo quy định pháp luật hiện hành, trừ khi Bên B yêu cầu xuất hóa đơn để làm cơ sở thanh toán khoản tiền thuê cho Bên A theo quy định tại điều 1.2.5. tại Hợp Đồng này.



- Số tiền Bên B thanh toán cho Bên A bao gồm tiền thuê và thuế GTGT trên tiền thuê theo quy định.
- 1.2.2. Đồng tiền thanh toán: Bên B thanh toán tiền thuê cho Bên A bằng Việt Nam đồng (VND).
- 1.2.3. Phương thức thanh toán: chuyển khoản vào tài khoản của Bên A (nếu Bên A có thay đổi số tài khoản thanh toán, người thụ hưởng thì phải thông báo bằng văn bản gửi cho Bên B biết trước ít nhất 30 ngày) như sau:
 - + Tên tài khoản/người thụ hưởng: CÔNG TY TNHH ZENITH INVESTMENT
 - + Số tài khoản : 19038597538012
 - + Tại ngân hàng : Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam
- 1.2.4. Kỳ thanh toán Giá Thuê: **một hoặc nhiều lần** trong thời hạn thanh toán.
- 1.2.5. Thời hạn thanh toán: Bên B thanh toán toàn bộ Giá Thuê và thuế GTGT trên Giá Thuê theo quy định cho Bên A chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 năm 2026..

1.3. Thời hạn thuê:

- 1.3.1. Thời hạn thuê ("**Thời Hạn Thuê**") là 279 tháng.
 - Ngày bắt đầu thuê: Ngày 26 tháng 9 năm 2024
 - Ngày kết thúc thời hạn thuê: Ngày 1 tháng 1 năm 2048
 - Bên A sẽ bàn giao toàn bộ Khu Vực Thuê đã quy định tại Điều 1 cho Bên B vào ngày ký kết **Hợp Đồng** này.
 - Thời hạn thuê theo Hợp Đồng này là cố định và không được Bên nào hủy ngang, không bất kỳ bên nào được quyền chấm dứt Hợp Đồng trước khi hết hạn Thời Hạn Thuê, trừ trường hợp Hợp Đồng này có quy định khác.
- 1.3.2. Gia hạn Thời Hạn Thuê:
 - **Chậm nhất 90 (chín mươi) ngày** trước ngày kết thúc Thời Hạn Thuê theo Hợp Đồng, trường hợp Bên B vẫn có nhu cầu tiếp tục thuê thì Bên B gửi thông báo bằng văn bản cho Bên A. Nếu Bên A vẫn có nhu cầu tiếp tục cho thuê thì Bên B được ưu tiên thuê tiếp với các điều kiện tương đương với các điều kiện Bên A chào các bên khác. Quyền ưu tiên này có giá trị trong vòng **90 (chín mươi) ngày** tính đến ngày kết thúc Hợp Đồng.
 - Giá thuê cho thời hạn thuê gia hạn sẽ được Hai Bên thỏa thuận, điều chỉnh tại thời điểm gia hạn Hợp Đồng hoặc ký kết hợp đồng thuê mới.

1.4. Mục đích thuê:

Bên B sử dụng Khu Vực Thuê làm văn phòng, nơi làm việc và thực hiện các hoạt động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp của Bên B.

1.5. Bàn giao Khu Vực Thuê



- Bên A bàn giao Khu Vực Thuê theo tiêu chuẩn văn phòng, hệ thống chiếu sáng tiêu chuẩn, nền bê tông phẳng, tường sơn, cửa sổ kính, đầu chờ điện thoại, đầu chờ ổ điện & công tắc, hệ thống phòng chống cháy tiêu chuẩn quốc gia, thang máy, thang bộ, an ninh 24/24 và vệ sinh tại khu vực công cộng của Tòa nhà.
- Bên A bàn giao các trang thiết bị nội thất đi kèm Khu Vực Thuê theo danh sách chi tiết tại Phụ lục 3.
- Bên A đảm bảo cho Bên B được sử dụng chung các cầu thang bộ, thang máy công cộng, hệ thống phòng cháy chữa cháy chung của tòa nhà, an ninh vòng ngoài, chiếu sáng công cộng và vệ sinh tại khu vực công cộng (không bao gồm vệ sinh trong khu vực đã bàn giao cho Bên B).
- Các Bên sẽ lập biên bản bàn giao để làm cơ sở kiểm tra và đối chiếu khi bàn giao thực tế.

1.6. Lắp đặt thêm trang thiết bị

Bên B được lắp đặt thêm trang thiết bị bằng chi phí của mình. Công việc lắp đặt trang thiết bị không được làm ảnh hưởng đến kiến trúc và kết cấu của tòa nhà và phải được Bên A cho phép trước khi thực hiện.

1.7. Phí quản lý

Phí quản lý là phí trả cho các dịch vụ vận hành trong tòa nhà, cụ thể là:

- Lau chùi dọn dẹp các khu vực công cộng là các khu vực bên trong tòa nhà và tài sản được dành cho việc sử dụng không độc quyền của Bên B và các bên thuê khác bao gồm cả lối đi, các khu vực đậu xe, lề đường, lối ra vào, hành lang, thang máy, cầu thang, nhà vệ sinh, phòng uống nước, lối xe chạy và các khu vực được lát gạch và trồng cây;
- Chiếu sáng khu vực công cộng;
- Làm vườn và tạo cảnh quan;
- Điều hành khu đậu xe và các nhà vệ sinh và các tiện ích khác của tòa nhà;
- Bảo quản và sửa chữa tòa nhà và khu vực công cộng;
- Thu dọn rác và chất thải trong quá trình sử dụng các khu vực thuê;
- Điều hành và quản lý tòa nhà;
- Điều hành việc bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phòng cháy và toàn bộ hệ thống điều hòa nhiệt độ, thông gió, làm nóng, làm mát và các thiết bị và máy phát điện do Bên A lắp đặt tại Diện tích thuê, khu vực công cộng hoặc các nơi khác trong tòa nhà mà chi phí không phải do Bên A hay các Bên thuê khác trả theo các điều khoản của Hợp đồng thuê này;
- Vận hành tòa nhà; và

- j) An ninh 24 giờ trong ngày, cung cấp và duy trì một hệ thống an ninh cho Tòa nhà và khu vực thuê.

Phí quản lý được đề cập ở trên sẽ được cung cấp bởi Bên A hoặc là một bên khác do Bên A chỉ định để cung cấp hạng mục liên quan cho Bên B trong quá trình thuê.

Đơn giá của phí quản lý nêu trên được quy định tại Phụ lục 2.

1.8. Phí tiện ích

- Bên B sẽ trả đầy đủ và đúng hạn mọi loại phí về điện, nước, điện thoại, internet, fax và các tiện ích và dịch vụ khác được sử dụng hay áp dụng cho Khu Vực Thuê trong suốt thời hạn của Hợp Đồng Thuê này hay mọi gia hạn của nó bao gồm mọi loại chi phí lắp đặt đồng hồ, phí nối và thuê bao điện thoại, các chi phí này không nằm trong các loại phí mà Bên A phải chịu như là một phần của việc cung cấp các Dịch Vụ Trong Tòa Nhà của Bên A.
- Việc thanh toán các dịch vụ tiện ích sẽ được Bên B thực hiện định kỳ hàng quý, trong vòng năm (05) ngày khi Bên A phát hành các hóa đơn có liên quan hoặc cung cấp các hóa đơn phát hành bởi các cơ quan chức năng hoặc các nhà cung cấp dịch vụ.

1.9. Phí dịch vụ bổ sung

- Phí dịch vụ bổ sung là các khoản phí Bên A trả cho các bên thứ ba liên quan đến các dịch vụ bổ sung ngoài các dịch vụ đã nêu tại mục 1.7 Phí quản lý và 1.8 Phí tiện ích, bao gồm nhưng không giới hạn các dịch vụ sau:
 - a) Dịch vụ lễ tân
 - b) Dịch vụ cây xanh
 - c) Dịch vụ tinh dầu
 - d) Dịch vụ vệ sinh gồm: Giặt thảm, vệ sinh kính bên trong tòa nhà, đánh bóng sàn terrazzo
 - e) Hàng hóa cho các khu vực phòng họp, phòng pantry,...
 - f) Dịch vụ trang trí văn phòng các dịp lễ, tết, giáng sinh,...
- Việc thanh toán phí dịch vụ bổ sung sẽ được Bên B thực hiện trong vòng năm (05) ngày khi Bên A phát hành các hóa đơn có liên quan hoặc cung cấp các hóa đơn phát hành bởi các cơ quan chức năng hoặc các nhà cung cấp dịch vụ.

1.10. Bảng hiệu

Bên B và/hoặc các công ty thành viên của Bên B được phép đặt tên công ty tại Bảng biển hiệu chung của Tòa Nhà.

ĐIỀU 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 2.1 Bàn giao cho Bên B Khu Vực Thuê và các trang thiết bị nội thất đi kèm theo đúng quy

định trên Hợp Đồng.

- 2.2 Tại mọi thời điểm Hợp Đồng này có hiệu lực, Bên A đảm bảo và duy trì tính Pháp lý về quyền được cho thuê, quản lý, khai thác và sử dụng phần Khu Vực Thuê của toà nhà trên theo thỏa thuận của chủ sở hữu Khu Vực Thuê, Pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.
- 2.3 Đảm bảo duy trì tiêu chuẩn Tòa Nhà hạng A trở lên.
- 2.4 Nhanh chóng tiến hành việc lắp đặt, sửa chữa các thiết bị như đường dây ngầm mạng, điện thoại, đường điện, đường cấp thoát nước hoặc thiết bị công trình khác chung của toà nhà và có liên quan đến Khu Vực Thuê đối với các thiết bị do Bên A lắp đặt, và tự trang trải các khoản chi phí phát sinh liên quan (trừ việc thay thế các loại bóng đèn, ổ cắm tại diện tích thuê sẽ do Bên B chịu trách nhiệm).
- 2.5 Bên A có nghĩa vụ nộp các khoản thuế (nếu có) liên quan đến khoản tiền Bên A nhận được từ Bên B theo đúng quy định pháp luật.
- 2.6 Bên A có trách nhiệm cung cấp hoá đơn đầy đủ cho Bên B theo Hợp Đồng này.
- 2.7 Đảm bảo đầy đủ các dịch vụ tiện ích và Hệ Thống Cung Cấp Dịch Vụ được nói với Khu Vực Thuê như Bên A đã thiết kế và đã được lắp đặt để Bên B có thể sử dụng Khu Vực Thuê theo như các mục đích dự kiến của mình.
- 2.8 Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế (nếu cần thiết) thiết bị hoàn thiện bên ngoài Khu Vực Thuê, diện tích công cộng (các diện tích cây xanh, phần diện tích mặt tiền Tòa Nhà...), đường đi bộ và các hệ thống cung cấp dịch vụ trong và xung quanh Tòa Nhà (hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống điện lạnh... trong Tòa Nhà).
- 2.9 Bên A có quyền ra vào Khu Vực Thuê vào bất kỳ lúc nào thích hợp với sự thông báo trước cho Bên B để kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng Diện Tích Thuê và các trang thiết bị do Bên A lắp đặt bên trong Khu Vực Thuê hoặc sẽ thay mới khi không thể sửa được.
- 2.10 Không bán tất cả hoặc một phần của Toà nhà bất cứ lúc nào trừ khi trong hợp đồng bán bao gồm điều kiện mà việc bán đó không ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên B trong Hợp Đồng này hoặc Hai Bên có thỏa thuận khác.
- 2.11 Bên A, bằng chi phí của Bên A, mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và bảo hiểm cho tất cả tài sản bao gồm Khu Vực Thuê và các tài sản giao cho Bên B sử dụng.
- 2.12 Có các chứng nhận bảo hiểm cho Khu Vực Thuê và đảm bảo các chứng nhận bảo hiểm này luôn có hiệu lực.
- 2.13 Cung cấp toàn bộ dịch vụ của Toà nhà cho diện tích công cộng.
 - Duy trì, làm sạch, sửa chữa các tiện ích công cộng (thang máy, chiếu sáng khu vực công cộng, máy phát điện) để đảm bảo tiêu chuẩn của tòa nhà.
 - Cung cấp dịch vụ thang máy 24/24 (trừ trường hợp hệ thống bảo trì, mất điện do hệ thống của nhà cung cấp)



- Làm vệ sinh ở khu vực công cộng.
- Cung cấp bảo vệ khu vực công cộng (ngoài diện tích đã bàn giao cho Bên B)
- Cung cấp, duy trì, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống PCCC chung của Tòa Nhà, bao gồm cả Khu Vực Thuê.

2.14 Tuân thủ các quy định của Hợp Đồng và pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 3.1 Sử dụng Khu Vực Thuê đúng theo mục đích thuê như đã thoả thuận theo Hợp Đồng.
- 3.2 Được ra, vào Khu Vực Thuê của mình bất cứ lúc nào trong giờ làm việc mà không làm ảnh hưởng đến an ninh và vệ sinh chung của Tòa Nhà.
- 3.3 Không được cho thuê lại, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Khu Vực Thuê và các trang thiết bị của Bên A lắp đặt bên trong Khu Vực Thuê khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A (trừ trường hợp chuyển giao, chuyển nhượng trong nội bộ Tập đoàn Masan). Trường hợp Bên B có nhu cầu cho thuê lại, chuyển nhượng thì phải thông báo trước bằng văn bản với Bên A ít nhất 03 tháng để Bên A xem xét, quyết định.
- 3.4 Thanh toán Giá thuê đầy đủ và đúng hạn theo Hợp Đồng.
- 3.5 Chịu trách nhiệm về tất cả những hư hại hoặc mất mát xảy ra đối với Thiết Bị của Bên A đã bàn giao trong quá trình sử dụng hoặc thiếu sót của Bên B (ngoại trừ các hao mòn thông thường) và phải chịu trách nhiệm về hư hại do bên thứ ba gây ra phát sinh từ việc Bên B sử dụng Khu Vực Thuê, trừ trường hợp hư hại hoặc mất mát đó do Bên A hoặc nhân viên, cán bộ, khách, khách mời, nhà thầu của Bên A gây ra. Bên B sẽ chịu trách nhiệm đối với tài sản riêng của mình.
- 3.6 Tuân thủ nghiêm ngặt các luật của Việt Nam đã được công bố và được cung cấp công khai về vệ sinh môi trường và phòng cháy chữa cháy được ban hành vào từng thời điểm.
Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh công cộng, phòng cháy chữa cháy tại khu vực thuê mà Bên A đã bàn giao cho Bên B.
- 3.7 Giữ gìn nội thất của Khu Vực Thuê luôn ở tình trạng tốt, sạch sẽ, sửa chữa và bảo quản thích hợp trong suốt Thời Hạn Thuê của Hợp Đồng này (ngoại trừ hao mòn thông thường).
- 3.8 Mua bảo hiểm đối với tài sản của Bên B tại Khu Vực Thuê (khi cần thiết).
- 3.9 Bồi hoàn cho Bên A những chi phí hợp lý mà Bên A phải chi do phải sửa chữa hoặc thay thế các bộ phận hỏng hóc hoặc bị hư hại của Khu Vực Thuê (ngoại trừ hao mòn thông thường) trong trường hợp những hư hại này do Bên B, nhân viên, khách, nhà thầu của Bên B gây ra trong thời hạn của Hợp Đồng này.
- 3.10 Chịu trách nhiệm bồi hoàn cho Bên A toàn bộ tổn thất về vật chất, tài sản của tòa nhà



trong trường hợp thiệt hại do Bên B gây ra.

- 3.11 Tuân thủ một cách chặt chẽ các quy chế và điều lệ của Tòa Nhà và các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam.
- 3.12 Có trách nhiệm thực hiện đăng ký kinh doanh và đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật.
- 3.13 Trường hợp Bên A vi phạm các cam kết trong Hợp Đồng này thì toàn bộ các điều kiện ràng buộc nghĩa vụ của Bên A với Bên B đều bị vô hiệu; trường hợp có xảy ra thiệt hại cho Bên B do hành vi vi phạm của Bên A thì Bên A chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên B bằng số tiền tương đương với giá trị thiệt hại được xác định.

ĐIỀU 4: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

- 4.1. “Sự Kiện Bất Khả Kháng” có nghĩa là bất kỳ sự kiện nào xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và vượt quá sự kiểm soát hợp lý của một Bên và không phát sinh từ bất kỳ sự vi phạm, chèn ép nào, làm cho Bên đó không thể tuân thủ hoặc thực hiện đúng thời hạn một nghĩa vụ quy định trong Hợp Đồng mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép; bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện sau đây: hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, mưa bão, bệnh dịch hoặc các thảm họa tự nhiên khác; bạo động, khủng bố, chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, đình công, biểu tình, phá hoại, rối loạn công cộng, sự ách tắc hoặc ngừng trệ giao thông; lệnh cấm, hạn chế, tạm đình chỉ, trưng thu hoặc việc thay đổi chính sách, pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 4.2. Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng không bị coi là vi phạm và không bị phạt vi phạm hoặc không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu việc chậm thực hiện hoặc không thực hiện đúng các nghĩa vụ trong Hợp Đồng là do nguyên nhân từ Sự Kiện Bất Khả Kháng mà không phải do lỗi của Hai Bên gây ra và với điều kiện:
 - Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng đã tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết với nỗ lực cao nhất để hạn chế tối đa ảnh hưởng do Sự Kiện Bất Khả Kháng gây ra; và
 - Nhanh chóng thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không được muộn hơn một (01) ngày sau khi thông tin liên lạc đã phục hồi, và (ii) không quá bảy (07) ngày kể từ khi xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng phải thông báo bằng văn bản cho bên kia mô tả về nguyên nhân của sự cố, ảnh hưởng của sự cố đối với việc thực hiện nghĩa vụ Hợp Đồng và gửi kèm các văn bản xác nhận về việc xảy ra sự cố của chính quyền địa phương hoặc các cơ quan chức năng có thẩm quyền khác (nếu có).
- 4.3. Trong trường hợp xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, thời gian thực hiện các nghĩa vụ của Hợp Đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra Sự Kiện Bất Khả Kháng. Nếu một Bên do Sự Kiện Bất Khả Kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình quy



định trong Hợp Đồng quá 180 ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, thì Bên còn lại có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) chấm dứt Hợp Đồng. Thông báo về việc chấm dứt Hợp Đồng phải được gửi tới Bên còn lại tối thiểu là 30 ngày trước khi chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng sẽ được coi là chấm dứt sau khi hết hạn thông báo đó. Khi đó, Các Bên sẽ cùng thỏa thuận để xử lý các vấn đề tồn đọng khi chấm dứt Hợp Đồng, kể cả việc xử lý Giá Thuê đã thanh toán tương ứng với thời gian thuê Khu Vực Thuê chưa được sử dụng.

- 4.4. Bất cứ nghĩa vụ nào của mỗi Bên này sinh trước khi xuất hiện Sự Kiện Bất Khả Kháng đều không được miễn trừ do sự xuất hiện Sự Kiện Bất Khả Kháng và các Bên phải thanh toán đầy đủ cho nhau các nghĩa vụ đã được thực hiện trước khi xảy ra sự kiện.
- 4.5. Trừ trường hợp chấm dứt Hợp Đồng theo Khoản 4.3, sau khi Sự Kiện Bất Khả Kháng kết thúc, Bên có nghĩa vụ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình.

Điều 5: VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG.

5.1. Bên B có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) đơn phương chấm dứt Hợp Đồng (không phải bồi thường cho Bên A) trong các trường hợp sau:

- Xảy ra tranh chấp, gián đoạn, chấm dứt liên quan đến quyền sở hữu, quyền cho thuê hoặc quyền sử dụng Khu Vực Thuê của Bên A dẫn đến gián đoạn quyền sử dụng của Bên B quá 90 (chín mươi) ngày.
- Bên A thường xuyên không duy trì được tiêu chuẩn văn phòng hạng A như đã thỏa thuận trong Hợp Đồng.

Trong trường hợp Hợp Đồng bị chấm dứt theo điều khoản này, Bên A có trách nhiệm trả lại cho Bên B toàn bộ số tiền thuê tương ứng với khoảng thời gian còn lại chưa sử dụng mà Bên B đã trả trước. Đồng thời, Bên A có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Bên B và phạt vi phạm Hợp Đồng 1 khoản bằng 8% Giá Thuê.

5.2. Bên A có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) đơn phương lấy lại diện tích cho thuê trước Thời Hạn Thuê trong các trường hợp sau:

- Bên B thanh toán tiền trễ 30 (ba mươi) ngày so với thời gian ghi trong Hợp Đồng mà không được sự đồng ý của Bên A.
- Sử dụng Khu Vực Thuê không đúng mục đích thuê.
- Vi phạm nghiêm trọng tình trạng pháp lý về đăng ký kinh doanh và điều kiện kinh doanh và không khắc phục được hoặc cố tình không khắc phục (bị hủy/thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, bị rút giấy phép kinh doanh...).
- Vi phạm nghiêm trọng các quy định của Tòa Nhà từ 5 lần trở lên trong một năm và không khắc phục được hoặc cố tình không khắc phục.

Trong trường hợp Hợp Đồng bị chấm dứt theo điều khoản này, Bên B có trách

HO CHI MINH



nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Bên B và phạt vi phạm Hợp Đồng 1 khoản bằng 8% Giá Thuê. Số tiền này sẽ được Bên A căn trừ trong số tiền thuê tương ứng với khoảng thời gian còn lại chưa sử dụng mà Bên B đã trả trước và được trả lại cho Bên B khi chấm dứt Hợp Đồng.

Điều 6: CHẤM DỨT, THANH LÝ HỢP ĐỒNG:

- 6.1. Hợp đồng đương nhiên chấm dứt trong các trường hợp sau:
 - a. Khi chấm dứt Thời Hạn Thuê theo Hợp Đồng này mà các Bên không có thỏa thuận gia hạn hợp đồng.
 - b. Theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên.
 - c. Một trong các Bên chấm dứt hoạt động trong các trường hợp giải thể hoặc phá sản.
 - d. Xảy ra sự kiện bất khả kháng theo Điều 4.3 của Hợp Đồng.
- 6.2. Khi Hợp Đồng chấm dứt theo quy định tại điểm a Điều 6.1 trên, Hai Bên phải lập và ký biên bản bàn giao và Biên bản thanh lý hợp đồng khi hết hạn Hợp Đồng.
- 6.3. Khi Hợp Đồng chấm dứt theo quy định tại điểm b Điều 6.1 trên, Hai Bên phải đồng thời thỏa thuận quyền và nghĩa vụ của Các Bên khi chấm dứt Hợp Đồng.
- 6.4. Khi Hợp Đồng chấm dứt theo quy định tại điểm c Điều 6.1 trên, quyền và nghĩa vụ của Các Bên sẽ được xử lý theo các quy định pháp luật về giải thể, phá sản.
- 6.5. Khi Hợp Đồng chấm dứt theo quy định tại điểm d Điều 6.1 trên, Bên A có trách nhiệm trả lại cho Bên B số tiền trong Giá Thuê đã thanh toán tương ứng với thời gian thuê Bên B chưa sử dụng hết.

Điều 7: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 7.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng nội dung Hợp Đồng này. Nếu có sửa đổi, bổ sung về Hợp đồng thì hai bên sẽ ký Văn bản sửa đổi bổ sung và văn bản này sẽ là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng.
- 7.2. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi chấm dứt theo quy định tại Hợp Đồng.
- 7.3. Hợp Đồng này được hai bên ký kết tự nguyện, khi có phát sinh tranh chấp, hai bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác. Nếu hai Bên không thống nhất được thì vụ việc sẽ được đưa ra Tòa án giải quyết theo thẩm quyền. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và bắt buộc đối với hai bên, mọi khoản án phí do bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán hoặc theo phán quyết của Tòa án.
- 7.4. Hợp Đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
- 7.5. Nếu một hay nhiều các điều khoản trong Hợp Đồng bị vô hiệu thì các điều khoản khác ghi trong Hợp Đồng vẫn có hiệu lực và không bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, trong trường hợp đó, theo sự chấp thuận giữa Các Bên, các điều khoản này sẽ được thay thế thành các điều khoản mới hay được điều chỉnh sao cho Hợp Đồng vẫn có thể diễn tả



mục đích cơ bản của Các Bên.

- 7.6. Mỗi Bên cam kết và đảm bảo rằng tất cả hồ sơ pháp lý liên quan đến và là căn cứ để ký kết, thực hiện Hợp Đồng này sẽ tiếp tục đúng từ khi ký Hợp Đồng đến khi nào Hợp Đồng này còn hiệu lực. Nếu có bất kỳ thay đổi nào làm thay đổi khả năng thực hiện Hợp Đồng thì bên có thay đổi phải thông báo cho bên còn lại về nội dung và hai Bên sẽ tiến hành bổ sung điều chỉnh để cùng đảm bảo tính hiệu lực của việc thực hiện Hợp Đồng.
- 7.7. Hai bên đã đọc lại nguyên văn bản hợp đồng này, đều hiểu và chấp nhận toàn bộ các điều khoản của Hợp Đồng, không có điều gì vướng mắc và cùng ký tên dưới đây để công nhận Hợp Đồng
- 7.8. Hợp Đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.



ĐẠI DIỆN BÊN CHO THUÊ

Trần Phương Bắc
Chủ tịch Công Ty

ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ



Nguyễn Hoàng Yến

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực **28329** / viên số -SCT/BS.

Ngày: **14 -10- 2024**

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG BẾN NGHÉ



Tạ Hoàng Sự



PHỤ LỤC 1

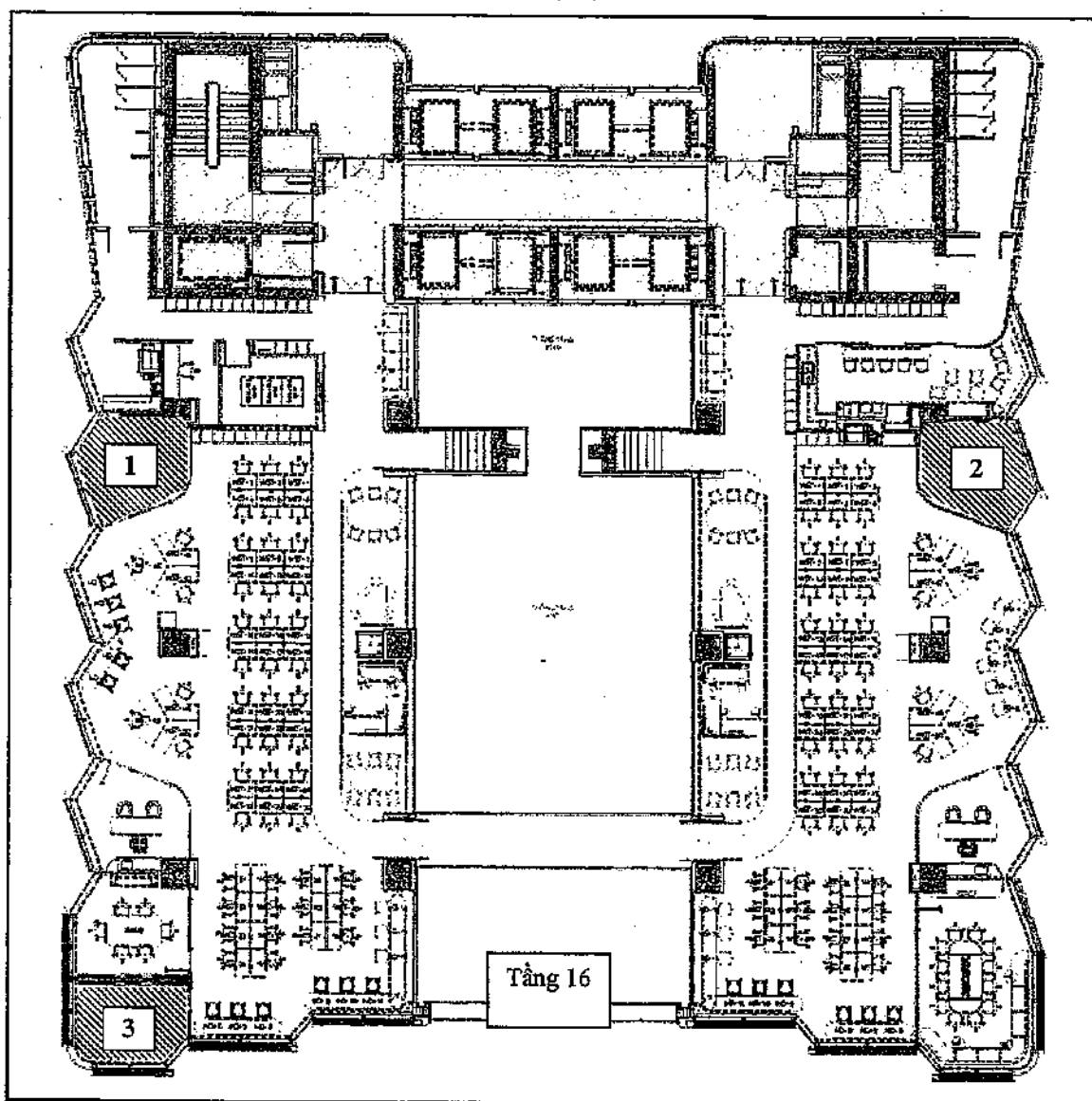
Sơ đồ cụ thể của Khu Vực Thuê như sau:

- Tại tầng 15:

Diện tích thuê phân bổ của Khu Vực Thuê tại tầng 15 được xác định dựa vào tỷ lệ của tổng diện tích thuê phân bổ từ tầng 16 đến tầng 18 chia cho tổng diện tích sàn tương ứng.

- Tại tầng 16:

Khu Vực Thuê tại tầng 16 tương ứng với toàn bộ tầng 16 ngoại trừ khu vực ba (3) phòng riêng được đánh số thứ tự 1, 2 và 3 theo sơ đồ sau:

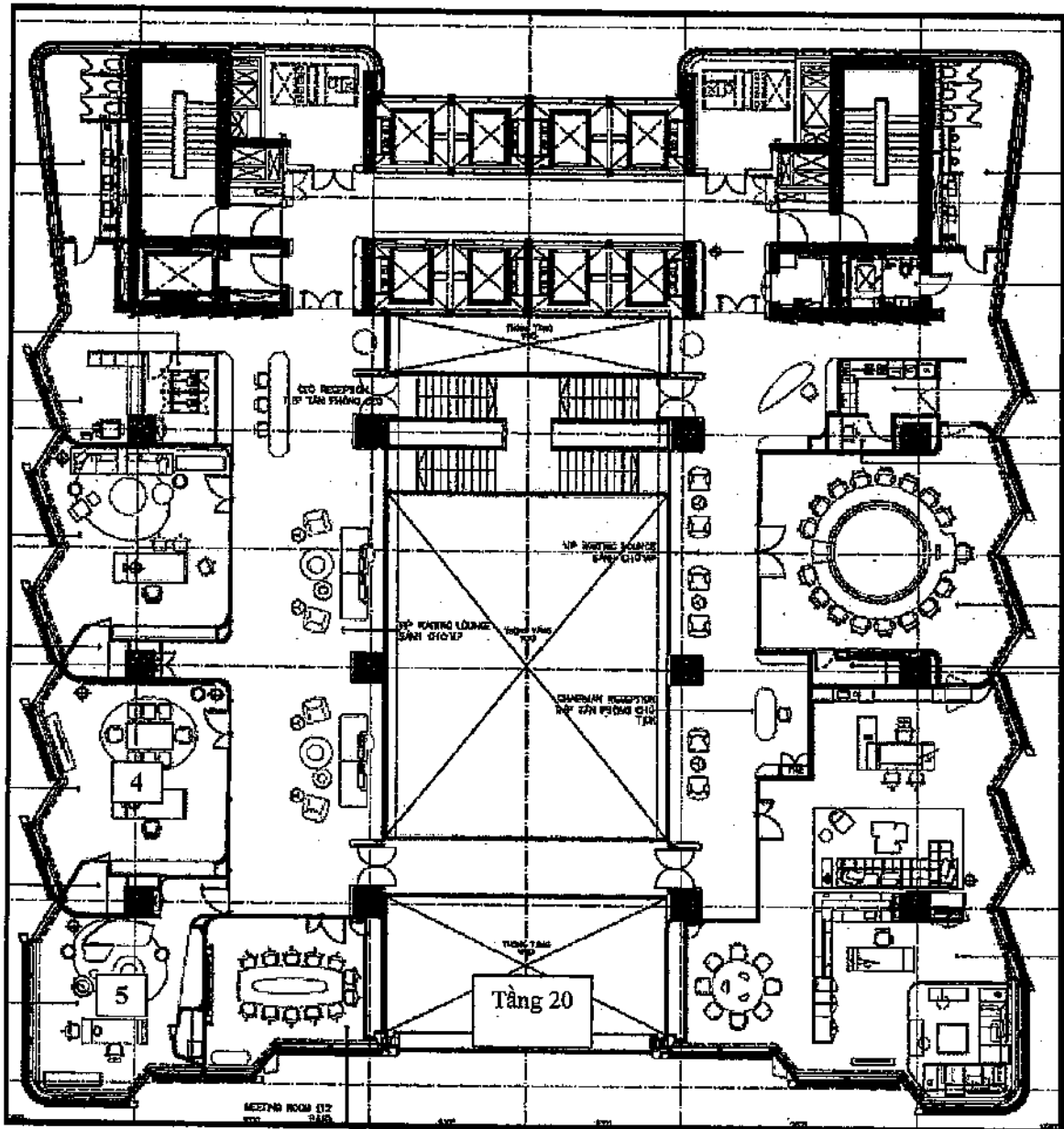


- Tại tầng 17 và tầng 18:

Khu Vực Thuê tại tầng 17 và tầng 18 tương ứng với toàn bộ tầng 17 và tầng 18.

- Tại tầng 20:

Khu Vực Thuê tại tầng 20 tương ứng với khu vực của hai (2) phòng riêng được đánh số thứ tự 4 và 5 theo sơ đồ sau:



PHỤ LỤC 2

Phí quản lý

1. Đơn giá của phí quản lý hàng tháng (VNĐ/m²/tháng) được Bên A tính cho Bên B theo công thức sau:

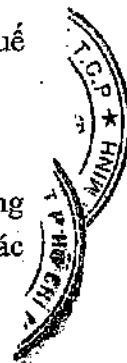
[Tổng phí trả dịch vụ phát sinh thực tế hàng tháng]

[Tổng diện tích sàn sử dụng dịch vụ tương ứng]

Đơn giá nêu trên sẽ không cao hơn mức 190.000 VNĐ/m²/tháng (chưa bao gồm Thuế GTGT).

2. Thành toán phí quản lý

Việc thanh toán phí quản lý sẽ được Bên B thực hiện định kỳ hàng quý, trong vòng năm (05) ngày sau khi Bên A phát hành các hóa đơn có liên quan hoặc cung cấp các hóa đơn phát hành bởi các cơ quan chức năng hoặc các nhà cung cấp dịch vụ.





中國銀行(香港) 胡志明市分行

BANK OF CHINA (HONG KONG) HO CHI MINH CITY BRANCH

XÁC NHẬN SỐ DƯ NỢ VAY

Tại thời điểm 20/01/2025

Ngày: 21/01/2025
Mã số khách hàng: 6024017945
Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số fax: 028.38109463
ATTN:

Hợp đồng Tổng Hạn mức Tín dụng số U2000/ST/MCH/2019

Đơn vị tiền tệ: VND

STT	Tài khoản vay số	Số dư nợ vay (1)	Ngày vay	Ngày đến hạn	Lãi suất (%)	Số tiền lãi tại thời điểm 20/01/2025 (2)	Tổng tiền gốc và lãi vay tại thời điểm 20/01/2025 (1) + (2)
1	100000600625928	200,000,000,000	27-12-2024	27-06-2025	4.00	526,027,397	200,526,027,397
2	100000600607839	480,000,000,000	16-08-2024	14-02-2025	4.40	1,793,753,425	481,793,753,425
Tổng cộng		680,000,000,000				2,319,780,822	682,319,780,822

Trân trọng!

NGÂN HÀNG



BANK OF CHINA (HONG KONG) LIMITED -
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Họ tên: Liu Kang
Full name: Liu Kang
Chức vụ: Giám đốc Phòng Tín dụng
Title: Giám đốc Phòng Tín dụng

11th & 12th Floor, Times Square Building,
22-36 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward, District 1, HoChiMinh City, Vietnam
越南胡志明市第一郡滨艺坊阮惠街22-36号时代广场11楼及12楼
Tầng 11 và Tầng 12, Tòa nhà Times Square,
Số 22-36 đường Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: (84-28) 38219949
Fax: (84-28) 38219948 - 38278010
Swift Code: BKCHVNVX
Email: service.vn@bankofchina.com
Website: www.bankofchina.com.vn

To: Masan Consumer Corporation

Kính gửi: Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Masan

No. 39 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Date/ Ngày: 21/01/2025

No./ Số: BBLHCM052/2025

Customer Name: Masan Consumer Corporation

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Masan

Customer Account No/ Số Tài Khoản.: 0818-102590

Loan Agreement Ref No/ Hợp Đồng Vay Vốn Số: CP/HCM/007-19

BANK CONFIRMATION
XÁC NHẬN SỐ DƯ

Dear Sirs/Madams,
Kính gửi Quý công ty,

As per your request, we, Bangkok Bank PCL Ho Chi Minh Branch (the "Bank") is pleased to confirm the information enclosed herewith.

Theo yêu cầu của Quý công ty, chúng tôi, Ngân hàng Bangkok Đại Chúng trách nhiệm hữu hạn - Chi nhánh TP.HCM (sau đây gọi là "Ngân hàng"), xin vui lòng xác nhận thông tin kèm theo bên dưới.

This letter is not to be taken as a commitment or guarantee by the Bank in favor of the customer. No responsibility or liability for any damage resulting from or in connection with its use is assumed by the Bank or its officers. The information is given in strict confidence and for the only purpose in your request.

Thư này không được coi là cam kết hoặc bảo đảm của Ngân hàng dành cho Quý công ty. Ngân hàng và các nhân viên của chúng tôi không chịu trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào đối với bất kỳ thiệt hại phát sinh từ hoặc liên quan đến việc sử dụng thông tin này. Thông tin được bảo mật tuyệt đối và chỉ phục vụ cho mục đích theo yêu cầu của Quý công ty.

Details of Loan Account as at/ Chi tiết khoản vay tính đến 20/01/2025

Currency/ Đơn vị tiền tệ: VNĐ

Date Ngày	Ref. (Short-term loan) Số tham chiếu (Vay ngắn hạn)	Drawdown date Ngày vay	Maturity date Ngày đến hạn	Accrued Interest Lãi phát sinh	Balance Dư nợ
20/01/2025	RCS-M242830M	23/08/2024	19/02/2025	776,712,329	300,000,000,000

Your faithfully,
Trân trọng,



Bangkok Bank PCL Ho Chi Minh Branch
Ngân hàng Bangkok Đại Chúng trách nhiệm hữu hạn - Chi nhánh TP.HCM

Phạm Đỗ Chung Thủy
Deputy Branch Manager
Phó giám đốc



MIZUHO BANK, LTD.- HANOI BRANCH
63 Ly Thai To Street, Trang Tien Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam
Tel: (84)24-39363123/4 - Fax: (84)24-38266665

BANK CONFIRMATION
XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG

Date/ Ngày: 21/01/2025

To / Kính gửi: **MASAN CONSUMER CORPORATION /**

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Address/ Địa chỉ : No. 23 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1, Hochiminh City, Vietnam.

Số 23 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

We, Mizuho Bank, Ltd. – Hanoi Branch hereby confirm the following information at the close of business on 20th January 2025 is (are) as follows:

Chúng tôi, Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. – Chi nhánh Thành phố Hà Nội xin xác nhận những nội dung sau của Quý Công ty vào thời điểm cuối ngày 20/01/2025 như sau:

Credit Facility Agreement dated 15 November 2019 and all related amendments between the Bank as the Lender and MASAN CONSUMER CORPORATION as the Borrower.

Hợp đồng Tín dụng ngày 15/11/2019 và các sửa đổi liên quan giữa Ngân Hàng là Bên Cho Vay và CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN là Bên Vay vào từng thời điểm.

DESCRIPTION	REFERENCE NO.	AMOUNT		INTEREST RATE	INTEREST ACCRUED
KHOẢN MỤC	SỐ THAM CHIẾU	SỐ DƯ		LÃI SUẤT	LÃI DỰ THU
Short Term Loan Vay ngắn hạn	LDS795001984-032	VND	300,000,000,000.00	4.1%	375,833,333
Short Term Loan Vay ngắn hạn	LDS795001984-033	VND	200,000,000,000.00	4.1%	247,123,288
Short Term Loan Vay ngắn hạn	LDS795001984-034	VND	300,000,000,000.00	4.1%	134,794,521



This Bank Confirmation is established in English and in Vietnamese, of equal validity. In case of inconsistency between two versions, the English version shall prevail.

Bản Xác nhận của Ngân hàng này được lập bằng tiếng Anh và tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa phần tiếng Anh và tiếng Việt, phần nội dung tiếng Anh sẽ có giá trị ưu tiên áp dụng.

MIZUHO BANK, LTD.- HANOI BRANCH

**NGÂN HÀNG MIZUHO BANK, LTD.
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI**



LÊ HOANG YEN

**VICE PRESIDENT - CORPORATE FINANCE DEPARTMENT
GIÁM ĐỐC PHÒNG TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**



NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH
Số: 725 /HCM-KHDNI
V/v Thông báo dư nợ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Masan
(sau đây gọi là "Khách hàng")

- Căn cứ Hợp đồng cấp tín dụng số 28/394342/24-DN1/N-CTD ngày 17/09/2024 ký giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh và Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Masan.
- Các Giấy nhận nợ của Quý Khách hàng và dư nợ thực tế của Khách hàng thuộc Hợp đồng cấp tín dụng.

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh trân trọng thông báo tới Quý Khách hàng dư nợ đến hết ngày 20/01/2025 của Hợp đồng cấp tín dụng số 28/394342/24-DN1/N-CTD ngày 17/09/2024 như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Số tài khoản vay	Số Giấy nhận nợ	Số dư nợ gốc	Số dư nợ lãi
1	1050618845	01/394342/2024-KHDNI/GNN	350.000.000.000	1.096.986.301
2	1050813493	02/394342/2024-KHDNI/GNN	380.000.000.000	1.191.013.699

Trân trọng 

TUQ. GIÁM ĐỐC
KT. TRƯỞNG PHÒNG KHDNI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT, KHDNI.



Trân Trung Kiên



BNP PARIBAS

The bank
for a changing
world

DATE: 21 January 2025

DEAR SIR

RE : MASAN CONSUMER CORPORATION

CONFIRMATION OF BALANCES

AS REQUESTED BY THE SUBJECT CLIENT, WE CERTIFY BALANCE OF THE FOLLOWING ACCOUNT OUTSTANDING IN OUR BOOKS AS AT THE CLOSE OF BUSINESS ON 20 JANUARY 2025.

DETAILS OF OUTSTANDING COMMERCIAL LOAN

Reference	: 00050TRS2455793
Amount	: USD 14,239,218.88
Tenor (days)	: 180
Interest starting date	: 27 September 2024
Interest Rate (%)	: 5.75
Interest end date	: 26 March 2025
Interest amount	: USD 409,377.54

Yours faithfully,

ZACK TEO
Senior Relationship Manager
Multinational Corporate Coverage Singapore





The bank
for a changing
world

NGÀY: 21/01/2025

KÍNH GỬI ÔNG

VỀ: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

XÁC NHẬN SỐ DƯ

THEO YÊU CẦU CỦA QUÝ KHÁCH HÀNG, CHÚNG TÔI CHÚNG NHẬN SỐ DƯ CỦA TÀI KHOẢN SAU TRONG SỔ SÁCH CỦA CHÚNG TÔI TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM KẾT THÚC GIAO DỊCH NGÀY 20/01/2025.

CHI TIẾT KHOẢN VAY THƯƠNG MẠI

Tham chiếu	: 00050TRS2455793
Số tiền	: 14.239.218,88 USD
Thời hạn (ngày)	: 180
Ngày bắt đầu tính lãi	: 27/09/2024
Lãi suất(%)	: 5,75
Ngày cuối của kỳ tính lãi	: 26/03/2025
Số tiền lãi	: 409.377,54 USD

Trân trọng,

(Đã ký)

ZACK TEO

Quản lý Quan hệ Cấp cao

Quản lý khách hàng doanh nghiệp đa quốc gia tại Singapore



CÔNG TY TNHH YLC

Phòng RA5-RA6-RA7
Tầng 1, Tòa nhà VietPhone,
64 đường Võ Thị Sáu, phường Tân Định, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam 700000

Ngày 21 tháng 01 năm 2025

Số chứng nhận: DTL-164-0125

Giấy Chứng Nhận Dịch Thuật Chính Xác

Kính gửi các cá nhân, đơn vị, cơ quan liên quan (Quý vị),

Thay mặt Công ty TNHH YLC, một công ty cung cấp dịch vụ dịch thuật chuyên nghiệp, tôi xin chứng nhận rằng (tài liệu đính kèm giấy chứng nhận này) là bản dịch đúng và chính xác nội dung từ [Tiếng Anh] sang [Tiếng Việt] do một biên dịch viên chuyên nghiệp có kinh nghiệm, trình độ và năng lực, thông thạo cặp ngôn ngữ nêu trên thực hiện theo hiểu biết và niềm tin tốt nhất của chúng tôi.

Thông qua đánh giá chuyên môn của chúng tôi, văn bản dịch thể hiện trung thực nội dung, ý nghĩa và phong cách viết của tài liệu gốc, đồng thời văn bản cũng cấu thành một bản dịch đầy đủ và chính xác của tài liệu gốc về mọi phương diện.

Giấy chứng nhận này chỉ chứng thực tính chính xác của bản dịch. Chúng tôi không đưa ra bất kỳ tuyên bố hoặc đảm bảo nào về tính xác thực hoặc sự trung thực của các nội dung trong đó. Đồng thời, Công ty TNHH YLC sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý về bất kỳ mục đích sử dụng bản dịch nào từ phía khách hàng hoặc bất kỳ bên thứ ba nào, bao gồm cả người dùng cuối.

Trân trọng,

(Ký tên ghi rõ họ tên và đóng dấu)



To: Masan Consumer Corporation

Kính gửi: Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Masan

No. 39 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Date/ Ngày: 21/01/2025

No./ Số: BBLHCM052/2025

Customer Name: Masan Consumer Corporation

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Masan

Customer Account No/ Số Tài Khoản.: 0818-102590

Loan Agreement Ref No/ Hợp Đồng Vay Vốn Số: CP/HCM/007-19

BANK CONFIRMATION
XÁC NHẬN SỐ DƯ

Dear Sirs/Madams,
Kính gửi Quý công ty,

As per your request, we, Bangkok Bank PCL Ho Chi Minh Branch (the "Bank") is pleased to confirm the information enclosed herewith.

Theo yêu cầu của Quý công ty, chúng tôi, Ngân hàng Bangkok Đại Chúng trách nhiệm hữu hạn - Chi nhánh TP.HCM (sau đây gọi là "Ngân hàng"), xin vui lòng xác nhận thông tin kèm theo bên dưới.

This letter is not to be taken as a commitment or guarantee by the Bank in favor of the customer. No responsibility or liability for any damage resulting from or in connection with its use is assumed by the Bank or its officers. The information is given in strict confidence and for the only purpose in your request.

Thư này không được coi là cam kết hoặc bảo đảm của Ngân hàng dành cho Quý công ty. Ngân hàng và các nhân viên của chúng tôi không chịu trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào đối với bất kỳ thiệt hại phát sinh từ hoặc liên quan đến việc sử dụng thông tin này. Thông tin được bảo mật tuyệt đối và chỉ phục vụ cho mục đích theo yêu cầu của Quý công ty.

Details of Loan Account as at/ Chi tiết khoản vay tính đến 20/01/2025

Currency/ Đơn vị tiền tệ: VNĐ

Date Ngày	Ref. (Short-term loan) Số tham chiếu (Vay ngắn hạn)	Drawdown date Ngày vay	Maturity date Ngày đến hạn	Accrued Interest Lãi phát sinh	Balance Dư nợ
20/01/2025	RCS-M242830M	23/08/2024	19/02/2025	776,712,329	300,000,000,000

Your faithfully,
Trân trọng,



Bangkok Bank PCL Ho Chi Minh Branch

Ngân hàng Bangkok Đại Chúng trách nhiệm hữu hạn - Chi nhánh TP.HCM

Phạm Đỗ Chung Thủy

Deputy Branch Manager

Phó giám đốc